

# MINH TÂM BẢO GIÁM

## 明 心 寶 鑑

**Kính cáo**

**Khi chú giải cuốn “ Minh Tâm Gia Huấn “**

**Chúng tôi:**

**Giải thích từng chữ Nho một cách dễ hiểu, giải thích từng câu cùng chú giải cả bài theo Tinh thần Việt Nho và Triết lý An vi ( theo T. G. Kim Định )**

**Việt Nho là Nho của Việt Nam được Triết gia Kim Định khai quật lên vào thập niên 50, 60 của Thế kỷ 20.**

**Việt Nho là Nho có nguồn gốc từ Việt Tổ Viêm Đế Thần Nông – Tổ 6 đời của Quốc Tổ Hùng Vương - , đây là nền Văn Hóa Nông nghiệp, khác với Hán Nho bá đạo của Trung Hoa thuộc Văn Hóa Du mục bạo động, gây chiến tranh và Bành trướng.**

**Ngoài ra chúng tôi còn Trích và tham khảo một số bài của “ nhược thủy “ , Các bài theo Tuyển dịch của Giáo sư Ngô Văn Lợi**

**Rất tiếc chúng tôi không có cách nào liên lạc được với Ông “ nhược thủy “ để xin phép trích đăng.**

**Tất cả Sách của chúng tôi cũng chỉ đăng lên trang mạng để phục vụ độc giả mà thôi, mà không in ra để bán.**

**Trân trọng,**

**Việt Nhân**

# MINH TÂM BẢO GIÁM

## 明 心 寶 鑑

“ **Minh Tâm bảo giám** ” có nghĩa là **Tấm gương báu để soi sáng Lòng Người**. Sách “ Minh Tâm bảo giám ” ghi chép những lời nói trong Kinh Điển của các Thánh Hiền xưa gộp lại, mục đích của sách là **dạy cách làm Người và cách đối Nhân xử Thế**.

Sách có lẽ được soạn từ đời Tống, vì sách chép những chuyện từ thượng cổ đến nhà Tống. Người ta cho là một sách dạy về luân lý, nhưng ta cũng có thể nhận ra những Tư tưởng Nho giáo ( Nho triết ) ẩn dấu trong đó.

Nho giáo bao hàm **Triết lý Nhân sinh** là Triết lý bàn về những vấn đề xây dựng con Người sao cho ngày một hoàn hảo hơn về hai phương diện : **Hoàn hảo mọi việc Làm và hoàn hảo mọi mối Liên hệ Hoà giữa Người với Người cũng như với vạn vật và vũ trụ**.

MINH TÂM BẢO GIÁM.....	2
Bài thứ nhất: Thiên Lý.....	
Bài Thứ Hai.....	
Bài thứ Ba.....	
Bài thứ Tư : Thiên Thuận Mệnh.....	
Bài thứ Năm.....	
Bài thứ Sáu: Hiếu hạnh: 孝 行.....	
Bài thứ Bảy.....	
Bài thứ Tám.....	
Bài thứ Chín.....	
Bài thứ Mười.....	
Bài thứ Mười Một.....	
Bài thứ Mười Hai.....	
Bài thứ Mười Ba: Kế Thiện.....	
Bài thứ Mười Bốn.....	
Bài thứ Mười Lăm.....	
Bài thứ Mười Sáu.....	
Bài thứ Mười Bảy.....	
Bài thứ Mười Tám.....	
Bài thứ Mười Chín.....	
Bài thứ Hai Mươi.....	
Bài thứ Hai Mươi Một.....	
Bài thứ Hai Mươi Hai.....	
Bài thứ Hai Mươi Ba : Chính Kỹ.....	
Bài thứ Hai Mươi Tư.....	
Bài thứ Hai Mươi Lăm.....	
Bài thứ Hai Mươi Sáu.....	

Bài thứ Hai Mươi Bảy.....	
Bài thứ Hai Mươi Tám.....	
Bài thứ Hai Mươi Chín.....	
Bài Thứ Ba Mươi.....	
Bài thứ Ba Mươi Một.....	
Bài thứ Ba Mươi Hai.....	
Bài thứ Ba Mươi Ba.....	
Bài thứ Ba Mươi Tư.....	
Bài thứ Ba Mươi Lăm.....	
Bài thứ Ba Mươi Sáu.....	
Bài thứ Ba Mươi Bảy.....	
Bài thứ Ba Mươi Tám.....	
Bài thứ Ba Mươi Chín.....	
Bài thứ Bốn Mươi.....	
Bài thứ Bốn Mươi Một.....	
Bài thứ Bốn Mươi Hai.....	
Bài thứ Bốn Mươi Ba : Giới tính.....	
Bài thứ Bốn Mươi Tư.....	
Bài thứ Bốn Mươi Lăm.....	
Bài thứ Bốn Mươi sáu.....	
Bài thứ Bốn Mươi Bảy.....	
Bài thứ Bốn Mươi Tám : Khuyên học.....	
Bài thứ Bốn mươi Chín.....	
Bài thứ năm Mươi.....	
Bài thứ Năm Mươi Một.....	
Bài Thứ Năm Mươi Hai.....	59
Tuyển Dịch 20 Thiên.....	60
Cảm Tác.....	244
Phụ Chú Nhân vật.....	259

## BÀI THỨ NHẤT

### THIÊN LÝ

天 理 : **Thiên Lý**: Lẽ Trời, luật Thiên nhiên

順 **Thuận**: phục theo 天 **Thiên**: trời; tự nhiên 者 **Giả** : ấy 存 **Tồn**: còn, hiện có đó.

逆 **Nghịch**: trái với, ngược với 天 **Thiên**: trời; tự nhiên 者 **Giả**: ấy 亡 **Vong**: biến mất.

( 孟 子 : Mạnh Tử )

**獲 Hoạch:** được; thu được 罪 **Tội:** phạm vào luật ( tiến hoá; pháp luật ) 於 U: với 天 **Thiên** : Trời , Thiên lý 無 **Vô:** không 所 **Sở:** nơi chốn 禱 **Đảo :** cầu phúc với Trời; với Thần; cầu khấn Người 也 : **Dã:** vậy. ( 孔 子: Khổng Tử )

## DIỄN ÂM

**Thuận thiên giả tôn, nghịch thiên giả vong. Hoạch tội ư thiên, vô sở đảo dã.**

## DIỄN NGHĨA

**Hành xử “ Thuận với Trời “ thì còn, “ trái với Trời “ thì mất. Đã mắc tội với Trời, không cầu đâu được vậy.**

*Theo Nho giáo thì con Người là Đức, là Linh lực của Trời Đất, nên thuận với Trời thì cũng thuận với Người, trái với Trời thì cũng trái với Người. Trời là Tự nhiên, muốn có một ít quan niệm về Trời, về Tự nhiên, ta phải hiểu về Thiên lý tức là luật của Vũ trụ, có 3 luật lớn trong Vũ trụ:*

*Vũ trụ quan Kinh Dịch xoay vần theo những luật tắc bất dịch gọi là **Thiên Tắc**. Thiên tắc có nhiều nhưng có thể thu gọn vào ba luật lớn. Đó là các **luật Biến Động, Loại Tự và Giá sắc** .*

## I.- LUẬT BIẾN ĐỘNG

“ 1 .- **Muôn vật trong Vũ trụ đều biến động**, không một vật nào ngơi nghỉ. Luật biến động là luật phổ biến, vì nó làm nên cơ cấu sự vật. Sự vật có là do sự động. Không có động là không có vật , mỗi vật đều là sự động, hay là một cuộc chạy vòng tròn để trở lại điểm phát xuất, nên ta gọi là **tuần hoàn**. Chính sự động tuần hoàn này làm nên sự vật, vậy mọi sự vật chẳng qua là những hình thái động xoay ốc khác nhau. **Bỏ sự động đi thì trên trời dưới đất không còn gì nữa cả.**

2 .- **Mọi vật có là trong một dạng thức động**: những hình thức đó quy dịch cho sự mau chậm của sự động, những động vật hiện ra hình tích khả giác là những vật động chậm lên giác quan “ thấy ”, giác quan cũng cùng một tiết nhịp với chúng nên tưởng là chúng im lìm thực ra là chúng biến động không ngừng nghỉ, **vật động càng chậm thì càng cứng chắc, càng động mau thì càng nhẹ xốp**. Cây sắt được phóng đi rất mau bằng tốc độ của ánh sáng thì sẽ trở thành ánh sáng . . . . “

## II .- LUẬT LOẠI TỰ

“ Luật này rất quan trọng, có thể nói là luật “ **các tầng kỳ loại** ”. Mỗi loại đi theo với loại của nó. Luật này cũng trình bày bằng câu: “**Đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu** ” ; hoặc “ **thủy lưu thấp, hỏa tựu táo** ”: nước chảy về chỗ thấp, lửa bốc lên cao (đi đến chỗ nóng ); hoặc “ **vân tòng long, phong tòng hổ** ” : Mây theo rồng, gió theo hổ.

Đây là phương thức bày tỏ luật loại tự ( loi des affinités ): các giống loại như nhau thì tìm nhau, hội tụ với nhau. **Có muôn vạn loài, nhưng chia ra được hai loại lớn**, được chỉ thị bằng hai chữ **Thiên, Địa** , với câu nói “ **Thiên cao , Địa ty** ” : trời cao đất thấp. **Vật nào xuất bởi Trời thì đi**

với Trời, vật bởi đất đi với Đất, mỗi vật theo loại của mình. Càng lên thì càng nhẹ, càng sáng, càng trong, càng mở rộng . . . , càng xuống thì càng nặng, càng trọc, càng tối, càng thu hẹp . . .

Với luật loại tụ này chúng ta thấy luật biến động đã kép lên một đợt: Ở luật I, mọi vật đều động theo vòng tròn, ở đây cũng thế, nhưng vì có hai loại nên có hai vòng khác nhau: một vòng Thiên, cũng gọi là vòng Đại Diễn, một vòng Địa gọi là Tiểu diễn. Vòng nào cũng chia ra làm 4 chặng : Vòng Thiên thì là: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh. Vòng Địa Thì: Thành, Thịnh, Suy, Hủy ( Sinh ,Thành, Suy, Hủy ) . . . ( Thái cực sinh lưỡng nhị, lưỡng nghi sinh tứ tượng, bát quái, 64 quẻ . . . )

### III .- LUẬT GIÁ SẮC

“ Theo tiếng thông thường, thì Giá Sắc là gieo gặt. Đây là một luật rất phong phú, có thể gồm vào mâu câu sau đây:

- 1.- Đã có gieo, thì có gặt.
- 2.- Ai gieo, thì kẻ ấy gặt.
- 3.- Gieo thứ nào, thì gặt thứ nấy.
- 4.- Gieo một, gặt trăm.

Bất kỳ ở đâu thì người ta cũng phải chú ý tới việc chọn Giống, vì nó quan trọng cả trăm ngàn lần. Ngạn ngữ có câu: gieo Gió gặt Bão.

Lại nữa, nếu ý nghĩ ban đầu do Tâm linh thì nó sẽ kéo theo những ý nghĩ loại Tâm linh. Nếu ý nghĩ do Lý trí thì nó sẽ kéo theo ý nghĩ thuộc Lý trí.

Vậy khi con Người đi theo đường Lý trí thì là gieo những hạt giống nặng, lạnh . . . ,nên gặt những cái nặng nề lạnh lẽo và nếu chất Lý trí nhiều quá thì sẽ phá vỡ mất thể quân bình và trật ra khỏi hia đường rầy làm nên trục tiến hoá.

Hai đường rầy này là Thiên Địa, mà con người phải tham dự cả hai ở một mức độ “ Bình quân chất lượng ”. Có duy trì nổi mối bình quân mới giữ được đạo Biến thông.

Ngày nay những khám phá mới của Khoa học đã mở ra chân trời trên những thế giới vi trùng, điện trường, từ trường . . . là những cái trước kia người ta không ngờ đến là có, thì nay đã trở thành thực thể thông thường.

Hy vọng rằng người ta sẽ chú ý đến luật Giá Sắc, để nó cũng phải trở nên một thực thể thông thường như vậy, để con người chỉ gieo những hạt Giống tốt, những ý nghĩ Yêu thương, Công bình, Kính trọng lẫn nhau và cố tránh những ý nghĩ Ghen ghét, Oán hờn, Cừu địch, Hận thù, vì không một cái gì trong Trời Đất dù chỉ là một ý nghĩ thoáng qua mà không nằm trong vòng ba luật của Càn Khôn đã trình bày ở trên.

Điểm chốt của luật Giá Sắc là biết chờ đợi nuôi dưỡng những hạt Giống tốt.

**Đã có gieo thì có gặt, điều quan trọng là biết chờ đợi, chờ Thời Gặt . . . “**

( Kim Định: Lạc Thu minh triết, lược trích )

Tư tưởng Nhân Quả của Phật giáo cũng có ý nghĩa tương tự: gieo Nhân gì thì gặt Quả nấy .

Theo bài trên: Thuận với Trời hay nghịch với trời, tức là thuận với hay nghịch với luật biến hoá của Vũ trụ. Thuận là nương theo luật, thì tiến hoá, thì phát triển, thì tồn tại; nghịch với luật biến hoá, thì sẽ gây ra rối loạn, tất sẽ bị thoái hoá hay bị tiêu diệt.

Mắc tội với Trời, tức là nghịch với luật Biến hoá. Nếu ta làm điều ác, tất sẽ gặp được điều ác, nên không thể cầu xin điều lành được.

---

## BÀI THỨ HAI

天 Thiên: trời; tự nhiên 聽 Thính: nghe 絕 Tuyệt: Cắt đứt, một chút cũng không có 無 Vô: không 音 Âm: tiếng.

蒼 Thương: xanh 蒼 Thương: xanh 何 Hà: nào 處 Xứ: nơi chốn 尋 Tầm: tìm.

非 Phi: chẳng phải 高 Cao: trên cao 亦 Diệc: cũng 非 Phi: chẳng phải 遠 Viễn: nơi xa.

都 Đô: chỗ chính 只 Chỉ: chỉ có 在 Tại: ở 人 nhân: người. 心 Tâm: trái tim; chỗ nghĩ ngợi lo lắng: lòng.

人 Nhân Tâm: lòng người ta 生 Sinh: sinh ra, đẻ ra 一 Nhất: một 念 Niệm: ý nghĩ,

天 Thiên: trời 地 Địa: đất 悉 Tất: biết, rõ 皆 Giai: đều 知 Tri: biết.

善 Thiện: điều lành, tốt 惡 Ác: điều dữ, xấu 若 Nhược: bằng 無 Vô: không 報 Báo: đáp trả lại.

乾 Càn: quẻ càn; trời 坤 Khôn: quẻ Khôn; đất 必 Tất: hẳn như vậy 有 Hữu: có 私 Tư: riêng.

康節邵: Khang Tiết Thiệu

## DIỄN ÂM

Thiên thính tuyệt vô âm, thương thương hà xứ tầm, phi cao diệc phi viễn, đô chỉ tại nhân tâm.

Nhân tâm sinh nhất niệm, thiên địa tất giai tri, thiện ác nhược vô báo, càn khôn tất hữu tư.

## DIỄN NGHĨA

Trời Đất tuyệt không nghe tiếng, xanh xanh biết đâu mà tìm, chẳng ở trên cao, mà cũng chẳng ở nơi xa, chỗ chính là ở trong Lòng ta.

Lòng người sinh một ý nghĩ, Trời Đất đều biết hết. Nếu làm điều thiện điều ác không được báo đáp, ắt Trời Đất có lòng tư vị.

Tuy Trời cao Đất dày, nhưng chẳng ở đâu xa, mà ở trong Lòng ta, vì con người là nơi giao hội của Trời Đất, nên Tam gia tương kiến hội thông với nhau.

Vì thế mà khi ta suy nghĩ điều gì, làm một điều lành hay điều dữ, Trời Đất đều biết hết. Vì “ **Thiên lý tại nhân tâm** ” nghĩa là lẽ biến hoá của Trời Đất đã có ở trong Lòng ta.

Theo luật biến hoá và luật loại tỵ ở trên, thì hễ ta làm lành thì gặp lành, làm ác tất gặp ác, nên mới nói đến báo đáp là vậy, Trời Đất không thể vì tư vị mà làm trái lại luật biến hoá được.

---

## BÀI THỨ BA

種 **Chủng**: gieo trồng 瓜 **Qua**: dưa 得 **Đắc**: được, thu hoạch 瓜 **Qua**: dưa .

種 **Chủng**: gieo trồng 豆 **Đậu**: Cây đậu sinh hạt đậu, dùng làm đồ ăn 得 **Đắc**: Thu được 豆 **Đậu**: hạt đậu.

天 **Thiên**: trời 網 **Võng**: cái lưới, tức là luật biến hoá 恢 **Khôi**: to lớn 疎 **Sơ**: thưa 而 **Nhi**: mà 不 **Bất**: chẳng 漏 **Lậu**: lọt ra ; nước rỉ ra ngoài.

### DIỄN ÂM

**Chủng qua đắc qua, chủng đậu đắc đậu. Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu.**

### DIỄN NGHĨA

Gieo trồng hạt dưa thì gặt được quả dưa, gieo trồng hạt đậu thì gặt được quả đậu.

Lưới Trời lồng lộng ( to lớn vô cùng, chẳng khắp Vũ trụ ). Tuy thưa, nhưng không gì có thể lọt qua được.

Theo **luật Giá sắc**, Gieo gì thì Gặt nấy, nhưng cần để ý, nếu gieo điều lành thì không những được một, mà gặt được hàng trăm điều lành khác, trái lại, nếu gieo điều ác thì cũng gặt được hàng trăm hàng ngàn thứ loại ấy.

**Lưới trời đây là 3 luật lớn của Vũ trụ**, các luật này chi phối mọi sự trong Vũ trụ, không trừ bất cứ cái gì, không có cái gì thoát ra ngoài các luật ấy. Do đó ta bảo **lưới trời lồng lộng**. **Mình gieo thì mình phải gặt, luật Huyền vì đó không ai sửa được.**

---

## BÀI THỨ TƯ

### THIÊN THUẬN MỆNH

順 命: Thuận mệnh: tuân theo mệnh Trời

知 **Tri**: biết 命 **Mệnh**: sự sống của người; Cái do Trời định, không phải sức người miễn cưỡng được. 之 **Chi**: của 人 **Nhân**: người. 見 **Kiến**: thấy 利 **Lợi**: ích riêng cho mình 不 **Bất**: chẳng 動 **Động**: chấn động, động lòng ham muốn.

臨 **Lâm**: tới 死 **Tử**: lúc chết 不 **Bất**: chẳng 怨 **Oán**: Giận hờn, thù hằn. 得 **Đắc**: được 一 **Nhất**: một 日 **Nhật**: ngày 過 **Quá**: qua 一 **Nhất**: một 日 **Nhật**: ngày .

得 **Đắc**: được 一 **Nhất**: một 時 **Thời**: giờ ; mùa ( 4 mùa ) 過 **Quá**: qua 一 **Nhất**: một 時 **Thời**: giờ.

緊 **Khẩn**: gấp rút 行 **Hành**: làm 慢 **Mạn**: khoan chậm, ( phóng túng ) 行 **Hành**: làm.

前 **Tiền**: trước; mặt trước 程 **Trình**: đường đi; nẻo 只 **Chỉ**: chỉ có 有 **Hữu**: có 許 **Hứa**: hẹn, cho được 多 **Đa**: nhiều 路 **Lộ**: đường đi.

## DIỄN ÂM

Tri mệnh chi nhân, kiến lợi bất động, lâm tử bất oán. Đắc nhất nhật quá nhất nhật, đắc nhất thời quá nhất thời. Khẩn hành mạn hành, tiền trình chỉ hữu hứa đa lộ.

## DIỄN NGHĨA

Con Người hiểu rõ được **Mệnh**, thấy lợi chẳng động lòng tham, gặp cái chết cũng chẳng oán. Có làm mau làm chậm gì, thì con đường trước cũng chỉ có ngân ấy đường thôi.

## CHÚ GIẢI

*Ta phải tìm hiểu xem mệnh là gì? Có 3 quan niệm về mệnh, về vận mệnh:*

“ 1 .- **Duy Nhân**: Con người đòi dành toàn quyền quyết định Vận mệnh cho mình, không thừa nhận quyền bính pháp luật nào bên trên, con người dựng nên bản thể của mình, nói theo kiểu những người duy vật vô thần tin rằng dùng khoa học nắm quyền tuyệt đối.

Quan niệm **duy Nhân** này rất mới, nó phát xuất từ lúc khoa học được thành lập lối thế kỷ 18, 19 đem lại cho người thời ấy một lòng tin tưởng vô biên, nên họ đâm ra quan niệm con người với quyền năng vô đối, để phản ứng lại quan niệm **duy Thiên** đã ngự trị trong xã hội Âu Châu lâu đời trước.

2 .- Theo quan niệm **Duy Thiên**, thì bánh xe vận mệnh của con người được phó mặc cho định mệnh, con người không có tự do, không có chủ quyền được như Calvin chủ trương trong **thuyết Tiên định**, con người không thể làm gì để biến đổi được số phận, chỉ phải phó thác cho giòng



**Định mệnh.** Lối chủ trương **thiên Hữu** quá trốn này không những gây đầy vắn nạn và còn gây ra lòng uất hận căm phẫn nữa.

3.- Lập trường thứ ba là: **Thiên Nhân tương dữ** : Có Trời mà cũng có Ta, chứ không chịu bó tay cho định Mệnh lôi đi . Con người tự thu xếp, nói bóng là con người tô tạo cả **Trời Đất Thảo Mộc**. Nhưng con người không cô lập, mà **vẫn liên lạc với Trời Đất** . Vậy **con Người làm hết sức như mọi sự đều do nơi mình, rồi mới phó thác cho số mệnh** : “ **Tận nhân lực nhi quy thiên số** ” ...

**Hãy tận lực rồi giữ an vui thư thái Tâm hồn** ( khi đã thể nghiệm được chiều kích Tâm linh ) . Quan niệm này là của **Tam giáo Đông phương.**” ( Nhân Chủ: Kim Định )

**Tri Mệnh ở trên là theo quan niệm ĐÔNG PHƯƠNG**, khi con Người đã tận lực trong mọi việc rồi, không thể làm gì hơn được nữa, thì dù có gặp hoàn cảnh nào cũng cố giữ cho được thanh thản an vui: Mọi việc cứ làm theo nhịp đều đặn, không có hấp tấp, không có khoan thai phóng túng. Cứ để cho mọi sự tự nhiên đến và đi, khi gặp lợi cũng không quá tham mà nhào vô bất cứ giá nào, khi có gặp hiểm nguy cũng tuận mệnh mà vui vẻ chấp nhận.

Lại nữa theo Triết gia Kim Định, thì con Người Nhân chủ của Việt tộc như **Bàn Cổ**, như **Hùng vương** , **Phù Đổng thiên vương** ... là **con người Tác hành**, nhưng cách hành động khác với:

1.- **Con Người của Tư bản** là con người “ **Thượng hạ giao tranh lợi** “, dành đến 9/10 xu. Họ cho rằng: Capitalism is greed . Greed is healthy. Greed is right. Greed works. Greed clarifies, cuts through, and captures the essence of the evolutionary spirit. ( The archetypal capitalist , Gordon Gekko , in the 1987 Oliver Stone movie “ Wall street statement ) .

Người phương Đông cho đó là **mầm loạn của xã hội**. Những con người này **làm theo động cơ Lợi hành**, chỗ nào có Lợi là rướn tới để thủ đắc.

2.- **Con Người trong chế độ quân phiệt hay chế độ Cộng sản**, thì bị guồng máy chính quyền bắt buộc làm việc. Đó là **lợi cưỡng hành**, làm như con trâu cày, không làm không được.

3.- Còn **con Người Nhân chủ** là con người **an hành**. Họ hành động không vì Lợi hay vì bị Bó buộc, mà thấy việc hợp với Đạo Nghĩa thì cứ làm, không có để ý nhiều đến thành công hay thất bại, vì làm là thể hiện cuộc sống **Đạo lý làm người**, đó là **An hành**. Nhờ vậy mà trong phạm vi Văn hoá thì có những nhân vật Văn hiến như Nguyễn Trãi . . . , trong phạm vi chính trị xã hội thì có những anh hùng liệt sĩ như Trần Hưng Đạo, Trần Bình Trọng . . . là ví dụ .

Tinh thần bài trích trên cũng mang ý nghĩa tương tự, đó là là **An hành và thuận Mệnh**.

## BÀI THỨ NĂM

行 **Hành**: làm 或 **Hoặc**: hay 使 **Sử**: sai khiến 之 **Chi**: làm. 止 **Chỉ**: ngừng lại 或 **Hoặc**: hay 尼 **Nê**: thôi, ngăn trở 之 **Chi**: làm. 行 **Hành**: làm 止 **Chỉ**: dừng lại, ngăn cấm 非 **Phi**: chẳng phải 人 **Nhân** : người 所 **Sở**: chốn 能 **Năng**: tài cán, sức làm được. 也 **Dã**: vậy .

( 孟子 : Mạnh Tử )

## DIỄN ÂM

Hành hoặc sử chi, chi hoặc nê chi, hành chi, phi nhân sở năng dã.

## DIỄN NGHĨA

*Mình tự ý làm, hay bị sai khiến làm, mà công việc bị ngưng trễ hay bị ngăn trở, làm được hay bị ngừng lại, đều không ở nơi khả năng của con người.*

## CHÚ GIẢI

*Tuy tin vào năng lực của mình để làm việc, để hành động, nhưng con Người cũng nhận biết được khả năng hữu hạn của mình, không thể lường được mọi sự ta gọi là may rủi, hay cơ duyên đưa đẩy, đó là phần của Thiên, còn phần của mình là Mệnh, vì : Có Trời mà cũng có Ta, nên thái độ tốt nhất là mình làm hết sức mình rồi vui lòng thuận Thiên mệnh để cho cõi lòng được luôn an vui thanh thản.*

---

## BÀI THỨ SÁU

### HIẾU HẠNH : 孝 行

**Hiếu hạnh: Lòng kính yêu đối với Cha Mẹ. ( Chữ Hạnh còn được đọc là Hành là làm nữa )**

父 兮 生 我

**Phụ:** cha **Hề:** tiếng đệm trong lời ca **Sinh:** sinh ra **Ngã:** ta

母 兮 鞠 我

**Mẫu:** mẹ **Hề:** tiếng đệm trong lời ca **Cúc:** nuôi nấng **Ngã:** ta

哀 哀 父 母

**Ai:** thương yêu **Ai:** thương yêu **Phụ:** cha **Mẫu:** mẹ

生 我 劬 勞

**Sinh:** sinh ra **Ngã:** ta **Cù:** siêng năng, nhọc **nhân Lao:** Khó nhọc

欲 報 深 恩

**Dục:** muốn **Báo:** đáp trả lại **Thâm:** sâu **Ân:** ơn

昊 天 罔 極

**Hiệu:** cao cả **Thiên:** trời **Võng:** không chẳng **Cực:** vô cùng.

( 經 詩 : Kinh Thi )

## DIỄN ÂM

Phụ hề sinh ngã, Mẫu hề cúc ngã, thương thương Phụ Mẫu, sinh ngã cù lao, dục báo thâm ân ,  
hiệu thiên võng cực.

## DIỄN NGHĨA

Cha hề! sinh ta. Mẹ hề ! nuôi Ta, cho Ta bú mớm. Thương Cha, thương Mẹ; Cha Mẹ sinh Ta,  
nuôi nấng Ta, siêng năng khó nhọc. Muốn đền đáp ơn sâu, nhưng **công ơn Cha Mẹ như Trời  
cao Biển sâu, làm sao trả cho hết được!**

*Đây là Tâm tình của người con, nỗi Lòng của người con nhận biết công lao của Cha Mẹ, muốn  
đền đáp ơn sâu. Cha ông chúng ta quan niệm “ Nhân sinh Hiếu nghĩa vi tiên “ , tức là con  
người sống trên đời lấy đạo Hiếu làm đầu, cho rằng Hiếu là nguồn gốc của mọi Nhân Đức  
khác.*

*Thực tế cho ta thấy những người con có Hiếu sẽ thành người tốt, không bao giờ mà bị hư hỏng  
được. Mục đích tối hậu của việc nuôi dưỡng con cái là dạy dỗ cho con cái nên Người, trở  
thành người có Đức có Tài. Đó là lòng thương yêu tích cực.*

*Khi nhỏ thì Cha Mẹ cưu mang dưỡng dục cho nên người, đến lúc Cha Mẹ về già thì Con Cái  
( Trai Gái ) phụng dưỡng Cha Mẹ, tục ngữ có câu : Trè cậy Cha ( Mẹ ) Già cậy Con ( cái ).  
Đây cũng là thể hiện lễ sống công bằng.*

---

## BÀI THỨ BẢY

孝 之 始 也

**Hiếu:** đạo hiếu **Chi:** của **Thủy ( thi ): trước** **Dã:** ấy

立 身 行 道

**Lập:** Làm **Thân:** người **Hành:** làm **Đạo:** đạo lý

揚 名 於 後 世

**Dương :** làm nổi lên **Danh:** tên tuổi **U:** với **Hậu:** sau **Thế:** đời

以 顯 父 母

**Dĩ:** đem lại **Hiển:** rõ ràng, có danh vọng **Phụ:** cha **Mẫu:** mẹ

孝 之 終 也

**Hiếu:** đạo hiếu **Chi:** của **Chung:** cuối cùng **Dã:** ấy

孝 子 之 事 親

**Hiếu:** có hiếu **Tử:** người **Chi:** làm **Sự:** thờ phụng **Thân:** cha mẹ

居 則 致 其 敬

**Cư:** ở với. **Tắc:** thì. **Trí:** tìm đến chỗ cùng cực. **Kỳ:** Chỉ cái gì. **Kính:** tôn trọng.

養 則 致 其 樂

**Dưỡng:** nuôi nấng **Tắc:** thì **Trí:** đến chỗ cùng cực **Kỳ:** chỉ cái gì. **Lạc:** Vui mừng

病 則 致 其 憂

**Bệnh:** đau yếu **Tắc:** thì **Trí:** đến chỗ cùng cực **Kỳ:** chỉ cái gì. **Ưu:** lo âu

喪 則 致 其 哀

**Tang:** lễ đám ma **Tắc:** thì **Trí:** đến chỗ cùng cực **Kỳ:** chỉ cái gì. **Ai:** thương xót.

祭 則 致 其 嚴

**Tế:** cúng tế **Tắc:** thì **Trí:** đến chỗ cùng cực **Kỳ:** chỉ cái gì. **Nghiêm:** nghiêm trang và cung kính .

( 孟子 : Mạnh Tử )

## DIỄN ÂM

Hiếu chi thì dã: lập Thân hành Đạo, dương danh ư hậu thế, dĩ hiển Phụ ẫu. Hiếu chi chung dã: hiếu tử chi sự thân, cư tắc trí kỳ kính, dưỡng tắc trí kỳ lạc, bệnh tắc trí kỳ ưu, tang tắc trí kỳ ai, tế tắc trí kỳ nghiêm.

## DIỄN NGHĨA

*Việc đầu tiên của đạo Hiếu là xây dựng chính con Người mình, sống theo con đường Đạo lý của Cha Ông, để tiếng tốt về sau, làm vẻ vang Cha Mẹ.*

*Việc tiếp đến của Người con có Hiếu là : Khi ăn ở với Cha Mẹ thì hết lòng kính trọng, lúc nuôi nấng Cha Mẹ thì hết lòng vui vẻ, lúc Cha Mẹ yếu đau thì hết lòng lo lắng chạy chữa thuốc thang, đến lúc ma chay thì hết lòng thương xót, khi Cúng tế thì cung kính nghiêm trang .*

*Đó là lối ăn ở hết Lòng của người Con có Hiếu, để làm rõ nghĩa câu tục ngữ :*

« Trẻ cậy Cha , già cậy Con »

## CHỮ GIẢI

Người con thực hành đạo Hiếu không phải chỉ trong một thời gian nào của cuộc đời, mà suốt trong đời mình, lúc còn nhỏ thì tôn kính và vâng lời cha mẹ để lập thân để làm phát triển toàn diện con Người của mình. Đó là **con Người Tiểu Ngã** và **con Người Đại Ngã**.

Để phát triển **con Người Tiểu Ngã**, một mặt ta phải học hành, dùng **Lý Trí** khám phá thế giới bên ngoài để thấu đạt được nhiều tri thức và **kinh nghiệm**, để **un đúc tài năng**.

**Mặt khác để làm phát triển con Người Đại Ngã**, thì ta phải đi con đường ngược lại, là con đường un đúc **Tinh Cầm**, đi vào nội Tâm, vào cõi Tâm linh, để hội thông với Trời Đất, hầu cảm nghiệm được Thiên lý, tức là những luật Biến hoá của Vũ trụ trong đó có ba luật lớn mà ta đã đề cập trên. Đây là con đường tu Đức.

Vì vậy, **con Người phát triển toàn diện phải là con người gồm cả Đức, Tài**. Hành đạo là thường xuyên sống theo con đường như trên..

Trong đạo Hiếu thì việc **xây dựng con Người mình trở nên con người Đức Tài là phần chính**, thứ đến mới **luôn luôn ăn ở hết lòng với Cha Mẹ trong mọi hoàn cảnh cho đến suốt đời**.

Mối liên hệ giữa Con Cái và Cha Mẹ là mối liên hệ keo sơn gắn bó suốt đời, không như mối liên hệ của văn hoá Tây phương là mối liên hệ lỏng lẻo, thường người con đến 18 tuổi đã dọn ra khỏi gia đình, có khi không quay trở lại nữa, vì vậy mà mới có khoảng cách giữa hai thế hệ ( generation gap ). Tuy rằng phương cách giúp cho con cái biết cách tự lập cũng là điều cần thiết.

**Đức chí Hiếu này là Nhân Đức nền tảng của dân tộc Việt.**

**Nhờ Đức này mà tuy Dân tộc Việt bị đô hộ hàng thế kỷ và trải qua không biết bao nhiêu thăng trầm mà vẫn giữ được Chủ quyền và Truyền thống Văn Hóa tốt đẹp của Dân tộc, chúng ta nên duy trì và phát triển.**

---

## BÀI THỨ TÁM

曲禮：THIÊN KHÚC LỄ

凡 為 人 子 者

Phàm: hễ Vi : làm, là Nhân: người Tử: con Già: ấy

出 則 告 及 則 面

Xuất: Đi ra Tắc: thì Cáo: xin phép Phản: trở về Tắc: thì Diện: mặt, trình mặt.

所 遊 必 有 常

Sở: nơi chốn Du: đi chơi Tắt: ắt Hữu: có Thường: Không lạ, lâu.

所 習 必 有 業

**Sở:** nơi chốn Tập : học mà đem thực hành **Tất:** Ất Hữu: có **Nghiệp:** nghề làm ăn

恆 言 不 稱 老

**Hằng:** thường **Ngôn:** lời nói **Bất:** chẳng **xưng:** gọi tên, nói lên **Lão:** già.

曲 禮 : ( Thiên ) Khúc Lễ

## DIỄN ÂM

Phàm vi nhân tử giả, Xuất tặc cáo, phản tặc diện, sở du tất hữu thường, sở tập tất hữu nghiệp, hằng ngôn bất xưng lão.

## DIỄN NGHĨA

Hễ làm Con, khi đi phải thưa cho Cha Mẹ biết ( để xin phép ) , khi về phải trình diện ( để Cha Mẹ được an tâm ), đi chơi phải có chỗ tốt ( không lạ, chỗ an toàn ), chỗ học tập là để luyện nghề làm ăn lương thiện ( tránh những nghề không thích hợp ? ), nói năng chớ bảo mình là già ( để khỏi thoái chí ? )

## CHÚ GIẢI

**Xuất tặc cáo, phản tặc diện, tức là “ Đi phải thưa Về phải trình ”.** Các trẻ em thời nay, cho việc đó là làm mất Tự do của trẻ em, thậm chí còn cho là quá khe khắt.

**“ Đi phải thưa ”** với cha mẹ để xin phép có mục đích là bảo đảm sự an toàn cho con cái : Cha Mẹ phải biết chắc chỗ con cái mình đi có an toàn không và dặn dò con cái những điều cần thiết để tránh những điều nguy hiểm có thể xảy ra vì thiếu kinh nghiệm, hoặc cho những lời khuyên hữu ích cũng như cung cấp những thứ cần thiết để cho việc ra đi của con cái được tốt đẹp hơn. **Mục đích chính là bảo đảm sự an toàn, do tình thương con cái một cách tích cực**

Ngày nay có một số con cái không muốn có sự săn sóc đó, để được Tự do làm những điều theo ý mình muốn, không cần lưu tâm đến vấn đề an nguy, miễn sao đáp ứng được sự thoả thích ( do TV, phim ảnh, báo chí và tình trạng yêu cuồng sống vội xung quanh ) có thể nói là tư tưởng phóng túng cuồng cuồng của tuổi trẻ. Những hạng người trẻ này cho việc trên là khe khắt , xâm phạm đến quyền riêng tư ( privacy ) của họ. Họ không cần biết đến **“ Phải Trái ”**, **“ đến Tình đến ý ”**, mà vấn đề là **“ Thích với Không thích ”** hay **“ muốn với không muốn ”** Tệ nạn xì ke ma tuý, lối sống Tính dục buông thả, và băng đảng du đãng bắt nguồn từ đây ! Lối sống buông thả hay phóng túng này đang là một mối nguy cho nền Văn hoá hiện nay, mà Đức Giáo Hoàng Phao Lô II gọi là **Văn hoá chết.**

Nếu phụ huynh không tìm cho mình một phương thức giáo dục thích hợp hơn, thì khó mà lôi kéo con cái trở về với Văn hoá Dân tộc.

**\Đây là nan đề bậc nhất của Dân tộc cũng như của Nhân loại..**

## BÀI THỨ CHÍN

父 **Phụ**: Cha 母 **Mẫu**: Mẹ 在 **Tại**: còn 不 **Bất**: không, chẳng 遠 **Viễn**: xa 遊 **Du**: đi chơi  
遊 **Du**: đi chơi 必 **Tất**: tất 有 **Hữu**: có 方 **Phương**: hướng, nơi chốn.

父 **Phụ**: Cha 母 **Mẫu**: Mẹ 之 **Chi**: của 年 **Niên**: năm, tuổi 不 **Bất**: không 可 **Khả**: có thể  
不 **Bất**: không 知 **Tri**: biết.

— **Nhất**: một là 則 **Tắc**: thì 必 **Tất**: tất 喜 **Hỉ**: vui mừng.

— **Nhất**: một, lẽ khác 則 **Tắc**: thì 以 **Đĩ**: lấy làm 懼 **Cụ**: sợ.

父 **Phụ**: Cha 在 **Tại**: còn sống 觀 **Quan**: xem xét 其 **Kỳ**: Chỉ cái gì 志 **Chí**: cái ý chí  
( lòng của kẻ Sĩ ).

没 **Một**: khi mất 觀 **Quan**: xem xét 其 **Kỳ**: chỉ cái gì 行: **Hạnh**: Đức hạnh, nét na.

三 **Tam**: ba 年 **Niên**: năm 無 **Vô**: không 改 **Cải**: thay đổi 於 **Ư**: về 父 **Phụ**: Cha 之  
**Chi**: của 道 **Đạo**: đường đi; đạo lý. 可 **Khả**: có thể 謂 **Vị**: bảo 孝 **Hiếu**: có hiếu 矣 **Hĩ**:  
vậy.

孔子: **Khổng Tử**

## DIỄN ÂM

Phụ Mẫu tại, bất viễn du, du tắc hữu phương. Phụ Mẫu chi niên, bất khả bất tri: nhất tắc hỉ, nhất  
tắc dĩ ưu.

Phụ tại: quan kỳ chí, một: quan kỳ hạnh. Tam niên vô cải ư phụ đạo, khả vị hiếu hĩ.

## DIỄN NGHĨA

*Khi Cha ẹ còn sống ( nhất là khi đã già ), không nên đi xa; nếu có đi chơi xa, nên cho Cha Mẹ  
biết nơi mình đi (để lỡ có chuyện chẳng lành mà liên lạc báo tin, do tình trạng ngày xưa việc  
thông tin liên lạc rất khó khăn ).*

*Không thể không lưu ý tới tuổi của Cha Mẹ: một là nếu Cha ẹ khỏe mạnh thì là điều vui mừng,  
một nữa, nếu Cha Mẹ già cả yếu đau thì lấy làm lo lắng mà chú ý săn sóc nâng đỡ.*

*Khi Cha ( Mẹ ) còn sống, thì xem xét học theo ý chí của Cha ( Mẹ ), khi các ngài mất, thì lưu  
tâm noi theo Đức hạnh của các ngài.*

*Ba năm mà không thay đổi với Đạo của Cha ( Mẹ ), nghĩa là để Tang tử tế, thì có thể gọi là có  
Hiếu vậy.*

## BÀI THỨ MƯỜI

孝 **Hiếu**: đức hiếu 者 **Giả**: ấy 百 **Bách**: trăm 行 **Hạnh**: nét 之 **Chi**: làm 先 **Tiên**: đầu tiên.

孝 **Hiếu**: đức Hiếu 至 **Chí**: đến 於 **U**: ở, đặt vào chỗ ấy 天 **Thiên**: Trời 則 **Tắc**: thì 風 **Phong**: gió 雨 **Vũ**: mưa 順 **Thuận**: noi theo, thuận lợi 時 **Thời**: mùa.

孝 **Hiếu**: đức hiếu 至 **Chí**: đến 於 **U**: nơi 地 **Địa**: đất 則 **Tắc**: thì 萬 **Vạn**: muôn 物 **Vật**: những cái có trong trời đất 化 **Hoá**: trời đất sinh ra vạn vật 成 **Thành**: dựng lên.

孝 **Hiếu**: đức Hiếu 至 **Chí**: đến 於 **U**: nơi 人 **Nhân**: người 則 **Tắc**: thì 衆 **Chúng**: nhiều người 福 **Phúc**: việc lành ( giàu, sang, thọ ), việc may 咸 **Hàm**: đều, hết thảy 臻 **Trần**: đạt đến .

曾子: Tăng Tử

### DIỄN ÂM

Hiếu giả, bách hạnh chi tiên: Hiếu chí ư **Thiên**, phong vũ thuận thời, Hiếu chí ư **Địa**, tắc vạn vật hóa thành , Hiếu chí ư **Nhân**, tắc chúng phúc hàm trần.

### DIỄN NGHĨA

Hiếu ấy là Đức đầu tiên của trăm nét:

Hiếu động lên **Trời**, thì Mưa hòa Gió thuận.

Hiếu dộng xuống **Đất**, thì Vạn vật được dựng nên, tốt tươi.

Hiếu lan tỏa đến mọi **Người**, thì đều được phúc lộc thịnh vượng.

( **Thiên sinh Địa dưỡng, Nhân hòa** )

### CHÚ GIẢI

*Một trong những cung cách thể hiện đạo Hiếu là tục Thờ cúng Ông Bà hay còn gọi là Lễ Gia Tiên, mà cách đặt bài vị có một ý nghĩa quan trọng. Đây là cách xếp bài vị theo Ngũ hành: Ngũ hành là Biểu tượng của nguồn Năng lượng sáng tạo ra Vũ trụ*

Ngũ hành ( Tọa Hóa Lư : Lò Cừ )

Lối đặt bài vị theo Ngũ hành

Hoả  
|  
Mộc — Thổ — Kim

Tổ  
|  
Tàng — Văn Thổ — Cao



|  
**Thủy**

|  
**Cao**

“ Việt Nam có tục thờ cúng Tô tiên, trên bàn thờ có đặt 5 cái **bài vị** gọi là **Văn Tô**. Văn Tô được để giữa 4 bài vị khác xung quanh là cao ( Cố là ông của ông ) Tăng ( ông là bố của ông ), Tô là ông , Nĩ là cha, khi còn sống gọi là Phụ, khi qua đời gọi là khảo, khi rước vào miếu thì gọi là Nĩ.

Chính sự sắp đặt này nói lên một cuộc cách mạng vĩ đại đã xảy ra ở miền Việt Nho: nó biến đổi tục thờ Ông Bà theo kiểu ma thuật ( tin ông bà về ăn của dâng ) để **vươn lên đợt Tâm linh gọi là Lễ Gia Tiên**, mà ý nghĩa cao nhất là **thờ Nhân Tính**, và chỉ ở đợt này mới có lối xếp bài vị theo Cơ cấu Ngũ hành. Nó biểu lộ một cuộc cách mạng trong ý nghĩa, khiến cho lễ Gia tiên tồn tại cho đến nay, và còn có thể trở nên một nghi lễ có thực chất.

Để thấy được ý nghĩa đó ( thờ Nhân tính ) cao sâu đến đâu thì cần phải biết hai ý nghĩa thấp hơn.

Ý nghĩa thấp nhất là **tin Linh Hồn Tô Tiên về hưởng các của đơm cúng**, đó là tin tưởng theo **đợt Bái vật**.

Ý nghĩa thứ hai là **tổ lòng tưởng nhớ Ông Bà biểu lộ Lòng tri Ân Tiên Tô**. Ý nghĩa này **thuộc Luân lý** ai cũng có thể chấp nhận.

Còn ý nghĩa thứ ba là **thờ Nhân tính**. Đó là đợt cao nhất mà **Văn hoá Việt Nho** đã đạt được nhờ quan niệm về **con Người như “ nơi quy tụ Đức của Trời Đất ”** ( Nhân giả kỳ thiên địa chi đức ) . Nếu Trời Đất đáng thờ thì con Người nơi quy tụ của Trời Đất cũng đáng thờ. Đó là ý trở nên cột cái cho **nền Nhân chủ Việt Nho** đã được biểu lộ vào khung Ngũ hành.

Triết lý Ngũ hành hệ tại mỗi hành phải được móc nối với trung cung hành Thổ mới có đủ linh ứng: Thủy, Hỏa, Mộc, Kim đều phải đi qua hành Thổ, mới trở thành linh nghiệm ( *xem Ngũ hành trong cuốn Chữ Thời của Kim Định. Thổ nằm giữa Trung cung giữ vai trò quân bình đông của hai cặp Đối cực: Thủy / Hỏa, Mộc / Kim* ).

Áp dụng vào việc Thờ cúng Tô tiên, là phải từ Tiên Tô mình đi đến Bản tính đồng nhiên của con Người gọi là **Văn Tô**, rồi từ đó toả ra khắp mọi Người. Tương tự như bên Ngũ hành: không được dừng lại ở một hành nào xung quanh, mà phải **lấy Thổ trung cung làm nền móng**. Trong việc Thờ cúng Tô tiên cũng vậy, không được chỉ biết có Cha, Ông Tăng, Tô mình, nhưng phải vươn tới Tô Tiên trên hết các Tô, cực tinh ròng gọi là Văn Tô ( l’Ancêtre parfait ) rất linh thiêng, nên có tính cách phổ biến như Trời cùng Đất.

Cũng theo Triết lý Ngũ hành, thì Thờ Tô đến 4 đời, **tính tứ Minh trở lên, rồi tính trở xuống cũng kể 4 đời**: Con, Cháu, Chắt, Chít là thôi. Trở lên cũng như trở xuống **mình vẫn là Trung cung .”**

( *Để thấy rõ hơn xin tìm xem Văn Tô ở cuốn Hồn nước với Lễ Gia tiên và Ngũ hành trong cuốn chữ Thời của Kim Định* )

Khi vươn tới Văn Tô, tức ta cũng vươn tới Trời cùng Đất, vì con Người là nơi giao hội của Trời Đất, và **khi con Người giao hoà được với Trời Đất thì đạt được cảnh Thái hoà không những trong con người mình mà cảnh Thái Hoà đó toả lan cùng Vũ trụ**.

Nói như vậy có nghĩa là **con Người có mọi sinh hoạt đều thuận theo Thiên lý, thì cảnh Thái hoà lan cùng Trời Đất, trong tình trạng đó thì Trời sẽ mưa thuận gió hoà, mặt Đất thì hoà**

**cốc phong dăng, cây cối tốt tươi, cảnh thái hòa trùm lên mọi nẻo, nhờ đó mà muôn vật sống trong cảnh sung túc an bình, do đó con Người sẽ hưởng được nhiều Phước Lộc.**

Ngày xưa, dân ta tin rằng, nếu có được ông **Vua Nhân Đức trị vì** ( tạo ra điều kiện nhân hoà ), thì mưa thuận gió hoà, và nhân dân được sống trong cảnh no đủ an bình. Khi nào có ông vua bạo ngược, thì nhân dân không thoát khỏi cảnh lâm than khổ cực. Cứ nhìn vào lịch sử các triều đại thì rõ.

**Vì những lý do trên, mà đức Hiếu khi đã thấu Trời cao Đất dày, thì con Người đạt được Hạnh phúc.**

---

### BÀI MƯỜI MỘT

父 母 愛 之

**Phụ:** Cha **Mẫu:** Mẹ **Ái:** yêu thương **Chi:** Đó

喜 而 不 忘

**Hỉ:** vui **Nhi:** mà **Bất:** chẳng **Vong:** quên

父 母 惡 之

**Phụ:** Cha **Mẫu:** Mẹ **Ó:** ghét bỏ **Chi:** đó

勞 而 不 怨

**Lao:** nhọc lòng **Nhi:** mà **Bất:** chẳng **Oán:** giận hờn

父 母 有 過

**Phụ:** Cha **Mẫu:** Mẹ **Hữu:** có **Quá:** lỗi lầm.

諫 而 不 逆

**Gián:** can ngăn **Nhi:** mà **Bất:** chẳng **Nghịch:** bội phản

曾 子: Tăng Tử

### DIỄN ÂM

Phụ Mẫu ái chi, hỉ nhi bất vong. Phụ mẫu ó chi, lao nhi bất oán.

Phụ Mẫu hữu quá, gián nhi bất nghịch.

### DIỄN NGHĨA

Được Cha ẹ thương yêu, thì vui mừng mà không bao giờ quên.

Bị Cha Mẹ ghét bỏ, thì nhọc lòng ( buồn bực ) mà không oán giận.

Nếu Cha Mẹ có lỗi lầm, thì tìm cách can ngăn, mà không nên bội phản.

### CHÚ GIẢI

( Kim Định: *Hồn nước với Lễ Gia Tiên* , trang 65 – 70 )

Nho giáo có câu “ **Đôn hồ nhân, cô năng ái** ” nghĩa là Trau chuộng tình người, ra sức mà yêu thương nhau. Câu này có một ý nghĩa đặc trưng trong các xã hội theo Việt Nho nơi Tình người được đặt trên Lý trí.

Vài mẩu chuyện điển hình sau đây rút ra từ những sách triết lý sẽ nói lên rõ hai bầu khí văn hoá khác nhau đến đâu: Người ta hỏi **Kant rằng**: Khi có người bạn thân vì lỗi pháp luật hải đến ản nhà ông. Nếu như công an đến hỏi thì theo ông phải khai thật ra hay phải dấu đi. Kant chủ trương là phải khai ra. Lập trường này gây xúc động lương tri một số người Âu châu lúc đó. Vì thế triết học gia Benjamin Constant đã viết thư đề xin Kant xác định lại bằng cách đặt ra câu hỏi gay cấn hơn rằng: giả như có đũa sát nhân đang đuổi bắt người bạn thân của ông, thế mà bạn chạy kịp đến ản nhà ông , khi chúng tới hỏi thì xử sự thế nào?

**Kant trả lời là phải thừa có. Lý do: vì nói dối là một tội ác, nên trong chuyện này không có quyền chọn lựa, nói thật là một bổn phận tuyệt đối:** “ Il n'est pas libre en cela de choisir, puisque la vérité est un devoir absolu ”.

Xử sự như thế Đông phương cho là **đặt Lý sự trên Tình người, chấp kinh mà thiếu tòng quyền, không biết tui thời mà biến báo, không nhất thiết phải thế này thế nọ. Không có luật nào tuyệt đối cả, nhưng uyển chuyển như tình người. Ta quen nói chấp kinh cũng phải biết tòng quyền là thế.**

**Diệt Công thừa với Không Tử:** “ Ở ảp tôi có một người giữ pháp luật rất ngay thẳng đến nỗi cha trộm dê, thì con đi tố cáo ! ” Không tử đáp lại: “ Ở xóm tôi thì khác, người chính trực che lỗi cho con, con che lỗi cho cha, chính trực ở tại đó: **Ngô đẳng chi trực giả dị u thị: phụ vi tử ản, tử vi phụ ản: trực tại kỳ trung hỹ** ” ( L. N. XII I . 18 )

Như vậy là **đặt Tình người trên Pháp luật**. Nhưng nếu như thế thì pháp luật bị khinh thường mà nước loạn mất chẳng?

**Đào Ưng đã lo thế, nên đặt vấn đề với Mạnh Tử** ( VII .35 ) như sau: “ Nếu như lúc ông Thuấn làm Thiên tử mà cha ông là Cỗ Tâu phạm tội giết người, thì Tổng trưởng bộ Tư pháp là ông Cao Dao, phải xử ra sao ?

Mạnh Tử đáp: - Phải cứ pháp luật cho bắt ông Cỗ Tâu.

- Ủa ! Thế ông Thuấn không làm chi can ngăn ông Cao Dao sao?

Can ngăn sao được, phép truyền từ đời nọ đến đời kia là phép công mà.

Đào Công hỏi thêm: Như thế, vua Thuấn phải xử như thế nào ?

**Đáp rằng: Vua Thuấn sẽ coi thiên hạ như đôi dép rách vậy và lên công Cha đi trốn ra ngoài biên mà ở, trọn đời hân hoan an lạc, quên hẳn việc chính trị.**

Xử sự như thế, người nay ( hoặc người có khuynh hướng pháp gia ) cho là trái phép. Nhưng người xưa có thể hỏi trái phép nào? Ai đặt ra phép ấy?

**Đặt ra để bắt tất cả làm nô lệ, kể cả những mối tình cao quý nhất như tình cha con chẳng?**

Đó là lối xử đời khi tình lý tương phản thì cố vượt lên trên bình diện ích lợi, để đi sang bình diện đạo lý, mà đạo lý đó xây trên tình người . Nhờ vậy, **trọng Tình mà nước cứ vững, tình lý tương tham, tình nội lý ngoại. Phép vua thua lệ làng. Phép vua là lý ngoại. Lệ làng là tình trong.** Lệ làng là lý đồ lên đầu người gia trưởng để cho toàn gia đình sống trong tình ruột thịt ,

hề “ **gia đạo chính thì thiên hạ định** ” ( quẻ gia nhân ) đã có trên 20 thế kỷ chứng minh điều đó. Nếu hồn nước của Tây phương là bánh xe lịch sử ( hegel ) hay là sự thật từ trên truyền xuống ( vérité absolue impérative. Kant ) cần phải đâm lên tình bạn để bảo toàn sự thật , thì với Đông phương sự thật phải phụng sự con người.

Người Trung Hoa có tục “ **Nam nữ thụ thụ bất thân** ” Ai làm trái là vô lễ . Thuần Vu Khôn viện tục đó mà hỏi Mạnh Tử: “ Nếu thấy chị dâu sắp chết đuối, thì có được lấy tay mà vớt lên không ? ” Đáp: “ Chị dâu sắp chết đuối mà mà không vớt lên thì giống sài lang. Nam nữ thụ thụ bất thân là lễ, còn chị dâu sắp chết đuối lấy tay mà vớt lên là quyền biên. **Lúc nào tình người cũng cao hơn lý sự, khác với Tây phương ở chỗ đó.**

Tây phương không phải thiếu tình người, chúng ta có thể đọc tràn đầy trong các thi ca tiểu thuyết, nhất là loại lãng mạn thiếu chi tình. Rồi nữa ngay trong giới triết học như Benjamin Constant phản đối Kant vừa nói trên kia . . .

Tuy nhiên, **đó là tình tự ở cơ lương tri thường nghiệm chứ không phải trên đọt triết học hay đạo lý như bên Đông phương , nên thiếu nền móng siêu hình của Văn Tổ , thiếu phương thức đôn hậu hàm dưỡng . Cái khác nhau ở chỗ căn bản đó .**

Vì thế xem xét các mối nhân luân hiện thực đọc dài qua bao ngàn năm lịch sử của Tây Âu cũng chỉ thấy có một mối liên hệ duy nhất là chủ nô ( maiter – esclave ) thay vì ngũ luân bên ta. Đùng ai vội phản đối Hegel bởi ông thuộc lịch sử Tây Âu hơn ai hết và là người đầu tiên lập ra khoa triết lý lịch sử . Sở dĩ ông nói thế vì chỉ có thế, và ngày nay thay vì chủ nô, thì với Cộng sản là kẻ trị với người bị trị , cũng là một , đều đúng cả . Bởi vì đó không phải là xã hội Đông phương để có những ngũ luân : **Vợ chồng , cha con. vua tôi , anh em , bè bạn** , và nét định tính cho mối liên hệ đó là: **Nhân cho vua, Tử cho cha, Nghĩa cho chồng, Hiếu cho Tử, Tín cho bằng hữu.** Cả năm mối liên hệ đó đều đặt trên Đức, trên Tình trên Văn Tổ (đức Hiếu), chứ không có đặt trên quyền lợi kiểu “ tranh đấu để sinh tồn ” ( Darwin ) hay: “ homo homini lupus ” ( người là lang sói cho người ), đến nỗi vì quyền lợi mà con nhand tâm đâm lên xác cha. Thế là người hết còn là linh thiêng cho người nữa: l’homme n’est plus une sacré chose pour l’homme, như phái Stoicien đại diện Đông phương trong đế quốc La Mã đã tuyên bố xưa.

La Mã xưa cũng có tục thờ Tổ tiên, nhưng xem gần mới thấy sự khác biệt lớn lao ở chỗ thiếu bài vị Văn Tổ, nên chỉ hạn hẹp trong thị tộc với bầu không khí ích dụng ( pratique , utile ). Thần Tiên tổ thì gọi là Lares thì để phù trợ gia đình Thần Penates coi nhà, Thần Terme coi bờ cõi, Thần Priape để cầu được mùa màng, thần Silvain để coi đồng nội . . . Bấy nhiêu chưa đáng kể vì giới bình dân đâu đâu không có mấy Thần ích dụng đó: Thần đầu rau, Thần ông Táo . . ta thiếu gì, và con cái thờ Tổ tiên để được may mắn là chuyện rất thường.

**Nhưng lớp kẻ Sĩ có chỗ vươn lên là Văn Tổ, còn Tây phương không có: khác nhau là chỗ ấy.**

---

## BÀI THỨ MƯỜI HAI

孝 **Hiếu**: Ăn ở có Hiếu 於 U: với 親 **Thân**: cha mẹ 子 **Tử**: con cái 亦 **Diệc**: cũng 孝 **Hiếu**: ăn ở có hiếu 之 **Chi**: qua lại.

身 **Thân**: tự mình 既 **Ký**: đã 不 **Bất**: chẳng 孝 **Hiếu**: có hiếu 子 **Tử**: con cái 何 **Hà**: làm sao 孝 **Hiếu**: ăn ở có Hiếu 焉 **Yên**: Há, chữ dùng ở cuối câu.

孝 **Hiếu**: Ăn ở có hiếu 順 **Thuận**: phục theo 還 **Hoàn**: trả trở lại 生 **Sinh**: sinh ra 孝 **Hiếu**: ăn ở có hiếu 順 **Thuận**: noi theo 子 **Tử**: con cái.

忤 **Ngỗ**: trái, chống nhau 逆 **Nghịch**: trái ngược lại, bội phản. Ngỗ nghịch: làm ngang trái mà không thuận với đạo lý 還 **Hoàn**: Trả trở lại 生 **Sinh**: sinh ra 忤 **Ngỗ** **ngịch**: sống trái với đạo lý 兒 **Nhi**: con trẻ . .

不 **Bất**: không , chẳng 信 **Tín**: tin 但 **Đãn**: chỉ cần 看 **Khán**: xem 簷 **Thiên** : mái nhà chìa ra trên thềm nhà 頭 **Đầu**: phần trên hết 水 **Thủy**: ( giọt ) nước. 點 **Điểm** : cái chấm nhỏ (đây là từng giọt nước ) 滴 **Trích**: giọt nước rơi xuống, trích trích: từng giọt liên tiếp rơi xuống 不 **Bất**: chẳng 差 **Sai**: không đều nhau 移 **Di**: dời đổi.  
太公: Thái Công

## DIỄN ÂM

**Hiếu ư thân, tử diệc hiếu chi. Thân ký bất hiếu, tử hà hiếu yên ?**

**Hiếu thuận hoàn sinh hiếu thuận tử, ngỗ nghịch hoàn sinh ngỗ nghịch nhi.**

**Bất tín đãn khán thiên đầu thủy, điểm điểm trích trích bất sai di.**

## DẪN NGHĨA

*Mình ăn ở có Hiếu với Cha Mẹ, Con Cái sẽ có Hiếu lại với Mình. Còn Mình là người không có Hiếu với Cha Mẹ, thì làm sao Con Cái lại có Hiếu với Mình được?*

*Người sống theo Đạo Hiếu thì sẽ sinh ra Con cái Hiếu thảo. Người sống trái nghịch với Đạo lý (đạo Hiếu ) thì sẽ sinh ra con cái ngỗ nghịch.*

*Nếu không tin thì hãy xem các giọt nước chảy trên mái thềm nhà xuống, giọt trước nhỏ ra sao, thì giọt sau cũng in như vậy.*

## CHÚ GIẢI

*Đây là lối **giáo dục vô ngôn**, không bằng lời nói, mà **bằng hành động, bằng gương sống**. Nếu đời sống cha mẹ là gương sáng, hay gương mù thì đời sống con cái sẽ được phản chiếu in như vậy. Bài học gương sống là bài học quan trọng, vì nó có tác dụng nhiều hơn những bài học giảng về Đạo Đức, thuyết Nhân Nghĩa, vì nó dạy như là không dạy, để cho người ta tự ý học theo và thấm vào từ từ. Người Mỹ Da đỏ có cùng gốc với người Việt cổ cũng có cách dạy con bằng cách “ **learning by doing** ”.*

## BÀI THỨ MƯỜI BA

### KẾ THIỆN

繼 **Kế**: tiếp nối 善 **Thiện**: điều lành

**Kế Thiện**: kế tiếp làm điều lành để giữ lấy cái tính bản thiện của mình.

為 **Vi**: làm 善 **Thiện**: điều lành 者 **Giả**: ấy 天 **Thiên**: Trời 報 **Báo**: đáp trả lại 之 **Chi**:  
ấy 以 **Dĩ**: lấy 福 **Phúc**: việc tốt lành.

為 **Vi**: làm 不 **Bất**: chẳng 善 **Thiện**: điều lành 者 **Giả**: ấy 天 **Thiên**: Trời 報 **Báo**: đáp trả  
lại 之 **Chi**: ấy 以 **Dĩ**: lấy 禍 **Hoạ**: tai vạ, rủi ro.

孔子: Khổng Tử

作 **Tác**: làm, ăn ở 善 **Thiện**: điều tốt lành 降 **Giáng**: từ trên rớt xuống 之 **Chi**: ấy 百  
**Bách**: trăm, nhiều 祥 **Tường**: tốt lành, phúc.

作 **Tác**: làm, ăn ở 不 **Bất**: chẳng 善 **Thiện**: điều tốt lành 降 **Giáng**: từ trên rớt xuống 之  
**Chi**: ấy 百 **Bách**: trăm, nhiều 殃 **Ương**: họa, điều hại.

尚書: Thượng Thư ( sách )

### DIỄN ÂM

Vi thiện giả, Thi ên báo chi dĩ phúc, vi bất thiện giả, Thiên báo chi dĩ họa.

Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương.

### DIỄN NGHĨA

Người ăn ở hiền lành ( làm điều lành ), Trời lấy phúc ban cho, người ăn ở chẳng lành ( làm điều ác ) Trời lấy tai họa xuống cho. Làm điều lành thì gặp trăm điều lành, làm điều dữ thì gặp trăm điều dữ.

### CHÚ GIẢI

*Ta nên hiểu rằng, Trời đây là Thiên lý đã được phổ biến trong vũ trụ, đó là luật Biến hoá, luật Giá sắc và luật Loại tỵ, theo luật Giá sắc thì ai gieo cái gì thì gặt trăm thứ đó, Gieo lành thì gặt điều lành, gieo dữ thì gặt điều dữ, Trời ban phúc họa là như vậy.*

*Giáng phúc giáng họa là do ta tạo ra và được thiên lý là lẽ huyền vi của tạo hoá hiện thực. Nói theo kiểu nhà Phật, nếu ta gieo Nhân thiện thì sẽ được Quả thiện, gieo Nhân ác thì gặt hái điều ác.*

## BÀI THỨ MƯỜI BỐN

平 **Bình**: thường, bằng phẳng, yên ổn 生 **Sinh**: cuộc sống 行 **Hành**: làm 善 **Thiện**: điều tốt lành 天 **Thiên**: Trời, Thiên lý 加 **Gia**: thêm 福 **Phúc**: Việc tốt lành, sự may mắn.

若 **Nhược**: ví bằng 是 **Thị**: cái ấy, như thế 愚 **Ngu**: Không thông minh, lừa dối 頑 **Ngoan**: không biết mà làm càn 受 **Thụ**: chịu 禍 **Họa**: tai vạ, rủi ro 殃 **Ương**: họa, hại.

善 **Thiện**: làm điều tốt lành 惡 **Ác**: làm điều ác, điều xấu 到 **Đáo**: đến 頭 **Đầu**: bực cao nhất 終 **Chung**: cuối cùng 有 **Hữu**: có 報 **Báo**: đáp trả lại, kết quả.

高 **Cao**: trên cao 飛 **Phi**: bay 遠 **Viễn**: nơi xa 走 **Tẩu**: chạy 也 **Giã**: ấy là 難 **Nan**: khó 藏 **Tàng**: che dấu, chứa trữ.

### DIỄN ÂM

Bình sinh hành thiện thiên gia phúc. Nhược thị ngu ngoan thụ họa ương.

Thiện ác đáo đầu chung hữu báo. Cao phi viễn tẩu giã nan tàng.

### DIỄN NGHĨA

*Trong cuộc sống hàng ngày, nếu làm điều lành thì được Trời (Thiên Lý) thêm phúc. Ví bằng nếu không hiểu biết mà sống lừa dối làm càn sẽ chịu nhiều rủi ro tai họa.*

*Làm điều thiện, điều ác đến lúc tận cùng đều được báo đáp. Có cao chạy xa bay cũng không thể tránh được quả báo.*

*Thiên đây không phải là Ông Trời ban phúc giáng họa theo lời cầu khẩn nài xin mà là Thiên lý (Ba luật lớn) như lưới trời lồng lộng bủa giăng khắp Trời cao Đất dày, ai gieo thứ nào thì gặt thứ ấy, không làm sao mà thay đổi được.*

---

## BÀI THỨ MƯỜI LĂM

閒 **Nhàn**: thong thả 中 **Trung**: ở trong 檢 **Kiểm**: xem xét 點 **Điểm**: tra xét 平 **Bình**: thường, yên ổn 生 **Sinh**: cuộc sống 事 **Sự**: việc người ta làm.

靜 **Tĩnh**: im lặng 裏 **Lý**: ở trong 思 **Tư**: nghĩ, lo 量 **Lương**: đong lường 日 **Nhật**: hàng ngày 所 **Sở**: cái chỗ, nơi chốn 爲 **Vi**: việc làm.

常 **Thường**: lâu 把 **Bả**: cầm nắm 一 **Nhất**: một 心 **Tâm**: lòng 行 **Hành**: làm, thực hiện 正 **Chính**: ngay thẳng 道 **Đạo**: đường đi, đạo lý.

自 然 **Tự nhiên**: Tạo hoá, Vũ trụ 天 **Thiên**: Trời 地 **Địa**: Đất 不 **Bất**: chẳng 相 **Tương**: cùng nhau 虧 **Khuy**: thiếu, thiệt hại.

### DIỄN ÂM

Nhàn trung kiểm điểm bình sinh sự, Tĩnh lý tư lương ( lượng ) nhật sở vi.  
Thường bả nhất tâm hành chánh đạo, Tự nhiên thiên địa bất tương khuy.

### DIỄN NGHĨA

Khi nhàn rồi kiểm điểm lại việc thường ngày, lúc yên tĩnh xét kỹ những việc làm hàng ngày. Mình luôn một lòng giữ cho lòng ngay thẳng ( chánh đạo ), thì tự nhiên trời đất chẳng bị sai lệch ( mất quân bình ).

### CHÚ GIẢI

*Theo thuyết Tam Tài, con Người là một tài Nhân sánh với 2 tài Thiên và Địa . Tài là tác hành là sáng tạo, Luật biến dịch của Tài Thiên và Địa đã được an bài, bất di bất dịch, còn công việc tác hành và sáng tạo của Tài Nhân đã và đang và sẽ còn tiếp diễn, và vạn vật tương liên, nên những hoạt động của con người đóng một vai trò quan trọng trong việc quân thiên trong vũ trụ ( dynamic equilibrium ). Nếu hợp với thiên lý thì quân bình, nếu trái với thiên lý thì gây hỗn loạn. Nếu con Người luôn biết hồi tâm kiểm điểm lại những hoạt động của mình để sống theo chánh đạo, thì sẽ không làm cho Thiên Địa mất quân bình ( bất tương khuy ), nghĩa là mất cảnh Thái bình.*

---

### BÀU THỨ MƯỜI SÁU

勿 **Vật**: chớ 以 **Dĩ**: nhân vì, cho rằng 惡 **Ác**: điều xấu 小 **Tiểu**: nhỏ 而 **Nhi**: mà 爲 **Vi**: làm 之 **Chi**: ấy . 勿 **Vật**: chớ 以 **Dĩ**: nhân vì, cho rằng 善 **Thiện**: điều lành 小 **Tiểu**: nhỏ 而 **Nhi**: mà 不 **Bất**: chẳng 爲 **Vi**: làm

昭烈 : Chiêu Liệt ( vua nhà Hán )

一 **Nhất**: một 日 **Nhật**: ngày 不 **Bất**: chẳng 念 **Niệm**: nhớ nghĩ, đọc nghiên ngẫm 善 **Thiện**: điều lành 諸 **Chư**: các, chỉ số nhiều 惡 **Ác**: điều xấu 皆 **Giai**: đều 自 **Tự**: từ đó 起 **Khởi**: dấy lên.

莊子 : Trang Tử

### DIỄN ÂM



Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi, vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi chi. Nhất nhật bất niệm thiện, chư ác giai tự khi.

### DIỄN NGHĨA

Chớ lấy cố điều Ác nhỏ mà làm, Chớ coi điều Lành nhỏ mà không làm. Một ngày không suy nghĩ về điều thiện, thì sẽ giúp cho điều ác có cơ hội dấy lên.

Một ngày không ngấm ngấm nghĩ đến điều lành, tất mọi điều ác đều dấy lên.

### CHÚ GIẢI

*Đừng thấy rằng điều ác nhỏ mà làm, cũng đừng cho rằng điều lành nhỏ mà không làm. Khi làm được điều ác nhỏ thì điều ác to cũng sẽ làm được, vì ăn quen bén mùi làm cho lương tâm mờ ám, lại nữa làm sao mà phân biệt nhỏ to được, vì cái sây (ác nhỏ) sẽ nảy ra cái ung (ác to). Có làm được điều lành nhỏ thì mới mong làm điều lành to, không làm được điều lành nhỏ thì làm sao làm được điều to?*

*Thiện Ác là bản tính (Nhân giả quý thân chi hội) của con người, con người phải sống theo chính đạo để trở nên ngay thơ vô tội (khi thất tình chưa dậy sóng) như trẻ con. Đó là con đường hướng thiện. Nên nhớ là con người là đang thành, luôn luôn biến đổi, Thiện Ác luôn kề lưng nhau, phút này là thiện, phút sau sẽ là ác không chừng, nên phải tu thân luôn luôn, có “nhất nhật tam tỉnh ngô thân”: Một ngày xét mình đến 3 lần, thì mới mong giữ cuộc sống được ngay lành.*

---

### BÀI THỨ MƯỜI BẢY

擇 Trạch: chọn 善 Thiện: điều lành 固 Cố: vững bền 執 Cháp: cầm giữ 惟 Duy: chỉ một mình 日 Nhật: ngày 孜 Tư: siêng 孜 Tư: siêng. Tư tư: đau đầu lo lắng.

耳 Nhĩ: tai 聽 Thính: nghe 善 Thiện: điều tốt lành 言 Ngôn: lời nói 不 Bất: chẳng 墮 Đọa: hư hỏng 三 Tam: ba 惡 Ác: điều xấu.

人 Nhân: người 有 Hữu: có 善 Thiện: điều lành 願 Nguyện: điều mong mỏi trong lòng 天 Thiên: Trời (Thiên lý) 必 Tất: tất 知 Tri: biết 之 Chi: đó, ấy.

西山真先生 Tây Sơn Chân tiên sinh

### DIỄN ÂM

Trạch thiện cố chấp duy nhật tư tư. Nhĩ thính thiện ngôn bất đọa tam ác. Nhân hữu thiện nguyện, thiên tất tri chi.

### DIỄN NGHĨA

Lòng cố giữ điều thiện ngày ngày nung nấu trong lòng. Tai chỉ nghe điều thiện, mà không vướng vào ba điều ác. Người có lòng mong mọi sống theo điều thiện tất trời sẽ thấu ( biết đến ) cho.

*Đây là cung cách hành thiện: về mặt tích cực là quyết tâm làm điều thiện ( tai nghe điều thiện , lòng mong mọi và quyết tâm làm điều thiện ). về mặt tiêu cực thì quyết không để vướng vào tam ác: một là **miệng không nói điều ác** , hai là **tai không nghe điều ác**, ba là **tay không làm điều ác**. Trời thấu cho nghĩa là Thiên lý sẽ được thực hiện, tức là ở lành thì sẽ gặp lành. Theo luật Loại tỵ, thì tuồng nào đi theo tập nấy, nếu mình luôn mong mọi điều lành, làm điều lành và giữ điều lành thì mình sẽ giao hội được với Trời, Trời là nguồn mạch của điều thiện. Theo luật Giá sắc thì gieo thiện thì sẽ gặt được điều thiên, và gieo một thì gặt trăm.*

---

## BÀI THỨ MƯỜI TÁM

從 Tòng: theo, nghe theo 善 Thiện: điều tốt lành 如 Như: giống như 登 Đăng: trèo lên cao.  
從 Tòng: theo, nghe theo 惡 Ác: điều xấu 如 Như: giống như 崩 Bãng : đổ xuống.  
晉國語: Tấn quốc ngữ ( quốc ngữ nước Tấn )

### DIỄN ÂM

Tòng thiện như đăng, tòng ác như bãng.

### DIỄN NGHĨA

Theo điều thiện khó như trèo lên dốc cao, theo điều ác dễ như đổ nhào xuống dốc.

### CHÚ GIẢI

*Điều thiện nặng về tinh thần. Làm việc tinh thần sở dĩ khó là vì có sự trì kéo của vật chất ( xác thịt ) , cũng giống như khi ta trèo lên cao thì bị trọng lượng kéo xuống, nên rất khó.*

*Điều ác lại nặng về vật chất , khi nghe theo và làm theo điều ác, vì có sự lôi cuốn của vật chất ( xác thịt ), nên dễ như đổ dốc . Khi ta xuống dốc, nhờ có trọng lực giúp vào nên dễ dàng hơn khi lên dốc nhiều.*

## BÀI THỨ MƯỜI CHÍN

於 U: Với 我 Ngã: ta 善 Thiện: ăn ở tốt lành 者 Giả: ấy 我 Ngã: ta 亦 Diệc: cũng  
善 Thiện: ăn ở tốt lành 之 Chi: đây.

於 U: với 我 Ngã: ta 惡 Ác: ăn ở xấu 者 Giả: ấy 我 Ngã: ta 亦 Diệc: cũng 善 Thiện:  
ăn ở tốt lành 之 Chi: đây.

我 Ngã: ta 既 Kỳ: đã 無 Vô: không 惡 Ác: làm điều xấu 人 Nhân: người ta 能 Năng: hay  
於 U: với 我 Ngã: ta 有 Hữu: có 惡 Ác: điều xấu, điều dữ 哉 Tai: vậy sao.

莊子: Trang Tử

### DIỄN ÂM

U ngã thiện giả, ngã diệc thiện chi. U ngã ác giả, ngã diệc thiện chi. Ngã ký vô ác, nhân năng  
ư ngã hữu ác tại ?

### DIỄN NGHĨA

Ai lấy điều tốt lành ăn ở với ta, ta cũng lấy điều lành đáp lại. Ai đối xử ác với ta, ta cũng vẫn  
lấy điều lành đáp lại. Ta không làm điều ác, há người ta lại cứ đem điều ác đối xử với ta sao?

### CHÚ GIẢI

*Đây là cách cảm hoá người làm điều ác một cách tích cực, làm cho sự ác không có chỗ dung  
thân, vì không gieo Nhân ác thì Quả ác do đâu mà sinh.*

*Đây cũng là phương cách diệt ác khi điều ác chưa sinh, cũng như lấy điều Lễ mà đối xử với  
nhau, khi mầm bất hoà chưa phát khởi.*

*Có một số người không hiểu, cho đây là lối sống tiêu cực của quân tử tử Tà, thực ra không phải  
vậy.*

---

## BÀI THỨ HAI MƯỜI

行 Hành: làm 善 Thiện: điều tốt lành 之 Chi: ấy 人 Nhân: người 如 Như: giống như,  
tương tự 春 Xuân: mùa Xuân 園 Viên: vườn 之 Chi: ấy 草 Thảo: cỏ.

不 Bất: chẳng 見 Kiến: thấy 其 Kỳ: chữ dùng để chỉ cái gì 長 Trưởng: lớn lên ( còn có cách  
đọc là trường, nghĩa là dài ) 日 Nhật: hàng ngày 有 Hữu: có 所 Sở: chốn 增 Tăng: thêm.

行 **Hành**: làm 惡 **Ác**: điều dữ, điều xấu 之 **Chi**: áy 人 **Nhân**: người 如 **Như**: giống như 磨 **Ma**: mài 刀 **Đao**: con dao 之 **Chi**: của 石 **Thạch**: hòn đá.

不 **Bất**: chẳng 見 **Kiến**: thấy 其 **Kỳ**: chỉ cái gì 損 **Tôn**: mòn hao mất. 日 **Nhật**: hàng ngày 有 **Hữu**: có 所 **Sở**: nơi chốn 虧 **Khuy**: thiếu, thiệt hại, bớt.

損 **Tôn**: làm thiệt hại 人 **Nhân**: người ta 益 **Ích**: có lợi 己 **Kỷ**: mình 切 **Thiệt**: gấp gáp 宜 **Nghi**: nên 戒 **Giới**: răn đe, câu thúc lấy mình 之 **Chi**: đó .

一 **Nhất**: một 毫 **Mao**: sợi lông 之 **Chi**: của 善 **Thiện**: điều tốt lành 與 **Dự**: cùng với 人 **Nhân**: người ta 方 **Phương**: (vuông) phép thuật 便 **Tiện**: thuận, thích. Phương tiện: việc có ích cho người.

一 **Nhất**: một 毫 **Mao**: sợi lông 之 **Chi**: của 惡 **Ác**: điều xấu, điều dữ 勸 **Cản**: nhọc lòng hết sức 人 **Nhân**: người ta 莫 **Mạc**: đừng, chẳng 作 **Tác**: làm, tạo ra.

衣 **Y**: áo 食 **Thực**: ăn 隨 **Tùy**: thuận theo 緣 **Duyên**: noi theo 自 **Tự**: tự mình 然 **Nhiên**: như vậy. 自 **Nhiên**: không phải sức người làm, không miễn cưỡng được (Tạo Hoá) 快 **Khoái**: vui vẻ 樂 **Lạc**: mừng vui .

算 **Toán**: tính đếm, trừ tính 甚 **Thậm**: quá chừng, rất 麼 (?) **Ma**: nhỏ 命 **Mệnh**: sự sống của người; cái do Trời định, không do sức người miễn cưỡng được 問 **Vấn**: hỏi 甚 **Thậm**: lắm 麼 **Ma**: nhỏ 卜 **Bốc**: bói, xem bói.

欺 **Khi**: lừa dối 人 **Nhân**: người ta 是 **Thị**: áy 禍 **Họa**: tai vạ rủi ro 饒 **Nhiêu**: tha thứ cho, nhiều đây 人 **Nhân**: người ta 是 **Thị**: áy 福 **Phúc**: việc tốt lành.

天 **Thiên**: Trời 綱 **Võng**: lưới 恢 **Khôi**: to lớn 恢 **Khôi**: to lớn 報 **Báo**: đáp trả lại 應 **Ứng**: đáp lại, hai vật ứng theo nhau 甚 **Thậm**: rất 速 **Tốc**: mau chóng.

## DIỄN ÂM

Hành thiện chi nhân, như xuân viên chi thảo: bất kiến kỳ trưởng, nhật hữu sở tăng. Hành ác chi nhân, như ma đao chi thạch: bất kiến kỳ tổn, nhật hữu sở khuy. Tôn nhân ích kỷ, thiết nghi giới chi. Nhất mao chi thiện, dữ nhân phương tiện; nhất mao chi ác, khuyến nhân mạc tác. Y thực tùy duyên, tự nhiên khoái lạc. Toán thậm ma mệnh, vấn thậm ma bốc. Khi nhân thị họa, nhiều nhân thị phúc. Thiên võng khôi khôi, báo ứng thậm tốc.

## DIỄN NGHĨA

Người làm việc tốt lành, như cỏ mùa xuân, tuy không thấy tăng lên, nhưng ngày ngày đều có lớn lên. Người làm điều ác, như hòn đá mài dao, tuy không thấy mòn, nhưng ngày ngày bị hao tổn.

Làm hại người để được ích cho mình, phải nên tự răn lấy đừng có làm. Dù là một mảy may việc thiện, cũng là phương tiện giúp ích cho người. Dù là một mảy may điều ác, cũng tìm cách khuyên can người ta đừng làm.

Cái ăn cái mặc, vừa phải tùy theo, tự nhiên vui vẻ; tính toán quá nhiều làm tổn hại sự sống làm chi? Hỏi han bói toán cho lắm làm chi?

Lừa dối người, ấy là mang họa. Giúp ích cho người ấy là được phúc. Lưới trời lồng lộng, báo ứng thật nhanh.

## CHÚ GIẢI

*Bốn câu đầu nhắc nhở ta lưu ý về những cái mà ta ông ta bảo là “ vật khinh hình trọng ”, những việc tuy mắt ngoài xem ra như nhò nhạt khó thấy, nhưng nó có một tác dụng rất lớn, để khuyên ta làm lành lánh dữ một cách tích cực.*

*Hai câu tiếp khuyên ta phải biết tri túc để có cuộc sống an nhiên vui vẻ, bằng cách dẹp bớt cái óc tính toán mưu lợi, mà ăn ở cho ngay thẳng đàng hoàng.*

*Ba câu cuối là lời răn đe về cách ăn ở cho tốt lành. Ta có thể che mắt người đời, nhưng chẳng thể mảy may dấu Trời được, vì Trời đã ở ngay trong Lòng Ta ( Thiên lý tại Nhân Tâm ), và lưới Trời đã được chăng khắp nơi, không sao lọt lưới được ( Thiên võng khôì khôì, sơ nhi bất lậu )*

---

## BÀI THỨ HAI MƯƠI MỐT

善 **Thiện**: việc tốt lành 也 **Dạ**: vậy 者 **Giả**: ấy 吉 **Cát**: tốt 之 **Chi**: là 謂 **Vị**: bảo rằng 也 **Dã**: vậy.

不 **Bất**: chẳng 善 **Thiện**: lành 也 **Dã**: vậy 者 **Giả**: ấy 凶 **Hung**: xấu 之 **Chi**: là 謂 **Vị**: bảo rằng 也 **Dã**: vậy.

吉 **Cát**: tốt 也 **Dạ**: vậy 者 **Giả**: ấy:

目 **Mục**: con mắt 不 **Bất**: chẳng 見 **Kiến**: trông thấy 非 **Phi**: không phải 禮 **Lễ**: cách bày tỏ lòng kính trọng 之 **Chi**: của 色 **Sắc**: dung mạo, sắc con gái đẹp.

耳 **Nhĩ**: lỗ tai 不 **Bất**: chẳng 聽 **Thính**: nghe 非 **Phi**: không phải 禮 **Lễ**: cách bày tỏ lòng kính trọng 之 **Chi**: của 聲 **Thanh**: tiếng nói ( âm nhạc ).

口 **Khẩu**: miệng 不 **Bất**: chẳng 道 **Đạo**: nói 非 **Phi**: chẳng phải 禮 **Lễ**: cách bày tỏ lòng kính trọng 之 **Chi**: của 言 **Ngôn**: lời nói.

足 **Túc**: chân 不 **Bất**: chẳng 踐 **Tiến**: đạp chân lên, dẫm 非 **Phi**: không phải 禮 **Lễ**: cách bày tỏ lòng Kính trọng 之 **Chi**: của 地 **Địa**: trái đất, một khu vực trên trái đất.

人 **Nhân**: người 非 **Phi** : không phải 義 **Nghĩa**: việc theo đường lối phải. 不 **Bất**: chẳng 交 **Giao**: qua lại với nhau.

物 **Vật**: những cái có trong trời đất. 非 **Phi**: chẳng phải 義 **Nghĩa**: việc theo đường lối phải 不 **Bất**: chẳng 取 **Thủ**: dơ tay mà lấy.

親 **Thân**: gần gũi với 賢 **Hiên**: người có đức hạnh tài năng 如 **Như**: giống như 就 **Tựu**: tới 芝 **Chi**: một thứ cỏ thơm 蘭 **Lan**: một thứ cỏ hoa rất thơm.

避 **Tị**: lẩn tránh 惡 **Ác**: kẻ xấu, việc xấu 如 **Như**: giống như 畏 **Úy**: sợ 蛇 **Xà**: rắn 蝎 **Hạt**: con mọt trong cây, con rết ( ? )

## DIỄN ÂM

Thiện giả dã: cát chi vị dã. Bất thiện giả dã, hung chi vị dã. Cát giả dã: Mục bất kiến phi lễ chi sắc, nhĩ bất thính phi lễ chi thanh. Khẩu bất đạo phi lễ chi ngôn, Túc bất tiền phi lễ chi địa; Nhân phi nghĩa bất giao, Vật phi nghĩa bất thủ, Thân hiên như tựu chi lan, tị ác như úy xà hạt.

## DIỄN NGHĨA

Thiện là điều tốt. Bất thiện là điều xấu. Người Thiện ấy là: Mắt không xem nhìn người con gái đẹp một cách thiếu cung ( trọng mình ) kính ( trọng người ) tức là phi lễ, Tai không nghe tiếng nói ( âm nhạc kích dục ) phi lễ, Miệng không nói điều phi lễ, Chân không dẫm lên đất phi lễ. Không đi lại với người không Ân Ổ theo đường lối phải ( phi nghĩa ), không lấy Của phi nghĩa, gần người Tài Đức như gần hoa cỏ thơm tho, xa lánh người ác như rắn rết.

## CHÚ GIẢI

*Đây là lời chỉ bảo cung cách làm điều thiện. Đức Khổng lấy Nhân ( Góc cần tu luyện ) làm nền, lấy Hiếu Đễ, Lễ Nhạc làm phương tiện. Tăng Tử là đồ đệ của Khổng Tử lại lấy Hiếu Đễ ( Ngọn : Đễ sống ở Đời ) làm nền tảng. Tăng Tử truyền qua Tử Tư ( học trò của Tăng Tử và là cháu nội của Khổng Tử ) và sau đến Mạnh Tử.*

*Theo thiên ý, Nhân là cái Góc, mà Lễ Nhạc là phương tiện để thực hiện Đạo Nhân.*

## BÀI THỨ HAI MƯƠI HAI

凶 **Hung**: người xấu 也 **Dã**: vậy 者 **Giả**: ấy 語 **Ngữ**: tự mình nói 言 **Ngôn**: lời nói đáp lại kẻ khác. 言 **Ngôn**: nói năng 詭 **Quy**: trái ngược, sai lầm bậy bạ 譎 **Quyệt**: dối trá

動 **Động**: hành động một cách hoạt bát 止 **Chỉ**: thôi, dừng lại 陰 **Âm**: việc ác mình làm không ai biết 險 **Hiểm**: tính tình tham độc.

好 **Hiếu**: ham thích 利 **Lợi**: cái có ích cho mình. 習 **Tập**: thói quen 非 **Phi**: trái, điều lỗi, nói xấu người.

貪 **Tham**: ham muốn 淫 **Dâm**: quá chừng 樂 **Lạc**: vui mừng 禍 **Hoạ**: tai vạ, rủi ro.

疾 **Tật**: ghét giận 良 **Lương**: tốt, lành, khéo, giỏi 善 **Thiện**: tốt lành, trái với ác. 良 **thiện**: tốt lành, không làm việc ác. 如 **Như**: giống như 讎 **Thù**: cừ địch, người thù hằn với mình 隙 **Khích**: oán giận.

犯 **Phạm**: lấn đến 刑 **Hình**: pháp luật để trừng trị kẻ có tội 憲 **Hiển**: pháp luật 如 **Như**: giống như 飲 **Âm**: uống 食 **Thực**: ăn.

小 **Tiểu**: nhỏ 則 **Tắc**: thì 殞 **Vãn**: chết 身 **Thân**: mình 滅 **Diệt**: dứt, tiêu mất 性 **Tính**: bản chất của người.

大 **Đại**: lớn 則 **Tắc**: thì 覆 **Phúc**: nghiêng đổ 宗 **Tôn**: tổ thứ hai là tôn ( tổ thứ nhất là tổ ) 絕 **Tuyệt**: dứt 嗣 **Tự**: con cháu nối theo, giòng giống.

## DIỄN ÂM

Hung giả dã: ngữ ngôn quý quyết, động chỉ âm hiểm, hiếu lợi, tập phi, tham dâm lạc hoạ, tật lương thiện như thù khích, phạm hình hiển như âm thực, tiểu tắc vãn thân, diệt tính; đại tắc phúc tôn tuyệt tự.

## DIỄN NGHĨA

*Người hung ác ấy là: ăn nói những điều dối trá, điều sai lầm bậy bạ, làm những chuyện nham hiểm không ai biết được, ham mê lợi lộc, quen thói làm điều lỗi, mê dâm dục, vui điều rủi ro tai hoạ, ghét người hiền lành như thù địch, phạm luật pháp như ăn uống. Nhỏ thì thiệt mạng, mất bản tính con người; lớn thì tuyệt giòng tuyệt giống.*

## CHÚ GIẢI

*Nhìn vào các người trong băng đảng ngày nay, hoặc thành phần đạo tặc khác, ta thấy những điều dạy trên thật không sai.*

*Qua hai bài Hai Mươi Một và Hai Mươi Hai, ta nhận thấy đây là những tư tưởng về Thiện Ác hơi khắc nghiệt, hơi cực đoan, có lẽ xuất phát từ tư tưởng “ nhân chi sơ tính bản thiện ”. Còn nếu nhìn con người với quan niệm “ Nhân giả kỳ thiên địa chi Đức, Âm Dương chi giao, Quỷ Thần chi hội ,” thì cái nhìn về Thiện Ác có tính chất Bao dung hơn.*

## BÀI THỨ HAI MƯƠI BA

### CHÍNH KỶ

正己

不 **Bất**: chẳng 自 **Tự**: chính mình 重 **Trọng**: tôn kính, không khinh suát. 者 **Giả**: ấy 取 **Thủ**: lấy, mang 辱 **Nhục**: xấu hổ, chịu khuất.

不 **Bất**: chẳng 自 **Tự**: chính mình 畏 **Úy**: sợ 者 **Giả**: ấy 招 **Chiêu**: rước 禍 **Hoạ**: tai vạ

不 **Bất**: chẳng 自 **Tự**: chính mình 滿 **Mãn**: là đủ 者 **Giả**: ấy 受 **Thụ**: nhận lấy 益 **Ích**: lợi ích.

不 **Bất**: chẳng 自 **Tự**: chính mình 恃 **Thị**: nhờ cậy, y lại vào 者 **Giả**: ấy 博 **Bác**: rộng 聞 **Văn**: điều nghe biết. Sách Cảnh Hành Lục

### DIỄN ÂM

Bất **tự trọng** giả thụ nhục, bất **tự úy** giả chiêu họa, bất **tự mãn** giả thụ ích, bất **tự thị** giả bác văn.

### DIỄN NGHĨA

Không biết **Tự Trọng** thì sẽ mang nhục, không biết **Kiêng Sợ** gì ( làm liều mạng, thiếu đắn đo ) thì sẽ mắc tai vạ, Không **tự cho mình là Đủ** thì sẽ thu được lợi ích ( thì mới tiến bộ ), **không cậy mình Hay, mình Giỏi**, thì mới hiểu biết rộng.

### CHÚ GIẢI

*Đây là những ý nghĩ khôn ngoan để làm phát triển con Người của mình:*

*Không biết **Tự Trọng** thì cũng chẳng biết cách Trọng người khác. Biết Tự trọng tức là biết trọng mình, để mình được trọng thì chính mình phải có những đức tính nào đáng trọng mới xứng đáng, vì thế mà mình cố tìm cách tốt nhất để việc ăn nói đi đứng hành động ngày một tiến bộ hơn. Người thiếu tự trọng thì khó mà có nhân cách đáng trọng. Vì thế mà thiếu tự trọng thì sẽ sống bừa bãi, tất khó mà tránh bị nhục được. Người biết Tự Trọng thì cũng sẽ biết cách trọng người khác. Biết trọng mình và trọng người là phương cách hay nhất để lập mối liên hệ Hòa với người khác, vì thiếu Hòa thì mất hạnh phúc.*

*Không biết **Kiêng sợ** thì sẽ khinh thường trong lời ăn, tiếng nói và hành động bừa bãi, tất không chóng thì chầy sẽ mắc tai họa.*

*Không **Tự mãn**, nghĩa là không bao giờ cho những thứ mình có được là đủ, thì mình mới ham học hỏi để cho sự hiểu biết ngày thêm phong phú. Có thế mình mới làm cho kiến thức của mình được rộng ra, sự hiểu biết của mình mới được tròn đầy, nhờ đó mà sự hiểu biết của mình không bị phiến diện thiên lệch.*



Cũng vậy cái lối tự cho mình là Hay, là Giỏi thì không để ý học hỏi thêm cho hiểu biết sáng suốt thêm, cho khôn ngoan thêm, thì đó là bước đầu giam hãm mình trong chốn ngu dốt.

---

## BÀI THỨ HAI MƯƠI TƯ

君子 **Quân tử**: người có tài đức vẹn toàn ( con người mẫu của Khổng giáo ) 不 **Bất**: chẳng 重 **Trọng**: tôn kính, không cầu thả 则 **Tắc**: thì 不 **Bất**: chẳng 威 **Uy**: tôn nghiêm, sợ hãi.

学 **Học**: chịu thầy dạy cho đạo lý, tập cho nghề nghiệp 则 **Tắc**: thì 不 **Bất**: chẳng 固 **Cố**: vững bền.

主 **Chủ**: chủ trương, việc cốt yếu 忠 **Trung**: hết lòng với người 信 **Tín**: tin thực, không nghi ngờ.

孔子: Khổng Tử

### DIỄN ÂM

Quân tử bất trọng tắc bất uy. Học tắc bất cố. Chủ trung tín.

### DIỄN NGHĨA

Người quân tử không cần trọng, thì không có uy tín, mà sự học không được vững bền. Vì vậy mà phải hết lòng giữ chữ tín với mọi người ( trung tín )

### CHÚ GIẢI

Người cần trọng là người rất thận trọng trong mọi sinh hoạt của mình, từ lời ăn tiếng nói đi đứng hay bất cứ hành động nào cũng phải cân nhắc kỹ càng mới làm. Chủ yếu là lấy việc cung kính mà đối xử với người ta, tất được người ta trọng lại, nên được người ta tin cậy ( có uy tín ). Người đã biết đem Lễ mà cư xử với mọi người tức là người đã có “ **Tiên học Lễ** ”, nên khi “ **hậu học văn** ” tất đạt kết quả tốt, có thể con người mới có Tư cách và Khả năng. .

Vì trong quá trình học tập đã nhằm mục đích thành Nhân (Người có Tư cách ) trước thành Thân ( thành công ). Đã thành nhân rồi thì chắc chắn sẽ thành công. Còn thành công mà thiếu Đạo Đức, chưa chắc đã duy trì được sự thành công lâu dài.

---

## BÀI THỨ HAI MƯƠI LĂM

勿 **Vật:** chớ 以 **Dĩ:** lấy, nhân vì 己 **Kỷ:** mình 貴: **Quý:** sang trọng 而 **Nhi:** mà 賤 **Tiện:** thấp hèn, xem khinh 人 **Nhân:** người.

勿 **Vật:** chớ 以 **Dĩ:** lấy, nhân vì. 己 **Kỷ:** mình 高 **Cao:** cao, vượt lên trên lưu tục ( Cái mà người đời ưa chuộng ) 而 **Nhi:** mà 卑 **Ti:** thấp hèn 人 **Nhân:** người.

勿 **Vật:** chớ 恃 **Thị:** nhờ cậy, ý lại vào 智 **Trí:** hiểu biết, thông minh 以 **Dĩ:** lấy, nhân vì. 愚 **Ngu:** không thông minh 人 **Nhân:** người.

勿 **Vật:** chớ 恃 **Thị:** cậy 勇 **Dũng:** sức mạnh 以 **Dĩ:** lấy, nhân vì 輕 **Khinh:** coi nhẹ 敵 **Địch:** người chống cự nhau.

太公: Thái Công

### DIỄN ÂM

Vật dĩ kỷ quý nhi tiện nhân. Vật dĩ kỷ cao nhi cao nhi ty nhân. Vật thị trí dĩ ngu nhân. Vật thị dũng dĩ khinh địch.

### DIỄN NGHĨA

Chớ cậy mình sang mà chê người hèn. Chớ cậy mình cao, mà khinh rẻ người thấp kém. Chớ ý mình thông minh mà chê người ngu dốt. Chớ ý mình mạnh, mà coi thường kẻ địch.

### CHÚ GIẢI

*Mỗi người dẫu là kẻ kém cõi nhất, cũng có những khả năng mà những người khác không có được. Vì “Nhân vô thập toàn và Nhân linh ư vạn vật “. Ai ai cũng có sở trường và sở đoản của mình. Vì vậy cho nên ăn ở một cách khiêm cung ( nhún mình xuống mà kính cẩn ) thì bao giờ cũng hay hơn cả.*

---

## BÀI THỨ HAI MƯƠI SÁU

不 **Bất:** không 可 **Khả:** có thể 以 **Dĩ:** lấy 己 **Kỷ:** mình 之 **Chi:** của 所 **Sở:** nơi chốn 能 **Năng:** tài cán, sức làm việc 而 **Nhi:** mà 責 **Trách:** hỏi lỗi 人 **Nhân:** người 之 **Chi:** của 所 **Sở:** nơi 不 **Bất:** không 能 **Năng:** tài cán.

不 **Bất**: không 可 **Khả**: có thể 以 **Đĩ**: lấy 己 **Kỷ**: mình 之 **Chi**: của 所 **Sở**: nơi 長  
Trường: dài, lâu, tốt. Sở trường: cái mình chuyên giỏi. 而 **Nhi**: mà 責 **Trách**: hỏi lỗi 人  
Nhân: người 之 **Chi**: của 所 **Sở**: nơi 短 **Đoản**: ngắn, kém, yếu. **Sở đoản**: cái mình yếu kém.  
蘇氏: Tô Thị

### DIỄN ÂM

Bất khả dĩ kỷ chi sở năng nhi trách nhân chi sở bất năng. Bất khả dĩ kỷ chi sở trường nhi trách nhân chi sở đoản.

### DIỄN NGHĨA

Không nên lấy cái hay của mình để chê trách cái không hay của người.

Không nên lấy cái chuyên giỏi của mình mà chê trách cái yếu kém của kẻ khác.

*Đây là lời khuyên nên dùng Lễ mà đối đãi nhau, tức là trọng Mình mà cũng trọng Người khác nữa. Cung Kính là phương cách hay để tránh tự cao tự đại, làm thương tổn kẻ khác.*

---

### BÀI THỨ HAI MƯƠI BẢY

匿 **Nặc**: dấu không cho người biết 人 **Nhân**: người 之 **Chi**: của 善 **Thiện**: điều tốt lành 所 **Sở**: chốn 謂 **Vị**: bảo 蔽 **Tế**: che lấp đi 賢 **Hiên**: người có Đức hạnh tài năng.

揚 **Dương**: đẩy lên, khen ngợi 人 **Nhân**: người 之 **Chi**: của 惡 **Ác**: điều dữ, điều xấu 斯 **Tư**: ấy là, cái ấy 爲 **Vi**: làm 小 **Tiểu**: nhỏ 人 **Nhân**: người **Tiểu nhân**: người tầm thường.

言 **Ngôn**: nói 人 **Nhân**: người 之 **Chi**: của 善 **Thiện**: tốt lành 如 **Như**: giống như 己 **Kỷ**: mình 有 **Hữu**: có 之 **Chi**: vậy.

言 **Ngôn**: nói 人 **Nhân**: người 之 **Chi**: của 惡 **Ác**: điều dữ, điều xấu 若 **Nhược**: ví bằng 己 **Kỷ**: mình 受 **Thụ**: nhận lấy 之 **Chi**: vậy.

孔子: Khổng Tử

### DIỄN ÂM

Nặc nhân chi thiện, sở vị tế hiên. Dương nhân chi ác, tư vi tiểu nhân.

Ngôn nhân chi thiện, như kỷ hữu chi. Ngôn nhân chi ác như kỷ thụ chi.

### DIỄN NGHĨA

Che dấu cái hay cái tốt của người, tức là đim người hiên ( người có Đức Tài ). Nêu cao cái xấu cái ác của người thì là hạng người tầm thường ( tiểu nhân ).

Cho nên, nói đến cái hay cái tốt của người thì cũng cảm như mình hay, mình tốt vậy. Nói đến cái xấu cái dở của người, cũng nghĩ như mình xấu, mình dở vậy. Đây là tinh thần hướng thiện tích cực.

---

## BÀI THỨ HAI MƯƠI TÁM

以 **Dĩ**: lấy 力 **Lực**: sức mạnh 服 **Phục**: cách làm cho người ta theo mình 人 **Nhân**: người 者 **Giả**: ấy 非 **Phi**: chẳng phải 心 **Tâm**: Tấm lòng 服 **Phục**: cách làm cho người ta theo mình 也 **Dã**: vậy 力 **Lực**: sức mạnh 不 **Bất**: chẳng 贍 **Thiệm**: đủ 也 **Dã**: vậy.

以 **Dĩ**: lấy 德 **Đức**: Đạo lý làm Người, điều thiện. 服 **Phục**: cách làm cho người ta theo mình 人 **Nhân**: người 者 **Giả**: ấy 中 **Trung**: ở giữa, ngay thẳng 心 **Tâm**: Tấm lòng 悅 **Duyệt**: đẹp lòng 而 **Nhi**: mà 誠 **Thành**: thực thà 服 **Phục**: cách làm cho người ta theo mình 也 **Dã**: vậy.  
孟子: Mạnh Tử

### DIỄN ÂM

**Dĩ lực phục nhân giả, phi tâm phục dã, lực bất thiệm dã.**

**Dĩ đức phục nhân giả, trung tâm duyệt, nhi thành phục dã.**

### DIỄN NGHĨA

Lấy sức mạnh mà bắt người ta theo mình, mà không phải là lối dùng đạo đức, thì là không đủ vậy.

Lấy đạo lý làm người, lấy điều thiện mà khuyên dụ người ta theo, làm đẹp lòng người, là lối chinh phục thật thà vậy.

### CHÚ GIẢI

*Trong cuộc sống của con Người với nhau thì mối liên hệ Hòa là quan trọng nhất, vì khi đánh mất Hòa khí thì nhân loại sẽ mất hạnh phúc. Muốn lập mối liên hệ Hòa thì phải dùng Nhân Nghĩa tức là lối yêu thương kính trọng nhau và hành xử theo lối “ Phải Người phải Ta” tức là lẽ công bằng thì mới được dài lâu, còn dùng mưu mẹo hay lối bạo lực thì chỉ tổ gây ra bất hòa. Xã hội ngày nay đang gặt hái được thành quả bất Nhân và bất Nghĩa.*

---

## BÀI THỨ HAI MƯƠI CHÍN

以 **Dĩ**: lấy 德 **Đức**: Đạo lý làm Người, điều thiện 誨 **Hối**: răn dạy 人 **Nhân**: người 則 **Tắc**: thì 疆 **Cường**: mạnh.

以 Dĩ: lấy 財 Tài: của cải 勝 Thắng: lấy sức mà khuất người 人 Nhân: người 則 Tác: thì  
凶 Hung: xấu.

以 Dĩ: lấy 力 Lực: sức mạnh 勝 Thắng: làm cho người khuất phục mình 人 Nhân: người 則 Tác: thì 亡 Vong: mất.

鲁供公: Lỗ Cung công

## DIỄN ÂM

Dĩ đức hồi nhân tác cường. Dĩ tài thắng nhân tác hung. Dĩ lực thắng nhân, tác vong.

## DIỄN NGHĨA

Lấy đạo lý làm người, điều tốt lành mà răn dạy người thì tinh thần mình trở nên mạnh mẽ.

Lấy của cải để chèn ép người, thì sẽ đem lại điều xấu cho mình.

Lấy sức mạnh mà đè người, thì sẽ bị bại vong.

## CHÚ GIẢI

*Đạo của Tổ tiên chúng ta là Nho giáo. Nho giáo có hai nghĩa:*

*Thứ nhất là thứ đạo lý biết đáp ứng những nhu yếu thâm sâu cho đời sống con người. Nhu yếu đó là những thứ cần thiết cho tinh thần cũng như vật chất.*

*Thứ hai Nho là nhu thuận, là mềm dẻo là thái độ sống đạo đức ở đời. Mềm dẻo không là nhu nhược, hèn yếu. Đây là thứ mềm dẻo của nước, sức mạnh không thể bẻ gãy được như sắt thép. Để tồn tại, cha ông chúng ta đã: lấy nhu thắng cương, dùng nhược thắng cường.*

*Thắng địch bằng hai mặt: thắng bằng đạo lý, tức là dùng nhân nghĩa mà đối xử là tâm phục, dùng nhu thắng cương, lấy nhược thắng cường là uy phục. Lịch sử chống kẻ thù phương Bắc của cha ông ta đã chứng tỏ.*

*Qua tiền sử chúng ta thấy chủ trương của Việt Nho cũng là nguyên Nho, các triều đại nào nếu có đủ Đức Tài thì được lên trị vì, triều đại nào thất Đức, tức là thiếu tài đức thì đều bị lật đổ. Chính sách đó gọi là nhân trị.*

*Còn Hoa tộc thì lại chủ trương giòng tộc, cha truyền con nối, dùng pháp trị, dùng sức mạnh để trị, để chiếm đoạt và bành trướng.*

## BÀI THỨ BA MƯỜI

過 **Quá**: có lỗi 而 **Nhi**: mà 不 **Bất**: chẳng 改 **Cải**: sửa đổi 是 **Thị**: ấy 謂 **Vị**: bảo 過 **Quá** :  
Có lỗi 矣 **Hĩ**: vậy.

孔子: **Khổng Tử**

遷 **Thiên**: dời đổi 善 **Thiện**: điều lành 如 **Như**: giống như 風 **Phong**: gió 之 **Chi**: của 速 **Tốc**: mau chóng.

改 **Cải**: sửa đổi 過 **Quá**: điều lỗi 當 **Đương**: nên 如 **Như**: giống như 雷 **Lôi**: sấm chớp 之 **Chi**: của 烈 **Liệt**: sức mạnh.

知 **Tri**: biết 過 **Quá**: điều lỗi 必 **Tất**: ắt 改 **Cải**: sửa đổi 得 **Đắc**: được 能 **Năng**: điều hay 莫 **Mạc**: chẳng 忘 **Vong**: quên.

近思錄 : Sách Cận Tư

### DIỄN ÂM

Quá nhi bất cải, thị vị quá hĩ. Thiên thiện đương như phong chi tốc, cải quá đương như điện chi liệt. Tri quá tất cải, đắc năng mạc vong .

### DIỄN NGHĨA

Biết có lỗi, mà không sửa đổi, ấy là thật có lỗi. Dời qua điều thiên, nên mau như là gió, Sửa đổi sự lầm lỗi, nên mau và mạnh như sấm chớp. Biết có lỗi là sửa đổi, còn được điều hay thì chớ quên.

### CHÚ GIẢI

*Thói thường người ta hay dễ thấy cái lỗi của người khác, mà không thấy cái lầm của mình . ( việc người thì sáng, việc mình thì quáng ). Lại nữa khi biết được biết mình có lỗi , lại thường hay tự biện mình để tha lỗi cho mình. Mình có chiều hướng đòi hỏi người khác đừng làm lỗi, mà không tự biết đòi hỏi mình trước. Thường tình, mình lại khắt khe với lỗi với người khác, mà lại quá dễ dãi với lỗi của mình. Cách suy nghĩ này thiếu trách nhiệm và công bình.*

*Khi biết mình có lỗi mà muốn sửa chữa thì phải dứt khoát sửa đổi nhanh như gió cuốn, mạnh bạo như sấm chớp mới mong tự thắng được, nếu chần chừ thì chắc sẽ không thành công.*

*Vì vậy mà khi biết mình có lỗi mà không chịu sửa đổi, thì cái lỗi của mình sẽ nặng thêm.*

*Việc làm điều thiện cũng tương tự như vậy, nếu muốn là dứt khoát làm ngay, và khi làm được điều hay thì nên ghi nhớ, để mà tiếp tục làm nữa.*

*Trên đây là những kinh nghiệm sửa mình quý báu, ta nên noi theo.*

## BÀI THỨ BA MƯƠI MỐT

古 **Cổ**: xưa 語 **Ngữ**: nói 云 **Vân**: rằng:

道 **Đạo**: nói 吾 **Ngô**: ta 惡 **ác**: điều xấu 者 **Giả**: ấy 是 **Thị**: là 吾 **Ngô**: ta 師 **Sư**: ông thầy.

道 **Đạo**: nói 吾 **Ngô**: ta 好 **Hảo**: điều tốt 者 **Giả**: ấy 是 **Thị**: là 吾 **Ngô**: ta 賊 **Tặc**: giặc

### DIỄN ÂM

Cổ ngữ vân: Đạo ngô ác giả, thị ngô sư. Đạo ngô hảo giả, thị ngô tặc.

### DỊCH NGHĨA

Lời xưa nói rằng: Người nói cho biết điều xấu của ta, ấy là thầy ta. Người nói (tâng bốc) điều tốt của ta, ấy là kẻ thù của ta.

### CHÚ GIẢI

*Thói thường ai cũng vậy, hễ nghe ai khen mình thì mình thích, hễ ai nói đến tật xấu của mình thì mình chẳng những không thích mà còn tức giận oán ghét họ nữa.*

*Chỉ có cha mẹ, anh em, hay bạn bè chí thiết của ta mới nói cho ta biết điều xấu của mình, có biết như vậy, thì khi nghe ai nói đến tật xấu của mình, thì mình phải bình tâm suy xét đúng sai để sửa mình cho ngày một tốt hơn. Nghe ra thì dễ, nhưng sửa được mình cho tốt hơn là điều rất khó.*

*Khi nghe ai khen mình, tức nói đến điều tốt của mình, mình phải xét xem mình có được như vậy không, vì thói thường có nhiều người hay tâng bốc nịnh hót mình để lấy lòng hay nhờ vả mình, nếu mình không sáng suốt mà tin ngay lời người nịnh hót tất có khi mang họa cho mình, hay cứ tin như vậy mà không sửa mình, thì không bao giờ tiến bộ trên con đường tu thân. Xét cho kỹ thì người đó là người xấu với mình.*

---

## BÀI THỨ BA MƯƠI HAI

子 **Tử**: Đức Khổng Tử 曰 **Viết**: nói 三 **Tam**: ba 人 **Nhân**: người 同 **Đồng**: Cùng 行 **Hành**: đi ; 必 **Tất**: tất 有 **Hữu**: có 我 **Ngã**: ta 師 **Sư**: thầy.

擇 **Trạch**: chọn 其 **Kỳ**: Chữ dùng để chỉ cái gì 善 **Thiện**: điều lành, điều tốt 者 **Giả**: ấy 而 **Nhi**: mà 從 **Tòng**: theo 之 **Chi**: làm ; 其 **Kỳ**: chữ dùng để chỉ cái gì 不 **Bất**: Không, chẳng 善 **Thiện**: điều lành, điều tốt 而 **Nhi**: mà 改 **Cải**: sửa đổi 之 **Chi**: qua, làm, ấy.

### DIỄN ÂM

Tử viết: Tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư. Trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi; kỳ bất thiện nhi cải chi.

### DỊCH NGHĨA

Ba người cùng đi, hẳn có người là thầy ta. Chọn điều tốt mà theo, điều không tốt mà sửa đổi.

### CHÚ GIẢI

*Đây là lời khuyên giúp ta biết cách học ở trường đời, Khi nào ta đi làm việc với một số đồng thì bao giờ cũng có gặp được người mà ta có thể học được, Không những ta học cái tốt điều lành của người khác, mà ta cũng có thể học ngay những điều lỗi lầm của họ để cải thiện chính mình: Cái tốt thì học mà theo, cái xấu thì biết mà tránh. Ta học cả cái tốt lẫn cái xấu của người ta. Vậy trường đời khi nào cũng đầy rẫy những điều cho ta có thể học hỏi được. Lại nữa điều khuyên này nhắc ta đến hai điều: sống trong đời bất cứ ở đâu và lúc nào ta cũng luôn có cơ hội để sửa mình để cho ngày một tốt hơn, miễn là ta có lòng khiêm tốn để học hỏi và học hỏi không ngừng. Nếu được như thế tất ta không trở thành thánh nhân thì cũng là thiện nhân.*

---

### BÀI THỨ BA MƯƠI BA

寡 **Quả**: Ít 言 **Ngôn**: nói 擇 **Trạch**: chọn 交 **Giao**: qua lại với nhau 可 **Khả**: có thể 以 **Dĩ**: lấy, đem lại 無 **Vô**: không 悔 **Hối**: Tiếc làm điều lỗi 吝 **Lận**: Tiếc, giận 可 **Khả**: có thể 以 **Dĩ**: lấy 免 **Miễn**: khỏi 憂 **Ưu**: lo 辱 **Nhục**: xấu.

( 景行錄: Sách Cảnh Hành )

### DIỄN ÂM

Quả ngôn, trạch giao, khả dĩ vô hối lận, khả dĩ miễn ưu nhục.

### DIỄN NGHĨA

Ít nói, chọn bạn tốt mà chơi mới có thể không ăn năn về điều làm lỗi, và không bị buồn lo, xấu hổ.

### CHÚ GIẢI

*Người ta thường nói : “ im lặng là vàng “ thì ít nói cũng quý như bạc. Ít nói thì ít lỡ lời, khi lỡ lời mà lời đó lại sắc như gươm thì sẽ gây ra thương tổn hay gây tai họa cho người khác. Điều đó nhiều khi gây cho ta ân hận suốt đời, Vì thế mà cha ông chúng ta khuyên : “ Lời nói chẳng mất tiền mua, liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau “. Vấn đề không phải nói ít và nói nhiều, mà phải uốn lưỡi 3 lần mới nói, nghĩa là trước khi nói phải suy nghĩ cẩn thận, và nên nói những điều nhã nhặn, phản ảnh điều nhân nghĩa.*

*Nói như vậy là cách truyền thông hiệu quả, không những giúp ta bớt lỗi lầm mà còn giúp tạo hoà khí, và làm đẹp mối giao tình với người khác. Tuyệt đối không nên nói những lời cho bỏ tức hả giận.*



Những câu tục ngữ: “ Ở bầu thì tròn ở ống thì dài “ hay “ Gàn mực thì đen, gàn đèn thì sáng “ cho ta biết cái việc quan trọng chọn bạn mà chơi. Cha ông chúng ta cũng nói “ Tuồng nào đi theo tập nấy “ Thói thường thì người tốt thì chọn bạn tốt mà chơi, kẻ đũa nghịch thì chọn người cùng sở thích. Khi sống ở đời ta không thể sống cô độc mà phải có bạn bè, vì “ giàu vì bạn, sang vì vợ “ Bạn là người đồng hành trong đời, có thể giúp ta rất nhiều mà cũng có thể lôi cuốn ta vào con đường xấu.

Vậy ta phải phân biệt đâu là người bạn tốt, đâu là bạn xấu . Trong thời còn là học sinh một người bạn tốt là người rất dễ nhận biết. Đó là học sinh có học lực khá, giỏi, nhưng phải để ý đến phần tính nết, nếu thấy đối xử với kẻ trên như thầy cha mẹ người lớn đều lịch sự lễ phép , đối với bạn bè thì tử tế hoà nhã . . . Con học sinh xấu là học sinh lười biếng học hành, phá phách, nghịch ngợm, vô lễ, sống bừa bãi. Nếu chọn được bạn tốt thì hai bên có thể giúp nhau để học được giỏi hơn, tính nết được tốt hơn. Nếu chơi với bạn xấu thì tất nhiên sẽ lợi là sự học, ăn nói bừa bãi vô lễ, nghịch ngợm , sống cẩu thả, dần dà chúng ta sẽ nhiễm nhiều tính xấu làm cho cuộc đời bị sa ngã, bại vong. Nếu ta có được nhiều người bạn tốt trong đời thì dù sống ở đâu ta cũng có những người hợp tác và che chở ta, làm cho cuộc đời ta thêm vui và dễ thành công trong tình yêu và lễ phải.

Trong sách Luận Ngữ, Khổng Tử có nêu ra thế nào là bạn tốt và thế nào là bạn xấu: “ Ba loại bạn có ích, ba loại bạn có hại: Bạn ngay thẳng, bạn thành thật, bạn nghe biết nhiều là có ích. Bạn khéo nịnh hót, bạn nói tốt trước mặt, nói xấu sau lưng, bạn ba hoa niô khoác là có hại “.

---

## BÀI THỨ BA MƯƠI TƯ

**勤 Càn:** siêng năng, khó nhọc 為 Vi: làm 無 Vô: không 價 Giá: giá trị của vật 寶 Bảo: Quý báu ; 慎 Thận: cẩn thận, không nên sơ suất 是 Thi: ấy 護 Hộ: giúp đỡ, che chở 身 Thân: mình, thân thể 符 Phù: cái thẻ tre làm tin, cái bùa.

### DIỄN ÂM

Cần vi vô giá bảo, thận thị hộ thân phù.

### DỊCH NGHĨA

Cần kiệm siêng năng ( siêng năng chịu khó làm việc ) là của vô giá ( rất quý báu ). Cẩn thận là lá bùa giữ mình.

### CHÚ GIẢI

Cần là siêng năng làm việc. Có làm việc thì cơ thể mới phát triển, trí óc mới nở nang, sự hiểu biết mới rộng ra. Có gieo thì có gặt, có làm việc thì sẽ có kết quả, sẽ tích lũy được nhiều của cải. Cha ông ta bảo: “ Tiểu phú do cần “ nghĩa là giàu có nhỏ là do sự cẩn kiệm, có cần thì làm sinh ra của cải, có kiệm nghĩa là tiết kiệm, việc gì đáng ăn tiêu thì làm, việc không đáng thì tiết

ché, chớ có hoang phí, có vậy khi nào cũng đủ ăn đủ tiêu, còn “đại phú do thiên “ nghĩa là giàu có lớn thì do trời hay cơ vận may, hay có tài kinh doanh . .

Thường những người nghèo khổ là những người lười biếng hay những người hoang phí. Ở đất nước Hoa kỳ, người ta làm ra cũng nhiều nhưng lại tiêu và xài phí qua đáng, việc không đáng cũng phung phí. nhiều người tưởng như thế mới sang, thực ra hoang phí thì tổ hại công sức mình và cũng làm phí phạm tài nguyên thiên nhiên. Chì việc xài điện, xài nước và nhiều thứ dùng hàng ngày quá phí phạm là một sự lạm dụng tài nguyên đáng lẽ là của thế hệ tương lai. Đó là một tật xấu rất có hại cho tương lai đất nước.

Cẩn thận là đức tính biết đắn đo suy tính trước khi làm một việc gì. Có vậy thì khi làm việc mới được nhanh hơn, có hiệu quả hơn và tránh được những sai lầm đáng tiếc.

Ngày xưa người ta tin là đeo trong mình cái bùa tức là một miếng vải may lại, hay một thẻ tre . . . được các thầy pháp làm phép thì sẽ giữ cho mình khỏi yếu đau và tránh được hoạn nạn. Cũng vậy, khi ta làm việc, nhất là các việc nguy hiểm, nếu không cẩn thận tất có lúc bị nguy khôn về thể xác, tính mạng hay thiệt hại về của cải vật chất, nếu cẩn thận đủ thì ít khi bị nguy hiểm và vô hại.

Cần kiệm là hai Đức tính tốt ta nên tu dưỡng để đem lại nhiều lợi ích cho đời sống.

---

## BÀI THỨ BA MƯƠI LĂM

人 **Nhân**: Người 須 **Tu**: nên 是 **Thị**: áy — **Nhất**: một 切 **Thiết**: Khắc vào, gáp gáp. **Nhất thiết**: hết thảy, tất cả 世 **Thế**: đời 味 **Vị**: mùi. 淡 **Đạm**: nhạt 薄 **Bạc**: mỏng manh, nhạt lẻo. 方 **Phương**: mới 好 **Hảo**: tốt 不 **Bất**: chẳng 要 **Yếu**: cầu 有 **Hữu**: có 富 **Phú**: giàu 貴 **Quý**: sang 相 **Tương**: cùng 利 **Lợi**: lợi 不 **Bất**: chẳng 苟 **Cẩu**: tạm 貪 **Tham**: tham lam 終 **Chung**: trọn 禍 **Họa**: tai họa 少 **Thiểu**: ít 事 **Sự**: việc 能 **Năng**: hay 常 **Thường**: thường thường 忍 **Nhẫn**: nhịn 得 **Đắc**: được 身 **Thân**: mình 安 **An**: yên

( Hồ Văn Định )

### DIỄN ÂM

Nhân tu thị nhất thiết thế vị đạm bạc tương hảo, bất yếu hữu phú quý tương, lợi bất cầu tham chung họa thiểu, sự năng thường nhẫn đắc năng an.

### DIỄN NGHĨA

Làm người phải dừng dưng với mọi mùi đời mới tốt, và đừng nên thích bợ giàu sang, lợi chẳng tạm tham trọn, cuối cùng họa ít, việc hay thường nhịn, mình được yên.

Mùi đời đây là những lạc thú trên đời, nếu giữ cho lòng dục đừng dấy động mà làn cần thì mới tốt, thấy người giàu sang mà nịnh bợ là làm mất tư cách, thấy lợi mà tham lam LÀ bất chính, tranh dành nhau tất rước họa vào thân, một sự nhịn chín sự lành thì thân mình mới yên ổn. Đây là cách sống giữ mình cho yên, khỏi rơi vào tai họa.

---

## BÀI THỨ BA MƯƠI SÁU

貪 **tham**: lòng tham 心 **tâm**: lòng 害 **hại**: có hại 己 **kỷ**: thân mình 利 **lợi**: lém 口 **khẩu**: miệng 損 **tôn**: hao, mất 身 **thân**: mình ( 太公: Thái Công ).

聲 **Thanh**: tiếng 名 **danh**:tăm 者 **giả**: áy 敗 **bại**: hư hỏng 德 **đức**: đạo lý làm người 之 **chi**: áy 貝 **cụ**: đồ, 思 **tư**: nghĩ 慮 **lự**: lo 者 **giả**: áy 戕 **tường**:hại 身 **thân**: mình 之 **chi**: áy 本 **bản**:gốc.

( 景行錄: Sách Cảnh Hành )

### DIỄN ÂM

Tham tâm hại kỷ, lợi khẩu tôn than.

Thanh danh giả bại đực chi cụ. Tư lự giả tường thân chi bản.

### DIỄN NGHĨA

Lòng tham thì hại mình, nói cho sướng miệng thì thiệt thân, rước tai họa.

Thanh danh là thứ tôn đức, lo nghĩ là nguồn gốc hại mình.

### CHÚ GIẢI

*Ở đời có nhiều thứ để cho người ta tham, đó là tiền tài, quyền thế, danh vọng, sắc đẹp, . . . không mấy ai mà không ham, lòng tham xui khiến người ta tìm trăm phương nghìn kế, dĩ nhiên là bất chính để đoạt cho được, mà khôn nổi đa số đều tham, ngưi tâm ngưi, mã tâm mã, nên kỳ phùng địch thủ, do đó cuộc tranh dành trở nên khốc liệt, nên trước sau gì rồi cũng hại đến mình. Họa tòng khẩu nhập: họa do cửa miệng rước vào, vì đa ngôn đa quá: nói quá sinh lỗi lầm, làm thương tổn người khác gây ra oán thù, rước lấy tai họa. Cuộc sống Quả dục của Cha ông giúp cho cuộc sống được an vui, vì không mắc bẫy vào cuộc sống Tham, Sân, Si.*

---

## BÀI THỨ BA MƯƠI BẢY

象 **Chung**: Nhiều người 好 **Hiếu**: thích 之 **Chi**: đây 必 **tất**: át 察 **sát**: xét 焉 **Yên**: vậy 象 **Chung**: nhiều người 惡 **Ó**: ghét 之 **Chi**: đây 必 **tất**: át 察 **Sát**: xét 焉 **yên**: vậy  
( 孔子: Khổng Tử )

## DIỄN ÂM

Chúng hiểu chi tất sát yên, chúng ó chi tất sát yên.

## DIỄN NGHĨA

Đối với người được quần chúng yêu thích cũng cần nên xét lại, đối với kẻ bị nhiều người ghét cũng nên xét lại.

## CHÚ GIẢI

*Ta có thể hỏi tại sao:*

- 1.- Người được quần chúng ưa thích hay ghét là ai?
- 2.- Ưa thích và ghét vấn đề gì?
- 3.- Tại sao lại ưa thích và ghét?

*Để có một ý niệm đúng đắn về vấn đề, ta nên hiểu qua Đại chúng tính và Dân tộc tính trước khi đi vào vấn đề trên. Những điều được yêu thích hay ghét có phù hợp với dân tộc tính hay không đã*

*Khi đó sự xét vấn đề được chính xác hơn.*

### I.- Dân tộc tính và Đại chúng tính

Các triết gia xã hội học, tâm lý học. . . đang lo nghĩ tìm phương thế để duy trì dân tộc tính chống sự tiến triển của đại chúng tính.

#### 1.- Đại chúng Tính

Đại chúng là nhiều cá nhân làm nên một đồng, chỉ có giá trị về thể tích về số đông, như một đám người đi đường tụ lại xem một tai nạn xe hơi . . . Đại chúng là đám đông tụ đầy mà tan đầy, không có cơ sở tinh thần bền chặt nên trôi nổi như đám bèo không nơi bám víu, không tinh thần trách nhiệm. Đại chúng tính đầy tính chất cưỡng bách, ngoại khởi, hàm chứa những yếu tố như sau:

##### a.- Sự phán đoán bị đồng - đều - hoá ( Banalisation de jugement ).

Sự phán đoán này theo huấn lệnh từ trên ban xuống, thiếu phân độc đáo tư riêng, nên sự phê phán rất nông cạn bì phu.

b.- Thiếu sự tự chủ hay khắc kỷ ( maitrise de soi ), mà chỉ có buông lung, cá nhân

chỉ biết buông xuôi theo bản năng hạ cấp.

c.- Sống theo bản năng hiện tại và từ chối phong tục ( vivre de l'instinct et de l'instinct, l'homme de masses renonce aux coutumes: Av. Prométée p. 46 Jaspers ).

“ Đại chúng không biết đến phẩm trật, nó vô ý thức, đồng nhất như nhau, chỉ có lượng, không có mẫu người điển hình, không có truyền thống, vô định tính, trống rỗng. Nó là mảnh đất lý tưởng cho sự tuyên truyền, dễ bị xuấ dục, vô trách nhiệm, trình độ ý thức thấp vào hạng bét. Đại chúng

chóng thay đổi, không có bản ngã, không có sách riêng, nó đại diện cho một nếp sống trong đó yếu tố nhân bản phải phân tán.” ( *l’Histoire, Jaspers p. 158 – 160* )

## II.- Dân tộc tính

« Dân tộc đồng nghĩa với Nhân vị mà để được kể là nhân vị thì phải biết tự phán đoán, có sự chín chắn, độc đáo và óc trách nhiệm, có cảm tình mạnh mẽ sâu xa. Dân tộc tính có cơ sở tinh thần, có sự liên tục, có truyền thống làm như cột trụ đầy óc trách nhiệm về quốc gia hưng vong. Đoàn thể của dân tộc gọi là công thể ( *communauté* ), với ý thức nói lên cơ thể tính, nội khởi tính.

“ Dân tộc bao hàm một phẩm trật, một ý thức về những cách sống, cách suy tư và truyền thống riêng biệt của nó. Nó là một bản thể, có phẩm trật có hồn. Cá nhân được nó nuôi dưỡng có tư cách một phần nhờ những đức tính của dân tộc mình. Dân tộc có những sách của nó, trường tồn và đi theo nó suốt đời . ” ( *l’Histoire, Jaspers p. 158-160* )

Như vậy là Dân tộc đi lên, đại chúng là đi xuống.

“ Hiện tượng đại chúng lan rộng mỗi ngày một mạnh đến độ trở thành mối lo âu cho các thức giả chẳng hạn như Nietzsche mà Jaspers đã nhắc nhở:

“ Chúng ta không còn sự thống nhất dân tộc trong văn hoá: tính chất của nền văn hoá mới từ trung cổ trở đi thật đáng ghê sợ. Giá trị của một dân tộc ở tại chỗ nó in vào đời sống của con người dân, một con dấu của sự vĩnh cửu ” ( *la valeur du peuple. . consiste à imprimer sur sa vie elle même le sceau d’éternité: Nietzsche, Jaspers, p. 423 – 424* ).

Một dân tộc khi thực sự là một dân tộc, thì nó sống trong kỷ niệm bao la, với những khả năng về tương lai man mác. Dân tộc càng ngày càng trở nên đại chúng là nó tiến đến sự nghèo nàn tinh thần. Có phải là kỹ thuật đã lớn mạnh quá mau, mà văn hoá thì không theo kịp đà tiến hoá của kỹ thuật. ( *Phỏng theo bài Diễn Văn của cố Triết gia Kim Định đọc tại hội nghị Hàn Lâm Đài Bắc tháng 8 năm 1969* )

---

## BÀI THỨ BA MƯƠI TÁM

作 **tác**: làm 福 **phúc**: việc tốt lành 不 **bất**: chẳng 如 **như**: cũng giống 避 **tị**: tránh  
罪 **tội**: việc trái với phúc 避 **tị**: tránh 禍 **họa**: tai họa, rủi ro 不 **bất**: chẳng 如 **như**: cũng giống 省 **Tỉnh**: xét kỹ, giác ngộ: 非 **phi**: điều quấy 萬 **vạn**: muôn 事 **sự**: việc 從 **tòng**: theo 寬 **khoan**: độ lượng 其 **kỳ**: chỉ cái gì 福 **phúc**: việc tốt lành 自 **tự**: tự thân mình, từ đó 厚 **hậu**: dày, đầy, trái với bạc 成 **thành**: nên 人 **nhân**: người 不 **bất**: chẳng 自 **tự**: tự 在 **tại**: ở 自 **tự**: tự 在 **tại**: ở 不 **bất**: chẳng 成 **thành**: nên 人 **nhân**: người.

( 蕭 何 :Tiêu Hà )

## DIỄN ÂM

Tác phúc bất như tị tội, tị họa bất như tinh phi, vạn sự tòng khoan, kỳ phúc tự hậu, thành nhân bất tự tại, tự tại bất thành nhân.

### DIỄN NGHĨA

Làm phúc không bằng tránh tội, lánh họa không bằng sửa lỗi, mọi việc đều phải độ lượng thì phúc tự nhiên đây. Muốn nên người chớ ở không, ở không thì chẳng nên người.

*Đây là cách tu thân căn bản và tích cực, căn bản là vì phải làm từ cái gốc rễ trước, và tích cực là vì muốn thành nhân thì phải tu thân luôn suốt đời.*

---

### BÀI THỨ BA MƯƠI CHÍN

自 tự: tự cho mình 智 trí: thông minh, hiểu rõ sự lý 者 Giả: ấy 不 bất: chẳng 明 minh: sáng suốt. 自 tự: cho mình 見 kiến: trông thấy, ý thức 者 Giả: ấy 不 bất: chẳng 彰 chương: sáng rõ 自 tự: cho mình 伐 phạt: cày 者 Giả: ấy 無 vô: không 功 công: sự nghiệp 自 tự: tự cho 矜 cang: khoe 者 Giả: ấy 不 bất: chẳng 長 trường: dài. (老子: Lão Tử)

### DIỄN ÂM

Tự trí giả bất minh. Tự kiến giả bất chương. Tự phạt giả vô công. Tự cang giả bất trường.

### DIỄN NGHĨA

Tự cho mình là khôn ngoan là không sáng suốt. Tự cho mình là hiểu biết nhiều là không sáng rõ. Tự khoe là không có sự nghiệp. Tự kiêu là không giỏi.

*Đây là phương cách hãm bớt cái khuynh hướng sống bề ngoài để luyện tính khiêm nhường. Minh khôn ngoan và hiểu biết mấy thì vẫn có nhiều người hơn mình về những phương diện khác. Tính tự mãn sẽ kìm hãm mình không tiến bộ thêm. Vì không có sự nghiệp nên phải khoe, không giỏi nên phải tự kiêu. Những hoạt động hưởng ngoại này chứng tỏ rằng mình thnh một cái thùng rỗng.*

### BÀI THỨ BÓN MƯƠI

欲 Dục: muốn 量 Lượng: Đo lường 他 Tha: khác 人 Nhân: người 先 Tiên: trước hết 須 Tu: nên 自 Tự: Tự mình 量 Lượng: Đo lường 傷 Thương: Làm hại 人 nhân: người 之 Chi: ấy 語 Ngữ: Lời nói 還 Hoàn: trái lại 是 Thì: ấy 自 Tự: tự mình 傷 Thương: làm hại.

含 **Hàm**: ngậm 血 **Huyết**: máu 噴 **Phún**: phun 人 **Nhân**: người 先 **Tiên**: trước hết 污 **Ô**:  
dơ 自 **Tự**: tự mình 口 **Khẩu**: miệng

( 文公: Văn Công )

### DIỄN ÂM

Dục lượng tha nhân, tiên tu tự lượng. Thương nhân chi ngữ, hoàn thị tự thương. Hàm huyết phún nhân, tiên ô tự khẩu.

### DIỄN NGHĨA

Muốn xét người, trước hết hãy xét mình. Mình nói xấu người khác, thì chính tự mình xấu.

Ngậm máu phun người, miệng mình dơ trước.

*Thói thường, “ việc người thì sáng việc mình thì quáng “, mình cứ đòi hỏi người khác phải hay, phải tốt, mà chính mình không đòi hỏi mình phải hay phải tốt, đó là lối sống bất công. Khi mình nói xấu người khác thì chính ý xấu đã nằm ngay ở trong tư tưởng mình rồi, còn khi mình nói xấu người ta thì họ mới chỉ bản bên ngoài mà thôi, không làm xấu người ta được. Cũng vậy khi ngậm máu phun người, khi chưa phun được tới người ta ( chỉ bản bên ngoài ) thì chính miệng mình đã bản bên trong . Tuy nay đã là thế kỷ 21 mà mà nhiều nhà trí thức còn đang mê mải làm cái chuyện phân tác dụng này!*

---

### BÀI THỨ BỐN MƯƠI MỐT

大 **Đại**: lớn 辨 **Biện**: xét rõ để phân biệt 若 **Nhược**: ví bằng 訥 **Nột**: nói năng chậm  
chạp 大 **Đại**: lớn 巧 **Xảo**: khéo léo 若 **Nhược**: bằng 拙 **Chuyết**: vụng, ngu

澄 **Trùng**: lạng ( Nước trong và lạng ) 心 **Tâm**: cõi lòng 清 **Thanh**: trong 淨 **Tĩnh**:  
sạch 可 **Khả**: có thể 以 **Dĩ**: lấy 安 **An**: êm dềm 身 **Thân**: thân mình 讒 **Sâm**: dèm pha  
口 **Khẩu**: miệng 多 **Đa**: nhiều 言 **Ngôn**: nói 自 **Tự**: tự mình 亡 **Vong**: mất 其 **Kỳ**:  
chữ dùng để chỉ cái gì 身 **Thân**: thân mình

( 老子:Lão Tử )

### DIỄN ÂM

Đại biện nhược nột, đại xảo nhược chuyết, trùng tâm thanh tịnh, khả dĩ an thân, sâm khẩu đa ngôn, tự vong kỳ thân.

### DIỄN NGHĨA

Đại biện ví bằng nói năng chậm chạp, khéo léo lớn ví bằng vụng về, giữ lòng trong sạch, có thể yên thân, miệng nói dèm pha nhiều, chính mình quên an nguy của mình.

Đây là thái độ sống khiêm cung, không tỏ mình khoe khoang khoáng lạc, gây thù gây oán, cũng như lấy việc giữ mình làm trọng, nên phải tiết khẩu, vì “Họa tòng khẩu nhập : họa theo cửa miệng vào “ để cho thân mình được yên ổn.

---

## BÀI THỨ BỐN MƯỜI HAI

飲 Âm : uống 食 Thực : ăn 之 Chi: áy 人 Nhân: người 則 Tác: thời 人 Nhân: người 饒 Tiện: khinh 之 Chi: áy 矣 Hĩ: vậy 爲 Vị: vì 其 Kỳ: Chử dùng để chỉ cái gì 養 Dưỡng: nuôi 小 Tiểu: nhỏ 失 Thất: mất 大 Đại: lớn 也 Dạ: vậy  
(孟子: Mạnh Tử)

### DIỄN ÂM

Âm thực chi nhân, tác nhân tiện chi hĩ. Vị kỳ dưỡng tiêu dĩ thất đại hĩ

### DIỄN NGHĨA

Kẻ ham miếng ăn, thì bị người khinh rẻ, vị họ nuôi cái nhỏ để mất cái to vậy.

*Ham ăn không phải là ăn nhiều, mà mình dành phần ăn của người khác một cách không công bằng. Tuy miếng ăn là nhỏ xem ra không quan trọng lắm, nhưng qua hành động vô ý thức này, mình đã bỏ quên tư cách, phần quan trọng nhất của con người, đó là phẩm giá con người, khi đánh mất phẩm giá thì con người bị giáng cấp, người ta nói “ vật khinh hình trọng “ là thế: miếng ăn là khinh mà tư cách là đáng trọng. Do đó mà người ta nói: mình nuôi cái nhỏ ( tham miếng ăn ) đánh mất cái to ( tư cách ) là vậy! Việc này mình phải tập cho trẻ con biết lưu tâm và chia sẻ ( caring and sharing ) từ lúc còn nhỏ, để có thói quen mà cha ông chúng ta đã dạy phải ý thức: “ Ăn xem nôi, Ngồi xem hướng “*

---

## BÀI THỨ BỐN MƯỜI BA

### GIỚI TÍNH: 戒 性

人 Nhân: người 性 Tính: những mối cảm xúc trong lòng phát động ra ngoài như mừng, giận, ghét, yêu, muốn, bi thương, sợ hãi. ( thất tính ) 如 Như: giống như 水 Thủy: nước  
一 nhất: một lần 傾 Khuynh: nghiêng 則 Tác: thì 不 Bất: không thể 可 Khả: có thể  
復 Phục: trở về 性 Tính: Mối cảm xúc trong lòng phát ra ngoài. 一 nhất: một lần  
縱 Tung: buông thả 則 Tác: thì 不 Bất: chẳng 可 Khả: có thể 反 Phản: trở lại 制 Chế: chống lại, chế ngự 水 Thủy: Nước 者 Giả: áy 必 Tất: át, phải 以 Dĩ: lấy 隄 Đê: Cái đê 防 Phòng: Bờ đê, giữ gìn 制 Chế: Chống lại, chế ngự



性 **Tính**: những mối cảm xúc trong lòng phá ra ngoài . . . 者 **Giả**: ấy 必 **Tất**: ắt 以 **Dĩ**: lấy 禮 **Lễ**: Trọng Minh và trọng Người 法 **Pháp**: phép, lễ giáo 忍 **Nhịn**, lòng không nỡ 一 **nhất**: một 時 **Thời**: lúc, mùa 之 **Chi**: ấy 氣 **Khí**: Cái vô hình không thấy được, mà cảm ứng được 免 **Miễn**: Khỏi 百 **Bách**: trăm 日 **Nhật**: ngày 之 **Chi**: ấy 日 **Nhật**: ngày 憂 **Ưu**: lo 得 **Đắc**: được 忍 **Nhẫn**: nhịn, lòng không nỡ 且 **Thả**: hãy 忍 **Nhẫn**: nhịn, lòng không nỡ 得 **Đắc**: được 戒 **Giới**: răn 且 **Thả**: hãy 戒 **Giới**: răn 不 **Bất**: chẳng 忍 **Nhẫn**: nhịn, lòng không nỡ 不 **Bất**: chẳng 戒 **Giới**: răn 小 **Tiểu**: nhỏ 事 **Sự**: việc 成 **Thành**: trở nên 大 **Đại** lớn.  
( 景行: Sách Cảnh Hành )

## DIỄN ÂM

Nhân tính như thủy, thủy nhất khuynh tác bất khả phục, tính nhất tưng tác bất khả phản, chế thủy giả tất dĩ đề phòng, chế tính giả tất dĩ lễ pháp, nhẫn nhất thì chi khí, miễn bách nhật chi ưu, đắc nhẫn thả nhẫn, đắc giới thả giới, bất nhẫn bất giới, tiểu sự thành đại.

## DIỄN NGHĨA

Tính ( thất tình ) người như nước, một lần nước nghiêng không hốt lại được, tính một lần để sai, không thể trở lại được, muốn ngăn nước tràn thì phải có đê, muốn trị tính thì phải dùng lễ phép ( tức là trọng mình và trọng người), khi nóng mà chịu nhịn trong một lúc thì tránh được cái lo trăm ngày, nhịn được thì nên nhịn, câu thúc được mình thì nên câu thúc ( giữ mình đừng buông thả ), không nhịn được không giữ mình được thì việc nhỏ thành to. ( còn tiếp )

*Giữ mình không sống buông thả là vô cùng quan trọng và khó khăn, muốn giữ mình được yên ổn thì dùng đến Lễ phép, tức là trọng Mình và trọng Người, nên Lễ phép là hàng Rào cản bên trong mỗi người để tránh lỗi khi ý tưởng phạm lỗi chưa thành hình.*

## BÀI THỨ BỐN MƯƠI TƯ

( Tiếp theo )

一 切 **Nhất thiết**: Tất cả hết thảy 诸 **Chư**: mọi 煩 **Phiền**: buồn rầu 惱 **Não**: Cái óc trong đầu 皆 **Giai**: đều 從 **Tòng**: theo 不 **Bất**:chẳng 忍 **Nhẫn**: nhịn 生 **sinh**: sinh ra 臨 **Lâm**: tới 機 **Cơ**: dịp, lúc 與 **dữ**: cùng 對 **Đối**: đáp lại, ứng với 境 **Cảnh**:cảnh mình gặp 妙 **Diệu**: khéo 在 **Tại**: ở 先 **Tiên**: trước 時 **Thì**: lúc 明 **Minh**: sáng, thấy rõ 佛 **Phật**: đức Phật 語 **Ngữ**: lời 在 **Tại**: ở 無 **Vô**: không 諍 **Tránh**: tranh biện, cãi nhau 儒 **Nho**: Nho 書 **Thư**: Sách 貴 **Quý**: quý chuộng 無 **Vô**: không 爭 **Tranh**: dành 好 **Hảo**: tốt 條 **Điều**: ngã, đường lối 快 **Khoái**: vui vẻ 活 **Hoạt**: sống, Không đứng một chỗ 路 **Lộ**: đường 世 **Thế**: đời 上 **thượng**: trên 少 **Thiểu**: ít 入 **Nhập**: người 行 **Hành**: đi 忍 **Nhẫn**: nhịn 是 **Thị**: ấy 身 **Thân**: mình 之 **Chi**: ấy 寶 **Bảo**: quý báu 不 **Bất**: Chẳng 忍

**Nhẫn:** nhin 身 **Thân:** thân mình 之 **Chi:** áy 殃 **Ương:** điều họa, hại 舌 **Thiệt:** lưỡi 柔 **Nhu:** Mềm 常 **Thường:** thường 在 **Tại:** ở 口 **Khẩu:** miệng 齒 **Xi:** răng  
 折 **Chiết:** gãy 只 **Chỉ:** chỉ có 爲 **Vi:** vì 剛 **Cương:** cứng 思 **Tư:** suy nghĩ 量  
**Lượng:** đong lường 這 **Giá:** áy 忍 **Nhẫn:** nhin 字 **Tự:** chữ 好 **Hảo:** tốt  
 箇 **Cá:** cái 快 **Khoái:** vui 活 **Hoạt:** sống, không đứng một chỗ 方 **Phương:** hướng,  
 phương thuốc 片 **Phiến:** một mảnh 時 **Thời:** thì giờ 不 **Bất:** chẳng 能 **Năng:** hay  
 忍 **Nhẫn:** nhin 煩 **Phiền:** buồn rầu 惱 **Não:** Cái óc trong đầu 日 **Nhật:** ngày 月  
**Nguyệt:** tháng 長 **Trường:** dài 愚 **Ngu:** ngu dốt 濁 **Trọc:** đục, không sạch 生  
**Sinh:** sinh ra 嗔 **Sân:** hờn 怒 **Nộ:** giận 皆 **Giai:** đều 因 **Nhân:** bởi vì, theo đó  
 理 **Lý:** lẽ 不 **Bất:** chẳng 通 **Thông:** Thông suốt 休 **Hưu:** thôi, đừng 添  
**Thiêm:** thêm 心 **Tâm:** lòng 上 **Thượng:** trên 火 **Hỏa:** lửa 只 **Chỉ:** chỉ có 作  
**Tác:** làm 耳 **Nhĩ:** lỗ tai 邊 **Biên:** một bên 風 **Phong:** gió 長 **Trường:** dài 短  
**Đoản:** ngắn 家 **Gia:** nhà 家 **Gia:** nhà 有 **Hữu:** có 炎 **Viêm:** nóng 涼  
**Lương:** mát 處 **Xứ:** nơi chốn 處 **Xứ:** nơi chốn 同 **Đồng:** cùng 是 **Thị:** áy 非  
**Phi:** trái 無 **Vô:** không 實 **Thực:** thật thà, đầy đủ 相 **Tướng:** trạng mạo 究  
**Cứu:** xét đoán, cuối cùng 竟 **Cánh:** cuối cùng 總 **Tổng:** tụ họp lại, tất cả 成  
**Thành:** nên 空 **Không:** hư không

( Sách Cảnh hành )

## DIỄN ÂM

Nhất thiết chư phiền não, giai tòng bất nhẫn sinh, lâm cơ dữ đối cảnh, diệu tại tiên thời minh, Phật ngữ tại vô tranh, Nho thư quý vô tranh, hảo điều khoái hoạt lộ, thể thượng thiếu nhân hành, nhẫn thị nhân chi bảo, bất nhẫn thân chi ương, thiết nhu thường tại khẩu, xỉ chiết chỉ vi cương. từ lượng giá nhẫn tự, hảo cá khoái hoạt phương, phiền thì bất năng nhẫn, phiền não nhật nguyệt trường, ngu trọc sinh sân nộ, giai nhân lý bất thông, hưu thiêm tâm thượng hỏa, chỉ tác nhĩ biên phong, trường đoản gia gia hữu, viêm lương xứ xứ đồng, thị phi vô thực tướng, cứu cánh tổng thành không.

## DIỄN NGHĨA

Hết thảy mọi phiền não đều do không nhẫn mà sinh ra, gặp cơ hội nào hoàn cảnh nào cũng phải giữ cho được bình tĩnh sáng suốt, Phật dạy không nên gây tranh cãi nhau, Nho quý chuộng điều không nên tranh dành nhau, đó là đường lối tốt rộng thênh thang, mà ít người trên đời dám bước, “ Nhẫn “ là của quý ở trong mình, “ không nhẫn “ là cái họa cho mình, , lưỡi mềm luôn được bao che ở trong miệng, răng cứng thường dễ bị gãy, xem đó biết chữ “ Nhẫn “ là phương cách xử thế khoan khoái cho con người, một lúc ngắn không thể “ nhẫn”, tất sự phiền não sẽ kéo dài nhiều ngày tháng, sợ dĩ ngu dốt sinh hờn giận, là vì không hiểu rõ lẽ đời, chớ để thêm lửa cháy ( Tham, Sạn, Si ) trong lòng, mà xem ( mọi sự gây ra rắc rối ) như gió thoảng ngoài tai, ai ai cũng có cái hay cái dở, xứ nào mà chẳng có lạnh có nóng, điều phải điều trái không có chân tướng ( chỉ là tương đối ), cuối cùng đều biến ra Không ( thực nhược hư, hữu nhược vô ).

*Cả hai bài trên đều nói về bản tính của con người và phương cách xử thế sao cho cuộc sống chung được hài hòa.*

Văn hoá Việt là nên Văn hoá “ Dĩ Hòa vi quý : lấy điều ăn ở sao cho hòa với nhau làm quý“, vì

Hòa “ là nguồn hạnh phúc chung , bất hoà là nguồn khổ đau của nhân loại, Hòa là cứu cánh của đời sống con người. Con người không những sống hòa với nhau , mà còn phải hòa với sự biến chuyển của vũ trụ nữa, ngày nay người ta mới nhận ra phải bảo tồn các môi trường cho được ổn định, nếu không sự rối loạn môi trường sẽ làm cho nhân loại lâm nguy.

Tính con người có thất tình : “ Hi, nộ, ai, cụ, ái, ó, dục: mừng, giận, bi thương, sợ hãi, thương, ghét, ham muốn “, nếu những mối tình đó phát ra đúng với tiết nhịp hòa của vũ trụ thì con người an vui, ngược lại là gây tai ương cho nhau.

Lại nữa con người là quỷ thần chi hội, lúc này là thánh, mai là quỷ không chừng, nên dễ ra gây ra bất hoà với nhau, nếu người bị đối xử bất hòa biết “ nhịn ” để không gây ra sự bất hòa lớn lên, thì

sự sống được yên ổn, chứ cứ tranh cãi nhau thì càng thêm gây oán thù rất nguy hiểm, nên để khỏi gây thêm bất hòa thì “ nhịn ” là phương cách hay nhất. Người biết Nhịn không phải là người khiếp nhược, mà là người làm chủ được mình., biết mình sống thế nào cho mình và mọi người được hạnh phúc, nhịn là việc nhỏ, mà Hoà là việc lớn. Người ta thường cứ nại cho mình phải, người kia trái, mình hay người kia dở, gây ra tranh cãi hơn thua, thực ra phải / trái, tốt / xấu ...là hai mặt của một vấn đề, nó nương với nhau mà hiện hữu, nên rất tương đối, cứ bám vào cái đối thay tương đối mà dành hơn thua gây ra bất hoà là sống trái với nhịp Hòa của vũ trụ. Cái hơn thua nhau là cái Nhỏ, mà sự sống hoà mới là cái Lớn, bỏ cái Nhỏ riêng mà đạt được cái Lớn chung gọi là “thông suốt đạo lý “ vậy.

---

### Bài thứ Bốn Mươi Lăm

子張 Tử Trương : Ông Tử Trương 欲 Dục : muốn 行 Hành: đi 辭 Từ : lời 於 U : với 夫子 Phu Tử: Đức Khổng Tử 願 Nguyên: xin 賜 Tứ: cho 一 Nhất: một 言 Ngôn: lời 爲 Vi: làm 修 Tu: sửa 身 Thân: mình 之 Chi: áy 要 Yếu: cốt yếu, rất cần 夫 tử Phu Tử: Đức Khổng Tử 曰 Viết: nói rằng 百 Bách : trăm 行 Hạnh : nét 之 Chi: áy 本 Bản: gốc 忍 Nhẫn : nhịn 之 Chi: áy 爲 Vi: làm 上 thượng: trên hết 子張: Ông Tử Trương 曰 Viết: nói rằng 何 Hà : sao 爲 Vi: làm 忍 Nhẫn: nhịn 之 Chi: áy 夫 tử:Phu tử: Đức Khổng Tử 曰 Viết: nói rằng 天 tử Thiên tử: con trời, tức ông vua 忍 Nhẫn: nhịn 之 Chi: áy 國 Quốc: nước 無 Vô : không 害 Hại : thiệt hại 諸侯 Chư hầu: các nước chư hầu, nước thần phục nước lớn 忍 Nhẫn : nhịn 之 Chi: áy 成 Thành : nên 其 Kỳ: thừa 大 Đại: lớn 官 吏 Quan lại: các ông quan lại 忍 Nhẫn: nhịn 之 Chi: áy 進 Tiến : tiến lên 其 Kỳ: thừa 位 Vị: ngôi vị 兄弟 Huynh đệ: anh em 忍 Nhẫn: nhịn 之 Chi: áy 家 Gia: nhà 富 Phú: giàu 貴 Quý: sang 夫 婦 Phu Thê: Chồng vợ 忍 Nhẫn: nhịn 之 Chi: áy 終 Chung: trọn 其 Kỳ: thừa 世 Thế : đời 朋友 B ằng hữu: bạn bè 忍 Nhẫn: nhịn 之 Chi: áy 名 Danh: tiếng tăm 不 Bất : chẳng 廢 Phế : bỏ 自 Tự : tự 身 Thân: mình 忍 Nhẫn: nhịn 之 Chi: áy 患 Hoạn: mối lo 禍 Họa: tai vạ 子張 Tử Trương : Ông Tử Trương 曰 Viết: nói rằng 不 Bất : chẳng 忍 Nhẫn: nhịn 何 Hà : sao 如 Như : như

夫子: Phu tử: Đức Khổng Tử 曰 Viêt: nói rằng 天子 Thiên tử: con trời, tức ông vua 不 Bất : chẳng 忍 Nhẫn: nhịn 國 Quốc: nước 空 Không: trống 虚 Hư: không 诸侯 Chư hầu: các nước chư hầu, nước thần phục nước lớn 不 Bất : chẳng 忍 Nhẫn: nhịn 喪 Táng: mất 其 Kỳ:

thừa 軀 Khu: mình 官吏 Quan lại: các ông quan lại 不 Bất : chẳng 忍 Nhẫn: nhịn 刑 罰 Hình phạt : hình phạt 誅 Tru: trách 兄弟 Huynh đệ: anh em 不 Bất : chẳng 忍 Nhẫn: nhịn 各 Các: đều 分 Phân : Chia 居 Cư : ở 夫 婦 Phu Thê: Chồng vợ 不 Bất : chẳng 忍 Nhẫn: nhịn 忍 Nhẫn: nhịn 情 Tình: tình 意 Ý: ý 疎 Sơ: xa 自 Tự : tự 身 Thân: mình 不 Bất : chẳng 忍 Nhẫn: nhịn 患 Hoạn: mối lo 不 Bất : chẳng 除 Trừ: trừ 子 張 Tử Trương : Ông Tử Trương 曰 Viêt: nói rằng 善 Thiện: lành, phải 哉 Tai: thay 善 Thiện: lành, phải 哉 Tai: thay 難 Nan : khó 忍 Nhẫn: nhịn 難 Nan :khó 忍 Nhẫn nhịn 非 Phi: chẳng phải 人 Nhân: người 不 Bất : chẳng 忍 Nhẫn: nhịn 不 Bất : chẳng 忍 Nhẫn: nhịn 非 Phi: chẳng phải 人 Nhân: người.

### Diễn âm

Tử Trương dục hành, từ ư Phu Tử, nguyện tứ nhất ngôn, vi tu thân chi yếu, Phu Tử viêt: Bạch hạnh chi bản, nhẫn chi vi thượng. Tử Trương viêt: Hà vi nhẫn chi? Phu Tử viêt: Thiên Tử nhẫn chi, quốc vô hại. Chư hầu nhẫn chi, Thành kỳ đại. Quan lại nhẫn chi, tấn kỳ vị. Huynh đệ nhẫn chi, gia phú quý. Phu phụ nhẫn chi, chung kỳ thế. Bằng hữu nhẫn chi, danh bất phê. Tự thân nhẫn chi, vô hoạn họa. Tử Trương viêt: Bất nhẫn hà như? Phu Tử viêt: Thiên Tử bất nhẫn, quốc không hư. Chư hầu bất nhẫn, táng kỳ khu. Quan lại bất nhẫn, hình phạt tru. Huynh đệ bất nhẫn, các phân cư. Phu phụ bất nhẫn, tình ý sơ. Tự thân bất nhẫn, hoạn bất trừ. Tử Trương viêt: Thiện tai. Thiện tai!

Phi nhân bất nhẫn, bất nhẫn phi nhân.

### Diễn nghĩa

Ông Tử Trương muốn đi xa, lại chào Đức Khổng Tử, xin Ngài dạy cho một lời cốt yếu về sự tu Thân. Đức Khổng Tử nói: **Gốc của trăm hạnh, nhẫn là hơn hết.** Ông Tử Trương hỏi: Làm sao phải nhẫn? Đức Khổng Tử giải thích: Thiên Tử mà nhẫn thì nước không bị hại. Chư hầu mà nhẫn thì sẽ mạnh lớn thêm. Quan lại mà nhẫn, thì chức vị sẽ thăng. Anh em mà nhẫn, thì cửa nhà giàu sang. Vợ chồng mà nhẫn, thì ở với nhau được trọn đời. Bè bạn mà nhẫn thì thanh danh không mất. Hễ mình nhịn được thì không lo tai họa.

Ông Tử Trương lại hỏi: **Bất nhẫn** sẽ ra sao? Đức Khổng Tử đáp: Thiên Tử mà bất nhẫn thì nước sẽ trống không. Chư hầu bất nhẫn thì mất mạng. Quan lại bất nhẫn thì sẽ bị hình phạt. Anh em bất nhẫn thì sẽ bị chia xa. Vợ chồng bất nhẫn thì tình ý lạt phai. Tự mình bất nhẫn thì không tránh được âu lo. Ông Tử Trương nói rằng: Phải lắm, phải lắm. Không phải là người thì không biết nhịn, Không biết nhịn thì không phải là người.

*Bài này Đức Khổng Tử lý giải cái lợi của sự nhịn, và bất lợi của sự chẳng nhịn. Ta nên nhớ rằng, nếu sự sống hòa thuận với nhau là quý, nên nhịn được để có sự hoà thuận thì là nên nhịn, người biết nén sự nóng giận không những để giữ hòa khí, mặt khác sự nhịn làm cho đối phương thấy được sự mất tự chủ của họ, nên có cơ để cảm hóa họ. Kẻ làm chủ được mình không để cho cái tức giận sai sử mình, đó là con người hùng, chứ không phải người hèn, đành rằng không phải khi nào cũng phải nhịn. Cha ông chúng ta đã bảo: “ Một sự nhịn chín sự lành “ mục đích*

là giữ hoà khí với nhau, chỉ có hoà khí mới giúp người ta sống hạnh phúc, mà hạnh phúc là cùng đích của đời sống con người, nên sự nhịn thật quan trọng.

### Bài thứ Bốn Mười sáu

屈 Khuất: Co lại, cúi xuống 己 Kỷ: mình 者 Giả: ấy 能 Năng : hay 處 Xứ: ở, quyết đoán  
衆 Chúng: nhiều người, số đông 好 Hiếu: thích, ham 勝 Thắng: hơn, 者 Giả: ấy 必 Tất: ắt  
遇 Ngộ: gặp 敵 Địch: Cừ thù, chống cự nhau ( Sách Cảnh Hành )

張敬夫 Trương Kính Phu: Ông Trương Kính Phu 曰 Viêt: nói rằng 小 Tiểu: nhỏ 勇 Dũng:  
sức mạnh 者 Giả: ấy 血 Huyết : máu 氣 Khí: Cái hơi thở, cái vô hình không thấy mà cảm ứng  
nhau được 之 Chi: ấy 怒 Nộ: giận 大 Đại: lớn 勇 Dũng: sức mạnh 者 Giả: ấy 義 Nghĩa:  
Việc theo đường lối phải 理 Lý: lẽ 之 Chi: ấy 怒 Nộ: giận 也 Dã: vậy 血 Huyết : máu 氣  
Khí: Cái hơi thở, cái vô hình không thấy mà cảm ứng 之 Chi: ấy 怒 Nộ: giận 不 Bất : không  
可 Khả: có thể 有 Hữu: có 義 Nghĩa: Việc theo đường lối phải 理 Lý: lẽ 之 Chi: ấy  
怒 Nộ: giận 不 Bất : không 可 Khả: có thể 無 Vô : không.

#### Diễn âm

*Khuất kỷ giả, năng xử chúng. Hiếu thắng giả tất ngộ địch. Trương Kính Phu viết: Tiểu dũng giả, huyết khí chi nộ. đại dũng giả, nghĩa khí chi nộ dã. Huyết khí chi nộ, bất khả hữu, nghĩa lý chi nộ bất khả vô.*

#### Diễn nghĩa

Người chịu khuất mình, nghĩa là khiêm nhường, thì ăn ở yên lành với nhiều người. Người hiếu thắng, nghĩa là dành phần được, thì thế nào cũng gặp kẻ địch.

*Người ta bảo người mạnh nhất là người giữ được tính tự chủ hay là người điều khiển được chính mình, có tự chủ được mới có thể khiêm nhường, còn người hiếu thắng vì không kìm hãm được Tham, Sân, Si được do hiếu thắng, nên mới tạo ra kẻ địch.*

Ông Trương Kính Phu nói: Cái Dũng nhỏ là cái nóng giận của khí huyết. Cái Dũng lớn là cái nóng giận của Nghĩa lý. Cái nóng giận của khí huyết thì không nên có, trái lại cái nóng giận của Nghĩa lý thì không thể không.

*Cái nóng giận của khí huyết là do Tham, Sân, Si. Cái nóng giận của Nghĩa lý là vì Đạo lý làm người.*

### Bài thứ Bốn Mười Bảy

老子 曰 Lão Tử viết: Lão Tử nói rằng 上 Thượng sĩ: Người nghiên cứu, học vấn, hạng sĩ phu văn 無 Vô: không 爭 Tranh : dành 下 Hạ sĩ: Người ít học thấp kém 好 Hiếu: Ưa thích 事 Sự : việc 凡 Phàm: hễ 事 Sự : việc 留 Lưu: Dừng lại, để lại, cầm lại 人 Nhân: người 情 Tình: Mọi cảm xúc trong lòng như mừng, giận . . . 後 Hậu: sau 来 Lai: Đến khi, về sau 好 Hảo : tốt 相 Tương: cùng 見 Kiến: trông thấy.

#### Diễn âm

Lão Tử viết: Thượng sĩ vô tranh, Hạ sĩ hiếu sự. Phàm lưu nhân tình, hậu lai hảo tương kiến

( Chữ 好 : tùy trường hợp, có khi là hiếu có khi là hảo )

### Diễn nghĩa

Bậc sĩ phu không tranh dành, hạ thấp kém hay sinh sự. Ở đời phải ăn ở có tình thì hậu quả mới tốt đẹp.

*Bậc sĩ phu không tranh dành vì tinh thần hiếu hòa, chứ không phải hèn yếu, hạ thấp kém hay sinh sự để dành phần hơn, đó là do tham lam, hiếu thắng, việc này làm thiệt hại đến người khác nhiều khi rước tai họa vào thân. Xử Tình làm cho người ta gần nhau, mà hòa với nhau, vì hoà là nền tảng của hạnh phúc, nên Cha ông chúng ta mới căn dặn: “ Dĩ hòa vi quý : lấy điều hòa thuận với nhau làm quý trọng “.*

### Bài thứ Bốn Mươi Tám : Khuyến học

勸學 ( Khuyến học: Lời khuyên về việc học hành )

子夏曰 Tử Hạ viết: Ông Tử Hạ nói rằng : 博 Bác : rộng 學 Học: Bắt chước, chịu thầy dạy đạo lý cho 而 Nhi: mà 篤 Đốc: dốc lòng 志 Chí: Cái lòng muốn, ý riêng 切 Thiệt: khắc vào, gáp gáp 問 Vấn: hỏi 而 Nhi: mà 近 Cận: gần 思 Tư : nghĩ, lo, nhớ 仁 Nhân: Lòng thương người, thương yêu 在 Tại: ở chỗ 其 Kỳ: Chữ dùng để chỉ cái gì 中 Trung : ở trong, ở giữa 矣 Hỷ: vậy

性理云 Tính Lý vân : sách Tính Lý nói rằng: 博 Bác : rộng 學 Học: Bắt chước, chịu thầy dạy đạo lý cho 之: Chi: ấy 審 Thâm : Biết rõ tình hình, khảo sát kỹ càng 問 Vấn: hỏi 之: Chi: ấy 慎 Thận: cẩn thận, không vội vàng 思 Tư :nghĩ, lo, nhớ 之 Chi: ấy 明 Minh: sáng sủa, trong sáng 辨 Biện: Xét rõ để phân biệt 之 Chi: ấy 篤 Đốc: dốc lòng 行 hành:làm 之 Chi: ấy .

### Diễn Âm

Tử Hạ viết: Bác học nhi đốc chí, thiết vấn nhi cận tư, Nhân tại kỳ trung hỷ.

Tính Lý vân: Bác học chi, Thâm ( quảng ) vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi.

### Diễn nghĩa

Ông Tử Hạ nói rằng: Phải đốc chí học cho rộng, phải mau chóng học hỏi cho rõ ràng ý nghĩa và khắc sâu vào lòng, thì điều Nhân đã có ở trong vậy.

Ta nên hiểu điều “ Nhân là lòng thương mình, thương người và muôn loài “ là điều quan trọng bậc nhất của con người, và mục đích của việc học là học Đạo lý làm người để có lòng Nhân, nên muốn có lòng Nhân thì phải đốc chí học cho rộng hiểu cho sâu và ghi tâm khắc cốt mà hành cho được.

Để hiểu rõ hơn, ta nên biết bậc thang 5 bước về việc học của Tổ tiên xưa ( nhà Nho ). Đó là :

1.- **Bác học:** học cho rộng

2.- **Thẩm vấn:** Hỏi cho kỹ để biết rõ tình hình, có chỗ lại dùng chữ **Quảng vấn** : hỏi cho rộng để hiểu cho rõ khỏi phiến diện.

3.- **Thận tư:** suy nghĩ cho cẩn thận, đừng có hấp tấp mà sơ sót. Có nơi thì nói Cận tư tức là suy nghĩ những vấn đề gần gũi với con người, những nhu yếu của con người để giúp phát triển toàn diện con người. Có nơi dùng chữ cận tư, đã được giải nghĩa ở trên.

4.- **Minh biện:** Phải phân biệt cho rõ ràng, để tránh ngộ nhận, nghĩa là phải phân tích và tổng hợp cho đến nơi đến chốn.

5.- **Đốc hành:** Phải đem những điều đã học được mà dốc lòng thực hiện trong đời sống, vì những điều học được đều là đạo lý làm người, đạo lý làm người có hai điều quan trọng: Một là **Nhân** tức là lòng kính trọng, thương yêu mình, mọi người và vạn vật và lòng tương dung để khỏi làm mất mối liên hệ với nhau. Hai là **Nghĩa** là bổn phận đối xử với nhau, tức là ăn ở công bằng để giữ mối Hoà. vì Hoà là nền tảng của hạnh phúc mọi người. Đó là nền Văn hoá “ Dĩ Hoà vi quý: lấy điều ăn ở hoà với nhau làm quý ”

### Bài thứ Bốn mươi Chín

不 Bất :chẳng 登 Đãng: lên 峻 Tuân:Cao, lớn dốc, gập 嶺 Lĩnh : Đỉnh Núi 不 Bất: chẳng 知 Tri: biết 天 Thiên: Trời 高 Cao: cao 不 Bất: không 履 Lý: đạp xéo lên, dẫm chân lên 深 Thâm: sâu 涯 Nhai:Bờ nước, chỗ cuối cùng 豈 khởi : há, chữ dùng để hỏi, còn ngờ 知 Tri: biết 地 Địa: đất 厚 Hậu: dày 不 Bất : chẳng 遊 Du: Đi chơi 聖 Thánh:Người học thức và đạo đức rất thâm cao 道 Đạo: Đùng đi về nguồn, đạo lý 安 Yên: sao, làm sao 得 Đắc: được 調 Vị; bảo, nói 賢 Hiên: Người có đức hạnh, tài năng?

### Diễn Âm

Bất đăng tuân lĩnh, bất tri Thiên cao. Bất lý thâm nhai, khởi tri Địa hậu. Bất du Thành Đạo, yên đắc vị hiên.

### Diễn nghĩa

Không lên đỉnh núi cao, thì không biết Trời cao. Không dẫm chân xuống (đi tới) vực sâu (dưới Đất), sao biết Đất dày. Không qua Đạo Thánh nhân, sao gọi người Hiên, tức là người có Tư cách và khả năng?

*Trời cao Đất dày là hai đối cực, ngược chiều, có trèo lên cao và phải lặn xuống sâu mới nhận ra Lẽ Trời Đất. Con Người biết sống kết hợp hài hòa được nghịch lý đó thì mới đạt Minh triết, trở thành người hiên. Vì vậy cho nên muốn trở thành Người Hiên là người có Tư cách và Khả năng thì phải kinh qua Nhân Đạo là đường mà cha ông chúng ta gọi “ Nhân giả kỳ Thiên Địa chi Đức “. Đạo của Trời là Nhân, đức của Đất là Nghĩa, phải hướng lên Trời, mà tu dưỡng những giá trị trùu tượng nghĩa là tu cho đạt Đạo Nhân, và cũng phải sống dưới Đất nghĩa là ở Đời để thi hành được Đức Nghĩa là lẽ sống công bằng bằng hành động thể thì mới sống Hoà với nhau được.*

*Đây là thái độ sống theo Triết, nghĩa là Triệt Thượng như lên Trời để tu dưỡng những giá trị cao, cả, đó là lòng Nhân ái, và triệt Hạ như xuống Biển ( Đất ) sâu để học rộng biết sâu về Trí, hậu chu tri, nghĩa có chân lý tròn đầy không phiến diện. Nếu biết kết hợp hài hòa hai đối cực Trời Đất thì kết hợp được tinh hoa của Thiên Địa thì đạt Minh triết. nghĩa là có cuộc sống Hoà mà hưởng hạnh phúc.*

## Bài thứ năm Mười

诸葛武侯 Gia Cát Võ Hầu tức là Ông Khổng Minh ) 曰 Viết: nói rằng : 君子 Quân tử: Người có Nhân, Trí, Dũng 之 Chi: ấy 行 Hạnh: là tính nét 靜 Tĩnh: yên lặng 以 Dĩ: lấy 修 Tu: sửa 身 Thân: mình 儉 Kiệm: dè dặt, không hoang phí 以 Dĩ: lấy 養 Dưỡng: nuôi 德 Đức: đạo lý làm người, điều thiện 非 Phi: Chẳng phải 淡 Đạm: nhạt 薄 Bạc: mỏng mảnh, nhạt lẻo, nhỏ nhen 無 Vô: không 以 Dĩ: lấy, để 明 Minh: Sáng 志 Chí: cái lòng muốn, tâm của kẻ sĩ 非 Phi: chẳng 寧 Ninh: im lặng 靜 Tĩnh: yên lặng, không động 無 Vô: không 以 Dĩ: để 致 Trí: Tìm đến chỗ cùng cực 遠 Viễn: xa 夫 Phù: vậy ôi, tán thán tự! 学 Học: Chịu thầy dạy cho đạo lý 須 Tu: nên 靜 Tĩnh: Yên lặng 也 dã: vậy 才 Tài: Có thể làm việc được 須 Tu: nên 学 Học: Chịu thầy dạy cho đạo lý 也 dã: vậy 非 Phi: chẳng 学 Học: Chịu thầy dạy cho đạo lý 無 Vô: không 以 Dĩ: lấy 廣 Quảng: rộng rãi 才 Tài: Có thể làm việc được 非 Phi: chẳng 靜 Tĩnh: Yên lặng 無 Vô: không 以 Dĩ: để 成 Thành: nên 学 Học: Chịu thầy dạy cho đạo lý 慍 Thao : lờn, lâu lác 慢 Mạn : Kiêu ngạo, phóng túng 則 Tác : thì 不 Bất : Chẳng 能 Năng: Có thể làm được 研 Nghiên: nghiền nhỏ ra, tìm hiểu đến cùng 精 Tinh: Bỏ tạp chất, chọn lấy phần tinh túy 險 Hiểm : Thê đất khó đi, tính tình thâm độc 躁 Táo: rối loạn, nóng nảy 則 Tác : thì 不 Bất : Chẳng 能 Năng: Có thể làm được 理 Lý: sửa trị 性 Tính: Bản chất của con người 年 Niên :

năm 與 Dữ : cùng 時 Thì: thời 馳 Trì: truyền đi, theo 意 Ý: Tư tưởng trong lòng, ý nghĩ 與 Dữ : cùng 歲 Tuế : tuổi 去 Khứ : đi 遂 Toại: Việc đã thành công 成 Thành: nên 枯 Khô: khô héo 落 Lạc : rụng 悲 Bi: thương xót 歎 Thán: than 窮 Cùng: cuối hết, tìm tòi, khôn khổ 廬 Lư: nhà 特 Trưng: Muốn mà chưa làm 復 Phục: trở về, đáp lại 何 Hà : sao 及 Cập : kịp 也 Dã: vậy .

### Diễn âm

Gia Cát Võ hầu viết: Quân tử chi hạnh, tĩnh dĩ tu thân, kiệm dĩ dưỡng đức, phi đạm bạc vô dĩ minh chí, vô ninh tĩnh vô dĩ trí viễn. Phù ! Học tu tĩnh dã, tài tu học dã , phi học vô dĩ quảng tài, phi tĩnh vô dĩ thành học. Thao mạn tác bất năng nghiên tinh. Hiểm táo tác bất năng lý tính. Niên dữ thời trí ý dữ tuế khứ, toại thành khô lạc. Bi thán cùng lư, tương phục hà cập dã.

### Diễn nghĩa

Ông Gia Cát Võ Hầu tức là Ông Khổng Minh nói : Đức hạnh của người quân tử là : **Tĩnh** để tu thân, **kiệm** để nuôi đức, không đạm bạc thì không thể làm sáng chí tức là lòng của kẻ sĩ, không yên lặng ( silence ) và bất động ( stillness ) thì không nghĩ được xa. Ôi ! Muốn Học thì phải nên Tĩnh, và muốn có Tài thì càng nên học. Không Học thì làm sao cho Tài tức là sự hiểu biết được rộng thêm, không Tĩnh thì làm sao mà Học được thấu đáo. Kiêu mạn, phóng túng thì làm sao nghiên cứu được tinh tường, nóng nảy thì không thể sửa đổi tính nết. Năm tháng trôi theo thời, tư tưởng đi theo tuổi tác, tất cả đều rơi rụng héo khô. Về già mà xót thương than vãn nơi xó thì nhà làm sao mà hồi kịp nữa.

### Chú giải

*Muốn trau dồi Đức hạnh thì phải Tu, phải sửa mình, mà Tu thì phải Tĩnh, tìm nơi vắng vẻ mà Tĩnh Tâm, có đi vào Tâm mới gặp Tĩnh khi đó mới có Nhân Tĩnh, Tĩnh là Bản tính của con Người. Khi sống thì phải dè dặt không theo tà dục mà sống hoang phí nghĩa là giữ mình làm sao cho nếp sống được tiết độ, giúp cho cõi Lòng luôn được thanh thoi, Trí được trong sáng, khi đó Trí nghĩ mới sáng suốt, mới nhìn xa thấy rộng. Vì vậy cho nên các nhà tu trì đều tìm nơi vắng vẻ, ngồi bất*



*động, bỏ những cạm bẫy « Tham, Sân, Si » của cuộc đời mà tu thân hầu un đức nguồn nhân ái. Khi có được nguồn nhân ái thì cõi lòng được thanh thoi, trí óc trống rỗng nghĩa là không chất chứa đầy thành kiến thì mới có chỗ để thâm nhận giúp cho việc học được đến nơi đến chốn, cũng như có đủ sáng suốt để phân biệt thực hư. Khi có được sự hiểu biết tròn đầy không phiến diện thì đa trí tức mưu tất sẽ có tài. Những người nóng nảy, tính tình kiêu mạn làm sao hiểu biết được tình huống tận mọi sự mà sửa đổi tính nết cho ngày một tốt hơn. Thời gian là phương thế giúp ta tu thân bỏ đi nết xấu, cứ để cho năm tháng trôi qua mà bất động, thì phỏng đến lúc già nua ở trong xó nhà mà than thở, phỏng được ích gì ?*

## **Bài thứ Năm Mười Một**

### **Huấn tử : Dạy con**

柳 Liễu 屯 Đôn 田 Điền 勸 khuyến : Khuyên 学 Học : học 文 Văn: nói rằng 父: Phụ: Cha 母 Mẫu: Mẹ 養 Dưỡng : nuôi nấng 其 Kỳ:Chữ dùng để chỉ cái gì 子 Tử: Người con 而 Nhi mà: 不 Bất: Chẳng 教 Giáo: dạy dỗ 是 Thị : Ấy là 不 Bất: chẳng 愛 Ái : yêu thương 其 Kỳ: Chữ dùng để chỉ cái gì 子 Tử: Người con 也 Dã :vậy 雖 Tuy: Dầu 教 Giáo: dạy dỗ 而 Nhi: mà 不 Bất: chẳng 嚴 Nghiêm: có uy thế đáng nể sợ 是 Thị : Ấy là 亦 Diệc : Cũng 不Nhi: mà 愛 Ái : yêu thương 其 Kỳ :Chữ dùng để chỉ cái gì 子 Tử: Người con 也 Dã :vậy 父 Phụ: Cha 母 Mẫu: Mẹ 教 Giáo: dạy dỗ 而 Nhi: mà 不 Bất: Chẳng 学 Học : học 是 Thị : Ấy là 子 Tử: Người con 不 Bất: chẳng 愛 Ái : yêu thương 其 Kỳ:Chữ dùng để chỉ cái gì 身 Thân : mình 也 Dã :vậy 雖 Tuy: Dầu 学 Học : học 而 Nhi: mà 不 Nhi: mà 勤 Cần : siêng năng 是Dã :vậy 亦 Diệc : cũng 不 Bất : Chẳng 愛 Ái : yêu thương 其 Kỳ:Chữ dùng để chỉ cái gì 身 Thân : mình 也 Dã :vậy 是 Dã :vậy 故 Cố : cho nên 養 Dưỡng : nuôi nấng 子 Tử: Người con 必 Tất : ắt 教 Giáo: dạy dỗ 教 Giáo: dạy dỗ 则 Tác : thì, phải 必 Tất : ắt 嚴 Nghiêm: có uy thế đáng nể sợ 嚴 Nghiêm: có uy thế đáng nể sợ 则 Tác : thì, phải 必 Tất : ắt 勤 Cần : siêng năng 勤 Cần : siêng năng 则 Tác : thì, phải 必 Tất : ắt 我 Ngã : ta 学 Học : học 则 Tác : thì, phải 庶 Thứ : Nhiều, đông 人 Nhân : người 之 Chi : ấy 子 Tử : người con 爲 Vi : làm 公 Công : việc chung, tước chư hầu thứ nhất ngày xưa 卿 Khanh : Tên chức quan ngày xưa. Công Khanh : Chức Tam công và Cửu Khanh ngày xưa ở nước Tàu 不 Bất : Chẳng 学 Học : học 则 Tác : thì, phải 公 Công 卿 Công Khanh : Chức quan to ngày xưa 之 Chi : ấy 子 Tử : người con 爲 Vi : làm 庶 人 Thứ nhân : người dân bình thường .

### **Diễn âm**

Liễu Đôn Điền khuyến học văn: Phụ mẫu dưỡng kỳ tử nhi bất giáo, thị bất ái kỳ tử dã, tuy giáo nhi bất nghiêm, thị diệc bất ái kỳ tử dã, phụ mẫu giáo nhi bất học, thị tử bất ái kỳ thân dã, tuy học nhi bất cần, thị diệc bất ái kỳ thân dã, thị cố dưỡng tử bất giáo, giáo tác tất nghiêm, nghiêm tác tất cần, cần tác thành, học tác thứ nhân chi tử vi công Khanh, bất học, tác công Khanh chi tử vi thứ dân.

### **Diễn nghĩa**

*Ông Đôn Điền họ Liễu khuyến về việc học rằng: Cha mẹ nuôi con mà không dạy dỗ cho nên người thì không yêu con một cách tích cực. Tuy dạy dỗ mà không nghiêm trang, để tạo uy thế cho con cái vui lòng nghe theo thì cũng chưa thực sự yêu mến con cái. Cha mẹ dạy dỗ mà con không chịu học nghĩa là vâng theo để cho mình nên người, thì chính người con không biết yêu thân mình. Tuy*

học mà không học một cách chuyên cần để có tư cách và khả năng, thì cũng là chưa thực sự yêu mến mình vậy. Vậy dạy dỗ con cái là công việc lâu dài và khó nhất trên đời, vì còn là một nghệ thuật, nên nuôi con cái thì phải dạy dỗ, dạy dỗ thì phải nghiêm trang để con cái không lờn mà có chuyên cần học tập để thành nhân ( tư cách ) và thành thân ( khả năng ). Có học thì con của người dân có thể thành ông quan to nhờ có Đức Tài, còn con của quan to mà không học thì trở thành người dân.

Trong việc dạy dỗ con cái thì việc trau dồi tư cách cho người con là việc quan trọng hàng đầu, vì khi có tư cách thì sẽ làm tốt mọi việc, còn khi có khả năng ăn nên làm ra, mà không có tư cách tất làm bậy thì sẽ mất hết mọi sự!

### Bài Thứ Năm Mười Hai

莊子 Trang Tử: Ông Trang Tử 曰 Viêt: Nói rằng 事 Sự : Việc 雖 Tuy:Tuy, mặc dầu 小 Tiểu : nhỏ 不 Bất : chẳng 作 tác: làm 不 Bất : chẳng 成 Thành: nên 子 Tử : Người con 雖 Tuy:Tuy, mặc dầu 賢 Hiên: hiền lành, Không ác 不 Bất : chẳng 教 Giáo: dạy dỗ 不 Bất : chẳng 明 Minh: sáng suốt, hiểu được đạo lý làm người, tức là Nhân Nghĩa.

漢書 Hán thư : Sách nhà Hán, thực ra là sách Nho giáo bị nhà Hán nhận làm chủ và xuyên tạc ) 曰 Viêt: Nói rằng 黃 Hoàng: Tốt 金 Kim: vàng 滿 Mãn: đầy 贏 Doanh: rương 不 Bất: chẳng, không 如 Như: bằng 教 Giáo:

dạy dỗ 子 Tử :Người con 一 Nhất : một 經 Kinh: Kinh: Cuốn sách chứa Kinh Điển, tức chứa Minh triết,.. 賜 Mối: Tứ : cho 子 Tử :Người con 千 Thiên: ngàn 金 Kim : vàng 不 Bất: chẳng, không 如 Như: bằng 教 Giáo dạy dỗ 子 Tử :Người con 一 Nhất : một 藝 Nghệ: nghệ 至 Chí : rất 樂 Lạc : vui 莫 Mạc : chẳng 如 Như : bằng 讀 Độc: đọc 書 thư : Sách 至 Chí : rất 要 Yếu : cầu 莫 Mạc:chẳng 如 Như : bằng 教 Giáo dạy dỗ 子 Tử :Người con .

### Diễn âm

Sự tuy tiểu, bất tác bất thành. Tử tuy hiên bất giáo bất minh. Hán thư viết: Hoàng kim mãn doanh, bất như giáo tử nhất kinh. Tứ tử thiên kim, bất như giáo tử nhất nghệ. Chí lạc mạc như độc thư, chí yếu mạc như giáo tử.

### Diễn nghĩa

Trang tử nói : Việc dẫu nhỏ, không làm thì không thành, con dẫu hiền, không được dạy dỗ thì vẫn không được sáng suốt.

Sách nhà Hán ( thực ra là Nho giáo ) nói : Để lại cho con ngàn vàng, không bằng dạy cho nó một pho Kinh Điển. Để lại cho con ngàn vàng, không bằng dạy cho nó một nghề. Vui nào vui hơn đọc sách, Cần gì hơn cần dạy con.

### Chú giải thêm

Hán thư là sách của nhà Hán, đây là một tiết nhận, nhà Hán lấy Nho giáo làm của riêng mình, không những thế nhà Hán còn cạo sửa Nho Vương đạo thành Hán Nho bá đạo, trọng Nam khinh Nữ, tôn Quân làm Thiên tử để đi gây chiến tranh và bành trướng.

Người ta thường hư đi vì **khinh thường những cái nhỏ nhất, cho là không quan trọng nên không làm**, không làm thì không có được cái nhỏ, không có cái nhỏ thì làm sao có cái to. Không làm thì

không có gì cả, tay không vãn hoàn tay không, nhất là sinh ra lười biếng, ỷ lại, bao nhiêu tính xấu do sự « Nhân cư vi bất thiện » mà ra, nan đề bất công xã hội làm đều bắt nguồn từ đây.

Con cái dẫu hiền, khi còn nhỏ thì Tâm Trí còn như tờ giấy trắng, nếu không được dạy dỗ Kinh Điển về Đạo lý làm Người thì không khôn sáng được, đầu óc trống rỗng thì những tính xấu nhiễm vào. Kinh Điển là sách của Thánh Hiền đời xưa viết về Đạo lý làm người giúp đào luyện con cháu Thành Nhân và thành Thân. Thành Nhân thì biết cách ăn ở theo đạo lý làm người tức là Nhân Nghĩa mà sống hòa với mọi người, có thành Thân tức là có kiến thức mà ăn nên làm ra. Khi con người vừa thành Nhân và thành Thân thì biết cách sống để đạt Hạnh phúc tức là Thân an, Tâm lạc, Hạnh phúc là cùng đích của cuộc sống con người.

Cha ông chúng ta bảo : « **nhất nghệ tinh nhất thân vinh** : có học được một nghề tinh xảo thì Thân mình mới sung sướng và vẻ vang được ». Nghề là nguồn sinh lợi hơn ngàn vàng, ngàn vàng tiêu lâu cũng hết, nhưng một nghề thì cứ luôn sinh lợi cho mình. Có nghề thì mới sống tự lập được, không bị sa vào vòng nô lệ, nhất là có cuộc sống Tự do.

Có « **cái Ăn và Tự do** » do Nghề đem lại thì đã có nền tảng hạnh phúc rồi.

Nhờ có học mà Thành Nhân và thành Thân, mà có cái nghề và biết cách sống, nên sự học là cần thiết biết bao ! Cách thương con tích cực nhất là đào luyện cho chúng thành Nhân và thành Thân, để có thể sống Tự lập và hạnh phúc trong mọi hoàn cảnh, chứ để của cải cho con thì chỉ làm hư chúng mà thôi, nên việc dạy con là tối thiết !

---

## PHẦN TRÍCH MỘT SỐ BÀI

CỦA Nhuoc Thuy

MINH TÂM BẢO GIÁM TUYỂN DỊCH -- 明心寶鑑 選譯

(20) Nhuoc Thuy:

## MINH TÂM BẢO GIÁM TUYỂN DỊCH

明心寶鑑 選譯

**LGT:-** Sách "Minh Tâm Bảo Giám" 《明心寶鑑》 là quyển sách rất có giá trị suốt ngàn năm ở Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc. Là tinh hoa đạo đức của Tam giáo, ứng dụng để "làm người" rất tốt. Người xưa hết sức trân quý bộ sách này.

Nguyên tác quá dài nên chúng tôi chọn giới thiệu Phần tuyển dịch của GS Ngô Văn Lại, để nhận thức được một số tinh hoa của sách mà thôi. Trong bản của GS. Lại,

không có phần Âm Hán Việt, nên tôi đưa thêm vào, để quý vị tiện việc theo dõi.

Phần nguyên tác quý vị có thể tải ở:-

<http://book.qq.com/s/book/0/5/5976/index.shtml>

Trân trọng.

## **Nhược Thủy**

(Mùa Đông Canh Dần—2010)

-----

### **MINH TÂM BẢO GIÁM TUYỂN DỊCH**

明心寶鑑選譯

\*秋适 著

\*吳文賴老師 選譯

\*Tác giả :-Thu Quát.

\*Tuyển dịch:- Giáo sư Ngô Văn Lại.

#### **I - Ý nghĩa tác phẩm.**

Tên gọi Minh Tâm Bảo Giám 明心寶鑑 có nghĩa là "gương báu" (soi) sáng lòng" - gương báu chỉ những lời răn dạy của thánh hiền (những nhân vật trong xã hội và lịch sử có trí tuệ, nhân cách vượt trội mọi người) Lời răn dạy của các nhân vật ấy vốn chịu nhiều ảnh hưởng của ba luồng tư tưởng chính thống trong xã hội Á Đông: Nho, Phật, Lão.

Những tư tưởng ấy tồn tại hăm lăm thế kỷ nay và đã góp phần tích cực cho đạo lý làm người. Ngày nay chúng không còn giữ nguyên vẹn giá trị giáo điều như buổi đầu mà phần lớn chỉ còn giá trị tham khảo. Tuy nhiên, chân lý của chúng vốn đã được loài người vận dụng vào cuộc sống suốt một thời gian dài, vì vậy những ai cảm thấy dị

ứng với chúng cũng có nghĩa là dị ứng với nhân loại trong quá khứ, tức dị ứng với tiền nhân.

## II - Nguồn gốc tác phẩm.

Sách Minh Tâm Bảo Giám xuất hiện ở Triều Tiên (Hàn Quốc) vào cuối thế kỷ XIII do một văn thần triều vua Trung Liệt vương biên soạn. Văn thần ấy là Thu Quát (秋适 1245 - 1317) người Triều Tiên gốc Trung Quốc.

Tổ xa đời của Thu Quát là Thu Khải (秋瞿) giữ chức Môn hạ Thị trung (chức quan làm việc cạnh vua) ở Trung Quốc dưới triều Tống Cao Tông (1127 - 1162). Bảy giờ hầu hết lãnh thổ Trung Quốc đã về tay quân Kim (thuộc bộ tộc Nữ Chân, cư dân ở khoảng giữa sông Tùng Hoa và sông Áp Lục, tổ tiên của nhà Thanh sau này) lãnh thổ nước Liêu và nhà Tống đang bị thôn tính dần dần theo kiểu tằm ăn dâu (Kim Thái Tổ đã lên ngôi từ năm 1115) Cuối cùng vua tột nhà Tống di tản về Phúc Kiến, trở thành nhà Nam Tống (1127 - 1179), thần phục nước Kim trong bước đường cùng, chấp nhận nhiều điều kiện cực kỳ nhục nhã.

Trong tình hình ấy, Thu Khải bỏ quan lưu vong sang Triều Tiên, định cư ở Hàm Hưng được khoảng năm đời, đến đời Thu Quát làm đến chức Dân bộ Thượng thư Nghệ văn quán Đại đề học (hàm nghĩa như Bộ Trưởng Văn Hóa ngày nay).

Trong thời kỳ còn giữ chức Giáo dục Quốc Học, vào năm Trung Liệt 31, Thu Quát tiến hành chọn lọc tinh hoa chừ tử biên soạn nên sách Minh Tâm Bảo Giám gồm 260 câu, chia làm 19 thiên. Sách liền được hoan nghênh rộng rãi và được chọn làm tài liệu giảng dạy. Hiện nay tại thư viện Nhân Hưng trong khuôn viên từ đường họ Thu ở thành phố Đại Khâu, Hàn Quốc còn bảo quản hơn 160 mảnh khắc gỗ sách Minh Tâm Bảo Giám của Thu Quát (tên người, tên đất trên đây được phiên âm theo Trung Quốc).

Đến năm Cung Du Vương 12, cháu nội Thu Quát là Thu Suyền (秋湍) quay về tổ quốc tham gia nghĩa quân Chu Nguyên Chương (1328 - 1398). Khi nhà Minh thành lập (1368) Thu Suyền trở thành công thần mở nước. Nhân cơ hội ấy, Thu Suyền bèn đưa sách Minh Tâm Bảo Giám của ông nội mình phổ biến vào Trung Quốc. Phạm Lập Bản (范立本) liền dựa theo sách ấy mở rộng thành tác phẩm có 20 thiên, chứa hơn 600 câu. Từ đó sách được biên tập, chỉnh lý, bổ sung nhiều lần (nhu cầu bắt buộc của một đất nước mệnh mông nhưng giao thông hạn chế!) đặc biệt là vào thời Vạn Lịch (Minh Thần Tông 1573 - 1619).

Các sách Minh Tâm Bảo Giám lưu hành rộng rãi ở Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam

trước đây phần lớn dựa theo bản Vạn Lịch (người ta không nhắc tên người biên soạn nữa có lẽ vì tác giả thực thụ chính là những người phát biểu ý kiến đã được trích dẫn). Người dùng sách ngày nay nên hiểu rằng bản gốc của Thu Quát chỉ còn ý nghĩa lịch sử, còn ý nghĩa văn hóa thì thuộc về bản Vạn Lịch ra đời sau bản Thu Quát ngót hai trăm năm. Bản Vạn Lịch tuy chỉ nhiều hơn 1 thiên nhưng nội dung lại gấp đôi bản Thu Quát và chắc chắn là nó không cộng vào đó toàn văn bản Thu Quát.

### **III - Tình hình sách Minh Tâm Bảo Giám ở Việt Nam.**

Hán học du nhập Việt Nam từ thời nội thuộc nhà Hán (179 trước Công Nguyên). Các triều đại kế tiếp của Trung Quốc đều duy trì ý thức vun đắp cho nền văn hóa và chính trị khu vực bằng tinh thần "đồng văn". Do đó, sách vở Trung Quốc lưu hành ở Việt Nam không thua kém gì ở Trung Quốc nhờ sự qua lại khá thường xuyên của giới ngoại giao và giới doanh nhân hai nước. Tuy nhiên, sách Minh Tâm Bảo Giám có mặt nhan nhản trong dân gian hầu hết lại là sách chép tay gia truyền của những gia thực chứ các nhà xuất bản địa phương không hề tham gia phát hành, khắc in như đối với các sách khác - Phần lớn các ông Đồ lại thường dạy theo trí nhớ thành thử ít đảm bảo tính chính xác, thống nhất của văn bản. Tựu trung các sách ấy thuộc hai dòng chính:

- Dòng 1: **Sách gồm 20 thiên** (từ thiên Kế thiện đến thiên Phụ hạnh). Dân gian quen gọi sách này là "**Minh Tâm mắc**".

- Dòng 2: **Sách không chia thiên, chỉ rút những câu dễ hiểu ở cuốn trên, tổng số chữ chỉ còn phân nửa**. Cả hai sách ấy đều tập hợp những danh ngôn dạy đạo làm người, rất nhiều câu trong đó đã đi sâu vào cuộc **Dân gian quen gọi sách này là "Minh Tâm rẻ"**

sống đến mức người không hề học chữ Hán ( Nho ) cũng vẫn nhắc đúng được nguyên văn.

### **IV - Tình hình dịch ra Việt ngữ sách Minh Tâm Bảo Giám.**

Sách Minh Tâm Bảo Giám đã được Trương Vĩnh Ký (1837 - 1898) dịch ra Việt ngữ từ cuối thế kỷ XIX. Sang thế kỷ XX có thêm các bản dịch của Tạ Thanh Bạch, Đoàn Mạnh Hy, Nguyễn Quốc Đoàn, vv... dựa vào những văn bản khác nhau nhưng đều có điểm chung là nguyên tác vốn từng được nhiều thế hệ thuộc lòng trước khi nó được giới dịch thuật chiếu cố (trong khi đại đa số dịch phẩm trên thị trường lại thường nhằm ý đồ giới thiệu những danh tác chưa được nhiều người biết đến nguyên bản).

Nay chúng tôi tuyển dịch và diễn ca dựa vào nguyên bản có vẻ nhiều chữ hơn (và có

lẽ xưa hơn) từng được Trương Vĩnh Ký chọn dịch cách đây hơn trăm năm để giới thiệu lại bằng văn phong hiện đại.

Trong công việc này chúng tôi đã nhận được qua điện thoại và thư tín nhiều khích lệ tinh thần và nhiều giúp đỡ cụ thể của các bạn Hàn Quốc Trung, Châu Quân Vũ, Từ Nguyệt Hoan, Phan Công Tuấn, Quản Bích Liên, cùng một số bạn khác. Nếu vắng họ, có lẽ sức ỳ của tuổi tác đã chặn chúng tôi lại giữa quãng đường khá hiểm trở của ngôn ngữ tác phẩm.

**Giáo Sư Ngô Văn Lại** 吳文賴老師

Trung tuần tháng 4, 2007.

## 目錄

### 《明心寶鑑》序

- 第1篇 繼善篇
- 第2篇 : 天理篇
- 第3篇 : 順命篇
- 第4篇 : 孝行篇
- 第5篇 : 正己篇
- 第6篇 : 安分篇
- 第7篇 : 存心篇
- 第8篇 : 戒性篇
- 第9篇 : 勸學篇
- 第10篇 : 訓子篇
- 第11篇 : 省心篇
- 第12篇 : 立教篇
- 第13篇 : 治政篇
- 第14篇 : 治家篇
- 第15篇 : 安義篇
- 第16篇 : 遵禮篇
- 第17篇 : 存性篇
- 第18篇 : 言語篇
- 第19篇 : 交友篇
- 第20篇 : 婦行篇

## Mục Lục

- GIỚI THIỆU
- Tuyển dịch thiên thứ 01: KẾ THIÊN
- Tuyển dịch thiên thứ 02: THIÊN LÝ
- Tuyển dịch thiên thứ 03: THUẬN MỆNH
- Tuyển dịch thiên thứ 04: HIẾU HẠNH
- Tuyển dịch thiên thứ 05: CHÍNH KỶ
- Tuyển dịch thiên thứ 06: AN PHẬN
- Tuyển dịch thiên thứ 07: TỒN TÂM
- Tuyển dịch thiên thứ 08: GIỚI TÍNH
- Tuyển dịch thiên thứ 09: KHUYẾN HỌC
- Tuyển dịch thiên thứ 10: HUẤN TỬ
- Tuyển dịch thiên thứ 11: TỈNH TÂM
- Tuyển dịch thiên thứ 12: LẬP GIÁO
- Tuyển dịch thiên thứ 13: TRỊ CHÍNH
- Tuyển dịch thiên thứ 14: TRỊ GIA
- Tuyển dịch thiên thứ 15: AN NGHĨA
- Tuyển dịch thiên thứ 16: TUÂN LỄ
- Tuyển dịch thiên thứ 17: TỒN TÍN
- Tuyển dịch thiên thứ 18: NGÔN NGỮ



- Tuyền dịch thiên thứ 19: GIAO HỮU
- Tuyền dịch thiên thứ 20: PHỤ HẠNH

## I - Tuyền dịch thiên thứ 1: KẾ THIÊN

1A.

Nguyên văn:

善有善報，惡有惡報。

若還不報，時辰未到。

\*Âm:-

Thiện hữu thiện báo, Ác hữu ác báo

Nhược hoàn bất báo, Thời thần vị đáo.

Dịch nghĩa:

Làm điều thiện sẽ có điều thiện đáp lại. Làm điều ác sẽ gặp điều ác đáp lại. Nếu còn thấy không đáp lại (là vì) giờ giấc chưa đến.

Diễn ca:

Làm thiện gặp thiện,

Làm ác gặp ác.

Không gặp lúc này,

Thì gặp lúc khác.

2A.

Nguyên văn:

平生行善天加福，若是愚頑受禍殃。

善惡到頭終有報，高飛遠走也難藏。

\*Âm:-

Bình sinh hành thiện thiên gia phước , nhược thị ngu ngoan thụ hoạ ương .

Thiện ác đáo đầu chung hữu báo , cao phi viễn tẩu dã nan tàng .

Dịch nghĩa:

Bình sinh làm điều thiện thì trời thêm phước cho - Nếu đung là ngu bướng thì chịu tai ương. Làm thiện làm ác cuối cùng đều nhận báo ứng (dù) cao bay xa chạy cũng khó nấp.

Diễn ca:

Cả đời làm thiện, trời ban phước,  
Nếu quen ngu bướng, gánh điều xui.  
Thiện ác cuối cùng đều báo ứng,  
Cao bay xa chạy lối nào chui?

3A.

Nguyên văn:

行藏虛實自家知，禍福因由更問誰？  
善惡到頭終有報，只爭來早與來遲。

閒中檢點平生事，靜裡思量日所為。  
常把一心行正道，自然天地不相虧。

\*Âm:-

Hành tàng hư thực tự gia tri ,  
Hoạ phúc nhân do cánh vấn thụ .

Thiện ác đáo đầu chung hữu báo ,  
Chỉ tranh lai tảo dữ lai trì .

Nhàn trung kiểm điếm bình sinh sự ,  
Tĩnh lý tư lương nhật sở vi .  
Thường bả nhất tâm hành chính đạo ,  
Tự nhiên thiên địa bất tương khuy .

Giải nghĩa:

Làm quan hay ở ẩn, cách nào chắc hay không chắc, là tự mình biết. Họa phước sẽ từ đây ra, lại còn phải hỏi ai? Thiện ác cuối cùng rồi có báo ứng, chỉ tranh nhau đến sớm với đến muộn thôi. Trong lúc rảnh rang hãy kiểm điếm việc đã làm trong đời. Lúc vắng lặng hãy nghĩ ngợi việc đã làm hằng ngày. Thường đem tinh thần "nhất tâm" (\*) đi theo đường chân chính. Tự nhiên trời đất không làm sứt mẻ nhau đâu.

Diễn ca:

Chọn đường chắc lép tự mình hay,  
Họa phúc đây ra chứ hỏi ai?  
Thiện ác cuối cùng rồi báo ứng,  
Chỉ là xảy đến sớm hay chầy.  
Rảnh rang kiểm điếm việc làm cũ,  
Yên tĩnh nhớ ra chuyện mọi ngày.  
Thường giữ vẹn lòng theo nẻo chính,  
Tự nhiên trời đất xử không sai.

\*Chú thích:

Nhất tâm: Đưa cái Tâm theo một hướng duy nhất. (Đạo gia dạy phải giữ cái Tâm theo ba trạng thái:

- 1 - Hư.
- 2 - Nhất.
- 3 - Tĩnh, để đưa nó về với Đạo.

4A.

Nguyên văn:

晉國語云：“從善如登，從惡如崩。”

\*Âm :-

Tán quốc ngữ văn : “Tùng thiện như đặng , tùng ác như băng”

Giải nghĩa:

Ngạn ngữ nước Tấn nói: (Làm) theo điều thiện (khó) như lên (chỗ cao). (Làm) theo điều ác (dễ sa ngã) như ở chỗ sụp lở.

Diễn ca:

Làm theo điều thiện nhọc nhằn,  
Như ở chỗ bằng, leo ngược lên cao.  
Làm theo điều ác dễ sao!  
Như đứng chỗ lở, ngã nhào như chơi!

-----  
5A .

Nguyên văn:

太公曰：“善事須貪，惡事莫樂。見善如渴，聞惡如聾。為善最樂，道理最大。”

\*Âm :-

Thái công viết : “Thiện sự tu tham , ác sự mạc lạc . Kiến thiện như khát , văn ác như lung . Vi thiện tối lạc , đạo lý tối đại ”.

Dịch nghĩa:

Thái Công (\*) nói: Phải tham làm việc thiện. Đừng vui khi làm việc ác. Thấy việc thiện như khát (thấy nước) Nghe điều ác như bị điếc. Làm điều thiện rất vui (đó là) đạo lý lớn nhất.

Diễn ca:

Tham làm điều thiện là hay,  
Thấy điều ác, chớ vui tay làm bừa.  
Thấy thiện như khát thấy mưa,  
Nghe ác giả điếc như chưa nghe gì.  
Làm việc thiện, thích lạ kỳ !  
Đó là đạo lý khó bì nổi đầu !

Chú thích:

Thái Công: Cách gọi tôn kính tuyệt đối dành cho Khương Tử Nha. Người ta cũng gọi Khương Thái Công (cụ họ Khương) Thái Công Vọng, Lã Vọng hay Lữ Vọng.

Tương truyền ông đợi thời bằng việc ngồi câu ở sông Vị Thủy mãi đến tuổi 72 mới được Vũ Vương mời làm quân sư, đánh vua Trụ tiêu diệt nhà Thương lập ra nhà Chu rồi cùng Chu Công tổ chức nền thịnh trị ,kết quả kéo dài 866 năm.

6A.

Nguyên văn:

司馬溫公曰：“積金以遺子孫，子孫未必能守；積書以遺子孫，子孫未必能讀；不如積陰德于冥冥之中，以為子孫長久之計。”

\*Âm:-

Tư Mã Ôn Công viết : “Tích kim dĩ di tử tôn , tử tôn vị tất năng thủ ; Tích thư dĩ di tử tôn , tử tôn vị tất năng đọc ; Bất như tích âm đức vu minh minh chi trung , dĩ vi tử tôn trường cửu chi kế.”

\*Dịch nghĩa :-

Tư Mã Ôn Công (\*) nói: Tích lũy vàng để lại cho con cháu, con cháu chưa chắc giữ nổi, tích lũy sách để lại cho con cháu, con cháu chưa chắc đọc được, không bằng tích lũy âm đức trong mờ mờ để làm kế lâu dài cho con cháu.

\*Diễn ca :-

Dành vàng để lại đời sau,  
Chắc gì con cháu cùng nhau giữ vàng.

Dành sách hay, dạy khôn ngoan,  
Chắc gì con cháu giỏi giang? đọc nhiều?  
Âm đức (\*\*\*) quý biết bao nhiêu!  
Đề lại cho nhiều, con cháu hưởng lâu...

\*\*Chú thích:-

Tư Mã Ôn Công: Tư Mã Quang, được phong Ôn Quốc Công, nhà chính trị và giáo dục lỗi lạc, đỗ tiến sĩ, làm đến Tể tướng, sách Tư trị thống giám của ông rất nổi tiếng.

Âm đức: Thứ ơn đức không nổi bật (xóa nợ, cứu nạn, vv...)

A7.

Nguyên văn:

心好命又好，發躔榮華早。  
心好命不好，一生也濫飽。  
命好心不好，前程恐難保。  
心命都不好，窮槁直到老。

\*Âm :-

Tâm hảo mệnh hựu hảo , phát đạt vinh hoa tảo .  
Tâm hảo mệnh bất hảo , nhất sinh dã ôn bão .  
Mệnh hảo tâm bất hảo , tiền trình khủng nan bảo .  
Tâm mệnh đồ bất hảo , cùng hộ trực đão lão .

\*Dịch nghĩa :-

Tâm tốt mệnh lại tốt. Phát đạt vinh hoa sớm. Tâm tốt mệnh không tốt. Một đời cũng ảm no. Mệnh tốt tâm không tốt. Đường phía trước e khó giữ. Tâm, mệnh đều không tốt. Cùng khổ thẳng tới già.

\*Diễn ca :-

Tâm tốt, số mệnh tốt,  
Sớm phát đạt vinh hoa.

Tâm tốt, số mệnh xấu,  
Cũng sống được qua loa.  
Số mệnh tốt, tâm xấu,  
Đường đời khó tiến xa.  
Tâm xấu, số mệnh xấu,  
Nghèo khổ bé đến già.

8A.

Nguyên văn:

景行錄云：“以忠孝遺子孫者昌，以智朮遺子孫者亡。以謙接物者強，以善自衛者良。”

\*Âm :-

Cảnh Hạnh Lục vân : “Dĩ trung hiếu di tử tôn giả xương , dĩ trí truật di tử tôn giả vong . Dĩ khiêm tiếp vật giả cường , dĩ thiện tự vệ giả lương . ”

\*Dịch nghĩa :-

Sách Cảnh Hạnh chép: Kẻ để lòng trung hiếu lại cho con cháu là để lại cho chúng sự phát đạt. Kẻ để ngón trí xảo lại cho con cháu là để lại cho chúng mầm suy vong. Kẻ đem lòng khiêm nhường giao tiếp mọi việc thì mạnh. Kẻ dùng điều thiện để tự vệ thì tốt lành.

\*Diễn ca :-

Dạy con trung hiếu, con vẻ vang,  
Dạy con trí xảo, con dở dang.  
Cư xử khiêm nhường là sức mạnh,  
Giữ lòng lương thiện, đỡ nguy nan.

9A.

Nguyên văn:

恩義廣施，人生何處不相逢；仇冤莫結，路逢險處難回避。

\*Âm :-

Ân nghĩa nghiêm thi , nhân sinh hà xứ bất tương phùng . Cừ oan mạc kết , lộ phùng hiêm xứ nan hồi ty .

\*Dịch nghĩa :-

Rộng ban ơn nghĩa, đến đâu lại chẳng gặp người (từ tế). Chớ kết oan gia, gặp họ chỗ đường hẻm khó lù tránh.

\*Diễn ca :-

Rộng gieo ơn nghĩa khắp nơi,  
Đi đâu cũng gặp được người mến ta.  
Oán thù nếu đã gây ra,  
Vô vàn nguy hiểm rình ta đường đời.

10A.

Nguyên văn:

庄子云：“于我善者，我亦善之。于我恶者，我亦善之。我既于人無惡，人能于我有惡哉！”

\*Âm :-

Trang Tử vân : “Vu ngã thiện giả , ngã diệc thiện chi . vu ngã ác giả , ngã diệc thiện chi . Ngã kí vu nhân vô ác , nhân năng vu ngã hữu ác tai ! ”

\*Dịch nghĩa :-

Trang Tử nói: Kẻ làm điều thiện cho ta, ta cũng làm điều thiện cho họ. Ta đã không ác, người có thể làm điều ác cho ta sao?

\*Diễn ca :-

Kẻ làm điều thiện cho ta,  
Ta đáp bằng thiện, thế là đối lưu.  
Kẻ gây điều ác hại ta,  
Ta đáp bằng thiện, ấy là ta khôn.  
Ta không gây ác trả đòn,



Lẽ nào kẻ ác vẫn còn hại thêm?

11A.

Nguyên văn:

東嶽聖帝垂訓：“天地無私，神明暗察。不為享祭而降福，不為失禮而降禍。凡人有勢不可倚儘，有福不可享儘，貧困不可欺儘。此三者乃天地循環，周而复始。故一日行善，福雖未經，禍自遠矣。一日行惡，禍雖未經，福自遠矣。行善之人，如春園之草，不見其長日有所增。行惡之人，如磨刀之石，不見其損日有所虧。損人益己，切宜戒之！一毫之善，與人方便。一毫之惡，勸人莫作。衣食隨緣，自然快樂。算甚么命問甚么卜欺人是禍，饒人是福。天網恢恢，報應甚速。僅听吾言，神欽鬼伏。”

\*Âm :-

Đông Nhạc Thánh Đế thủy huấn : “Thiên địa vô tư , thần minh ám sát . Bất vị hưởng tế nhi giáng phước , bất vị thất lễ nhi giáng họa . Phạm nhân hữu thể bất khả ý tận , hữu phước bất khả hưởng tận , bản khôn bất khả khi tận . Thử tam giả nãi thiên địa tuần hoàn , chu nhi phúc thủy . Cố nhất nhật hành thiện , phước tuy vị chí , họa tự viễn hĩ . Nhất nhật hành ác , họa tuy vị chí , phước tự viễn hĩ . Hành thiện chi nhân , như xuân viên chi thảo , bất kiến kỳ trường nhật hữu sở tăng . Hành ác chi nhân , như ma đao chi thạch , bất kiến kỳ tồn nhật hữu sở khuy . Tồn nhân ích kỷ , thiết nghi giới chi ! Nhất hào chi thiện , dữ nhân phương tiện . Nhất hào chi ác , khuyến nhân mạc tác . Y thực tùy duyên , tự nhiên khoái lạc . Toán thậm ma mệnh , vận thậm ma bốc , khi nhân thị họa , nhiều nhân thị phước . Thiên võng khôi khôi , báo ứng thậm tốc . Cận thính ngô ngôn , thần khâm quý phục .

\*Dịch nghĩa :-

Thánh đế của Đông Nhạc (\*) răn ban lời dạy rằng: Trời đất không vì tình riêng, thần minh luôn xét, không vì tế lễ thịnh soạn mà gieo phước, không vì thất lễ mà gieo họa.

Người ta ở đời có thể không nên ý hết, có phước không nên hưởng hết, thấy kẻ bản cùng không nên khinh khi hết. Ba thứ ấy tuần hoàn trong trời đất giáp vòng rồi trở lại lúc đầu. Thế cho nên một ngày làm điều thiện, phước tuy chưa đến mà họa tự lánh xa, một ngày làm điều ác, họa tuy chưa đến mà phước tự lánh xa.

Người làm điều thiện như cỏ vườn xuân, không thấy sự lớn của nó nhưng mỗi ngày có lớn thêm. Người làm điều ác như viên đá mài dao, không thấy sự hao mòn của nó nhưng mỗi ngày có khuyết bớt.

Làm tổn hại người để thêm ích lợi cho mình nhất định phải nên e dè. Một mảy thiện cũng phải dành thuận lợi cho người, một mảy ác cũng phải khuyên người đừng làm. Ăn mặc tùy cơ may thì tự nhiên được vui sướng, tính toán số mạng làm chi? Coi bói làm chi? Khinh khi người ta là chuốc họa, tha thứ người ta là tạo phước. Lưới trời lồng lộng, báo ứng rất nhanh. Cần thận nghe lời ta thì thần kính quý phục.

\*Diễn ca :-

Trời đất nào có vị tình?  
Luôn luôn xét nét, thần linh nào lười?  
Lễ to đừng tưởng thần cười,  
Lễ nhỏ thần chẳng giận người bỏ bê.  
Ở đời, đắc thế phải dè,  
Gặp phước thì cũng chớ hề hưởng tham.  
Chớ rẻ rúng kẻ nghèo nàn,  
Bởi ba điều ấy thế gian xoay vần.  
Tự nhiên ai cũng có lần,  
Sau cuộc xoay vần, vòng lại đầu tiên.  
Một ngày ý thiện dấy lên,  
Phước tuy chưa đến, họa liền lánh xa.  
Một ngày điều ác gây ra,  
Họa tuy chưa đến, phước đã lui chân.  
Làm thiện như cỏ vườn xuân,  
Phước lớn dần dần, chẳng thể nhận ngay.  
Làm ác như khối đá mài,  
Phước hao mòn mãi lâu ngày khuyết to.  
Phải nên cân nhắc, đắn đo,  
Chớ hại người để lợi cho phần mình.  
Hãy nên suy xét cho tinh,  
Nhận ai chút thiện, tận tình đền ơn.  
Thấy ai hành động mất khôn,  
Nhúng tay gây ác, ta dồn sức ngăn.  
Ở đời, cái mặc cái ăn,  
Được chẳng hay chớ, lảng xãng nhọc người.  
Xem số, coi bói khắp nơi,

Ham chuyện đổi đời, nghĩ thật tham lam.  
Khinh khi người, họa đến thân,  
Tha thứ người, mới hưởng phần phước may.  
Lưới trời lồng lộng bủa vây,  
Mọi điều báo ứng thấy ngay tức thì.  
Khuyên ai cẩn thận nhớ ghi,  
Quý thần cũng phục, nói chi loài người!

\*Chú thích:-

\*Thánh đế núi Đông Nhạc: Vị thần chí tôn cai quản núi Thái Sơn.

## II - Tuyển dịch thiên thứ hai: THIÊN LÝ

1A.

Nguyên văn:

康節邵先生曰：天听絕無音，蒼蒼何處尋，非鄙亦非遠，都只在人心。人心生一  
唸，天地悉皆知。善惡若無報，乾坤必有私。

\*Âm:-

Khang Tiết Thiệu tiên sinh viết : "Thiên thính tuyệt vô âm , thương thương hà xứ  
tâm , phi cao diệc phi viễn , đô chỉ tại nhân tâm . Nhân tâm sinh nhất niệm , thiên địa  
tất giai tri . Thiện ác nhược vô báo , càn khôn tất hữu tư."

\*Dịch nghĩa :-

Thầy Thiệu Khang Tiết nói: Trời nghe được cả lúc tuyệt nhiên không có tiếng. Xanh  
xanh biết tìm nơi đâu. Không cao cũng không xa. Đều chỉ ở nơi lòng người. Lòng  
người sinh một ý nghĩ. Trời đất đều biết tất cả. Thiện ác nếu không thấy báo  
ứng. Tất là trời đất có tư vị.

\*Diễn ca :-

Trời nghe thầm, chẳng cần lời,  
Nhìn lên xanh ngắt, tìm trời ở đâu?

Chẳng xa mà cũng chẳng cao,  
Bất cứ lòng nào, trời cũng đều nghe.  
Lòng người chỉ mới lăm le,  
Đất trời biết tất, răn đe chẳng từ.  
Đất trời phải thật riêng tư,  
Thì mới mặc xác nhân từ, ác ôn!

2A.  
Nguyên văn:

昔賢曰：若人作不善得顯名者，人不害，天必誅之。種瓜得瓜，種豈得豈。天網恢恢，疏而不漏。深耕淺種，尚有天災；利己損人，豈無果報。

\*Âm :-

Tích hiền viết : " Nhược nhân tác bất thiện đắc hiển danh giả , nhân bất hại , thiên tất tru chi . Chung qua đắc qua , chủng đậu đắc đậu . Thiên võng khôi khôi , sơ nhi bất lậu . Thâm canh thiển chủng , thượng hữu thiên tai ; lợi kỷ tổn nhân , khởi vô quả báo."

\*Dịch nghĩa :-

Người hiền xưa nói: Nếu người làm điều không thiện mà được nổi tiếng, người không hại thì trời tất giết hẳn. Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, lưới trời lồng lộng, thưa mà không lọt. Cày sâu trồng cạn còn có thiên tai, lợi mình hại người, há không bị quả báo?

\*Diễn ca :-

Làm ác mà được rạng danh,  
Người tha, trời cũng phải đành giết thôi.  
Gieo gì gặt nấy lâu rồi,  
Xưa nay ai thoát lưới trời được đâu?  
Ngay như trồng cạn, cày sâu,  
Thiên tai trừng phạt, trời đâu tha nào?  
Hại người kiếm lợi cho cao,  
Trời không quả báo làm sao cho đành!

### III - Tuyển dịch thiên thứ ba: THUẬN MỆNH

1A.

Nguyên văn:

孟子曰：行或使之，止或尼之，行止非人所能也。

\*Âm:-

Mạnh Tử viết : "Hành hoặc sử chi , chi hoặc ni chi , hành chỉ phi nhân sở năng dã."

\*Dịch nghĩa :-

Mạnh Tử nói: Làm hoặc sai người khác làm, thôi hoặc bảo người khác thôi. Làm hay thôi không phải là khả năng của con người vậy.

\*Diễn ca :-

Mình làm hoặc bảo người làm,  
Mình ngừng, bảo kẻ đang ham cũng ngừng.  
Dù hăm hở, dù dừng đứng,  
Đừng tưởng là bởi mình ưng thế mà!  
Chính trời điều khiển từ xa,  
Xui mình hăm hở hay là dừng đứng.

2A.

Nguyên văn:

昔賢曰：知命之人見利不動，臨死不怨，得一日過一日，得一時過一時。緊行慢行，前程只有許多路。時來風送滕王閣，運去雷轟荐福碑。

\*Âm :-

Tích hiền viết : "Tri mệnh chi nhân kiến lợi bất động , lâm tử bất oán , đắc nhất nhật quá nhất nhật , đắc nhất thời quá nhất thời . Khẩn hành mạn hành , tiền trình chỉ hữu hứa đa lộ . Thời lai phong tống Đằng Vương các , vận khứ lôi oanh Tiến Phước bi."

\*Dịch nghĩa :-

Người hiền xưa nói: Người hiểu biết vận mệnh thấy lợi không động lòng. Gặp cái chết không oán, được một ngày qua một ngày, được một giờ qua một giờ. Đi gấp đi chậm thì đường phía trước cũng chỉ nhiều bấy nhiêu. Thời đến gió đưa tới gác Đằng Vương (\*). Vận bỏ đi sét đánh bia Tiên Phước (\*\*).

\*Diễn ca :-

Vận mệnh khi đã rõ rồi,  
Thấy lợi cũng chẳng đứng ngồi bấn khoăn.  
Coi thân chết như khách quen,  
Nhưng với cuộc sống vẫn hằng nâng niu.  
Một ngày, quả thật đáng yêu,  
Một giờ thì cũng trời chiều chuộng ta.  
Đường đời chẳng quản gần xa,  
Đi gấp, đi chậm, vẫn là bấy nhiêu.  
Gặp thời thì gió thuận *mưa* chiều,  
Vận hết gắng sức càng nhiều càng hư.

\*Chú thích:-

\*Gác Đằng Vương: tên một thắng cảnh ở huyện Nam Xương tỉnh Giang Tây. Đồi Đường, nhân dịp trùng tu, người ta tổ chức cuộc thi văn, qui tụ nhiều văn tài nổi tiếng đương thời. Vương Bột (650 - 675) bấy giờ mới 14 tuổi nên không được mời dự chính thức và được tin quá trễ nhưng nhờ gió thuận nên đến nơi vừa kịp giờ và giật Dịch nhất, trở thành tứ kiệt đời Đường (về sau, cũng chính "gió đưa" làm ông đắm thuyền trên đường sang thăm bố làm quan đô hộ Giao Châu, tức Việt Nam ngày nay).

\*Bia Tiên Phước: tên một bia cổ có giá trị nghệ thuật rất cao, người sành điệu đua nhau thuê rập mẫu. Có anh hàn sĩ lỡ vận nợ nhận được mỗi đặt hàng lớn, hăm hở gánh giấy đến chân núi, gặp mưa to quá phải ngủ trọ. Khuya hôm ấy sét đánh vỡ bia.

3A.  
Nguyên văn:

列子曰：Liệt Tử viết

痴聾瘖症儼蠓富， "Si lung ám á gia hào phú  
智慧聰明卻受貧。 Trí tuệ thông minh khước thụ bản  
年月日時皆載定， **Niên nguyệt nhật thời giai tải định** ,  
算來由命不由人。 Toán lai do mệnh bất do nhân  
命湮有時終須有， Mệnh lý hữu thời chung tu hữu ,  
命湮無時莫強求。 Mệnh lý vô thời mạc cưỡng cầu."

Liệt Tử viết :

"Si lung ám á gia hào phú ,  
Trí tuệ thông minh khước thụ bản .  
Niên nguyệt nhật thời giai tải định ,  
Toán lai do mệnh bất do nhân .  
Mệnh lý hữu thời chung tu hữu ,  
Mệnh lý vô thời mạc cưỡng cầu."

\*Dịch nghĩa :-

Liệt Tử (\*) nói: Kẻ ngậy, điếc, ngọng, câm nhà giàu to. Kẻ trí tuệ, thông minh lại chịu nghèo. Năm, tháng, ngày, giờ đều đã định sẵn rồi. Tính ra do mệnh (chứ) không do người. Trong mệnh có thời thì rất cuộc phải có - trong mệnh không có thời thì đừng gượng tìm.

\*Diễn ca :-

Ngậy, điếc, câm, ngọng, nhà giàu,  
Thông minh trí tuệ rớt vào... mòng toi!  
Thì ra số phận xấu chơi,  
Kẻ không thời vận, cố bơi cũng chìm!

\*Chú thích:-

Liệt Tử: tên thật là Liệt Ngự Khấu, người đời Chu, triết gia chịu ảnh hưởng Đạo

Giáo. Đệ tử ông chép lời thầy làm nên sách Liệt Tử.

4A.

Nguyên văn:

景行錄云：凡事不可着力處便是命也。會不如命，智不如福。禍不可以倖免，福不可苟求。

\*Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : "Phàm sự bất khả trước lực, xứ tiên thị mệnh dã . Hội bất như mệnh , trí bất như phước . Hoạ bất khả dĩ hãnh miễn , phước bất khả cầu cầu."

\*Dịch nghĩa :-

Sách Cảnh Hạnh chép: Hễ gặp việc gì không thể xử lý bằng sức, tức là do mệnh vậy. Cơ hội không bằng mệnh, trí không bằng phước. Hoạ không thể nhờ may mà khỏi, phước không thể cầu mong dễ dãi.

\*Diễn ca :-

Dốc sức việc chả êm xuôi,  
Tức là tại mệnh đấy thôi, đừng buồn!  
Cơ hội còn phải chịu nhường,  
Trí tuệ chẳng dám coi thường phước may.  
Mệnh xui họa gió tai bay,  
Dù bậc anh tài, cũng khó vượt qua.  
Mệnh không dành phước cho ta,  
Dù cố nài nỉ, chỉ là uổng công.

#### IV - Tuyển dịch thiên thứ tư: HIẾU HẠNH

1A.

Nguyên văn:

子曰：身体發膚，受之父母，不敢毀傷，孝之始也。立身行道，揚名于后世，以顯父母，孝之終也。



孝之事親，居則緻其敬，養則緻其樂，病則緻其憂，喪則緻其哀，祭則緻其嚴。故人不愛其親而愛他人者，謂之悖德；不敬其親而敬他人者，謂之悖禮。

君子之事親孝，故忠可移于君；事兄弟，故順可移于長；居家理，故治可移于官，是以行成于內而名立于後世矣。

\*Âm :-

Từ viết : "Thân thể phát phu , thụ chi phụ mẫu , bất cảm huỷ thương , hiếu chi thủy dã . Lập thân hành đạo , dương danh vu hậu thế , dĩ hiển phụ mẫu , hiếu chi chung dã .

Hiếu chi sự thân , cư tắc trí kỳ kính , dưỡng tắc trí kỳ lạc , bệnh tắc trí kỳ ưu , tang tắc trí kỳ y , tế tắc trí kỳ nghiêm . Cố nhân bất ái kỳ thân nhi ái tha nhân giả , vị chi bội đức ; bất kính kỳ thân nhi kính tha nhân giả , vị chi bội lễ.

Quân tử chi sự thân hiếu , cố trung khả dĩ vu quân ; sự huynh đệ , cố thuận khả dĩ vu trưởng ; Cư gia lý , cố trị khả dĩ vu quan , thị dĩ hành thành vu nội nhi danh lập vu hậu thế hĩ ."

Dịch nghĩa :-

Không Tử nói: Thân thể tóc da là thứ nhận của cha mẹ, không dám làm tổn thương, đó là bắt đầu lòng hiếu thảo vậy. Lập thân, làm đều đúng đạo, nêu tiếng tăm cho đời sau để làm vẻ vang cha mẹ là phần cuối của nét hiếu thảo vậy.

Con hiếu thờ cha mẹ, cư xử phải hết mực cung kính, nuôi nấng phải hết mực vui vẻ, bệnh hoạn, phải hết mực lo lắng, lễ tang phải hết mực nghiêm túc

Thế cho nên, kẻ không yêu mến người thân mà yêu mến người khác gọi là phản bội đạo đức, kẻ không tôn kính người thân mà tôn kính người khác gọi là phản bội lễ giáo.

Bậc quân tử phụng sự người thân hiếu thảo nên dời thành lòng trung với vua, phụng sự anh kính nhường nên dời thành lòng hòa thuận với người lớn hơn, ở nhà biết xử lý đúng nên cách quản lý dời đến việc quan, như vậy là lấy cái nét hình thành ở trong nhà mà tiếng tăm lập nên ở đời sau vậy.

\*Diễn ca :-

Thân thể tóc da,  
Cha mẹ cho ta.  
Giữ sao lành lặn,  
Hiếu thảo đầy mà!  
Lớn lên giữa đời,  
Danh tiếng vang xa.  
Vẻ vang cha mẹ,  
Cư xử nét na.  
Phụng dưỡng vui vẻ,  
Ôm đau xót xa.  
Cúng tế nghiêm túc,  
Bi ai tang ma...  
Nếu yêu thiên hạ,  
Hơn yêu mẹ cha.  
Ấy là lỗi đạo,  
Bất hiếu tội đa.  
Nếu kính thiên hạ,  
Hơn kính mẹ cha.  
Ấy là trái lễ,  
Rất đáng rày la.  
Làm con có hiếu,  
Thờ vua mới trung.  
Làm em nhường kính,  
Mới trọng bề trên.  
Việc nhà đúng đạo,  
Việc quan mới nên.  
Cư xử trọn vẹn,  
Danh tiếng vang rền...

2A.

Nguyên văn:

父母在，不遠游，游必有方。  
父母之年不可不知也。一則以喜，一則以懼。  
父在觀其志，父沒觀其行。三年無改于父之道，可謂孝矣。

\*Âm :-

Phụ mẫu tại , bất viễn du , du tất hữu phương .  
Phụ mẫu chi niên bất khả bất tri dã . Nhất tắc dĩ hĩ , nhất tắc dĩ cụ .  
Phụ tại quán kỳ chí , phụ một quán kỳ hành . Tam niên vô cải vụ phụ chi đạo , khả vị  
hiếu hĩ .

\*Dịch nghĩa :-

Không Tử nói: Cha mẹ còn sống, con không nên đi chơi xa, nếu đi chơi phải có  
hướng cụ thể.

Tuổi của cha mẹ, con không thể không biết, một là để mừng, một là để sợ.

Cha còn sống, xem chí cha, cha mất, xem đức hạnh cha, ba năm không đổi đường lối  
của cha, có thể gọi là hiếu vậy.

\*Diễn ca :-

Cha mẹ còn sống trên đời,  
Phận con chớ có đi chơi mọi miền.  
Nếu đi chơi có việc riêng,  
Phải lưu địa chỉ, đỡ phiền mẹ cha.  
Biết tuổi tác cha mẹ già,  
Một là mừng rỡ, một là lo âu.  
Cha còn, xem chí cao sâu,  
Cha mất, xem nét bấy lâu cho tường.  
Cư tang vẫn nhớ luôn luôn,  
Thế là hiếu thảo, vẹn đường làm con.

-----  
3A.

Nguyên văn:

太公曰：孝于親，子亦孝之。身既不孝，子何孝焉？孝順還生孝順子，忤逆還  
生忤逆兒。不信但看檐頭水，點點滴滴不差移。

\*Âm:-

Thái Công viết : Hiếu vu thân , tử diệc hiếu chi . Thân kí bất hiếu , tử hà hiếu yên  
?

Hiếu thuận hoàn sinh hiếu thuận tử ,  
Ngỗ nghịch hoàn sinh ngỗ nghịch nhi .  
Bất tín đản khan thiềm đầu thủy ,  
Điểm điểm trích trích bất sai đi .

Dịch nghĩa:

Thái Công nói: Hiếu thảo với song thân, con cũng hiếu thảo với mình. Bản thân mình đã không hiếu thảo, con làm sao hiếu thảo cho được? Hiếu thuận lại sinh con hiếu thuận, ngỗ nghịch lại sinh đứa ngỗ nghịch. Không tin hãy xem nước đầu thềm, nhỏ giọt, nhỏ giọt chẳng sai chệch.

\*Diễn ca :-

Cha mẹ hiếu với ông bà,  
Ắt con hiếu với mẹ cha sau này.  
Cha mẹ bất hiếu thì gay,  
Mong gì con cháu sau này hiếu cho?  
Đời này ăn ở so đo,  
Đời sau y hệt, chẳng lo sai lẽ.  
Nước đầu thềm nhỏ một bề,  
Giọt sau giọt trước chẳng hề chệch nhau.

## V - Tuyển dịch thiên thứ năm: CHÍNH KỶ

1A.

Nguyên văn:

性理書云：見人之善而尋己之善，見人之惡而尋己之惡，如此方是有益。

\*Âm:-

Tính Lý Thư vân : Kiến nhân chi thiện nhi tâm kỷ chi thiện , kiến nhân chi ác nhi tâm kỷ chi ác , như thử phương thị hữu ích .

\*Dịch nghĩa :-

Sách Tính Lý nói: Thấy điều thiện của người mà tìm điều thiện của mình. Thấy điều ác của người mà tìm cái ác của mình, như thế mới đúng là có ích.

\*Diễn ca :-

Thấy người làm điều thiện,  
Xem lại mình làm chưa?  
Thấy người làm điều ác,  
Xem mình có biết chưa?  
Tự xét kỹ như thế,  
Chả cầu cạnh đền chùa!

-----

2A.

Nguyên văn:

景行錄云：不自重者取辱，不自畏者招禍。不自滿者受益，不自是者博聞。

\*Âm :-

Cảnh Hạnh Lục vân : Bất tự trọng giả thủ nhục , bất tự ỷ giả chiêu hoạ . Bất tự mãn giả thụ ích , bất tự thị giả bác văn .

\*Dịch nghĩa:

Sách Cảnh Hạnh chép: Kẻ không tự trọng húng lấy nhục nhã, kẻ không thấy sợ rước lấy tai họa, kẻ không tự mãn được có thêm, kẻ không tự cho mình đúng sẽ hiểu biết rộng.

\*Diễn ca :-

Không tự trọng ắt là chuốc nhục,  
Không e dè, có lúc họa bay.  
Kẻ không tự mãn mới đầy,  
Không cho mình đúng mới hay biết nhiều.

3A.

\* Nguyên văn:-

子曰：匿人之善，欺謂蔽賢；揚人之惡，欺謂小人。言人之善，若己有之；言人之惡，若己受之。

\* Âm:-

Tử viết : Nặc nhân chi thiện , khi vị tế hiền ; Dương nhân chi ác , khi vị tiểu nhân .  
Ngôn nhân chi thiện , nhược kỷ hữu chi ; Ngôn nhân chi ác , nhược kỷ thụ chi.

\* Dịch nghĩa :-

Không Tử nói: Giấu cái thiện của người, đấy gọi là che người hiền. Nêu các ác của người, ấy là tiểu nhân. Nhắc điều thiện của người, cảm thấy mình có phần trong đó. Nhắc điều ác của người, cảm thấy mình chịu đựng nó.

\* Diễn ca :-

Không nêu điều thiện của người,  
Là gìm kẻ tốt, đáng cười đáng chê.  
Người làm ác, mình hả hê,  
Rêu rao, dè bĩu là bè tiểu nhân.  
Hãy nên tu dưỡng bản thân,  
Người làm thiện, tưởng có phần của ta.  
Người làm ác, ta xót xa,  
Cảm thấy như là mình chịu lỗi chung.

-----

4A.

\* Nguyên văn:-

道吾惡者是吾師，道吾好者是吾賊。

\* Âm:-

Đạo ngô ác giả thị ngô sư , đạo ngô hảo giả thị ngô tặc.

\*Dịch nghĩa :-

Kẻ nói ra điều xấu của ta đáng thầy ta. Kẻ nói ra điều tốt của ta, đúng là kẻ hại ta.

\*Diễn ca :-

Bảo ta xấu, đáng là thầy,  
Kẻ khen ta tốt, có ngày hại ta.

5A.

\* Nguyên văn:-

子曰：三人同行，必有我師焉。擇其善者而從之，其不善者而改之。

\*Âm :-

Tử viết : Tam nhân đồng hành , tất hữu ngã sư yên . Trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi , kỳ bất thiện giả nhi cải chi.

\*Dịch nghĩa :-

Khổng Tử nói: Ba người cùng đi ,tất có người thầy ta, chọn cái của người thiện mà theo, cái của người bất thiện mà đổi.

\*Diễn ca :-

Ba người cùng một chuyến đi,  
Tất chẳng thiếu gì thầy dạy cho ta.  
Cái hay ta học thêm ra,  
Cái dở, ta rọi xấu xa của mình.

-----

6A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：寡言則省謗，寡慾則保身。保生者寡慾，保身者避名。無慾易，無名難。務名者殺其身。多財者殺其后。

\*Âm :-

Cảnh Hạnh Lục vân : Quả ngôn tắc tỉnh báng , quả dục tắc bảo thân . Bảo sinh giả quả dục , bảo thân giả tỵ danh . Vô dục dị, vô danh nan . Vụ danh giả sát kỳ thân . Đa tài giả sát kỳ hậu

\*Dịch nghĩa :-

Sách Cảnh Hạnh chép: Ít nói thì bớt bị chê bai, ít tình dục thì giữ được thân mình. Kẻ giữ sự sống thì ít tình dục, kẻ giữ thân thì tránh danh. Không tình dục thì dễ, không danh thì khó. Kẻ ham danh giết thân họ. Kẻ nhiều của giết đời sau của họ.

\*Diễn ca :-

Nói ít, giảm tiếng gièm pha,  
Bớt ham tình dục, thân ta mới bền.  
Giữ mạng, bớt dục mới nên,  
Giữ thân, hãm bớt lòng thèm tiếng tăm.  
Muốn yên danh giá đừng ham,  
Muốn nên dòng dõi, đừng tham của nhiều.

7A.

\* Nguyên văn:-

子曰：眾好之，必察焉。眾惡之，必察焉。

\*Âm:-

Tử viết : Chúng hảo chi , tất sát yên . Chúng ác chi , tất sát yên.

\*Dịch nghĩa :-

Không Tử nói: Đám đông thích, tất phải xét đã. Đám đông ghét, tất phải xét đã.



\*Diễn ca :-

Nhiều người nhất trí hoan hô,  
Kẻ khôn phải xét: Vì sao nhiều người?  
Nhiều người la ó, chê cười,  
Kẻ khôn phải xét ai người giật dây.

-----

8A.

\* Nguyên văn:-

酒中不語真君子。財上分明大丈夫。

\*Âm :-

Tửu trung bất ngữ chân quân tử . Tài thượng phân minh đại trượng phu.

\*Dịch nghĩa :-

Trong cuộc rượu mà không nói mới thật là người quân tử. Trên chuyện tiền nong mà tách bạch rõ ràng mới đúng là bậc trượng phu.

\*Diễn ca :-

Rượu vào thường phải lời ra,  
Chỉ người quân tử mới là làm thinh.  
Hùn hạp với kẻ phân minh,  
Phần người, phần mình sòng phẳng mới hay.  
Mới hợp tác được lâu ngày,  
Bản lĩnh thế ấy, sánh tày trượng phu.

9A.

\* Nguyên văn:-

老子曰：大辯若訥，大巧若拙。澂心清淨可以安神。讒口多言自亡其身。

\*Âm:-

Lão Tử viết : Đại biện nhược nột , đại xảo nhược chuyết . Trùng tâm thanh tịnh khả dĩ an thân . Sàm khẩu đa ngôn tự vong kỳ thân.

\*Dịch nghĩa :-

Lão Tử nói: Kẻ hùng biện như áp úng, kẻ quá khéo như vụng về. Lắng lòng thanh tịnh cơ thể an thân. Miệng gièm nhiều lời, tự đánh mất thân.

\*Diễn ca :-

Kẻ hùng biện thường hay áp úng,  
Cố chọn lời thật đúng tình hình.  
Kẻ khéo thực hiện công trình,  
Thoạt trông dơ dáng đại hình khó ưa.  
Bởi kiêu xưa vốn không giống thế,  
Chưa quen nhìn, khó thể vừa lòng,  
Kẻ giữ tâm thật lắng trong,  
Tinh thần mới hòng tĩnh tại, bình an.  
Kẻ lắm lời, dễ dàng sơ hở,  
Siêng gièm pha lại tự hại mình.  
Khiến không ai dám thật tình,  
Khiến cho thiên hạ muốn khinh muốn nhờn.

-----  
10A.

\* Nguyên văn:-

孟子曰：飲食之人則人賤之矣，為其養小而失大也。

\*Âm:-

Mạnh Tử viết : Âm thực chi nhân tắc nhân tiện chi hĩ , vi kỳ dưỡng tiểu nhi thất đại dã.

\*Dịch nghĩa :-

Mạnh Tử nói: Người chỉ lo ăn uống thì bị người ta coi là hèn hạ vì cho là nuôi chí nhỏ, bỏ chí lớn.

\*Diễn ca :-

Kẻ gây độ nhậu thường xuyên,  
Tự hào mình thật sẵn tiền, dám tiêu.  
Thế nhưng quên mất một điều,  
Thiên hạ đánh giá, kèm nhiều bản khoản.  
Gã này chỉ biết ham ăn,  
Còn bao việc khác, chẳng bằng ai đâu!

11A.

\* Nguyên văn:-

太公曰：瓜田不納履，李下不整冠。

\*Âm:-

Thái Công viết : Qua điền bắt nạp lí , Lý hạ bất chỉnh quan .

\*Dịch nghĩa :-

Thái Công nói: Không nên xỏ giày giữa ruộng dưa, không nên chỉnh lại mũ dưới cành mận.

\*Diễn ca :-

Xỏ lại giày giữa ruộng dưa,  
Lẽ nào chủ ruộng lại chưa nghi ngờ?  
Đi dưới cành mận tình cờ,  
Giơ tay chỉnh mũ, có vờ hái không?  
Đấy là lời của Thái Công,  
Dạy đừng làm những việc không khỏi ngờ.

-----

12A.

\* Nguyên văn:-

孟子曰：愛人不親反其仁，治人不治反其智，禮人不答反其敬。

\* Âm:-

Mạnh Tử viết : Ái nhân bất thân phản kỳ nhân , trị nhân bất trị phản kỳ trí , lễ nhân bất đáp phản kỳ kính.

\* Dịch nghĩa :-

Mạnh Tử nói: Yêu người nhưng người không thân thiết lại là trái đạo Nhân. Trị người mà người ta không để cho trị là trái chữ Trí. Lễ độ với người mà người không đáp lại là trái chữ Kính.

\* Diễn ca :-

Yêu người, người chẳng đáp tình,  
 Là chưa hết mình thể hiện chữ Nhân.  
 Trị người, chẳng lập trị an,  
 Ấy thật rõ ràng chữ Trí chưa tinh.  
 Chào người, người vẫn làm thinh,  
 Ấy là chữ Kính hy sinh mất rồi!

13A.

\* Nguyên văn:-

曲禮曰：傲不可長，慾不可縱，志不可滿，樂不可極。

\* Âm:-

Khúc Lễ viết : Ngạo bất khả trường , dục bất khả túng , chí bất khả mãn , lạc bất khả cực.

\* Dịch nghĩa :-

Thiên Khúc Lễ nói: Tính ngạo không thể để cho lớn, không nên buông thả lòng ham

muốn, không nên thỏa mãn về chí hướng, không nên vui vẻ đến tột độ.

\*Diễn ca :-

Thói ngạo chớ để phình to,  
Lòng ham muốn, chớ mặc cho bùng tuồng.  
Đừng rằng chí hướng đã xong,  
Đừng vui đầy ứ cả trong lẫn ngoài.

-----  
14A.

\* Nguyên văn:-

心無諂曲可与霹靂同居。耳不聞人之非，目不視人之短，口不言人之過，庶几君子。門內有君子，門外君子至。門內有小人，門外小人至。

\*Âm :-

Tâm vô siểm khúc khả dữ tích lịch đồng cư . Nhĩ bất văn nhân chi phi , mục bất thị nhân chi đoản , khẩu bất ngôn nhân chi quá , thứ kỷ quân tử . Môn nội hữu quân tử , môn ngoại quân tử chí . Môn nội hữu tiểu nhân , môn ngoại tiểu nhân chí .

\*\* Dịch nghĩa:-

Tâm không gièm pha cong vẹo có thể ở chung với sấm sét. Tai không nghe lỗi của người, mắt không nhìn chỗ kém của người, miệng không nói điều lỗi của người, ngõ hầu thành người quân tử đấy! Trong nhà có sẵn quân tử thì ngoài cửa mới có quân tử đến. Trong nhà có sẵn tiểu nhân thì ngoài cửa mới có tiểu nhân đến.

\*Diễn ca :-

Tâm không gièm siểm quanh co,  
Thảnh thơi thân thể, chẳng lo oai trời.  
Không nghe điều quấy của người,  
Không nhìn chỗ dở, không cười điều sai.  
Xứng cùng quân tử sánh vai,  
Tiểu nhân đứng ngoài, chả dám mon men.

15A.

\* Nguyên văn:-

素書云：短莫短于苟得，孤莫孤于自恃。

\*Âm:-

Tổ Thư vân : Đoản mạc đoản vu câu đắc , cô mạc cô vu tự thị.

\*Dịch nghĩa :-

Sách Tổ thư nói: Không gì ngắn ngủi bằng cái kiếm được hủ họa. Không nổi cô đơn nào hơn nổi cô đơn tự cậy mình.

\*Diễn ca :-

Chợt được đã vội tự hào,  
Kiểu thành tích ấy giữ sao lâu dài?  
Tự cho mình chẳng cần ai,  
Dù bậc kỳ tài vẫn mãi cô đơn...

-----  
16A.

\* Nguyên văn:-

子曰：君子泰而不驕，小人驕而不泰。

\*Âm:-

Tử viết : Quân tử thái nhi bất kiêu , tiểu nhân kiêu nhi bất thái.

\*Dịch nghĩa :-

Khổng Tử nói: Người quân tử thư thái nhưng không kiêu. Kẻ tiểu nhân kiêu nhưng không cảm thấy thư thái.

\*Diễn ca :-

Quân tử thư thái hồn nhiên,  
Không hề vênh váo rằng mình thánh thoi.  
Tiểu nhân ra vẻ hơn đời,  
Nhưng lòng thấp thỏm sợ người khinh chê.

17A.

\* Nguyên văn:-

荀子曰：聰明聖智，不以窮人；濟給速通，不爭先人；剛毅勇敢，不以傷人。  
不知則問，不能則學。雖能必讓，然後為德。

\*Âm:-

Tuân Tử viết : Thông minh thánh trí , bắt dĩ cùng nhân ; Tế cấp tốc thông , bắt tranh tiên nhân ; Cương nghị dũng cảm , bắt dĩ thương nhân . Bất tri tắc vấn , bất năng tắc học . Tuy năng tất nhượng , nhiên hậu vi đức.

\*Dịch nghĩa :-

Tuân Tử (\*) nói: Thông minh tài trí không lấy nó bắt chẹt người ta. Cứu giúp chu cấp mở lối thoát nhanh không nên lấy đẩy lấn lướt người ta. Cương nghị dũng cảm, không nên lấy nó gây tổn thương người ta. Không biết thì hỏi, không có khả năng thì họ. Tuy có khả năng nhưng phải khiêm nhường thì mới là có đức.

\*Diễn ca :-

Thông minh tài trí hơn đời,  
Đừng đem đê bẹp những người vận đen.  
Cứu người bế tắc, khó khăn,  
Đừng nên vin đó, tỏ rằng đàn anh.  
Cương nghị, dũng cảm đã đành,  
Đừng nên đem nó gây thành tổn thương.  
Không biết phải hỏi là thường,  
Khả năng kém sút, tìm đường nâng cao.  
Tài giỏi đạt đến bậc nào,  
Khiêm nhường nếu kém, đức hao hụt liền.

\*Chú thích:-

Tuân Tử: tên người đồng thời là tên tác phẩm Đạo Đức học 33 thiên. Ông tên Tuân Huống sống đồng thời với Mạnh Tử và đề xướng thuyết Tính Ác, đối lập thuyết Tính Thiện của Mạnh Tử. Ông quan niệm con người là kẻ ác bẩm sinh, không có giáo dục thì chỉ là dã thú.

## VI - Tuyển dịch thiên thứ sáu: AN PHẬN

1A.

\*\* Nguyên văn:-

景行錄云：知足常樂，多貪則憂。知足者貧賤亦樂，不知足者富貴亦憂。知足常足，終身不辱。知止常止，終身不恥。比上不足，比下有余。若比向下，心無有不足者。

\*Âm :-

Cảnh Hạnh Lục vân : Tri túc thường lạc , đa tham tắc ưu . Tri túc giả bản tiện diệc lạc , bất tri túc giả phú quý diệc ưu . Tri túc thường túc , chung thân bất nhục . Tri chỉ thường chỉ , chung thân bất sỉ . Tỷ thượng bất túc , tỷ hạ hữu dư . Nhược tỷ hướng hạ , tâm vô hữu bất túc giả .

\*\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Biết đủ thường vui, tham nhiều thì lo. Kẻ biết đủ, nghèo hèn cũng vui, kẻ không biết đủ, giàu sang vẫn lo. Biết đủ thường đủ, trọn đời không nhục. Biết dừng luôn dừng được, trọn đời không xấu hổ. So lên không đủ, so xuống có dư. Nếu cứ hướng xuống, tâm không có cảm giác không đủ.

\*Diễn ca :-

Biết đủ lòng thấy vui,  
Quá tham mới lo sợ.  
Biết đủ, nghèo vẫn vui,  
Sợ thiếu, giàu vẫn khổ.  
Biết đủ luôn thấy đủ,  
Trọn đời chẳng nuốc nướ.  
Biết dừng thường dừng được,



Trợn đời mặt đỡ tro.  
So lên, mình hơi thiếu,  
So xuống, mình hơi thừa.  
Cứ so xuống như thế,  
Lòng ai thấy thiếu chưa?

-----

2A.

\*\* Nguyên văn:-

子曰：富与貴是人之所慾也，不以其道得之，不處也。貧与賤是人之所惡也，不以其道得之，不去也。不義而富且貴，于我如浮云。

\*Âm:-

Tử viết : Phú dữ quý thị nhân chi sở dục dã , bất dĩ kỳ đạo đắc chi , bất xử dã . Bần dữ tiện thị nhân chi sở ác dã , bất dĩ kỳ đạo đắc chi , bất khứ dã . Bất nghĩa nhi phú tả quý , vu ngã như phù vân .

\*Dịch nghĩa :-

Không Tử nói: Giàu với sang chính là cái người ta ham muốn (nhưng) không lấy đạo lý để có được nó thì chẳng nên ở vào cảnh ngộ ấy. Nghèo với hèn là cái ai cũng ghét (nhưng) không lấy đạo lý để ghét thì không bỏ cảnh ấy. Bất nghĩa mà vừa giàu vừa sang, đối với ta (chỉ) như mây trôi.

\*Diễn ca :-

Ai mà chẳng thích giàu sang,  
Thế nhưng lỗi đạo, chẳng màng mới nên.  
Ai mà chẳng ghét nghèo hèn,  
Đạo trời bất vậy, cố quen chẳng rời.  
Giàu sang bất nghĩa trên đời,  
Ta coi như đám mây trời nổi trôi.

3A.

\* Nguyên văn:-

荀子曰：自知者不怨人，知命者不怨天。怨人者窮，怨天者無志。先義而后利者榮，先利而后義者辱。榮者常通，辱者常窮。通者常制人。窮者常制于人是榮辱之大分也。

\*Âm:-

Tuân Tử viết : Tự tri giả bất oán nhân , tri mệnh giả bất oán thiên . Oán nhân giả cùng , oán thiên giả vô chí . Tiên nghĩa nhi hậu lợi giả vinh , tiên lợi nhi hậu nghĩa giả nhục . Vinh giả thường thông , nhục giả thường cùng . Thông giả thường chế nhân . Cùng giả thường chế vu nhân thị vinh nhục chi đại phận dã.

\*Dịch nghĩa :-

Tuân Tử nói: Kẻ tự biết mình thì không oán người, kẻ hiểu mệnh thì không oán trời. Kẻ oán người thì khôn cùng. Kẻ oán trời thì không có chí. Kẻ nghĩ đến điều nghĩa trước, nghĩ đến điều lợi sau thì vinh. Kẻ nghĩ đến điều lợi trước, nghĩ đến điều nghĩa sau thì nhục. Kẻ vinh thường gặp thông thoáng, kẻ nhục thường gặp khôn cùng. Kẻ thông thoáng thường chế ngự được người ta, kẻ khôn cùng thường bị người ta chế ngự. Đây là sự phân biệt lớn giữa vinh với nhục vậy.

\*Diễn ca :-

Biết mình thì chẳng oán người,  
Biết vận mệnh chẳng oán trời làm chi.  
Oán người thì khó gặp thì,  
Oán trời, chí hướng khó bì nổi ai.  
Lo nghĩa trước lợi mới oai,  
Vinh quang tồn tại lâu dài thế gian.  
Lo lợi trước nghĩa là tàn,  
Nhục nhã cản trở bảo toàn thân danh.  
Vinh quang mọi việc đều thành,  
Nhục nhã cam đành bẻ tắc mà thôi.  
Có thành mới không chế người,  
Bẻ tắc cả đời bị không chế luôn.  
Nhục vinh phân biệt đôi đường,  
Là điều lớn nhất, phải thường lưu tâm.

-----  
4A.

\* Nguyên văn:-

子曰：君子固窮，小人窮斯濫矣。

\* Âm:-

Tử viết : Quân tử cố cùng , tiểu nhân cùng tư lạm hĩ.

\* Dịch nghĩa :-

Khổng Tử nói: Người quân tử bền lòng chịu bẽ tắc Kẻ tiểu nhân lạm dụng sự bẽ tắc.

\* Diễn ca :-

Khôn cùng, quân tử bền lòng,  
Tiểu nhân gặp khôn, chỉ mong làm xằng.  
Khôn cùng nghị lực mới tăng,  
Thối hư mới lộ, chê khen mới nhằm.

## VII - Tuyển dịch thiên thứ bảy: TỒN TÂM

1A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：坐密室如通衢，馭吋心如六馬。

\* Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Toạ mật thất như thông cù , ngự thốn tâm như lục mã.

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Ngồi nhà kín như ngồi đường thông thoáng, điều khiển tắc lòng như đánh xe sáu ngựa.

\* Diễn ca :-

Muốn giữ Tâm mãi còn trong sáng,  
Ngôi phòng riêng, tường đứng Ngã năm.  
Khách xuôi ngược, mắt đăm đăm,  
Đừng nghĩ âm thầm che mắt thế gian.  
Kìm giữ Tâm lại càng thêm khó,  
Như ngựa đàn tung vó kéo xe,  
Ghìm cương buộc ngựa phải nghe,  
Ghìm Tâm đừng sống có bề khó hơn!

-----

2A.

\* Nguyên văn:-

擊壤詩云：

富貴如將智力求，  
仲尼年少合封侯。  
世人不解青天意，  
空使身心半夜愁。

\* Âm:-

Kịch Nhuỡng Thi vân：

Phú quý như tương trí lực cầu，  
Trọng Ni niên thiếu hợp phong hầu .  
Thế nhân bất giải thanh thiên ý，  
Không sử thân tâm bán dạ sâu .

\* Dịch nghĩa:-

Thơ Kịch Nhuỡng (\*) nói: Nếu đem sức của trí tuệ mà tìm được giàu sang thì Trọng Ni (Khổng Tử) phù hợp việc phong hầu từ thời tuổi trẻ. Người đời không hiểu ý trời xanh nên để tâm mình buồn sưng lúc nửa đêm.

\*Diễn ca :-

Thông minh xoay nôi sang giàu,  
Trọng Ni ắt đã phong hầu thời trai.  
Hiếu ý trời, dễ mấy ai!  
Thế nên lắm kẻ đêm dài xót xa.

\*Chú thích:-

Thơ Kịch Nhuỡng: Nhuỡng là nhạc cụ gõ thời cổ, làm bằng gổm. Người xưa gõ vào nhuỡng để đọc thơ, về trong các cuộc vui dân gian. Lối diễn xuất ấy gọi là Kịch Nhuỡng. Những bài hát ấy tập hợp thành Kịch Nhuỡng thi.

3A.

\* Nguyên văn:-

范忠宣公誠子弟曰：人雖至愚責人則明。雖有聰明恕己則昏。爾曹但當以責人之心責己，恕己之心恕人，不患不到聖賢地位也。

\*Âm:-

Phạm Trung Tuyên Công giới tử đệ viết : Nhân tuy chí ngu trách nhân tắc minh . Tuy hữu thông minh thứ kỷ tắc hôn . Nhĩ tào đản đương dĩ trách nhân chi tâm trách kỷ , thứ kỷ chi tâm thứ nhân , bất hoạn bất đáo thánh hiền địa vị dã .

\* Dịch nghĩa:-

Phạm Trung Tuyên công dạy con em rằng: Người tuy rất ngu nhưng biết trách người thì sáng. Tuy có thông minh nhưng tha mình thì mê tối. Bọn người chỉ nên đem cái lòng trách người để trách mình, cái lòng tha mình để tha người, không lo không đạt đến địa vị thánh hiền.

\*Diễn ca :-

Dù ai ngu dốt đến đâu,  
Trách người sai quấy, mình mau khôn dẫu.  
Kẻ thông minh cũng hóa đần,

Nếu luôn tha thứ những lần mình sai.  
Chỉ nên tha thứ lỗi ai,  
Lỗi mình mình nhận, đáng vai thánh hiền.

-----

4A.

\* Nguyên văn:-

子曰：聰明睿智，守之以愚；功被天下，守之以讓。勇力振世，守之以怯；富有四海，守之以謙。

\* Âm:-

Tử viết : Thông minh duệ trí , thủ chi dĩ ngu ; Công bị thiên hạ , thủ chi dĩ nhượng .  
Dũng lực chấn thế , thủ chi dĩ khiếp ; Phú hữu tứ hải , thủ chi dĩ khiêm.

\* Dịch nghĩa:-

Không Tử nói: Phải lấy vẻ ngu đần để giữ an toàn cho sự thông minh sắc sảo. Phải lấy sự nhún nhường để giữ an toàn cho cái công lao trùm thiên hạ. Phải giả bộ khiếp sợ để giữ an toàn cho sự dũng cảm rung đời. Hãy giữ vẻ khiêm tốn để giữ sự giàu có bốn biển.

\*Diễn ca :-

Kẻ thông minh thật tuyệt vời,  
Giả ngu thì mới sống đời bình yên.  
Kẻ có công, muốn đỡ phiền,  
Chớ nên khoe mẽ công mình lớn lao.  
Sức thật khỏe, tài thật cao,  
Làm bộ khiếp hãi, xiết bao an toàn!  
Dầu giàu ăn đứt thế gian,  
Chịu lép giữ mạng, làm tàng dễ nguy.

5A.

\* Nguyên văn:-

子貢曰：貧而無諂，富而無驕。

子曰：「貧而無怨難，富而無驕易。」

\* Âm:-

Tử Công viết : [Bần nhi vô siểm , phú nhi vô kiêu .]

Tử viết : 「Bần nhi vô oán nan , phú nhi vô kiêu dị .」

\* Dịch nghĩa:-

Tử Công (\*) nói: Nghèo mà không siểm nịnh, giàu mà không kiêu.

Không Tử nói: Nghèo mà không oán thì khó. Giàu mà không kiêu thì dễ.

\*Diễn ca :-

Sống trên đời kẻ nghèo không nịnh,  
Giàu không kiêu, mới chính kẻ hay.  
Nghèo mà không oán mới hay,  
Giàu không kiêu, tập được ngay, khó gì!

\*Chú thích:-

Tử Công: tên thật là Đoan Mộc Tử (520 trước Công Nguyên - ?) học trò xuất sắc của Không Tử, có tài kinh doanh.

-----

6A.

\* Nguyên văn:-

古人形似獸，心有大聖德。今人表似人，獸心安可測。有心無相，相自心生，

有相無心，相從心滅。

\*Âm:-

Cổ nhân hình tự thú , tâm hữu đại thánh đức . Kim nhân biểu tự nhân , thú tâm an khả trắc . Hữu tâm vô tướng , tướng tự tâm sinh , hữu tướng vô tâm , tướng tùng tâm diệt .

\* Dịch nghĩa:-

Người xưa hình dáng tựa thú nhưng tâm có đức độ của bậc đại thánh. Người nay bề ngoài tựa người nhưng tâm địa của loài thú đâu lường xiết? Có tâm không có tướng, tướng sẽ được tâm sinh cho. Có tướng mà không có tâm, tướng sẽ mất theo tâm.

\*Diễn ca :-

Người xưa trông tựa thú hoang,  
Cái tâm thánh thiện sáng trong giữa đời.  
Người nay đúng thật dáng người,  
Lòng lang dạ sói có thừa đầy thôi!  
Tâm tốt, hình dáng khó coi,  
Rõ tâm, ai xét bề ngoài làm chi?  
Mẽ ngoài dầu có uy nghi,  
Nhưng tâm đen tối, còn gì mà mong?

7A.

\* Nguyên văn:-

人皆道我拙，我亦自道拙。有耳常如聾，有口不會說，你自逞豪強，橫豎有一跌。吃跌教君思，反不如我拙，百巧百成不如一拙。未來休指望，過去莫思量

。

\*Âm:-

Nhân giai đạo ngã chuyết , ngã diệt tự đạo chuyết . Hữu nhĩ thường như lung , hữu khẩu bất hội thuyết , nễ tự sinh hào cường , hoành thụ hữu nhất diệt . Ngật diệt giáo quân tư , phản bất như ngã chuyết , bách xảo bách thành bất như nhất chuyết . Vị lai



hưu chỉ vọng , quá khứ mạc tư lương .

\* Dịch nghĩa:-

Người đều nói ta vọng, ta cũng nói ta vọng. Có tai thường như điếc, có miệng không biết nói. Mày tự cho giỏi mạnh, bề nào cũng có một lần vấp ngã. Vấp ngã để người nghĩ ra rằng không bằng ta vọng. Trăm khéo trăm nên không bằng một vọng. Cái chưa đến, đừng trông chờ, cái đã qua không lo tính.

\*Diễn ca :-

Người chê ta vọng - Xin vâng!  
Nghe thì vô ích, nói năng được gì?  
Người tự hào chẳng ai bì,  
Bề gì lại chẳng có khi lỡ lầm?  
Người vấp ngã mới định tâm,  
Nhận ra ta vọng có phần tốt thay.  
Một vọng ăn đứt trăm hay,  
Cả quá khứ, cả tương lai, mặc đời.

Chú ý: Đoạn này chỉ minh họa chủ thuyết Vô Vi của Đạo Giáo, mâu thuẫn với chủ thuyết trung hiếu của sách.

-----  
8A.

\* Nguyên văn:-

常將有日思無日，  
莫待無時思有時。  
有錢常記無錢日，  
安樂常思病患時。

\*Âm:-

Thường tương hữu nhật tư vô nhật ,  
Mạc đãi vô thời tư hữu thời .  
Hữu tiền thường ký vô tiền nhật ,  
An lạc thường tư bệnh hoạn thời .

\* Dịch nghĩa:-

Thường đem ngày có nhớ ngày không có, đừng đợi lúc không có nhớ lúc có. Có tiền thường nhớ ngày không tiền, yên vui nên phòng lúc hoạn bệnh.

\*Diễn ca :-

Ngày có nghĩ đến ngày không,  
Đừng đợi lúc hết, nhớ nhưng lúc còn.  
Túi đầy nhớ túi rỗng không,  
Yên vui cần phải đề phòng ốm đau.

9A.

\* Nguyên văn:-

素書云：薄施厚望者不報，貴而忘賤者不久。求人需求大丈夫，濟人須濟急時無。施恩勿求報，與人勿追悔。寸心不昧，萬法皆明。

\*Âm:-

Tố Thư vân : Bạc thi hậu vọng giả bất báo , quý nhi vong tiện giả bất cửu . Cầu nhân nhu cầu đại trọng phu , tế nhân tu tế cấp thời vô . Thi ân vật cầu báo , dữ nhân vật truy hồi . Thốn tâm bất muội , vạn pháp giai minh .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Tố Thư nói: Kẻ làm ơn ít ỏi mà mong đền ơn hậu hĩ là không đáng đền đáp. Kẻ sang mà quên lúc hèn là bất nghĩa. Cầu cứu người khác thì nên tìm bậc đại trọng phu, giúp người nên giúp khi người túng ngặt nhất thời. Làm ơn không cầu báo đáp, cho người thì đừng tiếc nuôi. Lòng không ám muội thì mọi cách trên đều trong sáng.

\*Diễn ca :-

Cho kẻ chớ mong trả vàng,  
Bất nghĩa là kẻ khi sang quên hèn.  
Cậy nhờ, tránh kẻ nhỏ nhen,  
Cứu giúp, chọn kẻ khó khăn nhất thời.  
Đã cho, đừng tiếc ai ơi,  
Đã làm ơn, chớ mong người trả ơn.  
Cái Tâm đừng tính thiệt hơn,  
Mọi điều trong sáng như gương cả mà!

-----

10A.

\* Nguyên văn:-

孫思邈曰：膽欲大而心欲小，智欲圓而行欲方。唵唵有如臨敵日，心心常似過橋時。

\* Âm:-

Tôn Tư Mạo viết : Đam dục đại nhi tâm dục tiểu , trí dục viên nhi hành dục phương .  
Niệm niệm hữu như lâm địch nhật , tâm tâm thường tự quá kiều thời .

\* Dịch nghĩa:-

Tôn Tư Mạo (\*) nói: Mật phải muốn lớn mà Tâm phải muốn nhỏ, Trí phải muốn tròn mà Hạnh phải muốn vuông. Ý luôn luôn nghĩ như ngày gặp địch, Tâm thường thấp thỏm như lúc qua cầu.

\*Diễn ca :-

Mật phải lớn mà Tâm phải nhỏ,  
Trí phải tròn mà Hạnh phải vuông.  
Lo như thấy giặc vào vườn,  
Sợ như cầu khỉ ngày thường phải qua.

\*Chú thích:-

Tôn Tư Mạo: danh y thông thái đời Đường đồng thời là Đạo gia tên tuổi, được suy tôn là Tôn chân nhân.

Hàm ý ở đây là: Con người cần phải "lớn" mặt để dám nghĩ, dám làm đại sự cho đời, cho mình, mới nuôi được chí lớn. Cái Tâm phải "nhỏ" mới phát huy được lòng tử tế thực thụ (nghĩa gốc của Tử là bé bỏng, nhỏ nhắn, Tế là tinh tường, nhỏ nhoi).

Trí phải "tròn" thì mới lăn được khắp nơi, mới chu toàn, chu đáo mọi việc (nghĩa gốc: chu là vòng quanh, toàn là đầy đủ, đáo là đến).

Hạnh phải "vuông" thì mới ổn định, không lập lờ, xử sự mới dứt khoát bằng tinh thần "bánh chưng ra góc".

11A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：誠無悔，怨無怨，和無仇，忍無辱。懼法朝朝樂，欺公日日憂。小心天下去得，氣剛寸步難移。

\* Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Thành vô hối , thứ vô oán , hoà vô cừ , nhẫn vô nhục . Cụ pháp triều triều lạc , khi công nhật nhật ưu . Tiểu tâm thiên hạ khứ đắc , khí cương thốn bộ nan di .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Thành thực thì không gặp lúc đen tối, dung thứ thì không gây căm oán, hòa hảo thì không tạo thù hận, nín nhịn thì sẽ không gặp nhục nhã. Sợ phép nước sáng nào cũng vui. Khinh nhờn cửa công thì ngày nào cũng lo âu. Lòng thận trọng thì đi khắp thiên hạ cũng được, khí khái cứng cỏi thì đi một bước nhỏ cũng khó khăn.

\* Diễn ca :-

Chân thành đỡ gặp âm mưu,

Rộng lượng tha thứ, oán cừu ít sinh.  
Ai thù chi kẻ hiền lành?  
Người khéo nín nhịn đỡ thành nhuốc nhơ.  
Sợ phép nước, sống phồn phơ,  
Nhờn cửa quan, chẳng bao giờ được yên.  
Thận trọng dễ dạo khắp miền,  
Cứng đầu, một bước gặp phiền phức ngay.

-----

12A.

\* Nguyên văn:-

朱子曰：守口如瓶，防意如城。是非只為多開口，煩惱皆因強出頭。

\* Âm:-

Chu Tử viết : thủ khẩu như bình , phòng ý như thành . Thị phi chỉ vì đa khai khẩu ,  
phiền não giai nhân cường xuất đầu .

\* Dịch nghĩa:-

Chu Tử (\*) nói: Giữ miệng như miệng bình, phòng ý như có thành che. Phải quấy  
chỉ vì mở miệng nhiều. Phiền não đều tại gắng ép ra mặt.

\*Diễn ca :-

Biết điều, bưng kín miệng bình,  
Giữ ý như đặt trong thành chở che.  
Cãi nhau vì nói khó nghe,  
Bực vì ương bướng chẳng hề nhịn nhau.

\*Chú thích:-

Chu Tử: Tên thực là Chu Hi (1130 - 1200) đỗ tiến sĩ, làm quan trải 4 đời vua  
Tống. Ông là nhân vật tiêu biểu cho nho học đời Tống, qui tụ nhiều danh nho uyên  
bá Vua Khang Hi (Thanh Thánh Tổ (1662 - 1722) đã thờ chung ông vào nhóm Thập  
triết 10 đại đệ tử của Khổng Tử) Ông cũng được gọi là Chu Văn Công, tự Nguyên  
Hối, Trọng Hối, Hối Ông.

13A.

\* Nguyên văn:-

素書云：有過不知者自蔽之也，以言取怨者之禍也。

\* Âm:-

Tố Thư vân : Hữu quá bất tri giả tự tế chi dã , dĩ ngôn thủ oán giả chi hoạ dã .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Tố Thư nói: Kẻ có lỗi mà không biết là tự che vậ. Kẻ dùng lời nói chuốc oán là tự gây họa vậy.

\*Diễn ca :-

Lỗi mình đã rõ sờ sờ,  
Nếu không nhận biết là nhờ ém đi.  
Nói lời gây oán làm chi!  
Tự mình chuốc họa, khôn gì mà khôn?

-----

14A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：貪是逐物於外，欲是情動於中。君子愛財，取之有道。君子憂道不憂貧，君子謀道不謀食。君子坦蕩蕩，小人長慙慙。量大福亦大。機深禍亦深。莫為福首，莫作禍先。各人自掃門前雪，莫管他人屋上霜。心不負人，面無慚色。

\* Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Tham thị trực vật ư ngoại , dục thị tình động ư trung . Quân tử ái tài , thủ chi hữu đạo . Quân tử ưu đạo bất ưu bản , quân tử mưu đạo bất mưu thực . Quân tử thản đấng đấng , tiểu nhân trường thích thích . Lượng đại phước diệt đại . Cơ thâm họa diệt thâm . Mạc vi phước thủ , mạc tác họa tiên . Các nhân tự tảo môn tiền tuyết , mạc quản tha nhân ốc thượng sương . Tâm bất phụ nhân , diện vô tầm sắc .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Tham là đuổi bắt vật ở ngoài. Muốn là tình động ở trong. Quân tử yêu của nhưng lấy nó có đạo lý. Quân tử lo đạo chứ không lo nghèo. Quân tử mưu tính đạo lý chứ không mưu tính cái ăn. Quân tử bình thản thênh thang, tiểu nhân buồn lây lất. Lượng lớn phước cũng lớn, mưu sâu họa cũng sâu. Đừng làm kẻ hưởng phước đầu tiên, đừng làm kẻ gây họa trước hết. Mỗi người tự quét tuyết trước cửa, đừng bận tâm sương phủ mái nhà người khác. Lòng không phụ người thì mặt không có sắc thẹn.

\*Diễn ca :-

Tham là vơ vét của đời,  
Muốn là rạo rục chính nơi lòng mình.  
Của tiền, quân tử chẳng khinh,  
Chỉ là tham muốn hợp tình mà thôi.  
Quân tử vui với đạo trời,  
Nghèo nàn cam chịu, chẳng lời thở than.  
Lo đạo, chẳng lo cái ăn,  
Lòng luôn bình thản, khó khăn mặc đời.  
Tiểu nhân buồn bực không ngơi,  
Độ lượng càng lớn, phước đời càng to.  
Tâm cơ sâu, họa đáng lo,  
Dù họa dù phước chớ so hơn người.  
Việc mình lo tốt mười mười,  
Đừng mãi chê cười thiên hạ xấu xa.  
Lòng mình chẳng phụ người ta,  
Khỏi lo ngượng với kẻ xa người gần...

15A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：休恨眼前田地窄，退後一步自然寬。世無百歲人，枉作千年計。兒孫自有兒孫福，莫把兒孫作馬牛。

\* Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Hưu hận nhãn tiền điền địa trách , thoái hậu nhất bộ tự nhiên khoan . Thế vô bách tuế nhân , uổng tác thiên niên kế . Nhi tôn tự hữu nhi tôn phước , mạc bả nhi tôn tác mã ngưu .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Đừng hận ruộng trước mắt hẹp, bước lùi một bước tự nhiên thấy rộng ra. Đời không có người trăm tuổi (Thế mà có kẻ) uổng công làm kế hoạch nghìn năm. Con cháu tự có phước của con cháu . (Cha ông) đừng vì con cháu mà làm trâu ngựa.

\* Diễn ca :-

Nhìn trước mắt, ruộng đồng quá hẹp,  
Lùi bước chân, rộng đẹp ngay ra.  
Mấy ai trăm tuổi đâu mà!  
Hồng chi nghìn tuổi, thật là viễn vông!  
Cháu con có phước cháu con,  
Bất làm trâu ngựa, đời còn gì vui?

-----

16A.

\* Nguyên văn:-

世上無難事，都來心不專。寧結千人意，莫結一人冤。忍難忍之事，恕不明之人。規小節者不能成榮名。惡小恥者不能成大功。無求勝佈施，謹守勝持齋。言輕莫勸鬧，無錢莫請人。



\*Âm:-

Thê thượng vô nan sự , đô lai tâm bất chuyên . Ninh kết thiên nhân ý , mạc kết nhất nhân oan . Nhẫn nan nhẫn chi sự , thứ bất minh chi nhân . Quy tiểu tiết giả bất năng thành vinh danh . Ác tiểu sĩ giả bất năng thành đại công . Vô cầu thắng bố thí , cần thủ thắng trì trai . Ngôn khinh mạc khuyến náo , vô tiền mạc thỉnh nhân .

\* Dịch nghĩa:-

Trên đời không việc khó, chỉ khó do không chuyên tâm. Thà kết ý nghìn người chứ không kết oán với một người. Nhịn thứ việc khó nhịn, tha cho người không sáng suốt. Kẻ khép mình vào những qui định nhỏ nhặt không làm được chuyện vang danh. Kẻ ghét sự xấu hổ vật vãnh không làm nên công lớn. Không cầu xin hay hơn bố thí. Giữ cần thận hay hơn ăn chay. Nói năng hời hợt thì đừng huênh hoang tranh biện, không tiền bạc chớ nên mời khách.

\*Diễn ca :-

Ở đời việc khó có là bao!  
Chỉ tại người không để ý vào.  
Chiều ý nghìn người là việc đúng,  
Chớ nên trái ý một ai nào.  
Nhịn giỏi, nhìn điều gay khó nhất,  
Tha hay, tha kẻ hiểu lơ mơ.  
Trách vật, khó nên vinh dự lớn,  
E dè thẹn nhỏ, chẳng công to.  
Không thềm cầu cạnh hơn ban phát,  
Khéo giữ, chay đàn đồ phải lo.  
Lời mọn đừng nên âm ỹ lắm,  
Không tiền, mời khách chẳng hay ho.

17A.

\* Nguyên văn:-

寇萊公六悔銘：官行私曲失時悔。富不儉用貧時悔。勢不少惜，過時悔。見事不學，用時悔。酒後狂言，醒時悔。安不得息，病時悔。

\*Âm:-

Khẩu Lai Công "Lục Hối Minh" :

Quan hành tư khúc thất thời hối .  
Phú bất kiệm dụng bản thời hối .  
Thế bất thiếu tích , quá thời hối .  
Kiến sự bất học , dụng thời hối .  
Tửu hậu cuồng ngôn , tỉnh thời hối .  
An bất đắc tức , bệnh thời hối .

\* Dịch nghĩa:-

Bài minh "Sáu điều hối hận" của Khẩu Lai Công (\*) viết:

- Ở chức quan làm điều quanh co tư tui, lúc mất quan thì hối hận.
- Giàu có không tiêu dùng tiện tặn, lúc nghèo thì hối hận.
- Có thể lực không tiếc một chút, lúc phạm lỗi thì hối hận.
- Thấy việc không học, đến lúc cần dùng thì hối hận.
- Sau khi uống rượu buông lời cuồng ngôn, lúc tỉnh lại hối hận.
- Lúc yên ổn không nghĩ ngợi, khi đau ốm lại hối hận.

\*Diễn ca :-

Làm quan vun vén riêng tư,  
Mất quan mới hối, ngồi thù thờ ra.  
Lúc giàu, thỏa sức tiêu pha,  
Đến khi nghèo túng, xót xa làm gì!  
Đắc thế chẳng chút nể vì,  
Phạm lỗi mới hối, "thế" đi mất rồi!  
Việc đáng học, cứ buông xuôi,  
Đến khi gặp việc, làm hư lại buồn.

Khi say, làm nhảm nông cuồng,  
Tỉnh ra lại hối hận suông, lộn giờ!  
Lúc yên chẳng chịu nghĩ ngơi,  
Bê tha bệnh hoạn, hối thời vô phương.

\*Chú thích:-

Khâu Lai Công: tức Khâu Chuẩn (961 - 1023). Tể tướng đời Tống, theo vua Chân Tông đi đánh Khiết Đan (nước Liêu) được phong tước Lai Quốc Công nên gọi tắt là Khâu Lai Công.

-----

18A.

\* Nguyên văn:-

孫景初安樂法：粗茶淡飯，飽即休。補破遮寒暖即休。三平二滿，過即休。不貪不妬，老即休。

\*Âm:-

Tôn Cảnh Sơ an lạc pháp :

Thô trà đạm phạn , bão tức hưu .  
Bồ phá già hàn noãn tức hưu .  
Tam bình nhị mãn , quá tức hưu .  
Bất tham bất đố , lão tức hưu .

\* Dịch nghĩa:-

Phép yên vui của Tôn Cảnh Sơ là: Trà thô cơm nhạt, no thì thôi. Vá chỗ rách, che chỗ rét, ấm thì thôi. Nếu ba phần mới vừa nhưng chỉ thỏa mãn được hai, qua rồi thì thôi. Không tham lam, không ghen ghét, già rồi thì thôi.

\*Diễn ca :-

Chẳng đòi đặc sản, danh trà,  
Cứ no cái bụng là ta vừa lòng.  
Áo rách vá lại là xong,  
Gió lùa che kỹ, chẳng mong lắm tâng.  
Việc đời đòi hỏi ba phần,  
Hai phần thỏa mãn, chẳng cần hỏi thêm.  
Tham lam, ganh tị đừng thềm,  
Chỉ mong nhẹ nhõm ngày đêm đến già.

19A.

\* Nguyên văn:-

益智書云：寧無事而家貧，莫有事而家富。寧無事而住茅屋，莫有事而住金玉。  
。寧無病而食粗飯，莫有病而食良藥。

\* Âm:-

Ích Trí Thư vân :

Ninh vô sự nhi gia bần , mạc hữu sự nhi gia phú .  
Ninh vô sự nhi trú mao ốc , mạc hữu sự nhi trú kim ngọc .  
Ninh vô bệnh nhi thực thô phạn , mạc hữu bệnh nhi thực lương dược .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Ích Trí nói: Thà vô sự mà nhà nghèo, không hữu sự mà nhà giàu. Thà vô sự mà ở lều tranh, không hữu sự mà ở nơi vàng ngọc Thà không bệnh mà ăn cơm hẩm hơn có bệnh mà dùng thuốc hay.

\*Diễn ca :-

Thà là vô sự sống nghèo,  
Không thềm hữu sự sống theo cảnh giàu.  
Tranh tre trồng trước hở sau,  
Không thềm hữu sự chuốt trau ngọc vàng.  
Cơm hẩm xoi lúc bình an,  
Còn hơn bệnh tật thuốc thang đắt tiền.

-----  
20A.

\* Nguyên văn:-

心安茅屋穩，性定菜根香。世事靜方見，人情淡始長。

\* Âm:-

Tâm an mao ốc ổn , tính định thái căn hương . Thế sự tĩnh phương kiến , nhân tình đạm thủy trường .

\* Dịch nghĩa:-

Tâm yên thì ở nhà tranh cũng ổn. Tính ổn định thì ăn rễ rau cũng thấy thơm. Việc đời phải yên tĩnh mới thấy rõ. Tình người nhạt nhẽo mới lâu dài.

\* Diễn ca :-

Tâm mà yên, lều tranh cũng ổn,  
Tính vững vàng, rễ cải cũng thơm.  
Lúc thanh tĩnh, rõ đời hơn,  
Tình người thoang thoảng mới thơm lâu dài.

21A.

\* Nguyên văn:-

風波境界立身難，  
處世規模要放寬。  
萬事盡從忙裡錯，  
此心須向靜中安。  
路當平處更行穩，  
人有常情耐久看，  
直到始終無悔吝，

才生枝節便多端。

\*Âm:-

Phong ba cảnh giới lập thân nan ,  
Xử thế qui mô yếu phóng khoan .  
Vạn sự tận tòng mang lý thác ,  
Thử tâm tu hướng tĩnh trung an .  
Lộ đương bình xứ cánh hành ôn ,  
Nhân hữu thường tình nại cửu khan .  
Trục đảo thủy chung vô hối lận ,  
Tài sinh chi tiết tiện đa đoan .

\* Dịch nghĩa:-

Trong cảnh sóng gió lập thân khó. Cung cách ở đời cần phải buông thả. Muôn việc nhằm lẫn đều do vội vàng. Cái Tâm cần hướng đến sự nhàn nhã trong yên tĩnh. Đường gặp chỗ bằng phẳng người đi mới ổn. Người có giữ tính bình thường thì mới chịu đựng được nhìn nhau lâu. Thẳng thắn từ trước đến sau mới không hối tiếc, mới không sinh cảnh nhánh lăm mối rối ren.

\*Diễn ca :-

Trong sóng gió lập thân mới khó,  
Nên ở đời chớ có bôn chôn.  
Vội vàng thường hỏng việc luôn,  
Nên chi cần giữ cho lòng lặng an.  
Đi an toàn nhờ đường bằng phẳng,  
Hiểu tình nhau mới đặng bền lâu.  
Muốn đừng hối hận trước sau,  
Chớ sinh lăm chuyện không đâu gây phiền.

-----

22A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：責人者不全交，自恕者不改過。有勢不要使人承，落得孩兒叫小名

。

\*Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Trách nhân giả bất toàn giao , tự thứ giả bất cải quá . Hữu thể bất yếu sử nhân thừa , lạc đắc hài nhi khiêu tiểu danh .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Kẻ trách người là không biết kết giao hết lòng. Kẻ tự tha mình thì không sửa lỗi. Có thể lực không được buộc người ta kéo khi rơi khỏi đáy bị trẻ con réo tên thời bé.

\*Diễn ca :-

Trách nhau bất cứ dịp nào,  
Những người như thế, kết giao khó toàn.  
Lỗi mình đã quá rõ ràng,  
Xuê xoa thì muốn đàng hoàng còn lâu!  
Đang khi thế lớn quyền cao,  
Đừng bắt thiên hạ bảo sao phải chiều.  
Kéo khi quyền thế tiêu điều,  
Trẻ con nhòn mặt bao nhiêu thì nhòn!  
23A.

\* Nguyên văn:-

君子成人之美，不成人之惡。小人反是。

\*Âm:-

Quân tử thành nhân chi mỹ , bất thành nhân chi ác . Tiểu nhân phản thị .

\* Dịch nghĩa:-

Không Tử nói: Người quân tử làm thành cái tốt cho người, không làm thành cái xấu cho người. Kẻ tiểu nhân thì trái lại.

\*Diễn ca :-

Quân tử nghĩ tốt cho người,  
Không tìm sơ hở chê cười nhỏ nhen.  
Tiểu nhân kẻ xấu thành quen,  
Tưởng chê thiên hạ, cái khen về mình.

-----

24A.

\* Nguyên văn:-

孟子曰：君子不怨天，不尤人。

\* Âm:-

Mạnh Tử viết : Quân tử bất oán thiên , bất vu nhân .

\* Dịch nghĩa:-

Mạnh Tử nói: Người quân tử không oán trời, không trách người.

\*Diễn ca :-

Nên, hư, quân tử trách mình,  
Vớ trời không oán, chẳng sinh trách người.

25A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：夙興夜寐所思忠孝者，人不知天必知之。飽食暖衣怡然自衛者，身雖安其如子孫何？以愛妻子之心事親則盡孝，以保富貴之心事君則盡忠。以責人之心責己則寡過，以恕己之心恕人則全交。爾謀不及告之何及？爾見不長告之何益？利心專則背道，私意確則滅公。

\* Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Túc hưng dạ寐 sở tư trung hiếu giả , nhân bất tri thiên tất tri chi .Bảo thực noãn y dĩ nhiên tự vệ giả , thân tuy an kỳ như tử tôn hà ? Dĩ ái thê tử



chi tâm sự thân tặc tận hiếu , dĩ bảo phú quý chi tâm sự quân tặc tận trung . Dĩ trách nhân chi tâm trách kỷ tặc quả quá , dĩ thứ kỷ chi tâm thứ nhân tặc toàn giao .  
Nhĩ mưu bất cập cáo chi hà cập ? Nhĩ kiến bất trường cáo chi hà ích ? Lợi tâm chuyên tặc bồi đạo , tư ý xác tặc diệt công .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Kẻ suốt ngày chỉ nghĩ đến điều trung hiếu người không biết nhưng trời tất biết. Kẻ chỉ biết hơn hờ bảm lấy ăn no mặc ấm, thân tuy yên nhưng con cháu họ mới sao? Đem cái lòng yêu vợ con mà thờ cha mẹ tất trọn hiếu, đem cái lòng giữ gìn giàu sang ra thờ vua thì sẽ tận trung, đem cái lòng trách người ra trách mình thì ít lỗi, đem cái lòng tha mình ra tha người thì trọn nghĩa giao du.

Người tính chưa đến thế, ta báo cho người chắc gì người hiểu đến thế? Người tính chưa lâu dài, báo cho người (tính lại) chắc gì có ích? Chăm chăm đeo đuổi lòng ham lợi thì phản bội đạo lý. Ý riêng đã bền chắc thì tiêu diệt lẽ công.

\*Diễn ca :-

Chăm chăm trung hiếu đêm ngày,  
Người dù chưa rõ, trời hay biết liền.  
Chăm chăm no ấm cho mình,  
Mai sau ai biết sự tình cháu con?  
Thứ tình yêu vợ thương con,  
Đem thờ cha mẹ hiếu tròn vẹn ngay.  
Bo bo phú quý khôn lay,  
Thờ vua được vậy, tôi ngay nhất đời!  
Trách người một, trách mình mười,  
Sẽ ít sai quấy, người đời ngợi khen.  
Vớ mình tha thứ vốn quen,  
Vớ người cũng vậy, giao tình bền lâu.  
Nếu người chưa chịu nghĩ sâu,  
Giảng cho người biết, người đâu... học bài?  
Người vụng tính kẻ lâu dài,  
Giảng ra người hẳn chê bai lắm điều.  
Ham lợi lắm, lỗi đạo nhiều,  
Ý riêng bảm chặt, tiêu điều lẽ chung...

-----

26A.

\* Nguyên văn:-

會做快活人，凡事莫生事。  
會做快活人，省事莫惹事。  
會做快活人，大事化小事。  
會做快活人，小事化沒事。

\* Âm:-

Hội tổ khoái hoạt nhân , phạm sự mạc sinh sự .  
Hội tổ khoái hoạt nhân , tỉnh sự mạc nặc sự .  
Hội tổ khoái hoạt nhân , đại sự hoá tiểu sự .  
Hội tổ khoái hoạt nhân , tiểu sự hoá một sự .

\* Dịch nghĩa:-

Người hiểu lẽ vui sống, việc đừng để thêm việc. Người hiểu lẽ vui sống, bớt việc không bày việc. Người hiểu lẽ sống vui, việc lớn hóa việc nhỏ. Người hiểu lẽ sống vui việc nhỏ hóa không việc.

\* Diễn ca :-

Ai hiểu cách sống cho vui vẻ,  
Đừng nên làm việc để thêm cho.  
Ai hiểu cách sống cho vui vẻ,  
Đừng quen trò việc bé xé to.  
Ai hiểu cách sống cho vui vẻ,  
Gặp việc to, thu bé cho xong.  
Ai hiểu cách sống cho vui vẻ,  
Việc nhỏ nhoi, coi nhẹ bằng không.

## VIII - Tuyển dịch thiên thứ tám: GIỚI TÍNH

1A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：人性如水，水一傾則不可復，性一縱則不可反。制水者必以堤防，制性者必以禮法。忍一時之氣，免百日之憂。得忍且忍，得戒且戒。不忍不戒，小事成大。一切諸煩惱，皆從不忍生。臨機與對境，妙在先見明，佛語在無諍，儒書貴無爭。好條快活路，世上少人行。忍是心之寶，不忍身之殃。舌柔常在口，齒折只為剛。思量這忍字，好個快活方，愚濁生嗔怒，皆因理不通，休添心上焰，只作耳邊風。長短家家有，炎涼處處同。是非無實相，究竟終成空。

\*Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Nhân tính như thủy , thủy nhất khuynh tắc bất khả phục , tính nhất túng tắc bất khả phản . Chế thủy giả tất dĩ đê phòng , chế tính giả tất dĩ lễ pháp . Nhẫn nhất thời chi khí , miễn bách nhật chi ưu . Đắc nhẫn thả nhẫn , đắc giới thả giới . Bất nhẫn bất giới , tiểu sự thành đại . Nhất thiết chư phiền não , giai tùng bất nhẫn sinh . Lâm cơ dữ đối cảnh , diêu tại tiên kiến minh , Phật ngữ tại vô tranh , Nho thư quý vô tranh . Hảo điều khoái hoạt lộ , thể thượng thiếu nhân hành . Nhẫn thị tâm chi bảo , bất nhẫn thân chi ương . Thiết nhu thường tại khẩu , xỉ chiết chỉ vi cương . Tư lương giá nhẫn tự , hảo cá khoái hoạt phương , ngu trọc sinh sân nộ , giai nhân lý bất thông , hưu thiêm tâm thượng diêm , chỉ tác nhĩ biên phong . Trường đoản gia gia hữu , viêm lương xú xú đồng . Thị phi vô thực tướng , cứu cánh chung thành không .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Tính người như nước, nước một khi nghiêng trút thì không thể trở lại được, tính một khi buông thả thì không thể trở về được. Ngăn nước phải dùng đê ngừa, giữ tính phải dùng lễ phép. Nhịn cơn giận một lúc, đỡ bị mối lo trăm ngày. Nhịn được thì nhịn, ngừa được thì ngừa. Không nhịn không ngừa, việc nhỏ thành lớn. Tất cả mọi phiền não đều xảy ra từ chỗ không nhịn. Gặp cơ hội cùng đối đầu cảnh ngộ điều kỳ diệu là ở chỗ sáng suốt nhận thấy trước. Lời Phật quý ở không cãi, sách nho quý ở không tranh. Lối dài đường vui sống, trên đời ít người đi. Nhịn là của báu của thân, không nhịn là tai ương của thân. Lưỡi mềm thường ở miệng, răng gãy chỉ vì cứng. Nghĩ ra chữ Nhịn ấy là phương thuốc hay cho việc vui sống. Ngu độn sinh giận dữ đều do lẽ chẳng thông suốt. Đừng thêm lửa lên Tâm, chỉ nên làm gió bên tai. Hay dở thì nhà nào cũng có, nóng lạnh nơi nào cũng như nhau. Phải quấy không có bộ mặt thật, cuối cùng tất cả đều trống rỗng.

\*Diễn ca :-

Nước đã trút khó bề hốt lại,  
Tính đã buông, lỡ dại khó khôn.  
Đắp đê chặn nước là hơn,  
Đem lễ phép chặn những cơn nông cuồng.

Nén cơn giận cắt nguồn lo lắng,  
Biết dè chừng, việc chẳng xé to.  
Đối đầu cảnh ngộ phải lo,  
Sáng suốt nhận rõ gay go từ đầu.

Lời Phật dạy biết câu nhường bộ,  
Đạo nho khuyên hãy cố đừng tranh.  
Đường đời vui, vắng bộ hành,  
Nhịn là của báu trời dành cho ta.

Không nhịn nổi ấy là tai họa,  
Lười nhờ mềm nên đã còn nguyên.  
Cứng như răng, bị gãy liền,  
Gẫm ra giới nhịn là niềm sống vui.

Nghĩ những kẻ vừa ngu vừa đực,  
Dễ giận hờn, đầu óc khó thông.  
Chớ nên thêm lửa vào lòng,  
Thị phi như gió, thổi xong là rồi.

Tình ấm lạnh mọi nơi đều có,  
Chuyện dở hay nhà đó như đây.  
Chẳng gì chắc chắn xưa nay,  
Cuối cùng mọi chuyện có ngày rỗng không.

2A.

\* Nguyên văn:-

子張欲行，辭於夫子願賜一言為修身之要。夫子曰：百行之本，忍之為上。子張曰：何為忍之？夫子曰：天子忍之，國無害，諸侯忍之，成其大，官吏忍之，進其位，兄弟忍之，家富貴。夫婦忍之，終其世，朋友忍之，名不廢。自身忍之，無禍患。

子張曰：不忍何如？

夫子曰：天子不忍，國空虛。諸侯不忍，喪其軀，官吏不忍，刑罰誅，兄弟不忍，各分居，夫妻不忍，情意疏，自身不忍，患不除。

\*Âm:-

Tử Trương dục hành , từ ư Phu Tử nguyện tứ nhất ngôn vi tu thân chi yếu .

Phu Tử viết : Bách hạnh chi bản , nhân chi vi thượng .

Tử Trương viết : Hà vi nhân chi ?

Phu Tử viết : Thiên tử nhân chi , quốc vô hại , chư hầu nhân chi , thành kỳ đại , quan lại nhân chi , tiên kỳ vị , huynh đệ nhân chi , gia phú quý , phu phụ nhân chi , chung kỳ thế , bằng hữu nhân chi , danh bất phế . Tự thân nhân chi , vô hoạ hoạn .

Tử Trương viết : Bất nhân hà như ?

Phu Tử viết : Thiên tử bất nhân , quốc không hư . Chư hầu bất nhân , táng kỳ khu , quan lại bất nhân , hình phạt tru , huynh đệ bất nhân , các phân cư , phu thê bất nhân , tình ý sơ , tự thân bất nhân , hoạ bất trừ .

\* Dịch nghĩa:-

Tử Trương (\*) sắp lên đường, đến từ biệt Phu Tử xin ban cho một lời làm điều cốt yếu để sửa mình.

Phu Tử nói: Góc của trăm nét , Nhịn là đứng đầu.

Tử Trương nói: Nhịn thì thế nào ạ?

Phu Tử nói: Bậc thiên tử nhịn được, nước không thiệt hại, vua chư hầu nhịn được, làm nên việc lớn, quan lại nhịn được, địa vị tiến xa. Anh em nhịn được, nhà giàu có. Vợ chồng nhịn được, ăn ở trọn đời. Bạn bè nhịn được, danh nghĩa không bị vứt bỏ. Bản thân nhịn được, không gặp tai họa.

Tử Trương nói: Không nhịn thì thế nào ạ?

Khổng Tử đáp: Thiên tử không nhịn, nước trống rỗng, chư hầu không nhịn, tự mất xác, quan lại không nhịn, hình phạt giết, anh em không nhịn được, tách ra riêng, vợ chồng không nhịn được, tình nghĩa rời, bản thân không nhịn được, hoạ nạn không dứt.

\*Diễn ca :-

Tử Trương cung kính hỏi Thầy:  
Sửa mình cần giữ điều gì mới an?  
Khổng Tử nói: Khấp thế gian,  
Chỉ cần biết "nhẫn" là an tình hình.  
Thiên tử "nhẫn", nước thanh bình,  
Chư hầu "nhẫn", địa phương mình mở mang.  
Quan "nhẫn" địa vị thêm sang,  
Anh em "nhẫn" cảnh nhà càng giàu ra.  
Vợ chồng "nhẫn" tình thiết tha,  
Bạn bè "nhẫn" mới vang xa tiếng lành.  
Ai đem chữ "nhẫn" giữ mình,  
Thì bao tai họa thôi rình rập ngay.  
Tử Trương tiếp tục hỏi Thầy:  
Lỡ không "nhẫn" nổi, chuyện này ra sao?  
Khổng Tử đáp: Hại rất to,  
Thiên tử không "nhẫn" của kho chẳng đầy.  
Chư hầu không "nhẫn" tan thân,  
Quan lại không "nhẫn" dắt tay vào tù.  
Anh em không "nhẫn" là ngu,  
Sống chung khá giả, phân cư hóa nghèo.  
Vợ chồng không "nhẫn" càng eo,  
Tình nghĩa lạnh nhạt, cảm treo heo thềm.  
Bản thân không "nhẫn" khó êm,  
Nạn to, nạn nhỏ, ngày đêm khó trừ.

\*Chú thích:-

Tử Trương: tên thật là Chuyên Tôn Sư, một trong số mười học trò xuất sắc của Khổng Tử, kém Khổng Tử 48 tuổi.

3A.

\* Nguyên văn:-

張敬夫曰：小勇者血氣之怒，大勇者禮義之怒也。血氣之怒不可有，禮義之怒不可無。

\*Âm:-

Trương Kính Phu viết : Tiểu dưỡng giả huyết khí chi nộ , đại dưỡng giả lễ nghĩa chi nộ dã . Huyết khí chi nộ bất khả hữu , lễ nghĩa chi nộ bất khả vô.

\* Dịch nghĩa:-

Trương Kính Phu nói: Kẻ dưỡng cảm nhỏ là do sự giận dữ của huyết khí. Kẻ dưỡng cảm lớn là do sự giận dữ vì lễ nghĩa. Giận dữ huyết khí không nên có, giận dữ lễ nghĩa không nên không có.

\*Diễn ca :-

Dưỡng cảm có cỡ hấn hoi,  
Cỡ nhỏ không ngoài tức khí nổi xung.  
Cỡ lớn để tạo anh hùng,  
Thấy trái lễ nghĩa, dùng dùng ra tay.  
Cỡ nhỏ phải nén nhịn ngay,  
Cỡ lớn mỗi ngày đều phải phát huy.

-----

4A.

\* Nguyên văn:-

惡人罵善人，善人總不對。善人若還對，彼此無智慧。不對心清涼，罵者口熱沸。正如人唾天，還從己身墜。我若被人罵，佯聾不分說。譬如火當空，不救自然滅。嗔火亦如是，有物遭他熱，我心等空虛，聽爾翻唇舌。

\*Âm:-

Ác nhân mạ thiện nhân , thiện nhân tổng bất đối . Thiện nhân nhược hoàn đối , bỉ thử vô trí tuệ . Bất đối tâm thanh lương , mạ giả khẩu nhiệt phí . Chính như nhân thoá thiên , hoàn tùng kỷ thân truy . Ngã nhược bị nhân mạ , dương lung bất phân thuyết . Thí như hoả đương không , bất cứu tự nhiên diệt . Sân hoả diệt như thị , hữu vật tao tha nhiệt , ngã tâm đẳng không hư , thính nhĩ phiên thần thiết .

\* Dịch nghĩa:-

Người ác mắng người thiện, người thiện không nói lại, người thiện mà nói lại, đây đây không trí tuệ. Không đáp tâm trong mát, kẻ mắng miệng nóng sôi, đúng như người nhổ lên trời, quay lại trúng nhằm mình. Nếu ta bị người mắng, giả điếc nghe không rõ, ví như lửa chỗ trống, không chữa tự nhiên tắt. Lửa giận cũng như vậy, có vật gặp lửa ấy. Tâm ta đều trống không, mặc sức cho nó khua môi múa lưỡi.

\*Diễn ca :-

Kẻ ác mắng người thiện,  
Người thiện chẳng trả lời.  
Nếu người thiện đáp trả,  
Hóa ra ngu cả đôi.  
Làm tỉnh, tâm mát mẻ,  
Chửi mắng, miệng nóng sôi.  
Khác chi khắc nước bọt,  
Cứ tưởng boi bắn trời.  
Té ra bọt rơi xuống,  
Mặt mũi hừng đầy thôi.  
Nếu ta bị người mắng,  
Giả điếc, nghe không trôi.  
Khác chi lửa chỗ trống,  
Không chữa cũng tắt rồi.  
Lửa giận xem cũng vậy,  
Chỉ cháy vật làm môi.  
Tâm ta nếu bỏ trống,  
Kẻ ác môi lưỡi, môi...

## **IX - Tuyển dịch thiên thứ chín: KHUYẾN HỌC**

1A.

\* Nguyên văn:-

性理書云：為學之序：博學之，審問之，慎思之，明辨之，篤行之。

\*Âm:-



Tính Lý Thư vân : [Vi học chi tự : Bác Học Chi , Thảm Vấn Chi , Thận Tư Chi , Minh Biện Chi , Đốc Hành Chi .]

\* Dịch nghĩa:-

Sách Tính Lý nói: Thứ tự của việc học là: học cho rộng, hỏi cho đúng, nghĩ cho kỹ, biện cho rõ, làm cho hăng.

\*Diễn ca :-

Đã theo cái nghiệp học hành,  
Muốn học cho thành, thứ tự phân minh.  
Học cho rộng khắp sử kinh,  
Hỏi cho cặn kẽ, đình ninh mọi điều.  
Nghĩ suy thận trọng đúng chiều,  
Biện cho sáng tỏ, cao siêu, vững bền.  
Trải qua bốn bước kể trên,  
Cuối cùng vận dụng, đẹp thêm cho đời.

-----  
2A.

\* Nguyên văn:-

徽宗皇帝勸學文：學也好，不學也好？學者如禾如稻，不學者如蒿如草。如禾如稻兮，國之精糧，世之大寶。如蒿如草兮，耕者憎嫌，鋤者煩惱。他日面牆，悔之已老。

\*Âm:-

Huy Tông Hoàng đế "Khuyến Học Văn" :

Học dã hảo , bất học dã hảo ?

Học giả như hoà như đạo , bất học giả như cỏ như thảo .

Như hoà như đạo hề , quốc chi tinh lương , thế chi đại bảo .

Như cỏ như thảo hề , canh giả tăng hiềm , sù giả phiến nảo .

Tha nhậ diện tường , hối chi dĩ lão .

\* Dịch nghĩa:-

Bài văn khuyến khích việc học của vua Huy Tông (\*) viết: Học là tốt hay không học là tốt? Kẻ học như lúa như nếp, kẻ không học như lau như cỏ. Như lúa như nếp là gạo ngon của nước nhà, là vật báu lớn của cõi đời, như lau như cỏ thì kẻ cày cấy ghét, kẻ bừa phiền bực. Ngày sau quay mặt vào tường hỏi hận về chuyện đó thì đã già rồi.

\*Diễn ca :-

Học là tốt, hay không là tốt?  
Kẻ học như nếp lúa trên đời.  
Kẻ dốt như cỏ dại thôi,  
Nếp, lúa cung cấp cho người âm no.  
Còn cỏ dại, phải lo dọn kỹ,  
Phải cày bừa không nghỉ suốt mùa.  
Mai sau kém cạnh ganh đua,  
Ăn năn thì đã già nua mất rồi!

\*Chú thích:-

Huy Tông: tên thật là Triệu Cát, vua thứ 8 của nhà Bắc Tống, trị vì giai đoạn 1121 - 1125. Ông là hôn quân bất tài của một triều đại sa sút. Quân Kim bắt ông và con là vua Khâm Tông năm 1127 làm tù binh, sau chết ở nước Kim (Tuy nhiên, mối tình giữa ông với kỹ nữ Lý Sư Sư lại xứng đáng là thiên sử điển tình giàu tính nhân văn: Sư Sư tử tiết để thoát tay Trương Hoảng Phạm là một tướng giỏi của nhà Tống 「bán mình」 cho quân Nguyên).

3A.

\* Nguyên văn:-

禮記曰：獨學無友，則孤陋寡聞。書是隨身本才是國家之珍。

\*Âm:-

Lễ Ký viết : Độc học vô hữu , tác cô lậu quả văn . Thu thị tùy thân bản tài thị quốc gia chi trân .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Lễ Ký nói: Học một mình không có bạn thì quê mùa nông cạn. Sách là vốn liếng mang theo mình, tài năng là vật quý của nước nhà.

\*Diễn ca :-

Học mà thui thui một thân,  
Thiếu bạn thảo luận, quê dằn người đi.  
Có sách đời bớt ngu si,  
Tài là vốn quý duy trì quốc gia.

-----

4A.

\* Nguyên văn:-

好仁不好學，其蔽也愚。好智不好學，其蔽也蕩。好信不好學，其蔽也賊。好直不好學，其蔽也絞。好勇不好學，其蔽也亂。好剛不好學，其蔽也狂。

\*Âm:-

Hảo nhân bất hảo học , kỳ tế dã ngu .  
Hảo trí bất hảo học , kỳ tế dã đãng .  
Hảo tín bất hảo học , kỳ tế dã tặc .  
Hảo trực bất hảo học , kỳ tế dã giảo .  
Hảo dũng bất hảo học , kỳ tế dã loạn .  
Hảo cương bất hảo học , kỳ tế dã cuồng .

\* Dịch nghĩa:-

Muốn Nhân mà không muốn học thì cái ngu che lấp cái Nhân. Muốn Trí mà không muốn học thì sự phóng đãng che lấp cái Trí. Muốn Tín mà không muốn học thì cái

hại che lấp cái Tín. Muốn ngay thẳng mà không muốn học thì sự thất bại che lấp cái ngay thẳng. Muốn dũng cảm mà không muốn học thì sự quấy phá che lấp cái dũng cảm. Muốn cứng rắn mà không muốn học thì sự ngông cuồng che lấp cái cứng rắn.

\*Diễn ca :-

Muốn Nhân, không học thì ngu,  
Bị người lạm dụng, mịt mù đúng sai.  
Muốn Trí, không học nguy tai!  
Nghĩ gì làm nấy, biết ai giữ kềm?  
Muốn Tín, không học chẳng nghiêm.  
Cho mình sẵn đúng, đâu tìm cái hay?  
Muốn Thẳng, không học cũng gay,  
Khăng khăng tự tiện, cấm ai góp lời.  
Muốn Dũng, không học hồng đời,  
Mặc tình gây rối, chẳng nơi nào từ.  
Muốn Cứng, không học càng hư,  
Không quen nín nhịn, gần như điên cuồng.  
Muốn đức hạnh tốt luôn luôn,  
Phải thêm cái học mới vuông, mới tròn.

5A.

\* Nguyên văn:-

諸葛武侯誡子弟曰：君子之行，靜以修身，儉以養德。非淡泊無以明志，非寧靜無以致遠。夫學也，才須學也。非學無以廣才，非靜無以成學。慥慢則不能研精，險躁則不能理性。年與時馳，意與歲去遂成枯落悲嘆窮廬將復何及。

\*Âm:-

Gia Cát Vũ Hậu giới tử đệ viết : Quân tử chi hành , tĩnh dĩ tu thân , kiệm dĩ dưỡng đức . Phi đạm bạc vô dĩ minh chí , phi ninh tĩnh vô dĩ trí viễn . Phù học dã , tài tu học dã . Phi học vô dĩ quảng tài , phi tĩnh vô dĩ thành học . Thao mạn tắc bất năng nghiên tinh , hiềm táo tắc bất năng lý tính . Niên dữ thời khu , ý dữ tuế khứ toại thành khô lạc bi thán cùng lưu tương phục hà cập .

\* Dịch nghĩa:-

Gia Cát Vũ Hầu (\*) nói: Nét người quân tử là tỉnh để sửa mình, tiết kiệm để nuôi đức, không sống đăm đục thì không lấy gì để làm sáng tỏ cái chí, không yên tĩnh thì không lấy gì đạt đến cao xa. Đã học thì phải tĩnh, có tài thì phải học, không học thì không lấy gì để mở rộng cái tài, không tĩnh thì không lấy gì để hoàn thành việc học. Ưa dễ dãi thì nghiên cứu không tinh, hấp tấp thì không xử lý được cái tính. Năm tháng cùng thời cơ qua nhanh, ý với tuổi bỏ đi bèn trở nên khô rưng, dầu buồn than trong ngôi nhà nghèo liệu sẽ quay lại từ đâu sao kịp?

\*Diễn ca :-

Không thanh tĩnh, khó sửa mình,  
Không quen tiết kiệm, đức thành khó nuôi.  
Thanh bản giúp chí sáng ngời,  
Suy nghiệm xa vời, lòng cốt phải yên.  
Học cần thanh tĩnh mới nên,  
Có tài phải học mới bền khả năng.  
Không học tài khó mở mang,  
Chẳng được thanh tĩnh, học càng rối thêm.  
Cái khó là cái đáng thêm,  
Cái dễ làm mềm bản lĩnh tiến xa.  
Muốn dùng cái Tĩnh tối đa,  
Cái thói hấp tấp, tránh xa mới thành.  
Thì giờ vun vút qua nhanh,  
Thời cơ lổi hẹn, tuổi xanh qua rồi!  
Cành khô lá rụng, ôi thôi!  
Hàn vi đâu dễ quay đầu lập thân?

\*Chú thích:-

Gia Cát Vũ Hầu: tức Gia Cát Lượng (181 - 234) tự Khổng Minh, làm thừa tướng nước Thục thời Tam Quốc Ông tiêu biểu một quân sư mưu kế hơn đời và là trung thần tận tụy tận độ. Ông được phong tước Vũ hầu.

**X - Tuyển dịch thiên thứ mười: HUẤN TỬ**

1A.

\* Nguyên văn:-

司馬溫公曰：養子不教父之過，訓導不嚴師之惰。父教師嚴兩無礙，學問無成子之罪。暖衣飽食居人倫，親我笑談如土塊。攀高不及下品流，稍遇賢才無與語。勉後生力求誨，投明師莫自昧。一朝雲路果然登，姓名亞等呼先輩。室中若未結姻親，自有佳人求配匹。勉之汝等各早修，莫待老來空自悔。

\* Âm:-

Tư Mã Ôn Công viết : Dưỡng tử bất giáo phụ chi quá , huấn đạo bất nghiêm sư chi noạ . Phụ giáo sư nghiêm lưỡng vô ngại , học vấn vô thành tử chi tội . Noãn y bão thực cư nhân luân , thân ngã tiêu đàm như thổ khối . Phan cao bất cập hạ phẩm lưu , sảo ngộ hiền tài vô dĩ ngữ . Miễn hậu sinh lực cầu hối , đầu minh sư mạc tự muội . Nhất triều vân lộ quả nhiên đăng , tính danh á đẳng hô tiên bối . Thất trung nhược vị kết nhân thân , tự hữu giai nhân cầu phối thất . Miễn chi nhữ đẳng các tạo tu , mạc đãi lão lai không tự hối .

\* Dịch nghĩa:-

Tư Mã Ôn Công nói: Nuôi con không dạy là lỗi của cha. Dạy dỗ không nghiêm là thầy bê trễ. Cha dạy thầy nghiêm, cả hai không trực trặc gì mà học vấn không thành là tội của con. Ấm áo no cơm giữa cõi người mà chuyện trò với bà con cứ trợ như cục đất. Vói cao không tới phải nhập vào lớp hạ lưu, có gặp bậc hiền tài cũng chẳng biết nói năng gì với họ. Khuyến đám hậu sinh ra sức tìm thầy dạy, gửi thân nơi thầy sáng suốt, đừng tự làm cho mình ngu muội. Một mai tiến lên đường công danh, tên họ mình được đám thấp hơn gọi là đàn anh. Trong nhà nếu chưa kết hôn cũng có người đẹp tự đến xin làm vợ. Khuyến các người ai nấy sớm sửa chữa, đừng đợi đến già hối hận suông.

\*Diễn ca :-

Nuôi con không dạy,  
Là lỗi của cha.  
Con học lơ là,  
Thầy chưa nỗ lực

Cha, thầy đúng mực,  
Học vẫn vẫn chưa thành,  
Tội con rành rành,  
Vô phương chối bỏ.  
Áo cơm sẵn có,  
Thân thích quanh mình.  
Trò chuyện huyền thiên,  
Mình trơ cục đất!  
Liệt vào hạng thấp,  
Hạng cao khó chen.  
Gặp bậc tài năng,  
Đâu dám trò chuyện.  
Mấy lời tâm nguyện,  
Gởi lớp hậu sinh,  
Đem hết sức mình,  
Tìm thầy cho tốt.  
Đừng làm mình dốt,  
May ra gặp thời,  
Tên đề bảng rồi,  
Người người kính nể.  
Dù nhà vắng vẻ,  
Còn sống độc thân,  
Thiếu chi giai nhân,  
Nguyên câu cảm sát.  
Khuyên đừng để mắt,  
Cơ hội tu thân,  
Về già ăn năn,  
Thẹn lây con cháu...

-----

2A.

\* Nguyên văn:-

柳屯田勸學文：父母養其子而不教，是不愛其子也。雖教而不嚴，是亦不愛其子也。父母教而不學，是子不愛其身也。雖學而不勤，是亦不愛其身也。是故養子必教，教則必嚴，嚴則必勤，勤則必成。學則庶人之子為公卿，不學則公卿之子為庶人。

\*Âm:-

Liễu Truân Điền Khuyến Học Văn : Phụ mẫu dưỡng kỳ tử nhi bất giáo , thị bất ái kỳ tử dã . Tuy giáo nhi bất nghiêm , thị diệc bất ái kỳ tử dã . Phụ mẫu giáo nhi bất học , thị tử bất ái kỳ thân dã . Tuy học nhi bất cần , thị diệc bất ái kỳ thân dã . Thị cố dưỡng tử tất giáo , giáo tắc tất nghiêm , nghiêm tắc tất cần , cần tắc tất thành . Học tắc thứ nhân chi tử vi công khanh , bất học tắc công khanh chi tử vi thứ nhân .

\* Dịch nghĩa:-

Bài văn khuyến khích việc học của quan Đồn điền họ Liễu (\*) viết: Cha mẹ nuôi con mình mà không dạy là không yêu con mình. Tuy dạy mà không nghiêm cũng là không yêu con mình. Cha mẹ dạy mà không học là không yêu thân mình. Tuy học nhưng không siêng năng cũng là không yêu thân mình vậy. Thế cho nên nuôi con tất phải dạy, dạy thì tất phải nghiêm, nghiêm thì tất siêng, siêng thì tất nên. Học thì con dân quèn làm công khanh, không học thì con công khanh làm dân quèn.

\*Diễn ca :-

Nuôi con chỉ bởi bản năng,  
Như thế cầm bằng nuôi vật cảnh thôi.  
Dạy con qua quít lấy rồi,  
Kiểm tra lỏng lẻo ấy thời ghét con.  
Còn như dạy bảo ôn tồn,  
Con không học, tức không còn quý thân.  
Có học nhưng thiếu chuyên cần,  
Cũng là chẳng quý cái thân của mình.  
Nuôi con phải dạy, phải nghiêm,  
Con mới thành niềm an ủi mẹ cha.  
Có học, nghèo cũng tiến xa,  
Không học, giàu cũng hóa ra bần cùng.

\*Chú thích:-

Quan Đồn điền họ Liễu: tức Liễu Kỳ Khanh (987 - 1055) người Phúc Kiến. Ông đỗ tiến sĩ, làm đến chức Đồn điền viên ngoại lang nhưng giới ăn chơi quen gọi ông là Bầy Liễu (Liễu Thát). Ông là một tử gia lãng mạn, sống khá phóng túng.



3A.

\* Nguyên văn:-

白侍郎勉學文：有田不耕倉廩虛，有書不教子孫愚。倉廩虛兮歲月乏，子孫愚兮禮義疏。若為不耕與不教，乃是父兄之過歟！。

\* Âm:-

Bạch Thị Lang Miên Học Văn : Hữu điền bất canh thương lẫm hư , hữu thư bất giáo tử tôn ngu . Thương lẫm hư hề tuế nguyệt phạp , tử tôn ngu hề lễ nghĩa sơ . Nhược vi bất canh dữ bất giáo , nãi thị phụ huynh chi quá dư ! .

\* Dịch nghĩa:-

Bài văn khuyên gắng học của quan Thị lang họ Bạch nói: Có ruộng không cày kho đụn rỗng. Có sách không dạy con cháu ngu. Kho đụn rỗng thì năm tháng thiếu hụt. Con cháu ngu thì lễ nghĩa lỏng lẻo. Nếu là không cày cùng không dạy mới là lỗi của cha anh vậy.

\*Diễn ca :-

Ruộng bỏ hoang, chẳng cấy cày,  
Kho tàng trống rỗng, chẳng hay ho gì!  
Có sách chẳng dạy chữ chi,  
Mặc cho con cháu ngu si hư đời.  
Chẳng cày, thiếu đói ngay thôi!  
Chẳng dạy, lễ nghĩa hỏng rồi nguy to!  
Không cày, không dạy, đáng lo,  
Phụ huynh xin hãy nhận cho lỗi mình!

-----

4A.

\* Nguyên văn:-

漢書云：黃金滿盈（盈，通「籩」，箱籠一類的容器。），不如教子一經；賜子千金不如教子一藝。至樂莫如讀書，至要莫如教子。

\*Âm:-

Hán Thư vân : Hoàng kim mãn doanh, Bất như giáo tử nhất kinh ; Tứ tử thiên kim bất như giáo tử nhất nghệ . Chí lạc mạc như độc thư , chí yếu mạc như giáo tử .

CT:- (doanh , thông , thông」 , srong lung nhất loại đích dung khí . )

\* Dịch nghĩa:-

Sách Hán thư nói: Chắt vàng đầy rương không bằng dạy con một cuốn sách hay. Ban cho con nghìn vàng không bằng truyền cho con một nghề. Vui nhất không gì bằng dạy con.

\*Diễn ca :-

Vàng ròng tích cốp đầy kho,  
Không bằng kinh sử dạy cho con mình.  
Ngàn vàng cho chúng mưu sinh,  
Không bằng dạy chúng cho tinh một nghề.  
Đọc sách, vui thú trăm bề,  
Dạy con quan trọng, chớ hề thờ ơ!

5A.

\* Nguyên văn:-

孟子曰：古者易子而教之。父子之間不責善，責善則離，離則不祥莫大焉。

\*Âm:-

Mạnh Tử viết : Cổ giả dị tử nhi giáo chi . Phụ tử chi gian bất trách thiện , trách thiện tắc ly , ly tắc bất tường mạc đại yên .

\* Dịch nghĩa:-

Mạnh Tử nói: Người xưa đòi con mà dạy. Giữa cha con không nên trách điều chưa phải. Hễ trách là chia lìa, chia lìa là điều chẳng lành lớn nhất vậy.

\*Diễn ca :-

Đòi con mà dạy mới hay,  
Mới dễ trách cứ, mới dày khôn ngoan.  
Cha cung, con dễ làm càn,  
Cha nghiêm, con oán, tình càng tệ thêm.  
Xui nên chia rẽ đôi bên,  
Là điều bất hạnh khó quên nhất đời.

-----

6A.

\* Nguyên văn:-

呂榮公曰：人生內無賢父兄，外無賢師友而能有成者鮮矣。

\*Âm:-

Lã Vinh Công viết : Nhân sinh nội vô hiền phụ huynh , ngoại vô hiền sư hữu nhi năng hữu thành giả tiên hĩ .

\* Dịch nghĩa:-

Lã Vinh Công nói: Người đời mà trong nhà không có cha anh giỏi, ngoài đời không có thầy bạn giỏi mà làm nên được là hiếm lắm.

\*Diễn ca :-

Gẫm ra kẻ sống trên đời,  
Cha, anh, thầy, bạn, không người giỏi giang.

Tự thân vượt được khó khăn,  
Bản lĩnh, nghị lực, ai bằng nổi đầu!

7A.

\* Nguyên văn:-

太公曰：男子失教長大愚頑，女子失教，長大粗疏。養男之法，莫聽誑語；育女之法，莫教離母。男年長大，莫習樂酒；女年長大，莫教遊走。嚴父出孝子，嚴母出巧女。憐兒多與棒，憎兒多與食。憐兒無功，憎兒有力。桑條從小鬱，長大鬱不屈。人皆愛珠玉，我愛子孫賢。

\* Âm:-

Thái Công viết : Nam tử thất giáo trường đại ngu ngoan , nữ tử thất giáo , trường đại thô sơ . Dưỡng nam chi pháp , mạc thính cuồng ngữ ; dục nữ chi pháp , mạc giáo ly mẫu . Nam niên trường đại , mạc tập lạc tửu ; nữ niên trường đại , mạc giáo du tẩu . Nghiêm phụ xuất hiếu tử , nghiêm mẫu xuất xảo nữ . Lân nhi đa dĩ bổng , tăng nhi đa dĩ thực . Lân nhi vô công , tăng nhi hữu lực . Tang điều tòng tiểu uất , trường đại uất bất khuất . Nhân giai ái châu ngọc , ngã ái tử tôn hiền .

\* Dịch nghĩa:-

Thái Công nói: Con trai mà mất sự rèn dạy thì lớn lên ngu bướng. Con gái mà mất sự rèn dạy thì lớn lên vụng về sơ suất. Phương pháp dạy con trai là đừng nghe nói dối. Phương pháp dạy con gái là đừng để lia xa mẹ. Con trai tuổi lớn chớ tập thói ham vui nhạc rượu. Con gái tuổi lớn đừng để chơi bời lêu lổng. Cha nghiêm sinh con trai hiếu thảo. Mẹ nghiêm sinh con gái khéo léo. Thương con nên cho nhiều roi vọt, ghét con mới cho ăn uống nhiều. Thương con chẳng làm nó thành công, ghét con làm nó có năng lực. Cành dâu uốn khi nhỏ, lớn to uốn không cong. Người ta đều yêu châu ngọc, ta yêu con cháu tài năng.

\*Diễn ca :-

Con trai không dạy lớn đàn,  
Con gái không dạy, lớn thân vụng về.

Tránh đàn, lời dối chó nghe,  
Tránh vụng, mẹ phải kè kè thường xuyên.  
Con trai nhọc rượu chó ghiền,  
Con gái chó để mặc tình rong chơi.  
Cha nghiêm, trai mới nên người,  
Mẹ nghiêm, gái mới khôn lời, khéo tay.  
Thương con, roi vọt mới hay,  
Quà nọ, bánh này, là kiêu ghét con.  
Có thương, chưa chắc thành công,  
Có ghét con mới độc lòng chữa sai.  
Muốn con nên đức, nên tài,  
Phải chăm uốn nắn từ ngày lên ba.  
Người đời yêu quý ngọc ngà,  
Còn ta yêu quý con ta hiền tài.

-----  
8A.

\* Nguyên văn:-

內則曰：凡生子，擇於諸母與可者，必求其寬裕慈惠溫良恭敬，慎而寡言者使為子師。能食教以右手，能言男唯女俞，男盤革，女盤絲。六年教之數與方名，七年男女不同席，不共食，八年出入門戶及即席飲食必後長者。始教之讓。九年教之數目。十年出就外傅居宿於外。

\* Âm:-

Nội Tắc viết : Phạm sinh tử , trạch ư chư mẫu dữ khả giả , tất cầu kỳ khoan dụ từ huệ ôn lương cung kính , thận nhi quả ngôn giả sử vi tử sư . Năng thực giáo dĩ hữu thủ , năng ngôn nam duy nữ du , nam bàn cách , nữ bàn ty . Lục niên giáo chi số dữ phương danh , thất niên nam nữ bất đồng tịch , bất cộng thực , bát niên xuất nhập môn hộ cập tức tịch ẩm thực tất hậu trường giả . Thủy giáo chi nhượng . Cửu niên giáo chi số mục . Thập niên xuất tựu ngoại phó cư tức ư ngoại .

\* Dịch nghĩa:-

Thiên Nội Tắc nói: Hễ sinh con nên chọn ở bà mẹ có khả năng, tất tìm người khoan dung, hiền lành, ôn hòa cung kính, thận trọng mà ít lời, nhờ họ làm thầy cho con. Con

biết ăn cơm dạy cầm (đũa) tay phải. Con biết nói, con trai phải dạ, con gái phải vâng, trai thắt lưng da, gái thắt lưng tơ. Lên sáu tuổi dạy đếm số và gọi tên phương hướng. Lên bảy tuổi, con trai con gái không ngồi chung chiếu, không ăn uống chung. Lên tám tuổi ra vào cửa ngõ cho đến ngồi chiếu, ăn uống, tất phải làm sau người lớn, bắt đầu dạy tính kính trên nhường dưới. Đến chín tuổi, dạy chúng đếm ngày. Đến mười tuổi ra học thầy ngoài, ăn ngủ ở ngoài.

\*Diễn ca :-

Phàm sinh con, phải nên chọn mẹ,  
Mẹ khoan dung, nhỏ nhẹ, ôn hòa.  
Kính nhường, cẩn thận mới là,  
Nói năng chừng mực, con ta nhận thầy.  
Biết ăn uống, thầy bày tay phải,  
Biết nói năng, trai dạ, gái vâng.  
Dây da trai tập thắt lưng,  
Dây tơ gái buộc, xem chừng hay hơn.  
Lên sáu dạy biết phương, đếm số,  
Biết gọi tên đúng, rõ bốn phương.  
Lên bảy, phải tính đã tường,  
Ngồi khác chiếu giường, ăn uống tách riêng.  
Lên tám tuổi học kiêng, học nề,  
Lúc ăn ngồi, giữ lễ kính nhường.  
Ra vào cửa ngõ, đi đường,  
Có người lớn, nhớ phải thường đi sau.  
Chín tuổi học đếm làu ngày tháng.  
Tuổi lên mười, bạo dạn ra ngoài.  
Tự tin, tự tại như ai,  
Đến nhà thầy ngụ, trở tài khiêm cung.  
Chữ bản lĩnh chưa từng đòi hỏi,  
Nhưng tập quen, gắng gỏi từ đây.  
Dù con là gái hay trai,  
Giữ rèn thế ấy, hiền tài chẳng xa.

9A.

\* Nguyên văn:-

龐德公誠子詩云：

凡人百藝好隨身，  
賭博門中莫去親。  
能使英雄為下賤，  
解教富貴作飢貧。  
衣衫襤褸親朋笑，  
田地消磨骨肉嗔。  
不信但看鄉黨內，  
眼前衰敗幾多人。

\*Âm:-

Bàng Đức Công Giới Tử Thi vân :

Phàm nhân bách nghệ hảo tùy thân ,  
Đồ bác môn trung mạc khứ thân .  
Năng sử anh hùng vi hạ tiện ,  
Giải giao phú quý tác cơ bần .  
Y sam lam lũ thân bằng tiếu ,  
Điền địa tiêu ma cốt nhục sên .  
Bất tín đản khan hương đảng nội ,  
Nhân tiên suy bại kỷ đa nhân .

\* Dịch nghĩa:-

Bài thơ cảnh báo con của Bàng Đức Công viết: Người đời có cả trăm nghề để theo. Chớ nên đến gần cửa cờ bạc. Nó có khả năng khiến anh hùng làm kẻ thấp hèn. Nó cỡi bỏ giàu sang làm thành kẻ nghèo đói. Áo xống lam lũ, bạn thân cũng chê cười. Ruộng đất tiêu ma, cốt nhục gầy gò. Không tin thì chỉ cần xem trong làng xóm. Đã có nhiều người suy bại ngay trước mắt.

\*Diễn ca :-

Trăm nghề trong cõi người đời,  
Riêng nghề cờ bạc, con thời lánh xa.  
Anh hùng nó biến hèn ra,  
Giàu sang nó biến thành ma đói nghèo.  
Áo quần xơ xác nào nề,

Bạn bè cười giễu chẳng hề nề đâu!  
Ruộng vườn bán sạch từ lâu,  
Anh em gậy gố, quên câu ruột rà.  
Chẳng tin ngó kỹ làng ta,  
Tan cơ nát nghiệp phải là ít đâu!

-----

10A.

\* Nguyên văn:-

一樣人身幾樣心，  
一般茶飯一般人，  
同時天光同時夜，  
幾人富貴幾人貧。  
君子貧時有禮義，  
小人乍富便欺貧。  
東海龍王常在世，  
得時休笑失時人。  
大家忍耐隨時過，  
知他誰是百年人。

\* Âm:-

Nhất dạng nhân thân kỷ dạng tâm ,  
Nhất ban trà phạn nhất ban nhân ,  
Đồng thời thiên quang đồng thời dạ ,  
Kỷ nhân phú quý kỷ nhân bần .  
Quân tử bần thời hữu lễ nghĩa ,  
Tiểu nhân sạ phú tiện khi bần .  
Đông hải long vương thường tại thế ,  
Đắc thời hưu tiếu thất thời nhân .  
Đại gia nhẫn nại tùy thời quá ,  
Tri tha thụ thị bách niên nhân .

\* Dịch nghĩa:-

Cùng một dáng người, mấy dáng tâm,



Một loại trà cơm, một loại người.  
Cùng lúc sáng trời, cùng lúc đêm về,  
Mấy người giàu sang, mấy người nghèo?  
Quân tử lúc nghèo có lẽ nghĩa.  
Tiểu nhân chợt giàu liền khinh nghèo.  
Đông Hải Long Vương (\*) thường ở đời,  
Được thời chớ cười người mất thời.  
Mọi người hãy nhẫn nại sống theo thời,  
Biết người khác ai sống được trăm năm?

\*Diễn ca :-

Bề ngoài ai cũng giống ai,  
Bề trong, Tâm mới làm sai hạng người.  
Tuy cùng nước hóp, cơm xoi,  
Đi sáng về tối ta thời như nhau.  
Thế nhưng đây khó, đó giàu,  
Dù nghèo, quân tử giữ màu lễ nghi.  
Tiểu nhân giàu có gặp thì,  
Tỏ ngay cái vẻ khinh khi người nghèo.  
Muôn đời sóng biển vẫn reo,  
Vẫn nhìn nhân loại giàu nghèo luân phiên.  
Vẫn chứng kiến cảnh đảo điên,  
Kẻ đắc thế liền cười kẻ sa cơ.  
Theo thời, nấn ná ai ơi!  
Thử xem thiên hạ ai người trăm năm?

\*Chú thích:-

Đông Hải Long Vương: vua Rồng cai quản biển Đông, được coi là kẻ có mặt thường xuyên liên tục trên đời, chứng kiến đầy đủ các sự kiện.

11A.

\* Nguyên văn:-

瘦地開花晚，  
貧窮發福遲。

莫道蛇無角，  
成龍也未知。  
但看天上月，  
團圓有缺時。

\*Âm:-

Sầu địa khai hoa vãn ,  
Bàn cùng phát phước trì .  
Mạc đạo xà vô giác ,  
Thành long dã vị tri .  
Đản khan thiên thượng nguyệt ,  
Đoàn viên hữu khuyết thời .

\* Dịch nghĩa:-

Đất xấu trở hoa muộn,  
Nghèo nàn phát phước chậm.  
Đừng bảo rắn không sừng,  
Thành rồng chưa biết lúc nào.  
Chỉ cần xem trăng trên trời,  
Tròn trặn có lúc khuyết.

\*Diễn ca :-

Đất cần hoa nở muộn,  
Nghèo túng phước lâu về.  
Rắn không sừng chớ chê,  
Hóa rồng chẳng mấy chốc  
Trăng tuy tròn có lúc,  
Cũng khuyết ngay đấy thôi!

-----

12A.

\* Nguyên văn:-

萬事由天莫強求，  
何需苦苦用心謀。  
三餐飯內休糊想，  
得一帆風便可收。  
生事事生何日了，  
害人人害幾時休。  
冤家宜解不宜結，  
各自回頭看後頭。

\*Âm:-

Vạn sự do thiên mạc cưỡng cầu ,  
Hà nhu khổ khổ dụng tâm mưu .  
Tam xan phạn nội hưu hồ tưởng ,  
Đắc nhất phàm phong tiện khả thu .  
Sinh sự sinh hà nhật liễu ,  
Hại nhân nhân hại kỷ thời hưu .  
Oan gia nghi giải bất nghi kết ,  
Các tự hồi đầu khán hậu đầu .

\* Dịch nghĩa:-

Muôn việc do trời chớ có gượng tìm. Sao phải khổ khổ dùng lòng tính mọi cách. Chớ nên mơ tưởng hão huyền ngoài ba bữa cơm. Gió no buồm rồi thì cuộn buồm lại. Bày ra việc rồi việc để việc ngày nào mới xong? Lo hại người, lo người hại lại, lúc nào mới thôi? Mỗi oan nên cởi không nên thắt. Mỗi người hay quay đầu nhìn phía sau.

\*Diễn ca :-

Gượng đòi chi nổi với trời?  
Nhọc công xoay sở, việc đòi vẫn trơ.  
Được ăn ba bữa thôi mơ,  
Gió no buồm nghỉ, đừng chờ gió thêm.  
Việc để việc, lúc nào êm?  
Hại người, người hại, ai thềm dưng đâu?  
Cởi oan, chớ thắt thêm sâu,

Hãy quay nhìn lại phía sau mỗi người.

13A.

\* Nguyên văn:-

雀喙四顧食，  
燕寢無疑心。  
量大福亦大，  
機深禍亦深。

\* Âm:-

Tước uế tứ cố thực ,  
Yên tâm vô nghi tâm .  
Lương đại phước diệc đại ,  
Cơ thâm họa diệc thâm .

\* Dịch nghĩa:-

Chim sẻ mổ ăn quay nhìn bốn phía.  
Chim én ngủ thoải mái không nghi ngại gì.  
Độ lượng lớn, phước cũng lớn.  
Mưu cơ sâu họa cũng sâu.

\*Diễn ca :-

Chim sẻ lẳng xăng ngảnh bốn bên,  
Tiểu nhân bận rộn thuở nào yên?  
Én kia nằm nghỉ lòng thanh thản,  
Quân tử bất tranh nhẹ nhõm mình.  
Độ lượng khoan hồng phước càng lớn,  
Tâm cơ thâm hiểm họa càng kinh.

**XI - Tuyển dịch thiên thứ mười một: TĨNH TÂM**

1A.

\* Nguyên văn:-

資世通訓雲：陰法遲而不漏，陽憲近而有逃。陽網密而易漏，陰網疏而難逃。

\* Âm:-

Tư Thế Thông Huân vân : Âm pháp trì nhi bất lậu , dương hiến cận nhi hữu đào .  
Dương võng mật nhi dị lậu , âm võng sơ nhi nan đào .

\* Dịch nghĩa:-

Bài Tư Thế Thông Huân viết: Phép trừng trị của cõi âm chậm mà không lọt. Thế chế của cõi dương gần mà có cách trốn thoát. Lưới cõi dương dày mà dễ lọt, lưới cõi âm thưa mà khó trốn thoát.

\*Diễn ca :-

Phép trừng trị cõi âm khó thấy,  
Chậm nhận ra nhưng lại chắc sần.  
Thế chế nhà nước thật gần,  
Thiên hạ chỉ cần móc ngoặc thật hay.  
Tha hồ xa chạy cao bay,  
Lưới luật để sống... cả bầy nhà lươn!  
Lưới cõi âm, vô phương móc ngoặc,  
Mất lưới thưa, bở thật lâu đời.  
Bao nhiêu tội dưới bầu trời,  
Lưới không để lọt dù người bé, to..

.

-----

2A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：無瑕之玉，可以為國稅。孝弟之子可以為家寶。寶貝用之有盡，忠孝享之無窮。家和貧也好，不義富如何？但存一子孝，何用子孫多？父不憂心

因子孝，夫無煩惱是妻賢。言多語失皆因酒，義斷親疏只為錢。既取非常樂，須防不測憂。樂極悲生。得寵思辱，居安慮危。榮盛辱大，利重害深。盛名必有重責，大功必有奇窮。甚愛必甚費，甚譽必甚毀。甚喜必甚憂，甚恥必甚亡。恩愛生煩惱，追隨大丈夫。庭前生瑞草，好事不如無。

\*Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Vô hà chi ngọc , khả dĩ vi quốc thuế . Hiếu đệ chi tử khả dĩ vi gia bảo . Bảo bối dụng chi hữu tận , trung hiếu hưởng chi vô cùng . Gia hoà bản dã hảo , bất nghĩa phú như hà ? Đản tồn nhất tử hiếu , hà dụng tử tôn đa ? Phụ bất ưu tâm nhân tử hiếu , phu vô phiền não thị thê hiền . Ngôn đa ngữ thất giai nhân tửu , nghĩa đoạn thân sơ chỉ vị tiền . Ký thủ phi thường lạc , tu phòng bất trắc ưu . Lạc cực bi sinh . Đắc sủng tư nhục , cư an lự nguy . Vinh thịnh nhục đại , lợi trọng hại thâm . Thịnh danh tất hữu trọng trách , đại công tất hữu cơ cùng . Thâm ái tất thâm phí , thâm dự tất thâm huỷ . Thâm hỷ tất thâm ưu , thâm sỉ tất thâm vong . Ân ái sinh phiền não , truy tuý đại trượng phu . Đình tiên sinh thuy thảo , hảo sự bất như vô .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Viên ngọc không vét có thể làm thuế nước, con hiếu để có thể làm của gia bảo. Của gia bảo dùng rồi cũng có khi hết, trung hiếu đem hưởng không hết. Nhà hòa thuận thì nghèo cũng tốt, bất nghĩa thì giàu có ra gì? Chỉ còn một đứa con hiếu, cần gì con cháu nhiều? Cha không lo trong lòng vì con có hiếu, chồng không phiền não vì có vợ hiền. Nói nhiều nói bậy đều do rượu, tình nghĩa chầm dứt, người thân chia lìa chỉ vì tiền. Đã nhận cái vui bất thường thì nên phòng mọi lo bất trắc. Vui tốt độ thì buồn sinh ra, được yêu chiều phải nghĩ đến lúc chịu nhục. Ở cảnh yên vui phải lo lúc nguy cấp. Vinh nhiều thì nhục lớn. Lợi nặng thì hại sâu, danh vọng càng lớn thì khiến trách càng nặng, công to tất có khi cùng khôn kỳ lạ. Yêu lắm tất sử dụng lắm, khen lắm tất xỉ vả lắm, vui lắm tất lo lắng, xấu hổ lắm tất mất mát. Ái ân sinh phiền não, đeo đuổi đại trượng phu. Trước sân mọc lên cỏ báo điềm tốt. Dù có gặp việc tốt cũng không bằng không có.

\*Diễn ca :-

Ngọc quý có thể thay quốc thuế (\*),  
Gia bảo là con hiếu trong nhà.  
Ngọc dùng sẽ hết thôi mà!

Chỉ điều trung hiếu mới là bền lâu.

Nhà bất nghĩa, càng giàu càng bậy.  
Nhà thuận hòa, nghèo mấy vẫn hay.  
Chỉ cần một đũa thảo ngay,  
Đâu cần chi phải đông đầy cháu con?

Con hiếu thảo, cha không lo lắng,  
Vợ hiền hòa, chồng chẳng đau đầu.  
Lắm lời lãi nhãi đầu đầu,  
Chẳng qua lỗ uổng phải bầu Đỗ Khang (\*).

Chỗ anh em, họ hàng xào xáo,  
Chỉ vì không chu đáo tiền nong.  
Khi niềm vui rộn rã lòng,  
Phải nên đề phòng sẽ gặp lo âu.

Vui vẻ lắm, âu sầu càng lắm,  
Nhục đến ngay say đắm yêu vì.  
Sống yên phải tính sẽ nguy,  
Vẻ vang phải liệu gặp kỳ nhục như.

Lợi càng nặng, hại chờ càng nặng,  
Danh to thì khó tránh trách phiền.  
Được yêu, cuộc sống khó yên,  
Được khen tất phải hứng liền chê bai.

Vui mừng cứ đan cài lo lắng,  
Xấu hổ luôn, ắt hẳn trợ lì.  
Chùng như xấu hổ mất đi,  
Nhưng nào có ích được gì cho cam!

Chuyện ân ái dễ làm mệt óc,  
Chẳng buông tha những bậc trượng phu.  
Cho dù may mắn có dư,  
Việc hay thì cũng chẳng như đừng làm.

\*Chú thích:-

Quốc thuê: thuế của một nước, tức cống phẩm của nước nhỏ nộp nước lớn để tỏ ý

thần phụ

Đỗ Khang: tên người nấu rượu đầu tiên, được dùng làm tiếng lóng chỉ rượu.

(Chú ý: Đoạn văn trên vận dụng thuyết Vô Vi của Lão giáo cách nay 25 thế kỷ, không hẳn là "bảo giám" làm "minh tâm" con người ngày nay).

3A1.

\* Nguyên văn:-

素書云：推古驗今所以不惑。欲知未來，先察已往。

\* Âm:-

Tổ Thư vân : Suy cổ nghiệm kim sở dĩ bất hoặc . Dực tri vị lai , tiên sát dĩ vãng .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Tổ thư nói: Suy xưa nghiệm nay là để khỏi lầm. Muốn biết vị lai, trước phải xét dĩ vãng.

\*Diễn ca :-

Muốn cho xét việc khỏi nhầm,  
Thì phải sưu tầm kinh nghiệm người xưa.  
Chẳng nên nghĩ cạn, làm bừa,  
Con người phải chừa dấu vết bản năng.

-----

3A2.

\* Nguyên văn:-

巧者多勞拙厭閒,  
善嫌懦弱惡嫌頑。



富遭嫉妬貧遭賤，  
勤日貪婪儉日慳。  
觸目不分皆笑蠢，  
見機而作又言奸。  
思量那件當教做，  
做人難做做人難。  
    為人難，  
    為人難。  
寫得紙盡筆頭干，  
更寫幾句為人難。

\*Âm:-

Xảo giả đa lao chuyết yêm gian ,  
Thiện hiềm noạ nhược ác hiềm ngoán .  
Phú tao tạt đồ bần tao tiện ,  
Cần viết tham lam kiệm viết kiên .  
Xúc mục bất phân giai tiếu xuẩn ,  
Kiến cơ nhi tác hựu ngôn gian .  
Tư lương na kiện đương giáo tố ,  
Tố nhân nan tố tố nhân nan .  
    Vi nhân nan ,  
    Vi nhân nan .  
Tả đắc chỉ tận bút đầu can ,  
Cánh tả cơ kỷ cú vi nhân nan .

\* Dịch nghĩa:-

Kẻ khéo chán nhiều nhọc, kẻ vụng chán nhàn rỗi.

- Người thiện bị ghét là nhu nhược, kẻ ác bị ghét là ương ngạnh.

- Kẻ giàu bị ghen ghét, kẻ nghèo bị khinh bỉ.

- Kẻ siêng bị cho là tham lam, kẻ kiệm bị cho là bủn xỉn.

Thấy tận mắt mà không nhận ra mọi người đều cho là ngu ngố

Nhìn ra vận hội mà làm lại có kẻ nói là gian hùng.

Nghĩ kỹ những chuyện ấy nên phải làm.

Làm người khó, làm chuyện làm người khó.

Làm người khó thay! Làm người khó thay!

Viết cho hết giấy, bút khô mực,

Lại vẫn phải viết mấy câu: Làm người khó thay!

\*Diễn ca :-

Khéo thì quá nhọc, vụng chê nhàn,  
Thiện, cười nhu nhược Ác, làm càn!  
Giàu, người căm ghét. Nghèo, khinh rẻ,  
Siêng, chuốc tiếng tham. Kiệm, rán sành. (\*)  
Nhận định mù mờ, chê: kẻ ngốc,  
Ra tay nhanh nhạy, mĩa: quân gian!  
Nghĩ sao cho đúng? Làm sao đúng?  
Thật khó làm người! Khó tính toán!  
Mực cạn, bút cùn ngòi chép mãi:  
Làm người là việc khó muôn vàn!

\*Chú thích:-

Rán sành: tức "rán sành ra mỡ" thành ngữ cay độc mắng kẻ quá keo kiệt lại ngu xuẩn, thấy mảnh sành bóng láng, tưởng có lớp mỡ bám ngoài (!)

4A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：木有所養則根本固而枝葉茂，棟樑之材成。水有所養則源泉壯而流脈長，灌溉之利博。人有所養則志氣大而見識明，忠義之士出。

\*Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Mộc hữu sở dưỡng tắc căn bản cố nhi chi diệp mậu , đổng lương chi tài thành . Thủy hữu sở dưỡng tắc nguyên tuyền tráng nhi lưu mạch trường , quán khái chi lợi bác . Nhân hữu sở dưỡng tắc chí khí đại nhi kiến thức minh , trung nghĩa chi sĩ xuất .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Cây có cách nuôi thì gốc rễ bền mà cành lá tốt, đồ làm rường cột mới thành. Nước có cách nuôi thì suối nguồn khỏe, dòng chảy dài, cái lợi tưới tiêu được rải khắp. Người có cách nuôi thì chí khí lớn mà kiến thức sáng suốt, kẻ sĩ trung nghĩa mới xuất hiện.

\*Diễn ca :-

Cây kia chăm sóc khéo tay,  
Mới bền gốc rễ, mới đầy lá xanh.  
Gỗ làm kèo, cột mới thành,  
Nhà cao cửa rộng phải đành nhờ cây.  
Nước kia chăm sóc khéo tay,  
Suối nguồn mới khỏe, mới dài kênh, sông.  
Tưới, tiêu mới khắp ruộng đồng,  
Mới giúp con cháu nhà nông no đầy.  
Người mà chăm sóc ngày ngày,  
Chí khí phát triển, trí tài mới tinh.  
Trung nghĩa từ đây mới sinh,  
Đất nước nhờ đây quang vinh thêm nhiều.

-----

5A.

\* Nguyên văn:-

左傳云：意合則吳越相親，意不合則骨肉為仇敵。  
疑人莫用，用人莫疑。  
物極則反，樂極則悲，大合必離，勢盛必衰，否極泰來。

\*Âm:-

Tả Truyện vân : Ý hợp tắc Ngô Việt tương thân , ý bất hợp tắc cốt nhục vi cừu địch

Nghi nhân mạc dụng , dụng nhân mạc nghi .

Vật cực tắc phản , lạc cực tắc bi , đại hợp tất ly , thế thịnh tất suy , bỉ cực thái lai .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Tả truyện nói: Ý hợp thì Ngô Việt (\*) thân nhau. Ý không hợp thì tình ruột thịt cũng làm cừu địch. Nghi người thì đừng dùng, dùng người thì đừng nghi.

Vật phát triển đến tốt cùng thì phải quay ngược lại: vui tốt cùng thì đau buồn, hợp tới tốt cùng thì chia lìa, thế lực thịnh tất sẽ suy, suy tốt cùng thì thịnh lại.

\*Diễn ca :-

Hợp ý, thù cũng yên,  
Thù nhau, nếu trái ý.  
Dùng người, đừng nghi kỵ,  
Nghi kỵ thì đừng dùng.  
Vật phát triển đến cùng,  
Quay trăm tám mươi độ. (180°)  
Vì thế, vui... hết số,  
Tất phải chuyển ra buồn.  
Liên kết phình đến cùng,  
Mâm ly khai nhen nhóm.  
Thế lực tốt cùng lớn,  
Tất sắp sửa suy vong.  
Chịu hết hồi long đong,  
Tất hưởng mùi sung sướng...

\*Chú thích:-

Ngô Việt: tên hai nước chư hầu đánh nhau quyết liệt vì thù hận truyền kiếp. Cuối cùng, Việt tiêu diệt Ngô.

6A.

\* Nguyên văn:-

水底魚，天邊雁，高可射兮低可釣。惟有人心咫尺間，咫尺人心不可料。天可度，地可量，惟有人心不可防。畫虎畫皮難畫骨，知人知面不知心。對面與語，心隔千山。

\* Âm:-

Thủy đề ngư , thiên biên nhạn , cao khả xạ hề đề khả điếu . Duy hữu nhân tâm chỉ xích gian , chỉ xích nhân tâm bất khả liệu . Thiên khả đạc , địa khả lượng , duy hữu nhân tâm bất khả phòng . Hoạ hồ hoạ bì nan hoạ cốt , tri nhân tri diện bất tri tâm . Đối diện dữ ngữ , tâm cách thiên sơn .

\* Dịch nghĩa:-

Cá đáy nước, nhạn bên trời, cao có thể bắn, thấp có thể câu, chỉ có lòng người trong khoảng gang tấc (\*) nhưng gang tấc ấy không thể đo, đất có thể lường chỉ có lòng người không thể ngửa. Vẽ hồ vẽ da khó vẽ xương. Biết người biết mặt không biết lòng. Đối diện chuyện trò, lòng cách nghìn non.

\*Diễn ca :-

Cá đáy nước, nhạn bên trời,  
Dễ câu, dễ bắn, lòng người mới gay.  
Thà đo trời thăm đất dày,  
Lòng người nham hiểm dễ ai biết ngửa?  
Xương hùm ai dám vẽ chưa?  
Vẽ da, ai cũng biết vừa sức hơn!  
Chuyện trò tay bắt mặt mừng,  
Lòng đây lòng đấy nghìn trùng cách xa.

\*Chú thích:-

Gang tấc: nguyên văn "chỉ xích" mô tả khoảng cách không đáng kể (chỉ: 0.256m, xích: 0.325m).

-----  
7A.

\* Nguyên văn:-

太公曰：凡人不可逆相，海水不可斗量。勸君莫結冤，冤深難解結。一日結成冤，千日解不徹。若將恩報冤，如湯去潑雪。若將冤報冤，如狼重見蠍。我見結冤人，盡被冤磨折。

\* Âm:-

Thái Công viết : Phàm nhân bất khả nghịch tương , hải thủy bất khả đấu lượng .  
Khuyến quân mạc kết oán , oán thâm nan giải kết . Nhất nhật kết thành oán , thiên nhật giải bất triệt . Nhược tương ân báo oán , như thang khứ bát tuyết . Nhược tương oán báo oán , như lang trọng kiến yết . Ngã kiến kết oán nhân , tận bị oán ma chiết .

\* Dịch nghĩa:-

Thái Công nói: Người ta không nên đoán trước qua bề ngoài. Nước biển không thể đong bằng chén uống rượu. Khuyến người chớ kết oán, oán sâu khó cởi ra. Một ngày kết thành oán, nghìn ngày cởi chẳng sạch. Nếu đem ơn đáp oán, như đem nước sôi dội tuyết. Nếu đem oán đáp oán, như chó sói gặp bọ cạp. Ta thấy những người kết oán đều bị oán làm cho sút mẻ cả.

\*Diễn ca :-

Đừng xét người đời kiêu đoán trước,  
Nước biển đem cốc lường sao đong?  
Khuyến ai chớ có kết oan gia,  
Oan gia đã buộc khó gỡ ra.  
Oan gia, dù chỉ một ngày kết,  
Cởi suốt nghìn ngày cũng không hết.  
Nếu đem ơn nghĩa đáp oan gia,  
Như dội nước sôi, tuyết chảy ra.  
Nếu cứ đem oan báo oan riết,  
Sói gặp bọ cạp chịu hết xiết.

Ta từng thấy bao kẻ gây oan,  
Hết thấy đều chuốc bao nguy nan...

8A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：結冤於人，謂之種禍，舍善不為，謂之自賊。莫信直中直，須防仁不仁。禮義生於富足，盜賊起於飢寒。貧窮不與下賤而下賤自生，富貴不與驕奢而驕奢自至。

飽暖思淫慾，飢寒起盜心。長思貧難危困自然不驕，每念疾病熬煎並無愁悶。

\* Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Kết oán ư nhân , vị chi chủng họa , xả thiện bất vi , vị chi tự tặc . Mạc tín trực trung trực , tu phòng nhân bất nhân . Lễ nghĩa sinh ư phú túc , đạo tặc khởi ư cơ hàn . Bần cùng bất dĩ hạ tiện nhi hạ tiện tự sinh , phú quý bất dĩ kiêu xa nhi kiêu xa tự chí .

Bão noãn tư dâm dục , cơ hàn khởi đạo tâm . Trường tư bần nan nguy khốn tự nhiên bất kiêu , mỗi niệm tật bệnh ngao tiên tịnh vô sâu muộn .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Kết oán với người gọi là trồng họa, bỏ việc thiện không làm gọi là tự hại mình. Chớ tin cái gọi là thẳng của kẻ thẳng, phải đề phòng cái bất nhân của người nhân. Lễ nghĩa nảy sinh nơi giàu đủ, trộm cướp nổi lên nơi đói rét. Nghèo nàn không đi cùng hạ tiện mà hạ tiện tự sinh. Giàu sang không đi cùng kiêu xa nhưng kiêu xa tự đến.

No ấm nghĩ đến dâm dục, đói rét nổi lên lòng trộm cắp. Nghĩ mãi đến nghèo khổ, tai nạn nguy khốn, tự nhiên không kiêu. Nhớ mãi đến tật bệnh thuốc thang sẽ không sâu muộn.

\*Diễn ca :-

Kết oan, trồng họa chờ ngày,

Vứt bỏ việc thiện, gây tai ương mình.  
Thẳng thắn chưa hẳn đủ tin,  
Trong nhân, nhận rõ tình hình bất nhân.  
Khi giàu, lễ nghĩa đến gần,  
Khi nghèo, thói trộm dần dần nảy sinh.  
Đã nghèo tự khắc hóa hèn,  
Đã giàu, xa xỉ, kiêu căng nảy liền.  
No đầy, tư tưởng... "chơi tiên",  
Đói rét nghĩ cách kiếm tiền thật nhanh.  
Thấp thỏm sợ chuyện chẳng lành,  
Tự chữa cho mình khỏi thói kiêu căng.  
Nhớ hoài bệnh tật, thuốc men,  
Tự nhiên xóa sạch buồn phiền quấy ta.

-----

9A.

\* Nguyên văn:-

疏廣曰：賢人多財則損其志，愚人多財則益其過。

\* Âm:-

Sớ Quảng viết : Hiền nhân đa tài tắc tổn kỳ chí , Ngu nhân đa tài tắc ích kỳ quá .

\* Dịch nghĩa:-

Sớ Quảng nói: Người giỏi có nhiều của thì hao tổn chí hướng của họ. Người ngu có nhiều của thì càng có thêm cái lỗi của họ.

\* Diễn ca :-

Người giỏi có lắm của,  
Của làm nhụt chí đi.  
Kẻ ngu có lắm của,  
Của xui tội thêm ghi.



10A.

\* Nguyên văn:-

老子曰：[多財失其守正，多學惑於所聞。]

\* Âm:-

Lão Tử viết：[ Đa tài thất kỳ thủ chính，đa học hoặc ư sở văn.]

\* Dịch nghĩa:-

Lão Tử nói: Của nhiều làm mất đi cái chân lý mình bám giữ. Học nhiều làm nghi hoặc vốn kiến thức đã thu thập.

\* Diễn ca :-

Của nhiều, lý tưởng hao đi,  
Học nhiều, nghi hoặc những gì tưởng hay.

-----

11A.

\* Nguyên văn:-

人非堯舜，焉能每事盡善？人貧志短，福至心靈。不經一事，不長一智。成則妙用，敗則不能。是非終日有，不聽自然無。來說是非者，便是是非人。若聽二面說，便見相離別。

\* Âm:-

Nhân phi Nghiêu Thuần, yên năng mỗi sự tận thiện? Nhân bản chí đoản, phúc chí tâm linh. Bất kinh nhất sự, bất trường nhất trí. Thành tắc diệu dụng, bại tắc bất năng. Thị phi chung nhật hữu, bất thính tự nhiên vô. Lai thuyết thị phi giả, tiện thị thị phi nhân. Nhược thính nhị diện thuyết, tiện kiến tương ly biệt.

\* Dịch nghĩa:-

Người ta không phải là vua Nghiêu vua Thuần (\*) làm sao mọi việc đều tốt hết mức được? Người nghèo thì lập chí kém, phước đến thì lòng tinh tế ra. Không từng trải một việc thì không khôn ra một chút, việc thành thì cho là tuyệt vời, việc bại thì cho là không có khả năng. Phải trải cả ngày phải có. Cứ không nghe là tự nhiên thành không có. Kể đến nói chuyện phải trái tức là con người lắm chuyện. Nếu nghe hai kẻ lắm chuyện như thế nói, sẽ thấy cả hai cách biệt hẳn nhau.

\*Diễn ca :-

Nghiêu Thuần là mẫu người xưa,  
Ngày nay ai dám so bừa thánh quân?  
Nhà nghèo lập chí khó khăn,  
May ra phước đến, khôn lanh ít nhiều.  
Việc đời chưa trải bao nhiêu,  
Dễ chi tài trí cao siêu hơn đời?  
Việc thành, ca ngợi vẽ vờ,  
Việc hỏng chuốc lấy bao lời chê bai.  
Phải quấy ai chẳng một vài,  
Nghe đâu bỏ đẩy chẳng ai phiền lòng.  
Kẻ đem phải quấy phao đồn,  
(Là trò khó phỉnh người khôn mắc lừa!)  
Nếu nghe hai phía phân bua,  
Thấy ngay là chả ai vừa với ai!

\*Chú thích:-

Nghiêu Thuần: vua Đường Nghiêu (2357 - 2256 trước Công Nguyên) và Ngu Thuần (2255 - 2206 trước Công Nguyên). Tương truyền là hai vị vua đạo đức nhất.

12A.

\* Nguyên văn:-

擊壤詩云：平生不作皺眉事，天下應無切齒人。爾害別人猶自可，別人害爾卻何如？嫩草怕霜霜怕日，惡人自有惡人磨。有名豈在鑄頑石，路上行人口勝碑

。有麝自然香，何必當風立？

\*Âm:-

Kích Nhuỡng Thi vân :

Bình sinh bất tác trúu mi sự ,  
Thiên hạ ung vô thiết xỉ nhân .  
Nhĩ hại biệt nhân do tự khả ,  
Biệt nhân hại nhĩ khước hà như ?  
Nộn thảo phạ sương sương phạ nhật ,  
Ác nhân tự hữu ác nhân ma .  
Hữu danh khởi tại tuyên ngoán thạch ,  
Lộ thượng hành nhân khẩu thắng bi .

Hữu xạ tự nhiên hương , hà tất đương phong lập ?

\* Dịch nghĩa:-

Thơ Kích Nhuỡng (\*) nói: Trong đời không làm việc nhúu mày, thiên hạ sẽ không có người nghiêng rắng. Mày hại người khác thì mày cho là được, người khác hại mày thì mới sao? Cỏ non sợ sương, sương sợ mặt trời. Kẻ ác tự nhiên có kẻ ác giữa mài nó. Có danh há ở chỗ khắc vào đá cứng? Những người đi trên đường có miệng hơn bia đá. Có xạ tự nhiên thơm. Cần gì phải đứng đầu gió?

\*Diễn ca :-

Đừng làm thiên hạ chau mày,  
Thì thiên hạ chẳng có ai căm hờn.  
Mày hại người, tưởng mày hơn,  
Người ta hại lại, mày còn nói chi?  
Cỏ non sương muối teo đi,  
Mặt trời rọi xuống, sương kia tan tành.  
Kẻ ác cứ tưởng lừng danh,  
Phải tôn kẻ khác đàn anh mấy hời?  
Danh đâu khắc đá đĩnh đời?  
Nó nằm ở miệng người đời đầy thôi.  
Xạ thơm thì đã thơm rồi,

Cần chi phải đặt ở nơi gió nhiều?

-----  
13A.

\* Nguyên văn:-

張無盡曰：事不可使盡，勢不可倚盡，言不可道盡，福不可享盡。有福莫享盡，福盡身貧窮。有勢莫倚盡，勢盡冤相逢。福兮常自惜，勢兮常自恭。人生驕與侈，有始多無終。

\* Âm:-

Trương Vô Tận viết : Sự bất khả sử tận , thế bất khả ỷ tận , ngôn bất khả đạo tận , phước bất khả hưởng tận . Hữu phước mạc hưởng tận , phước tận thân bản cùng . Hữu thế mạc ỷ tận , thế tận oán tương phùng . Phước hề thường tự tích , thế hề thường tự cung . Nhân sinh kiêu dữ xỉ , hữu thủy đa vô chung .

\* Dịch nghĩa:-

Trương Vô Tận nói: Việc không nên làm đến hết, thế không nên ỷ hết, nói không nên nói hết, phước không nên hưởng hết. Có phước không hưởng hết, phước hết mình nghèo túng. Có thế không dùng hết, thế hết gặp oan trái. Phước phải thường tiếc, thế phải thường cung kính. Người kiêu căng với xa xỉ chỉ có được lúc đầu, phần nhiều không có lúc cuối.

\*Diễn ca :-

Việc đời giữ mực vừa vừa,  
Cần phải biết chừa khoảng cách an ninh.  
Chớ nên dốc hết bình sinh,  
Có quyền thế phải giữ mình khiêm cung.  
Nói năng cũng phải dè chừng,  
Có phước chớ hưởng đến cùng cho xong.  
Hết phước sẽ gặp long đong,  
Hết quyền thế, chuốc mối oan là thường.  
Hưởng phước phải biết dè chừng,  
Hưởng quyền thế phải nhún nhường giữ thân.

Những người xa xỉ, kiêu căng,  
Chỉ được vênh váo, hung hăng lúc đầu.  
Rồi ra lép vế về sau,  
Ai ơi! Hãy liệu khuyên nhau vừa vừa!

14A.

\* Nguyên văn:-

太公曰：貧不可欺，富不可恃。陰陽相推，週而復始。

\* Âm:-

Thái Công viết : Bần bất khả khi , phú bất khả thị . Âm dương tương thôi , chu nhi phục thủy .

\* Dịch nghĩa:-

Thái Công nói: Nghèo không nên khinh, giàu không nên cậy, âm dương đáp đối nhau, giáp vòng là quay lại lúc đầu.

\* Diễn ca :-

Thấy nghèo thì chớ có khinh,  
Thấy giàu chớ tưởng là mình dễ vay.  
Âm dương đáp đối vùn xoay,  
Hôm qua nghèo đấy, hôm nay giàu rồi!  
Ngày mai nghèo lại ngay thôi,  
Thế là vận số đã trôi giáp vòng.

-----

15A.

\* Nguyên văn:-

王參政四留銘言：

留有餘不盡之功以還造化；  
留有餘不盡之祿以還朝廷；  
留有餘不盡之財以還百姓；  
留有餘不盡之福以遺子孫。

\*Âm:-

Vương Tham Chính Tứ Lưu Minh ngôn :

Lưu hữu dư bất tận chi công dĩ hoàn tạo hoá ;  
Lưu hữu dư bất tận chi lộc dĩ hoàn triều đình ;  
Lưu hữu dư bất tận chi tài dĩ hoàn bách tính ;  
Lưu hữu dư bất tận chi phúc dĩ di tử tôn .

\* Dịch nghĩa:-

Bài minh 「Đề lại bốn cái」 của Vương Tham Chính viết:

- Đề lại phần còn thừa của công lao chưa hưởng hết trả lại Tạo Hóa.
- Đề lại phần còn thừa của bổng lộc chưa hưởng hết trả lại triều đình.
- Đề lại phần còn thừa của tiền tài chưa hưởng hết trả lại trăm họ.
- Đề lại phần còn thừa của phúc đức chưa hưởng hết trả lại con cháu.

\*Diễn ca :-

Công lao xin hưởng vừa vừa,  
Đề lại phần thừa trả Tạo Hóa thôi.  
Bổng lộc cũng đã hưởng rồi,  
Đề phần thừa lại trả nơi triều đình.  
Tiền tài hưởng đủ phần mình,  
Phần thừa để lại chúng sinh làm quà.  
Phận may hưởng được phúc nhà,  
Dành cho con cháu, bớt ra một phần.

16A.

\* Nguyên văn:-

漢書云：勢交者近，勢盡而亡。財交者密，財盡則疏。色交者親，色衰義絕。

\* Âm:-

Hán Thư vân : Thế giao giả cận , thế tận nhi vong . Tài giao giả mật , tài tận tắc sơ /sớ . Sắc giao giả thân , sắc suy nghĩa tuyệt .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Hán thư nói: Kẻ giao du bằng quyền thế thì rất thân cận, nhưng quyền thế hết là mất. Kẻ giao du bằng tiền tài thì rất thân mật nhưng tiền tài hết thì rời nhau. Kẻ giao du bằng nhan sắc thì rất thân nhau nhưng sắc suy là cắt đứt.

\*Diễn ca :-

Thân nhau cùng chức vị cao,  
Một bên mất chức, là xao lãng tình?  
Thân nhau giữa kẻ lắm tiền,  
Một bên phá sản là quên tức thì!  
Thân nhau nhan sắc mê si,  
Một bên bệnh hoạn nan y là rời!  
Ai ơi xin nhắc một lời:  
"Tình tâm" cho kỹ mới thôi "thân" nhâm!

-----  
17A.

\* Nguyên văn:-

黃金千兩未為貴，得人好語勝千金。千金易得，好語難求。求人不如求己，能管不如能推，用心閒管是非多。能者乃是拙之奴。知事少時煩惱少，識人多處是非多。小船不堪重載，深徑不宜獨行。踏實地無煩惱。黃金未為貴，安樂值

錢多。非財害己，惡語傷人。人為財死，鳥為食亡。

\*Âm:-

Hoàng kim thiên lượng vị vi quý , đắc nhân hảo ngữ thắng thiên kim . Thiên kim dị đắc , hảo ngữ nan cầu . Cầu nhân bất như cầu kỹ , năng quản bất như năng thôi , dụng tâm nhân quản thị phi đa . Năng giả nãi thị chuyết chi nô . Tri sự thiếu thời phiền não thiếu , thức nhân đa xử thị phi đa . Tiểu thuyền bất kham trọng tải , thâm kính bất nghi độc hành . Đạp thực địa vô phiền não . Hoàng kim vị vi quý , an lạc trị tiền đa . Phi tài hại kỹ , ác ngữ thương nhân . Nhân vi tài tử , điều vi thực vong .

\* Dịch nghĩa:-

Vàng ròng nghìn lượng chưa phải là quý. Được của người một lời nói tốt quý hơn nghìn vàng. Nghìn vàng dễ có được, lời nói tốt khó tìm được. Đòi hỏi người không bằng đòi hỏi mình. Cai quản giỏi không bằng triển khai giỏi. Nặng lòng cai quản sẽ gặp nhiều rắc rối. Kẻ có khả năng là đây tớ kẻ vụng dại. Lúc biết ít việc thì ít phiền não, biết người nhiều quá thì chịu nhiều thị phi. Thuyền bé không chịu nổi chở nặng, lồi đi rậm khuát không nên đi một mình. Giẫm lên chỗ đất chắc thì không gặp chuyện phiền não. Vàng ròng chưa phải là quý, yên vui có giá trị hơn tiền nhiều. Của phi nghĩa làm hại mình, lời dữ làm tổn thương người. Người chết vì của, chim chết vì mê ăn.

\*Diễn ca :-

Nghìn vàng chưa hẳn quý đâu,  
Lời hay lắm lúc in sâu nhiều đời.  
Nghìn vàng kiếm cũng ra thôi,  
Dễ gì kiếm được một lời hay ho?  
Đòi hỏi mình, mới đáng lo,  
Đòi hỏi người, chỉ tính cho nhất thời.  
Giữ cái có, đã khó rồi,  
Mở mang cái có, muôn đời ngợi khen.  
Ở đời, những kẻ tài năng,  
Chỉ làm đầy tớ mấy anh vụng về.  
Biết ít, chuyện đỡ nhiều khê,  
Biết nhiều người, chón, lắm bè thị phi.  
Thuyền con chở nặng khó đi,  
Nẻo đường rậm khuát, ngại khi một mình.  
Vì mồi, chim dễ hy sinh,



Vì của thiên hạ bỏ mình như chơi!

18A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：利可共而不可獨，謀可獨而不可眾。獨利則敗，眾謀則洩。機不密先發。不孝怨父母，負債怨財主，食多嚼不細，家貧願鄰有。在家不會迎賓客，出外方知少主人。但願有錢留客醉，勝如騎馬倚人門。貧居鬧市無人問，富在深山有遠親。世情看冷暖，人面逐高低。仁義盡從貧處斷，世情偏向有錢家。吃盡千般無人知。衣衫襤褸被人欺。寧塞無底坑，莫塞鼻下橫。馬行步慢只因瘦，人不風流只為貧。

\* Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Lợi khả cộng nhi bất khả độc , mưu khả độc nhi bất khả chúng . Độc lợi tắc bại , chúng mưu tắc duệ . Cơ bất mật tiên phát . Bất hiếu oán phụ mẫu , phụ trái oán tài chủ , thực đa tước bất tế , gia bản nguyện lân hữu . Tại gia bất hội nghênh tân khách , xuất ngoại phương tri thiếu chủ nhân . Đản nguyện hữu tiền lưu khách tuý , thắng như kỳ mã ý nhân môn . Bản cư náo thị vô nhân vấn , phú tại thâm sơn hữu viễn thân . Thế tình khan lãnh noãn , nhân diện trực cao đê . Nhân nghĩa tận từng bản xứ đoạn , thế tình thiên hướng hữu tiền gia . Ngật tận thiên ban vô nhân tri . Y sam lam lũ bị nhân khi . Ninh tắc vô để kháng , mạc tắc ty hạ hoành . Mã hành bộ mạn chỉ nhân sâu , nhân bất phong lưu chỉ vị bản .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Lợi có thể chung mà không thể một mình, mưu có thể một mình mà không thể đồng người. Lợi một mình thì hư, mưu đồng người thì rò rỉ. Mưu cơ không kín đáo thì họa xảy ra trước. Đứa bất hiếu oán cha mẹ, kẻ mắc nợ oán chủ nợ. Tham nhiều nhai chẳng nát, nhà nghèo mong láng giềng có cửa. Ở nhà không biết đón khách, đi ra mới biết ít chủ nhân. Chỉ mong có tiền giữ khách ở lại nhậu còn hơn cuội ngựa tựa cổng người khá. Kẻ nghèo ở nơi chợ đông không có người hỏi, kẻ giàu ở non sâu cũng có bà con xa. Tình đời chỉ xem lạnh ấm, mặt người chỉ nhìn theo cao thấp. Nhân nghĩa mất theo cảnh nghèo, tình đời chỉ lệch về phía có tiền. Ăn cả nghìn món không ai biết, áo xống lam lũ bị người ta khinh ngay. Thà lép lẹp không đậy, không lép nổi vạch ngang dưới mũi. Ngựa bước chậm chạp chỉ vì gầy, người không phong lưu chỉ vì nghèo.

\*Diễn ca :-

Lợi thì chung hưởng mới là,  
Chớ nên hưởng một mình ta sinh rầy.  
Mưu thì chỉ một người hay,  
Nhiều người biết đến, lộ ngay đây mà!  
Con bất hiếu oán mẹ cha,  
Kẻ vay nợ, lại oán nhà cho vay.  
Tham đầy mồm, tát khó nhai,  
Nghèo mong lối xóm ai ai cũng giàu.  
(Phòng khi vay mượn cũng mau,  
Trả nợ cũng đỡ đi lâu nhọc người!)  
Nhà thưa tiếng khách nói cười,  
Đi ra cũng ít được người đón đưa.  
Có tiền mời khách say sưa,  
Còn hơn ghé ngựa đứng chờ công ai.  
Nghèo ở chợ chẳng ai hay,  
Giàu ở núi, tiếp suốt ngày bà con.  
Tình đời ấm lạnh tùy con,  
Mặt người ngược chón cao hơn đây mà!  
Khi nghèo, nhân nghĩa phôi pha,  
Nhiều tiền mới hút người ta kéo về.  
Khi ta đánh chén no nê,  
Chẳng ai hỏi lối đi về của ta.  
Nhưng khi ta xác xơ ra,  
Họ kéo cả nhà xúm lại khinh khi.  
Lấp hang không đầy khó chi,  
Nhưng chẳng dễ gì lấp miệng xôn xao.  
Ngựa gầy bước thấp bước cao,  
Người nghèo chẳng biết làm sao đỡ hèn!

19A.

\* Nguyên văn:-

濟顛和尚警世云：看盡彌陀經，念徹大悲咒。種瓜還得瓜，種豆還得豆。經咒本慈悲，冤結如何救。照見本來心，做者還他受，自作還自受。

\*Âm:-

Tế Điền Hoà Thượng cảnh thế vân : Khán tận Di Đà Kinh , niệm triệt Đại Bi Chú .  
Chủng qua hoàn đắc qua , chủng đậu hoàn đắc đậu . Kinh chú bản từ bi , oán kết  
như hà cứu . Chiếu kiến bản lai tâm , tổ giả hoàn tha thụ , tự tác hoàn tự thụ .

\* Dịch nghĩa:-

Hòa Thượng Tế Điền răn đời rằng: Xem hết kinh Di Đà, niệm sạch bài chú Đại Bi thì  
trồng dưa vẫn được dưa, trồng đậu vẫn được đậu. Kinh chú vốn từ bi, kết oan cứu sao  
được? Soi thấy cái Tâm vốn có, kẻ nào làm thì nấy chịu, mình tự làm thì tự chịu.

\*Diễn ca :-

Kinh Di Đà, chú Đại Bi,  
Thấm nhuần, thấu triệt, ích gì mấy đâu?  
Một khi kết oán đã sâu,  
Dầu kinh cùng chú nhiệm mầu cũng thua.  
Cha ông suy gẫm từ xưa,  
Trồng đậu chẳng hái được dưa đâu mà!  
Lẽ nhân quả chẳng buông tha,  
Mình làm mình chịu, ai mà cứu ai?

-----

20A.

\* Nguyên văn:-

荀子云 : [公生明, 偏生暗。作德生通, 作偽生塞。誠信生神, 誕誇生惑。]

\*Âm:-

Tuân Tử vân : Công sinh minh , thiên sinh ám . Tác đức sinh thông , tác ngụy sinh  
tắc . Thành tín sinh thần , đản khoa sinh hoặc .

\* Dịch nghĩa:-

Tuân Tử nói: Công tâm sinh ra sáng suốt, thiên vị sinh ra tối tăm, làm theo đức thì trôi chảy, làm theo bịp bợm thì bế tắc. Thật thà tin cậy sinh ra thần tình, dối trá khoác lác sinh ra ngờ vực.

\*Diễn ca :-

Kẻ công tâm nói gì cũng đúng,  
Thiên vị thường lúng túng vụng về.  
Làm điều đức độ xuôi ghê,  
Làm điều dối gạt như đê chặn dòng.  
Thần tình là kẻ thật lòng,  
Lừa người thì mới thổi phồng, tán dương.

21A.

\* Nguyên văn:-

漢書云：曲突徙薪無恩澤，焦頭爛額為上客。

\*Âm:-

Hán Thư vân : Khúc đột徙 tân vô ân trạch , tiêu đầu lạn ngạch vi thượng khách .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Hán thư nói: Kẻ uốn cong ống khói, dời củi đi thì không được coi là có ơn, kẻ cháy tóc bỏng trán lại làm thượng khách.

\*Diễn ca :-

(Chuyển thể thơ ngũ ngôn)

Hỏa hoạn ai cũng ngán,  
Cỏ kẻ khuyên đề phòng.  
Củi nên dời chỗ thoáng,  
Ống khói nên nắn cong.

Lời khuyên, gác ngoài tai,  
"Kẻ khuyên" đành tiu nghỉu.  
Cả xóm hùa chê bai,  
"Kẻ khuyên" bầm bụng chịu.

Quả nhiên xảy cháy nhà,  
Tài sản hao hơn nửa.  
"Kẻ khuyên" bận đi xa,  
Lối xóm xúm dập lửa.

"Kẻ khuyên" đi xa về,  
Tìm lời sang an ủi.  
Thấy tiệc bày ê hề,  
Chủ nhân như muốn đuổi:

- Quả là đồ xấu xa!  
Chỉ rửa nhà ta cháy!  
Giờ thì cháy thật rồi!  
Chắc có kẻ vui đây!

Lại quay sang khách mời:  
- Phước may nhờ các vị!  
Cụng ly một cái chơi!  
Hoan hô người tận tụy!

"Kẻ khuyên" chua chát cười,  
Như học trò thi hỏng:  
"Mình tử tế mười mười!  
Nhưng nói ra lại... ngọng."

-----  
22A.

\* Nguyên văn:-

三寸氣在千般用，一旦無常萬事休，萬物莫逃其數，萬般祥瑞不如無。天不生  
無祿之人，地不生無根之草，大富由天，小富由勤，大富則驕，大貧則憂。憂

則為盜，驕則為暴。莫道家未成，成家子未生，莫道家未破，破家子未大。成家之兒，惜糞如金，敗家之子，用金如糞。

\*Âm:-

Tam thốn khí tại thiên ban dụng , nhất đán vô thường vạn sự hưu . Vạn vật mạc đào kỳ số , vạn ban tường thuy bất như vô . Thiên bất sinh vô lộc chi nhân , địa bất sinh vô căn chi thảo . Đại phú do thiên , tiểu phú do cần , đại phú tắc kiêu , đại bản tắc ưu . Ưu tắc vi đạo , kiêu tắc vi bạo . Mạc đạo gia vị thành , thành gia tử vị sinh , mạc đạo gia vị phá , phá gia tử vị đại . Thành gia chi nhi , tích phần như kim , Bại gia chi tử , dụng kim như phân .

\* Dịch nghĩa:-

Ba tác hơi còn, dùng cả nghìn việc, một sớm gặp chuyện vô thường (tức chết đi) thì muôn việc đều thôi. Muôn vật chẳng trốn nổi số, muôn thứ điềm lành chẳng bằng không. Trời chẳng sinh người không lộc, đất chẳng sinh cỏ không rễ. Giàu to do trời, giàu nhỏ nhờ siêng năng. Giàu lớn thì kiêu, nghèo lớn thì lo. Lo thì làm trộm, kiêu thì tàn bạo. Chớ nói nhà chưa nên, con làm nhà nên còn chưa sinh. Chớ nói nhà chưa tan, con làm nhà tan còn chưa lớn. Con làm nên nhà thì tiếc phân như vàng, con làm tan nhà, xài vàng như phân.

\*Diễn ca :-

Còn hơi thở, còn xoay nghìn việc,  
Tắt hơi rồi, ai thiết chi chi.  
Số trời khi đã dứt đi,  
Muôn điều lành tốt đều thì bằng không.  
Trời sinh người cũng đồng hưởng lộc,  
Đất sinh cỏ đủ gốc rễ thôi.  
Giàu to nhờ bởi số trời,  
Giàu nhỏ là bởi cả đời siêng năng.  
Kẻ giàu to, kiêu căng khinh bạc,  
Kẻ nghèo to, phờ phạc lo âu.  
Lo âu toan trộm nhà giàu,  
Kiêu nhà giàu bạo chẳng bao giờ vừa.  
Chớ nghĩ rằng nhà chưa phát đạt,  
Chẳng qua con kích phát chưa sinh.

Đừng cho nhà nọ vẫn yên,  
Chẳng qua đưa phá chờ phiên trưởng thành.  
Con nhà nên, quý phân như ngọc,  
Con nhà hư, coi ngọc như phân.  
Cơ trời biến chuyển xoay vần,  
Nên, hư, tốt, xấu dần dần lộ ra...

23A.

\* Nguyên văn:-

胡文定公曰：大抵人家須常教有不足處，若十分快意，提防有不恰好事出。

\* Âm:-

Hồ Văn Định Công viết : Đại để nhân gia tu thường giáo hữu bất túc xứ , nhược thập phần khoái ý , đề phòng hữu bất kháp hảo sự xuất .

\* Dịch nghĩa:-

Ông Hồ Văn Định nói: Tất cả mọi người phải thường giữ cho có sự chưa đủ. Nếu mười phần thỏa ý phải đề phòng xuất hiện cái không ăn khớp với việc tốt.

\* Diễn ca :-

"Cái chưa đủ" buộc người đối phó,  
Dịch quyết nhanh khi có lời thôi.  
Cái Tâm đã định thế rồi,  
Lời thôi xảy đến vẫn coi chuyện thường.  
"Cái khoái ý" mọi đường thỏa mãn,  
Xem cuộc đời chẳng đáng bận tâm.  
Chủ quan nên để sinh nhâm,  
Tai ương xảy đến, thâm tâm rồi bời...

-----

24A.

\* Nguyên văn:-

康節邵先生曰：

閒居慎勿說無妨，  
纔說無妨便有妨。  
爽口物多終作病，  
快心事過必為殃。  
爭先徑路機關惡，  
過後語言滋味長。  
與其病後能服藥，  
不若病前能自防。

饒人不是痴，過後得便宜。趕人不要趕上，捉賊不如趕賊。

\*Âm:-

Khang Tiết Thiệu tiên sinh viết：

Nhàn cư thận vật thuyết vô phương，  
Tài thuyết vô phương tiện hữu phương .  
Sảng khẩu vật đa chung tác bệnh，  
Khoái tâm sự quá tất vi ương .  
Tranh tiên kính lộ cơ quan ác，  
Quá hậu ngữ ngôn tư vị trường .  
Dữ kỳ bệnh hậu năng phục dược，  
Bất nhưc bệnh tiên năng tự phòng .

Nhiều nhân bất thị si， quá hậu đắc tiện nghi . Cản nhân bất yếu cản thượng， tróc tặc bất như cản tặc .

\* Dịch nghĩa:-

Thiệu Khang Tiết nói: Lúc rảnh rang chớ nói là không hại gì. Vừa nói không hại liền có hại. Sướng miệng ăn nhiều rốt cuộc bị bệnh. Gặp việc khoái ý tất có tai ương. Tránh đi trước đường nhỏ gặp nạn bất ngờ. Qua rồi lời lẽ nghiệm ra mùi vị thấm thía lâu. Để lâm bệnh rồi mới tìm thuốc, không bằng biết tự phòng ngừa trước. Tha người không phải là dại. Vì sau đây sẽ gặp sự thuận lợi. Đuổi người chẳng nên đuổi chặn đầu. Bắt giặc không bằng đuổi giặc.



\*Diễn ca :-

Chớ nên bảo "Chẳng hề gì!"  
Dứt lời, có chuyện "hề gì" tới ngay.  
Món ngon đánh chén no say,  
Dễ sinh nên bệnh lo ngày lo đêm.  
Thấy việc thú vị lại thêm,  
Biết đâu chuốc họa nhiều thêm ích gì?  
Lối hẹp, đi trước dễ nguy,  
Nói sau mới đủ những gì hay ho.  
Lâm bệnh, xuôi ngược chăm lo,  
Chi bằng trước đây phòng cho kỹ càng.  
Tha người, há kém khôn ngoan?  
Mai sau hấn gặp dễ dàng cho ta.  
Rượt người, hãy chớ rượt nà,  
Bất sống quân địch kém xa xưa về.

25A.

\* Nguyên văn:-

梓潼帝君垂訓：

妙藥難醫冤債病，  
橫財不富命窮人，  
虧心折盡平生福，  
行短天教一世貧，  
生事事生君莫怨，  
害人人害汝休嗔，  
天地自然皆有報，  
遠在兒孫近在身。

藥醫不死病，  
佛化有緣人。

\*Âm:-

Tử Đông Đế Quân thùy huấn : Diệt dục nan y oan trái bệnh , Hoạch tài bất phú

mệnh cùng nhân . Khuy tâm chiết tận bình sinh phước , Hành đoàn thiên giáo nhất thế bản . Sinh sự sinh quân mạc oán , hại nhân nhân hại nữ hư sân . Thiên địa tự nhiên giai hữu báo , viễn tại nhi tôn cận tại thân . Dược y bất tử bệnh , Phật hoá hữu duyên nhân .

\* Dịch nghĩa:-

Từ Đồng Đế Quân (\*) buông lời dạy: Thuốc hay không chữa được bệnh oan trái. Của hoạnh tài không làm giàu được người mệnh cùng. Lòng phụ bạc rút cạn hết phước bình sinh. Nếu cư xử kém trời bắt nghèo cả đời. Sinh sự tất sự sinh người chớ oán. Hại người tất người hại lại, mây đừng cự nự. Trời đất tự nhiên đều có báo đáp. Xa thì đời con đời cháu, gần thì ở ngay đời mình. Thuốc chữa thứ bệnh không chết, Phật hóa độ cho người có duyên lành.

\*Diễn ca :-

Bệnh oan trái thuốc nào chữa nổi?  
Của hoạnh tài chẳng đổi mạng nghèo.  
Cả đời làm phước dẫu nhiều,  
Trái lòng một việc, phước theo sạch liền!  
Tính nét kém, liên miên nghèo túng,  
Cán cân trời, cân đúng lòng trời.  
Gieo gì gặt nấy mà thôi,  
Khuyên ai chớ oán, buông lời sân si.  
Trời lắng lắng duy trì báo ứng,  
Hoặc bản thân, hoặc hướng cháu con.  
Thuốc hay chỉ chữa người còn,  
Phật chỉ hóa độ tâm hồn có duyên.

\*Chú thích:-

Từ Đồng Đế Quân: Nhân vật vô cùng kỳ lạ trong đức tin người Trung Quốc (có lẽ khó được giới nghiên cứu tiếp thu).

Lúc đầu ông là người thường, có tên là Trương Á Tử tức Trương Dục người núi Thất Khúc, làm quan đời Tấn (thế kỷ IV). Năm Ninh Khang 2 (394) đời Hiếu Vũ đế nhà Đông Tấn, ông tự xưng Thục vương khởi nghĩa chống nhà Tiên Tần, tử trận chôn ở núi Thất Khúc, thuộc quận Từ Đồng. Các đời Đường, Tống về sau đều phong tặng ông tước Vương. Đến đời Nguyên Nhân Tông, năm 1316 ông được phong là Văn

Xương Đế Quân (!) cai quản... chòm sao Văn Xương (gồm sáu ngôi, phía tả chòm sao Bắc Đẩu).

Truyền thuyết kể rằng Văn Xương Đế Quân hóa thân xuống trần gian làm quan 73 lần đều thanh liêm nên được Thiên Đế giao quản lý Quế Tịch (hồ sơ công danh) điều hành việc đỗ đạt, thăng thưởng.

Các đời Nguyên, Minh đều có lập Văn Xương Cung, Văn Xương Các, Văn Xương Từ, tế lễ trọng hậu cấp nhà nước Quy mô hoành tráng nhất là ở quận Tử Đông (nơi có lăng mộ Trương Á Tử). Ở đây còn xây dựng hàng loạt công trình phụ sử dụng như một trường đại học ngày nay. Thánh đàn được tổ chức thành lễ hội vào ngày 3 tháng 2 hàng năm.

(Tóm tắt tư liệu của Châu Quân Vũ)

-----

26A.

\* Nguyên văn:-

花落花開開又落，錦衣布衣更換著，豪家未必長富貴，貧家未必常寂寞。扶人未必上青霄，推人未必填溝壑。凡事勸君莫怨天，天意於人無厚薄。

\* Âm:-

Hoa lạc hoa khai khai hựu lạc, cẩm y bố y cánh hoán trước , hào gia vị tất trường phú quý , bần gia vị tất thường tịch tịch . Phù nhân vị tất thượng thanh tiêu , thôi nhân vị tất điền câu hác . Phàm sự khuyến quân mạc oán thiên , thiên ý ư nhân vô hậu bạc .

\* Dịch nghĩa:-

Hoa rụng, hoa nở, nở xong lại rụng. Áo gấm áo vải thay đổi nhau mặc. Nhà hào phú chưa chắc cứ giàu mãi, nhà nghèo hèn chưa chắc lặn lẽ hoài. Nâng người chưa chắc nâng tới trời xanh, đẩy người chưa chắc rơi đến khe mương. Khuyến người mọi việc không nên oán trời. Ý trời không hậu với ai, không bạc với ai.

\*Diễn ca :-

Hôm nay hoa rụng khắp trời,  
Ngày mai hoa nở nơi nơi tía hồng.  
Rồi ra rụng khắp tây đông,  
Đời người gấm lại cũng không khác nào.  
Hôm nay chức trọng quyền cao,  
Ngày mai áo vải rơi vào dân đen.  
Giàu nghèo đáp đỏi luân phiên,  
Chẳng ai bền bỉ liên miên một bề.  
Xô người xuống tận đáy khe,  
Mai kia người cũng lăm le lên bờ.  
Nâng người lên tận mây trời,  
Mai kia người cũng sẽ rơi xuống trần.  
Ai ơi! Xin chớ oán ngậm,  
Trời kia phân phát mọi phần công minh.

27A.

\* Nguyên văn:-

莫入州衙與縣衙，  
勸君勤儉作生涯，  
池塘積水須防旱，  
田地勤耕足養家，  
教子教孫並教藝，  
栽桑栽柘少栽花，  
閒是閒非休要管，  
渴飲清泉悶煮茶。

\* Âm:-

Mạc nhập châu nha dữ huyện nha ,  
Khuyến quân cần kiệm tác sinh nha (nhai) .  
Trì đường tích thủy tu phòng hạn ,  
Điền địa cần canh túc dưỡng gia .  
Giáo tử giáo tôn tịnh giáo nghệ ,  
Tài tang tài giá thiếu tài hoa .  
Nhàn thị nhàn phi hưu yếu quản ,  
Khát ẩm thanh tuyên muộn chủ trà .

\* Dịch nghĩa:-

Đừng đến Châu nha với Huyện nha. Khuyên người cần kiệm để sinh nhai. Ao vũng chứa nước phải phòng hạn. Ruộng đất siêng cày đủ nuôi nhà. Dạy con dạy cháu đều nên dạy nghề. Trồng dâu trồng đò (\*) ít trồng hoa. Chuyện phải quấy vặt vãnh đừng bận tâm. Khát uống suối trong, buồn uống trà.

\*Diễn ca :-

Chớ nên bén mảng chôn quan nha,  
Cần kiệm làm ăn thế mới là!  
Ao vũng nước nhiều phòng hạn hán,  
Ruộng vườn cày cấy đủ nuôi nhà.  
Dạy nghề này nọ cho con cháu,  
Trồng đò, trồng dâu, bớt thích hoa.  
Mọi chuyện thị phi đừng vương bận,  
Khát dùng nước suối, chán dùng trà.

\*Chú thích:-

Đò: loài cây cho lá nuôi tằm, vỏ làm thuốc nhuộm, làm dây cung.

-----  
28A.

\* Nguyên văn:-

寬性寬懷過幾年，  
人死人生在眼前。  
隨高隨下隨緣過，  
或長或短莫埋怨。  
自有自無休嘆息，  
家貧家富總由天。  
平生衣祿隨緣度，  
一日清閒一日仙。

\*Âm:-

Khoan tính khoan hoài quá kỷ niên ,  
Nhân tử nhân sinh tại nhân tiền .  
Tuỳ cao tuỳ hạ tuỳ duyên quá ,  
Hoặc trường hoặc đoản mạc mai oán .  
Tự hữu tự vô hưu thán tức ,  
Gia bản gia phú tổng do thiên .  
Bình sinh y lộc tuỳ duyên độ ,  
Nhất nhật thanh nhân nhất nhật tiên .

\* Dịch nghĩa:-

Tính nhẹ nhõm lòng nhẹ nhõm được mấy năm rồi. Người chết người sống ở trước mắt. Gấp cao theo cao, gấp thấp theo thấp tùy từng lúc. Có khi khá có khi kém không oán ngậm. Có thì có, không thì không, chẳng than van. Nhà nghèo hay giàu mặc lòng trời. Cả đời hưởng lộc, cho phép mặc sao hay vậy. Một ngày an nhân là làm tiên một ngày.

\*Diễn ca :-

Tâm hồn thanh thản mấy năm rồi,  
Chết sống chuyện thường trước mắt thôi.  
Cao thấp công danh không đếm xỉa,  
Dở hay tài trí chẳng thừa hơi.  
Dù không dù có thôi than thở,  
Nghèo túng giàu sang phó mặc trời.  
Cái mặc cái ăn sao cũng được,  
An nhân mới sướng nhất trên đời.

29A.

\* Nguyên văn:-

家語云：君子有三思不可不察也。少而不學，長無能也。老而不教，死無思也。有而不施，窮無與也。是故君子少思其長則務學，老思其死則務教，有思其窮則務施。

\*Âm:-

Gia Ngữ vân : Quân tử hữu tam tư bất khả bất sát dã . Thiếu nhi bất học , trường vô năng dã . Lão nhi bất giáo , tử vô tư dã . Hữu nhi bất thi , cùng vô dữ dã . Thị cố quân tử thiếu tư kỳ trường tắc vụ học , lão tư kỳ tử tắc vụ giáo , hữu tư kỳ cùng tắc vụ thi .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Gia ngữ nói: người quân tử có ba điều lo không thể không xét vậy: nhỏ mà không học, lớn không có khả năng, già mà không dạy, chết đi không ai nghĩ đến, có mà không bố thí, lúc cùng khôn chẳng ai cho. Thế cho nên người quân tử lúc nhỏ nghĩ đến khi lớn thì lo học, lúc già nghĩ đến cái chết nên lo dạy. Khi có nghĩ đến khi cùng khổ nên lo bố thí.

\*Diễn ca :-

Ba cái lo lớn trên đời,  
Nhỏ không học hỏi, lớn thời vô năng.  
Già không truyền dạy tận tâm,  
Chết không ai nhớ, ai khâm phục mình.  
Khi giàu chẳng dốc nghĩa tình,  
Sa cơ thất thế kẻ khinh người cười.  
Lo xa, lúc trẻ không lười,  
Lúc già chăm dạy cho người gắng công.  
Lúc giàu bớt tiếc tiền nông,  
Đem ra giúp đỡ kẻ không có tiền.

-----

30A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：能自愛者未必能成人，自欺者必罔人。能自儉者未必能周人，自忍者必害人。此無他為善難，為惡易。富貴易於為善，其為惡也亦不難。

\*Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Năng tự ái giả vị tất năng thành nhân , tự khi giả tất võng nhân . Năng tự kiệm giả vị tất năng chu nhân , tự nhẫn giả tất hại nhân . Thử vô tha vi thiện nan , vi ác dị. Phú quý dị ư vi thiện , kỳ vi ác dã diệc bất nan .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Kẻ giỏi thương mình chưa chắc giỏi làm cho người ta nên. Kẻ tự dối mình tất dối người. Kẻ tiết kiệm cho mình chưa chắc chu cấp cho người. Kẻ nhẫn tâm với mình tất hại người. Như thế không có gì khác là làm điều thiện khó, làm điều ác dễ. Giàu sang dễ làm điều thiện, mà làm điều ác cũng không khó.

\*Diễn ca :-

Thương mình chưa chắc thương người,  
Dối mình, cần chắc mười mươi dối người.  
Kẻ tiết kiệm của thường dư,  
Cũng dễ khước từ khi có người vay.  
Mạng mình coi tựa cỏ cây,  
Mạng người chắc cũng thẳng tay dễ dàng.  
Chẳng qua điều thiện khó làm,  
Điều ác thì dễ, chẳng ham vẫn rành.  
Giàu sang làm thiện cũng nhanh,  
Làm ác cũng chóng, tiến hành dễ hơn!

31A.

\* Nguyên văn:-

子曰：富而可求也，雖執鞭之士，吾亦為之，如不可求，從吾所好。

\*Âm:-

Tử viết : Phú nhi khả cầu dã , tuy chấp tiên chi sĩ , ngô diệc vi chi , như bất khả cầu , tùng ngô sở hảo .



\* Dịch nghĩa:-

Không Tử nói: Giàu mà có thể tìm được, tuy làm tên lính cầm roi (đánh xe ngựa) ta cũng làm. Nếu không thể tìm thì ta làm theo cái ta muốn.

\*Diễn ca :-

Cái giàu nếu dễ kiếm ra,  
Dù đánh xe ngựa thì ta cũng làm.  
Còn như chẳng dễ gì ham,  
Thì ta đeo đuổi cách làm ta ưa.

-----

32A.

\* Nguyên văn:-

千卷詩書難卻易，一般衣飯易卻難。天無絕人之路，一身還有一身愁。人無遠慮必有近憂。輕諾者信必寡，面譽者背必非。

\*Âm:-

Thiên quyển thi thư nan khước dị, nhất ban y phạn dị khước nan . Thiên vô tuyệt nhân chi lộ , nhất thân hoàn hữu nhất thân sầu . Nhân vô viễn lự tất hữu cận ưu . Khinh nặc giả tín tất quả , diện dự giả bối tất phi .

\* Dịch nghĩa:-

Nghìn cuốn thi thư khó mà dễ. Một món áo cơm dễ mà khó. Trời không cắt đứt đường của người nhưng mỗi người còn có mỗi nỗi sầu. Người không nghĩ xa tất có lo gần. Kẻ "ừ" dễ dàng quá tất ít đáng tin cậy. Kẻ khen trước mặt sẽ chê sau lưng.

\*Diễn ca :-

Sử sách khó mà dễ,  
Áo cơm dễ mà khó.

Trời nào đóng cửa ai?  
Thế nhưng rầu vẫn có.  
Kẻ chẳng biết lo xa,  
Thì lo gần tất rõ.  
Kẻ vâng lời nhẹ tênh,  
Sẽ dễ dàng phui bỏ.  
Kẻ khen ào trước mặt,  
Sau lưng sẽ chê đó!

33A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：大丈夫見善明，故重名節於泰山；用心剛，故輕生死於鴻毛。外事無大小，中慾無淺深，有斷則生，無斷則死，大丈夫以斷為先。

\* Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Đại trượng phu kiên thiện minh , cô trọng danh tiết ư Thái Sơn ; Dụng tâm cương , cố khinh sinh tử ư hồng mao . Ngoại sự vô đại tiểu , trung dục vô thiển thâm , Hữu đoán tắc sinh , vô đoán tắc tử , đại trượng phu dĩ đoán vi tiên .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Bậc đại trượng phu thấy điều thiện sáng tỏ cho nên coi danh tiết nặng hơn Thái Sơn, dụng tâm cứng cõi cho nên coi sống chết nhẹ hơn lông hồng. Việc bên ngoài không kể là lớn hay nhỏ, dục vọng trong lòng không kể là cạn hay sâu, có quyết đoán thì sống, không quyết đoán thì chết. Đại trượng phu lấy quyết đoán làm đầu.

\* Diễn ca :-

Phàm là bản lĩnh đàn ông,  
Coi trọng danh dự hơn hòn Thái Sơn.  
Cái Tâm cứng cõi chẳng sờn,  
Nên coi cái chết nhẹ hơn lông hồng.  
Việc dù lớn nhỏ mặc lòng,

Dục vọng sâu cạn không vui, chẳng buồn.  
Việc đến tay, quyết đoán luôn,  
Rụt rè, dè dặt, nói suông, chẳng hề!

-----

34A.

\* Nguyên văn:-

子曰：知而不為，不如勿知。親而不信，不如勿親。樂之方至，樂而勿驕，患之所至，思而勿憂。

\* Âm:-

Tử viết : Tri nhi bất vi , bất như vật tri . Thân nhi bất tín , bất như vật thân . Lạc chi phương chí , lạc nhi vật kiêu . Hoạn chi sở chí , tư nhi vật ưu .

\* Dịch nghĩa:-

Khổng Tử nói: Biết mà không làm, không bằng đừng biết. Thân mà không tin cậy, không bằng đừng thân. Điều vui vừa đến, vui nhưng đừng kiêu, hoạn nạn vừa đến, nghĩ đến nó nhưng đừng lo âu.

\* Diễn ca :-

Hiểu biết nhưng chẳng chịu làm,  
Hơn gì những kẻ cứ cam ngu đần?  
Chẳng tin nhau, bảo rằng thân,  
Hơn gì những kẻ chẳng cần biết nhau?  
Chuyện vui dù lớn đến đâu,  
Chớ nên kiêu ngạo làm đau lòng người.  
Hoạn nạn xảy đến mười mười,  
Nghĩ đến cứ nghĩ, ưu tư xin đừng!

35A.

\* Nguyên văn:-

經日之事猶恐未真，背後之言豈足深信？人不知己過，牛不知力大。不恨自家麻繩短，只恐他人古井深。僥倖脫，無辜報。賊濫滿天下，罪拘福薄人。人心似鐵，官法如爐。

\*Âm:-

Kinh mục chi sự do khủng vị chân , bồi hậu chi ngôn khởi tức thâm tín ? Nhân bất tri kỷ quá , ngư bắt tri lực đại . Bất hận tự gia ma thằng đoan , chỉ khủng tha nhân cổ tỉnh thâm . Nghiêu hạnh thoát , vô cô báo . Tàng lạm mẫn thiên hạ , tội câu phước bạc nhân . Nhân tâm tự thiết , quan pháp như lô .

\* Dịch nghĩa:-

Việc xảy ra trước mắt còn sợ chưa thật, lời nói sau lưng há đủ đáng tin? Người không biết mình lỗi, trâu không biết sức lớn. Không giận dây gai của mình ngắn mà chỉ sợ giếng cổ của người khác sâu. (Kẻ phạm tội) may mắn thoát, kẻ không phạm tội lại phải đền tội. Kẻ lạm dụng quả tang khắp thiên hạ (nhưng) người phước mỏng bị ghép tội. Lòng người như sắt, phép quan như lò.

\*Diễn ca :-

Cái điều thấy rõ mười mười,  
Chắc gì khỏi bị chê cười là sai?  
(Chọc que xuống nước gãy hoài,  
Mắt thì thấy vậy nhưng sai quá chùng!)  
Hưởng chi lời nói sau lưng,  
Nghe qua rồi bỏ, xin đừng quá tin.  
Người đời chẳng biết lỗi mình,  
Loài trâu chẳng biết sức bền đến đâu.  
Giếng kia mực nước quá sâu,  
Mức không tới, trách để lâu cạn rồi!  
Không hề nghĩ: "Tại mình thôi,  
Dây ngắn quá rồi, gàu mức trên cao.  
Phạm tội lại thoát, may sao!  
Kẻ không gây tội lại vào nhà giam.  
Tham ô, lạm dụng tràn lan,  
Chỉ người phước mỏng liên can tù đầy.  
Lòng người như sắt khó lay,  
Phép quan lò nấu, chày ngay máy hời.

-----  
36A.

\* Nguyên văn:-

康節邵先生曰：有人來問卜，如何是禍福？我虧人是禍，人虧我是福。大廈千間，夜臥八尺。良田萬頃，日食二升。不孝慢燒千束紙，虧心枉焚萬爐香。神明本是正直做，豈受人間枉法贓？

久住令人賤，頻來親也疏。但看三五日，相見不如初。

渴時一滴如甘露，醉後添杯不如無。酒不醉人，人自醉，花不迷人，人自迷。

\*Âm:-

Khang Tiết Thiệu tiên sinh viết : Hữu nhân lai vấn bói , như hà thị họa phước ? Ngã khuy nhân thị họa , nhân khuy ngã thị phước . Đại hạ thiên gian , dạ ngoạ bát xích . Lương điền vạn khoảnh , nhật thực nhị thăng . Bất hiếu mạn thiêu thiên thúc chỉ , khuy tâm uông phần vạn lô hương . Thần minh bản thị chính trực tổ , khởi thụ nhân gian uông pháp tàng ?

Cửu trụ lệnh nhân tiện , tần lai thân dã sơ . Đản khan tam ngũ nhật , tương kiến bất như sơ .

Khát thời nhất trích như cam lộ , tuý hậu thêm bôi bất như vô . Tửu bất tuý nhân , nhân tự tuý , Hoa bất mê nhân , nhân tự mê .

\* Dịch nghĩa:-

Thiệu Khang Tiết nói: Có người đến xem bói, hỏi thế nào là họa phước ? Ta hại người là họa, người hại ta là phước. Nhà lớn cả nghìn gian, đêm cũng chỉ nằm tám (\*) thước. Ruộng tốt muôn khoảnh (\*\*), ngày ăn hai thăng. Kẻ bất hiếu đốt bùa nghìn bó giấy, kẻ xấu bụng đốt oan muôn lò hương. Thần minh vốn chính trực, há chịu cho người đòi hỏi lộ, bẻ cong phép tắc?

Ở lâu khiến người hóa hèn ra. Đến mãi thì kẻ thân thiết cũng thờ ơ. Chỉ cần xem năm

ba ngày gặp lại không bằng lúc mới đầu.

Lúc khát thì một giọt cũng quý như cam lộ. Say rồi thì thêm một chén không bằng không thêm. Rượu không làm người say mà là người tự làm mình say. Hoa không mê hoặc người mà là người tự tìm sự mê hoặc.

\*Diễn ca :-

Có người đến bói Dịch,  
Hỏi: "Họa phước đâu ra?"  
- Họa khi hại người khác,  
Phước khi người hại ta.  
Đêm chỉ nằm tám thước,  
Dẫu có nghìn gian nhà.  
Ngày ăn hai thăng gạo,  
Dẫu ruộng tốt bao la,  
Đốt cả núi hàng mã,  
Tưởng báo hiếu mẹ cha.  
Xông hương trầm nghi ngút,  
Tưởng tội lỗi được tha.  
Thần linh vốn ngay thẳng,  
Hỏi lộ dễ đâu mà!  
Mùi trầm cùng tro giấy,  
Bẻ cong phép tắc à?  
Ở lâu sinh nhờn mặt,  
Đến hoài tình phôi pha.  
Thử ở năm ba bữa,  
Thấy khác lúc đầu xa!  
Đang khát, quý từng giọt,  
Say rồi, coi như pha!  
Say rượu tại cố uống,  
Mê hoa chẳng tại hoa.

\*Chú thích:-

Tám thước: (thước cổ) tương đương 1m 92.

Khoảnh: (đơn vị đo lường cổ) tương đương 50 ha.

37A.

\* Nguyên văn:-

公心若比私心，何事不辨？道念若同情念，成佛多時。過後方知前事錯，老來方覺少時非。

\* Âm:-

Công tâm nhược tử tư tâm , hà sự bất biện ? Đạo niệm nhược đồng tình niệm , thành Phật đa thời . Quá hậu phương tri tiên sự thác , lão lai phương giác thiếu thời phi .

\* Dịch nghĩa:-

Lòng dành cho việc chung nếu so được như lòng dành cho việc riêng thì việc gì mà không Dịch quyết xong? Nghĩ đến đạo nếu bằng với nghĩ đến tình thì thành Phật lâu rồi. Việc qua rồi, sau đó mới biết trước đó đã nhầm. Già rồi mới biết thời trẻ sai quấy.

\*Diễn ca :-

Việc chung hăng tựa việc riêng,  
Thì bao nhiêu việc nhẹ tênh cả rồi.  
Say đạo ngang say tình đời,  
Thì bao nhiêu người thành Phật từ lâu.  
Việc xong, nhầm lẫn thấy sau,  
Nhận sai thời trẻ, lúc đầu bạc phơ.

-----

38A.

\* Nguyên văn:-

子曰：不知命無以為君子也。不知禮無以立也。不知言無以知人也。有德者必有言，有言者不必有德。

\*Âm:-

Tử viết : Bất tri mệnh vô dĩ vi quân tử dã . Bất tri lễ vô dĩ lập dã . Bất tri ngôn vô dĩ tri nhân dã . Hữu đức giả tất hữu ngôn , hữu ngôn giả bất tất hữu đức .

\* Dịch nghĩa:-

Không Tử nói: Không biết về Mệnh thì không lấy gì chứng tỏ là người quân tử. Không biết lễ thì không lấy gì để đứng (giữa đời) được. Không biết về cách nói năng thì không lấy gì để biết người. Kẻ có đức tất có cách nói năng, kẻ biết cách nói năng chưa chắc có đức.

\*Diễn ca :-

Người quân tử lạc thiên, an mệnh,  
Không mưu toan bút phá đời.  
(Vây vùng để tạo cơ ngơi,  
Giữ sao vẹn được những lời dạy xưa?)  
Phải đứng vững trên đời bằng lễ,  
Chẳng kính nhường, chẳng thể làm người.  
Trong khi bàn bạc, nói cười,  
Hiểu sao cho đúng mọi lời đời trao?  
Hiểu đúng ý, biết nhau mới rõ,  
Mới cùng nhau cởi bỏ bất đồng.  
Một khi đạo đức đầy lòng,  
Lời lời phát biểu sáng trong lầu lầu...  
Gặp những kẻ chuốt trau lời lẽ,  
Giọng ngọt ngào san xẻ cửa nhà.  
Đề phòng bụng dạ xấu xa,  
Phân đức trông rỗng, ba hoa gạt người...

39A.

\* Nguyên văn:-

濂溪先生曰：巧者言，拙者默。巧者勞，拙者逸。巧者賊，拙者德。巧者凶，拙者吉。嗚呼！天下拙，刑政徹，上安下順，風清弊絕。



\*Âm:-

Liêm Khê tiên sinh viết : Xảo giả ngôn , chuyết giả mặc . Xảo giả lao , chuyết giả dật . Xảo giả tặc , chuyết giả đức . Xảo giả hung , chuyết giả cát . Ô hô ! Thiên hạ chuyết , hình chính triệt , thượng an hạ thuận , phong thanh tộ tuyệt .

\* Dịch nghĩa:-

Chu Liêm Khê (\*) nói: Kẻ khôn khéo thì nói, kẻ vụng về làm thinh. Kẻ khôn khéo thì nhọc, kẻ vụng về rảnh rỗi. Kẻ khôn khéo thì gây hại, kẻ vụng về giữ đức. Kẻ khôn khéo gặp việc dữ, kẻ vụng về gặp việc lành. Hỡi ôi! Thiên hạ vụng về thì việc sử dụng hình phạt phải dẹp bỏ, ở trên yên, ở dưới thuận, phong tục trong sáng, tộ nạn chấm dứt!

\*Diễn ca :-

Kẻ khéo ăn nói hùng hồn,  
Kẻ vụng chỉ còn dựa cột mà nghe.  
Kẻ khéo xông xáo mọi nghề,  
Kẻ vụng rảnh rỗi, yên bề vô tâm.  
Kẻ khéo dễ vấp lỗi lầm,  
Kẻ vụng âm thầm để đức cho con.  
Kẻ khéo việc dữ đồ dòn,  
Kẻ vụng trái lại, chỉ còn việc hay.  
Hỡi ôi! Thiên hạ ngày nay,  
Nếu toàn vụng dại, chẳng ai vào tù!  
Trên yên, dưới thuận êm ru,  
Phong tục trong sáng, thói hư chẳng còn!

\*Chú thích:-

Chu Liêm Khê: tức Chu Đôn Di (1017 - 1073) nhà Lý học lừng danh đời Tống.

-----

40A.

\* Nguyên văn:-

易曰：德微而位尊，智小而謀大，無禍者鮮矣。

\*Âm:-

Dịch viết : Đức vi nhi vị tôn , trí tiểu nhi mưu đại , vô họa giả tiền hĩ .

\* Dịch nghĩa:-

Kinh Dịch nói: Đức mỏng mà ngôi cao, trí nhỏ mà mưu lớn, rất ít kẻ không gặp họa vậy.

\*Diễn ca :-

Đức hèn kém, chiếm ngôi tôn quý,  
Thật khó bề khỏi bị tai ương.  
Trí vừa đủ quản một phương,  
Đem ra trị nước, khó đương mọi bề.  
Kẻ tham vọng chẳng hề nhận kém,  
Lại không ưa kẻ dám trái lời.  
Chỉ nghe miệng lưỡi xu thời,  
Gây nên bao cảnh hại người, hại ta.

41A.

\* Nguyên văn:-

說苑云：官怠於宦成，病加於少愈，禍生於懈惰，孝衰於妻子。察此四者慎終如始。

\*Âm:-

Thuyết Uyển vân : Quan đãi ư hoạn thành , bệnh gia ư thiếu dũ , họa sinh ư giải đoạ , hiếu suy ư thê tử . Sát thử tứ giả thậm chung như thủy .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Thuyết Uyển nói: Quan trẻ nãi vào lúc địa vị hình thành, bệnh nặng thêm vào lúc đỡ bớt, họa sinh ra ở lúc lười nhác ý y, hiếu suy kém khi bận bịu vợ con. Xét kỹ bốn điều ấy để thận trọng lúc cuối như lúc đầu.

\*Diễn ca :-

Quan ngồi vững ghé mới lười,  
Bệnh thường trở nặng khi người đỡ đau.  
Thành thời họa mới đến sau,  
Hiếu sa sút lúc bắt đầu vợ con.  
Cẩn thận nhớ giữ cho tròn,  
Trước sao sau vậy mới không sai lầm.

-----  
42A.

\* Nguyên văn:-

顏子曰：鳥窮則啄，獸窮則攫，人窮則詐，馬窮則跌。自古及今，未有窮其下而能無危者也。著意栽花花不發，無心插柳柳成陰。

\*Âm:-

Nhan Tử viết : Điều cùng tắc trác , thú cùng tắc quặc , nhân cùng tắc trá , mã cùng tắc trật . Tự cổ cập kim , vị hữu cùng kỳ hạ nhi năng vô nguy giả dã . Trước ý tài hoa hoa bất phát , vô tâm sấp liễu liễu thành âm .

\* Dịch nghĩa:-

Chim cùng đường thì mổ, thú cùng đường thì vồ, người cùng đường thì gian trá, ngựa cùng đường thì đá. Từ xưa đến nay chưa có ai đẩy kẻ dưới vào đường cùng mà không gặp nguy cả. Có ý trồng hoa, hoa không phát triển, vô tâm cắm liễu, liễu rũ thành bóng râm.

\*Diễn ca :-

Cùng đường chim cú mổ bừa,  
Thú thì vô đại, người ưa dôi người.  
Cùng đường, ngựa đá hậu thôi,  
Xưa nay kẻ dưới bị "chơi" tới cùng.  
Thường là họ cũng nổi khùng,  
Chén đất, chén sù vỡ chung là hòa.  
Trông hoa, hoa chẳng trở hoa,  
Cắm chơi cành liễu, lòa xòa bóng râm.

## XII - Tuyển dịch thiên thứ mười hai: LẬP GIÁO

1A.

\* Nguyên văn:-

子曰：立身有義而孝為本。喪事有禮而哀為本。戰陣有列而勇為本。治政有理而農為本。居國有道而嗣為本。生財有時而力為本。

\* Âm:-

Tử viết : Lập thân hữu nghĩa nhi hiếu vi bản . Tang sự hữu lễ nhi ai vi bản . Chiến trận hữu liệt nhi dũng vi bản . Trị chính hữu lý nhi nông vi bản . Cư quốc hữu đạo nhi tự vi bản . Sinh tài hữu thời nhi lực vi bản .

\* Dịch nghĩa:-

Không Tử nói: Lập thân có nghĩa nhưng hiếu làm gốc. Việc tang có lễ nhưng thương xót làm gốc. Chiến trận có hàng ngũ nhưng dũng cảm làm gốc. Xứ lý chính sự có lý nhưng việc nông làm gốc. Cư xử việc nước có đạo nhưng lấy việc nô dôi làm gốc. Làm ra của cải có lúc nhưng lấy sức làm gốc.

\* Diễn ca :-

Hiếu thảo là gốc lập thân,  
Đau thương là gốc việc tang hợp tình.  
Chiến trường dàn trận phân minh,  
Có lòng dũng cảm mới thành chiến công.

Trị nước phải trọng nghề nông,  
Ở ngôi thì việc nổi dòng sớm lo.  
Chần chờ, cân nhắc, đắn đo,  
Dễ sinh chia rẽ, dằng co rầy rà.  
Của cải quyết chí làm ra,  
Phải coi nỗ lực mới là phương châm.

2A.

\* Nguyên văn:-

景行錄云：為政之要曰公與清。成家之要曰勤與儉。讀書成家之本。循理保家之本。勤儉治家之本。和順齊家之本。勤者富之本，儉者富之源。

\* Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Vì chính chi yếu viết công dũ thanh . Thành gia chi yếu viết cần dũ kiệm . Độc thư thành gia chi bản . Tuân lý bảo gia chi bản . Cần kiệm trị gia chi bản . Hoà thuận tề gia chi bản . Cần giả phú chi bản , kiệm giả phú chi nguyên .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Điều cốt yếu của việc cai trị là công bằng với thanh liêm. Điều cốt yếu của việc nên nhà là siêng năng cùng tiết kiệm. Độc sách là gốc nên nhà. Noi theo lẽ phải là gốc giữ nhà. Cần kiệm là gốc của việc cai quản gia đình hoàn hảo. Siêng năng là gốc của việc làm giàu. Tiết kiệm là nguồn của việc làm giàu.

\*Diễn ca :-

Thanh liêm cùng với công bằng,  
Là nếp rất cần cai quản quốc gia.  
Muốn cho nên cửa nên nhà,  
Điều cốt yếu là tiết kiệm, siêng năng.  
Đồng thời chăm việc sách đèn,  
Dựa theo đạo lý làm ăn đàng hoàng.  
Cần kiệm xua đuổi cơ hàn,  
Là gốc chu toàn, quản lý, âm êm.  
Siêng năng là gốc giàu lên,  
Tiết kiệm là suối rót thêm cho giàu.

3A.

\* Nguyên văn:-

古靈陳先生教其民曰：為吾民者，父義母慈，兄友弟恭，夫婦有恩，男女有別，子弟有學，鄉閭有禮。貧窮患難親戚相救；婚姻死喪，鄰堡相助。毋惰農業，毋作盜賊，毋學賭博，毋好爭訟，毋以惡凌善，毋以富吞貧。行者讓路，耕者讓畔，頌白者不負戴於道路則為禮義之俗矣。

\* Âm:-

Cổ Linh Trần Tiên Sinh giáo kỳ dân viết : Vi ngô dân giả , phụ nghĩa mẫu từ , huynh hữu đệ cung , phu phụ hữu ân , nam nữ hữu biệt , tử đệ hữu học , hương lư hữu lễ . Bần cùng hoạn nạn thân thích tương cứu ; hôn nhân tử táng , lân bảo tương trợ . Vô đoạ nông nghiệp , vô tác đạo tặc , vô học đồ bác , vô hảo tranh tụng , vô dĩ ác lăng thiện , vô dĩ phú thôn bần . Hành giả nhượng lộ , canh giả nhượng bạn , ban bạch giả bất phụ tải ư đạo lộ tắc vi lễ nghĩa chi tục hĩ .

\* Dịch nghĩa:-

Trần Cổ Linh dạy dân mình rằng: Kẻ làm dân ta phải cha nghĩa mẹ hiền, anh coi em như bạn, em phải kính nể anh. Vợ chồng biết ơn nhau, trai gái phải phân biệt, con em phải có học, làng xóm phải có lễ. Nghèo túng hoạn nạn bà con nội ngoại phải cứu nhau. Gặp việc cưới gả, ma chay, xóm giềng phải giúp nhau. Chớ bê trễ việc nông, chớ làm trộm cướp, chớ học bài bạc, chớ ham kiện cáo, chớ để kẻ ác lấn lướt người thiện, chớ để kẻ giàu thôn tính kẻ nghèo. Đi đường phải nhường bước, cày ruộng phải nhường bờ, kẻ già nua không mang vác trên đường là có phong tục lễ nghi vậy.

\*Diễn ca :-

Mấy lời dạy bảo dân ta,  
Mẹ từ cha nghĩa mới là điều hay.  
Từ là cư xử hằng ngày,  
Dịu dàng, hiền hậu, tràn đầy tình thương.  
Nghĩa là sót sáng mọi đường,  
Việc cần, việc khó, đảm đương tận tình.

Anh coi em tựa bạn mình,  
Vui buồn cùng hưởng, lợi quyền cùng chia.  
Với anh, em phải nể vì,  
Không được so bì, không cậy chiều nuông.  
Vợ chồng phải nhớ ơn luôn,  
Vì duyên, vì nợ, yêu thương hết lòng.  
Xóm làng mỹ tục thuần phong,  
Cùng nhau tuân giữ mới hòng văn minh.  
Gái trai mình giữ phận mình,  
Xô bồ, phúc tạp, linh tinh... phải ngừa.  
Nghèo túng, hoạn nạn, mất mùa,  
Ma chay, cưới hỏi, phải hòa nhau lo.  
Miếng khi đói, gói khi no,  
Kẻ nhận cảm kích, người cho vui mừng.  
Nghề nông khuyên chớ dửng dưng,  
Chớ ham lên rừng theo nghiệp lâu la.  
Bác thẳng bản, phải tránh xa,  
Cửa công chớ đến kêu ca hàm hồ.  
Cũng đừng cậy thói côn đồ,  
Xúc phạm người khác thân cô, thế hèn.  
Kẻ giàu chớ cậy lắm tiền,  
Cho vay nặng lãi, xiết liên cơ ngơi.  
Đi đường giữ đạo làm người,  
Phải biết tươi cười nhường bước cho nhau.  
Người vì việc gấp phải mau,  
Người vì già yếu, ốm đau tìm thầy.  
Ra đồng chăm việc cấy cày,  
Xén bờ chớ lạm dù vài lóng tay.  
Trên đường đêm cũng như ngày,  
Người già, kẻ yếu, không ai gánh gồng.  
Phải thể lễ nghĩa mới thông,  
Phong tục mới tốt, non sông huy hoàng.

4A.

\* Nguyên văn:-

說苑云：治國若彈琴，治家若執轡。孝當竭力，忠則盡命。女慕貞潔，男效才良。

\*Âm:-

Thuyết Uyên vân : Trị quốc nhược đàn cầm , trị gia nhược chấp bí . Hiếu đương kiệt lực , trung tắc tận mệnh . Nữ mộ trinh khiết , nam hiệu tài lương .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Thuyết Uyên nói: trị nước như gảy đàn, trị nhà như cầm cương. Hiếu phải hết sức, trung phải liều mạng. Gái quý mến sự trinh sạch, trai cố sức cho có tài năng lương thiện.

\*Diễn ca :-

Trị nước phải như đánh đàn,  
Du dương trầm bổng dân an nước giàu.  
Chớ nên thuế nặng sưu cao,  
Cung điện hoành tráng, của hao dân gầy.  
Trị nhà là việc khó thay!  
Như cầm cương ngựa, đường dài khó đi.  
Lúc giông, lúc giạt, lúc ghi,  
Căng sức duy trì nề nếp gia phong.  
Con hiếu thì phải hết lòng,  
Tôi trung thì phải đừng mong dưỡng già.  
Con trai quý ở tài ba,  
Con gái quý nhất chính là tiết trinh.

-----

5A.

\* Nguyên văn:-

張思叔座右銘曰：凡語必忠信，凡行必篤敬。飲食必慎節，字畫必楷正。容貌必端莊，衣冠必肅整。步履必安祥，居處必正靜。作事必謀始，出言必顧行。常德必固持，言諾必重應。見善如己出，見惡如己病。凡此十四者我皆未深省，書此當座隅朝夕視為警。



\*Âm:-

Trương Tư Thúc toạ hữu minh viết : Phạm ngữ tất trung tín , phạm hành tất đốc kính . Âm thực tất thận tiết , tự hoá tất khái chính . Dung mạo tất đoan trang , y quán tất túc chỉnh . Bộ lí tất an tường , cư xử tất chính tĩnh . Tác sự tất mưu thủy , xuất ngôn tất cố hành . Thường đức tất cố trì , ngôn nặc tất trọng ung . Kiến thiện như kỹ xuất , kiến ác như kỹ bệnh . Phạm thử thập tứ giả ngã giai vị thâm tĩnh , thử thử đương toạ ngưng triều tịch thị vi cảnh .

\* Dịch nghĩa:-

Bài minh bên chỗ ngồi của Trương Tư Thúc viết: Hễ nói thì phải thẳng thắn đáng tin, hễ làm thì phải hết lòng kính cẩn, ăn uống phải thận trọng chừng mực, nét chữ phải chân phương, dung mạo phải đoan trang, áo mũ phải chỉnh tề, bước đi phải vững vàng, cư xử phải chính đáng bình tĩnh, làm việc phải tính trước, nói ra phải đi đôi với việc làm, phải giữ bền đức thường (\*), nói lời vâng phải coi trọng sự ung thuận. Thấy việc thiện như mình tạo ra, thấy việc ác như mình gây nên.

Mười bốn điều ấy ta chưa xét mình sâu sắc nên viết ra treo ở góc chỗ ngồi, sớm chiều đều xem để tự cảnh tỉnh.

\*Diễn ca :-

Một là nói thật, đáng tin,  
Hai là công việc giữ gìn cho nghiêm.  
Ba là ăn uống có chừng,  
Bốn là chữ viết giữ đừng lời thôi.  
Năm là dung mạo dễ coi,  
Sáu là áo mũ sắm soi chỉnh tề.  
Bảy là đi đứng giữ lễ,  
Tám là cư xử khỏi chê điều gì.  
Chín là động đến việc chi,  
Cũng đều cân nhắc nghĩ suy mới làm.  
Mười là mỗi lúc mở mồm,  
Phải coi lời nói, việc làm hợp không.  
Mười một, lòng mãi dặn lòng,  
Duy trì cái đức sáng trong vững vàng.  
Mười hai, khi đã nói "vâng",

Phải xem lòng đã thuận lòng thế chưa?  
Mười ba thấy thiện là ưa,  
Thỏa lòng như chính mình vừa làm xong.  
Mười bốn thấy ác chạnh lòng,  
Tưởng như mình có dự phần gây nên.  
Lòng ta xét thấy chưa yên,  
Viết ra như thế dán bên chỗ ngồi...

\*Chú thích:-

\*"Tọa hữu minh 座右銘" là danh từ riêng chỉ cho một thể loại văn có giá trị là "lời tự khuyên răn nhắc nhở mình" (gọi là bài châm), thường được treo (dán) bên cạnh chỗ ngồi làm việc (đọc sách), không nhất thiết phải là "bên phải = hữu " hay "bên trái = tả " gì cả.

\* Đức thường, tức ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

6A.

\* Nguyên văn:-

范益謙座右銘曰：

一不言朝廷利害邊報差除。  
二不言州縣官員長短得失。  
三不言眾人所作過惡。  
四不言仕進官職趨時附勢。  
五不言財利多寡，厭貧求富。  
六不言淫媠戲慢評論女色。  
七不言求覓人物需索酒食。

又曰：

一人附書信不可開拆沉滯。  
二與人並坐不可窺人私書。  
三凡入人家不可看人文字。  
四凡借人物不可損壞不還。  
五凡吃飲食不可揀擇去取。

六與人同處不可自擇便利。  
七見人富貴不可歎羨詆毀。

凡此數事犯之者足以見用意之不肖，於存心修身大有所害，因書以自警。

\*Âm:-

Phạm Ích Khiêm toạ hữu minh viết :

Nhất bắt ngôn triều đình lợi hại biên báo sai trừ .  
Nhị bắt ngôn châu huyện quan viên trường đoản đắc thất .  
Tam bắt ngôn chúng nhân sở tác quá ác .  
Tứ bắt ngôn sĩ tiến quan chức xu thời phụ thế .  
Ngũ bắt ngôn tài lợi đa quả , yếm bản cầu phú .  
Lục bắt ngôn thâm tiết hí mạn bình luận nữ sắc .  
Thất bắt ngôn cầu mịch nhân vật nhu sách tửu thực .

Hựu viết :

Nhất nhân phụ thư tín bất khả khai sách trầm trệ .  
Nhị dĩ nhân tịnh toạ bất khả khuy nhân tư thư .  
Tam phạm nhập nhân gia bất khả khán nhân văn tự .  
Tứ phạm tá nhân vật bất khả tổn hoại bất hoàn .  
Ngũ phạm ngật ẩm thực bất khả giản trạch khứ thủ .  
Lục dĩ nhân đồng xứ bất khả tự trạch tiện lợi .  
Thất kiến nhân phú quý bất khả thán tiện để huỷ .  
Phạm thử số sự phạm chi giả tức dĩ kiến dụng ý chi bất tiểu , ư tổn tâm tu thân đại hữu sở hại , nhân thư dĩ tự cảnh .

\* Dịch nghĩa:-

Bài minh bên chỗ ngồi của Phạm Ích Khiêm viết:

Một là không nói đến chuyện lợi hại của triều đình, chuyện phải đến rút đi của tin tức biên thù. Hai là không nói đến chuyện giới, dờ, được, mất của quan chức châu huyện. Ba là không nói đến những việc làm ác, phạm lỗi của mọi người. Bốn là không nói đến việc tiến chức, thăng quan, xu thời dựa thế. Năm là không nói đến của cải nhiều ít, chán nghèo tìm giàu. Sáu là không nói đến bình phẩm gái đẹp, bốn cột chơi bời. Bảy là không nói đến chuyện tìm kiếm người này kẻ nọ đòi hỏi ăn nhậu.

Lại nói: Một là người ta gửi thư tín không được bóc mở, im đi hay bê trễ. Hai là ngồi cùng người khác, không dòm xem thư riêng của họ. Ba là vào nhà người ta không nên xem giấy má của họ. Bốn là mượn vật dụng của người ta không được làm hư hỏng, không trả. Năm là ăn uống không nên lựa chọn bỏ, lấy. Sáu là ở chung với người khác, không nên chọn phần tiện lợi hơn. Bảy là thấy người ta giàu sang không nên xuýt xoa khen chê.

Đây là vài việc mà ai phạm phải thì đủ thấy là có dụng ý không tử tế, rất tai hại cho việc giữ tâm, sửa mình, do đó (ta) viết ra để tự răn giữ.

\*Diễn ca :-

Một là chớ kháo vua quan,  
Biên cương ai đến, ai đang triệu hồi?  
Toàn là bí mật cả thôi,  
Đôi phương lợi dụng, ta thời gặp nguy.  
Hai là đàm tiếu thị phi,  
Quan hay, quan dở, quan bi, quan hài.  
Ngợi khen hay dám chê bai,  
Rừng có mạch, vách có tai, sinh phiền.  
Ba là đừng kể huyền thiên,  
Kẻ ác, kẻ hiền, kẻ xấu, kẻ hư.  
Biết đâu ta kẻ say sưa,  
Khi những kẻ ấy... đang chừa cũng nên!  
Bốn là việc của quan trên,  
Ai thăng, ai giáng, ai hèn, ai oai?  
Ta đâu giữ chức khâm sai?  
Dẫu khen chê đúng thì ai trả tiền?  
Năm là bàn chuyện sang hèn,  
Kẻ này nhiều tiền, kẻ nọ xác xơ.  
Nào chán ngán, nào ước mơ,  
Nhắc chi loại chuyện từ xưa đã đây?  
Sáu là làm bộ ta đây,  
Sành sỏi em này, dan díu ả kia.  
Chuyện chập tối, chuyện canh khuya,  
Sành sỏi há được dựng bia để đời?  
Bảy là chuyện nhậu, chuyện chơi,  
Bạn cũ, bạn mới, ép mời liên hoan.  
Tồn nhiều, cứ ngỡ là sang,  
Xem ra chỉ toàn lời sóng bản năng!

Đề cái miệng hại cái thân,  
Thử hỏi có cân cái óc nữa không?

Và:

Một là người khác gửi thư,  
Chuyên liên, chớ có quá ư lè mê.  
Hai là người đọc thứ gì,  
Chớ nên ghé mắt giống y của mình.  
Ba là thăm viếng gia đình,  
Dù chỗ thân tình, chớ lục lung tung.  
Thư riêng, bản thảo, đề cương,  
Chủ không cho phép thì đừng mó tay.  
Bốn là mượn vật dụng ai,  
Phải lo trả sớm, chớ xài hỏng, hao.  
Năm là ăn uống tiệc nào,  
Đừng chọn tùy tiện, gấp vào sót ra.  
Sáu là khi ở chung nhà,  
Thì chớ có mà lấn chiếm phần hơn.  
Thiệt thòi chút ít chớ hờn,  
Cái tình giữ nổi mới hơn nhiều phần.  
Bảy là thấy kẻ giàu sang,  
Phải nên xử sự đàng hoàng mới hay.  
Chớ thán phục, chớ chê bai,  
Bạc tiền là thứ mây bay giữa trời.  
Nếu đem làm thước đo người,  
Thì là... thước ảo, chẳng nơi nào cần!

7A.

\* Nguyên văn:-

武王問太公曰：人居世上何有貴賤貧富不同？願聞其說。太公曰：富貴如聖人之德，皆由天命。富者用之有節，不富者家有十盜。武王曰：何為十盜？太公曰：將熟不收為一盜，收積不了為二盜，無事燃燈寢睡為三盜，慵懶不耕為四盜，不施工力為五盜，專行竊害為六盜，養畜太多為七盜，晝眠懶起為八盜，貪酒嗜欲為九盜，強行嫉妬為十盜。武王曰：家無十盜，不富者何如？太公曰：人家必有三耗。武王曰：何名三耗？太公曰：倉庫漏濕不蓋，鼠雀亂食為一耗，收種失時為二耗，拋撒米穀穢賤為三耗。武王曰：家無三耗，不富者何如？太公曰：人家必有一錯，二誤，三痴，四失，五逆，六不祥，七奴，八賤，

九愚，十強自招其禍，非天降殃。武王曰：悉願聞之。太公曰：養男不教訓為一錯，嬰孩不訓為二誤，初迎新婦不行嚴訓為三痴，未語先笑為四失，不養父母為五逆，夜起赤身為六不祥，好挽他弓為七奴，愛騎他馬為八賤，吃他酒勸他人為九愚，吃他飲食朋友為十強。武王曰：誠哉斯言也。

\*Âm:-

Vũ Vương vấn Thái Công viết : Nhân cư thế thượng hà hữu quý tiện bần phú bất đồng ? Nguyễn văn kỳ thuyết . Thái Công viết : Phú quý như thánh nhân chi đức , giai do thiên mệnh . Phú giả dụng chi hữu tiết , bất phú giả gia hữu thập đạo . Vũ Vương viết : Hà vi thập đạo ? Thái Công viết : Tương thực bất thu vi nhất đạo , thu tích bất liễu vi nhị đạo , vô sự nhiên đặng tầm thuy vi tam đạo , dung lại bất canh vi tứ đạo , bất thi công lực vi ngũ đạo , chuyên hành thiết hại vi lục đạo , dưỡng súc thái đa vi thất đạo , trú miên lại khởi vi bát đạo , tham tửu thị dục vi cửu đạo , cường hành tật đồ vi thập đạo . Vũ Vương viết : Gia vô thập đạo , bất phú giả hà như ? Thái Công viết : Nhân gia tất hữu tam hao . Vũ Vương viết : Hà danh tam hao ? Thái Công viết : Thương khó lậu thấp bất cái , thử tước loạn thực vi nhất hao , thu chủng thất thời vi nhị hao , phao tán mẽ cốc uest tiện vi tam hao . Vũ Vương viết : Gia vô tam hao , bất phú giả hà như ? Thái Công viết : Nhân gia tất hữu nhất thác , nhị ngộ , tam si , tứ thất , ngũ nghịch , lục bất tường , thất nô , bát tiện , cửu ngu , thập cường tự chiêu kỳ hoạ , phi thiên giáng ương . Vũ Vương viết : Tất nguyên văn chi . Thái Công viết : Dưỡng nam bất giáo huấn vi nhất thác , anh hài bất huấn vi nhị ngộ , sơ nghênh tân phụ bất hành nghiêm huấn vi tam si , vị ngữ tiên tiếu vi tứ thất , bất dưỡng phụ mẫu vi ngũ nghịch , dạ khởi xích thân vi lục bất tường , hảo văn tha cung vi thất nô , ái kỳ tha mã vi bát tiện , ngật tha tửu khuyển tha nhân vi cửu ngu , ngật tha ẩm thực bằng hữu vi thập cường . Vũ Vương viết : Thành tai tư ngôn dã .

\* Dịch nghĩa:-

Vũ Vương hỏi Thái Công: Người ta sống trên đời tại sao sang hèn nghèo giàu không như nhau? Xin được nghe nói rõ về chuyện ấy.

Thái Công nói: Giàu sang cũng giống như cái Đức của thánh nhân, đều là do mệnh trời. Kẻ giàu nhờ tiêu dùng chừng mực, kẻ không giàu là do trong nhà có mười kẻ trộm.

Vũ Vương hỏi: Mười kẻ trộm là gì?

Thái Công nói: Sấp chín mà không thu hoạch là kẻ trộm thứ nhất. Thu hoạch mà cất chứa không xong là kẻ trộm thứ hai. Không có việc mà chong đèn suông để ngủ là kẻ trộm thứ ba. Lười nhác không cày cấy là kẻ trộm thứ tư. Không dốc hết công sức là kẻ trộm thứ năm. Chuyên làm việc trộm xén gây hại là kẻ trộm thứ sáu. Nuôi gia súc tốn quá nhiều là kẻ trộm thứ bảy. Ngủ ngày lười dậy là kẻ trộm thứ tám. Nghiện rượu, ham sắc dục là kẻ trộm thứ chín. Lo ganh ghét, làm ăn gượng gạo là tên trộm thứ mười.

Vũ Vương hỏi: Nhà không có mười kẻ trộm mà không giàu là tại sao?

Thái Công nói: Nhà ấy tất có ba điều hao.

Vũ Vương hỏi: Ba điều hao ấy gọi tên là gì?

Thái Công nói: Kho chứa dột ướt không che lợp, chuột và chim sẻ ăn loạn xạ là điều hao thứ nhất. Thu hoạch và cấy trồng sai thời vụ là điều hao thứ hai. Ném vút thóc gạo nơi bản thú là điều hao thứ ba.

Vũ Vương hỏi: Nhà không có ba điều hao mà không giàu là tại sao?

Thái Công nói: Nhà người ấy tất có cái thứ nhất là nhảm, cái thứ hai là lẩn, cái thứ ba là si mê, cái thứ tư là lổi, cái thứ năm là ngược, cái thứ sáu là chẳng lành, cái thứ bảy là tội tở, cái thứ tám là hèn hạ, cái thứ chín là ngu, cái thứ mười là gượng. Đây là tự rước họa cho mình chứ không phải trời gieo tai ương.

Vũ Vương nói: Xin được nghe một thể.

Thái Công nói: Nuôi con trai không dạy dỗ là cái nhảm thứ nhất. Khi còn bé không lo dạy là cái lẩn thứ hai. Mới đón vợ về mà không tiến hành nghiêm huấn là cái si mê thứ ba. Chưa nói đã cười là cái lổi thứ tư. Không nuôi cha mẹ là cái ngược thứ năm. Ban đêm dậy trần trụi là bất tường thứ sáu. Thích kéo dây cung của người khác là điều tội tở thứ bảy. Thích cười ngửa người khác là sự hèn hạ thứ tám. Uống rượu người ta mời người khác là cái ngu thứ chín. Ăn món ăn của bạn người ta là cái gượng thứ mười.

Vũ Vương nói: Tốt lắm! Lời nói ấy chân thành lắm thay!

\*Diễn ca :-

Vũ Vương hỏi chuyện Thái Công:

- Giàu nghèo sao lại bất đồng thế kia?  
Đáp rằng số mệnh đã chia,  
Mệnh giàu dè xén, thường khi để dành.  
Kẻ không giàu phá của nhanh,  
Nuôi mười kẻ trộm xúm quanh về hùa.  
Thứ nhất, thu hoạch trễ mùa,  
Roi vãi, hư thối, chịu thua một phần.  
Thứ hai, bảo quản sai lầm,  
Góp thêm mất mát âm thầm không hay.  
Thứ ba, xài phí vung tay,  
Chong đèn cả lúc ngủ say không cần.  
Thứ tư, đất ruộng bỏ hoang,  
Chẳng lo cày cấy tính toán làm giàu.  
Thứ năm, không ươm chẳng đàu,  
Vẫn đứng đưng chuyện làm giàu bằng ai.  
Thứ sáu, mất cắp lai rai,  
Sinh ra lười nhác, chẳng ai chăm làm.  
Thứ bảy, gia súc gia cầm,  
Nuôi thật phung phí, thức ăn khắp vườn.  
Thứ tám, bảm kỹ cái giường,  
Ngủ ngày dậy muộn chuyện thường xảy ra.  
Thứ chín, gái rượu la cà,  
Vung tay quá trán, tỏ ra anh hào.  
Thứ mười, ganh ghét kẻ giàu,  
Làm ăn gượng gạo, bảo sao chẳng nghèo?

Vũ Vương lại hỏi tiếp theo:

- Thoát mười kẻ trộm, khỏi nghèo được sao?  
Đáp rằng: Ba cái gây hao,  
Phạm ba cái ấy làm sao cũng nghèo.  
Một hao kho chứa lèo tèo,  
Kém che, vụng chắn, chuột vào, sẽ ra.  
Hai hao thời vụ lơ là,  
Gieo trồng, thu hái, chẳng ra mùa màng.  
Ba hao vun, đổ tràn lan,  
Hư hỏng, bần thiêu, trông càng xót xa.

Vũ Vương hỏi tiếp câu ba:

- Khỏi hao, khỏi trộm, ắt là giàu to?



Đáp rằng: Còn chục mối lo,  
Xui gây nên những rủi ro lâu dài:  
Một là chẳng dạy con trai,  
Hai là chẳng dạy đúng ngày còn thơ.  
Ba là từ thuở ban sơ,  
Chẳng khuyên tùy tục, làm ngơ vợ lười!  
Bốn là chưa nói đã cười,  
Năm là chẳng phụng dưỡng người bề trên.  
Sáu là thức giấc nửa đêm,  
Dầy dầy lỏa thể, điềm thêm bất tường.  
Bảy là cung lạ thích giương,  
Tám là ngựa lạ tiện đường cưới ngay.  
Chín là ké cuộc vui say,  
Mười là xoi món không bày vì ta.

Vũ Vương nghe đáp thật thà,  
Khen rằng: "Nói thế mới là lời hay!"

-----

\*Xin lưu ý: Đành rằng sử có chép Vũ Vương tên thật là Cơ Phát, vua khai sáng nhà Chu, trị vì 15 năm (1131 - 1116 trước Công Nguyên) và Thái Công (Khuông Tử Nha) là quân sư đắc lực của Vũ Vương nhưng trên đây chỉ là chuyện hư cấu, hoàn toàn không có giá trị lịch sử, chỉ nhằm mục đích răn đời.

### **XIII - Tuyển dịch thiên thứ mười ba: TRỊ CHÍNH**

1A.

\* Nguyên văn:-

唐太宗御製：上有靡之，中有乘之，下有附之，幣帛衣之，倉廩食之，爾俸爾祿民膏民脂，下民易虐，上蒼難欺。

\* Âm:-

Đường Thái Tông ngự chế : Thượng hữu huy chi , trung hữu thặng chi , hạ hữu phụ chi , tệ bạch y chi , thương lẫm thực chi , nhĩ bổng nhĩ lộc dân cao dân chỉ , hạ dân dị ngược , thượng thương nan khi .

\* Dịch nghĩa:-

Bài ngự chế của Đường Thái Tông nói: Trên có sai khiến cho, giữa có sai khiến theo, dưới có phụ lực cho, vải vóc mặc cho, kho đụn nuôi cho, bổng lộc ngời hưởng là máu mỡ của dân đây! Vói dân ở dưới thì dễ hà khắc, vói cao xanh ở trên thì khó qua mặt.

\*Diễn ca :-

Ở trên chỉ đạo ngọn ngành,  
Ở giữa thừa hành thực hiện chủ trương.  
Ở dưới thì có dân thương,  
Cái ăn, cái mặc, mọi đường dân lo.  
Triều đình cấp bổng lộc cho,  
Chính là máu mỡ dân lo cho mình.  
Vói dân ngời nỏi lôi đình,  
Tuy có bất bình, dân cố chịu thôi.  
Cao xanh tuy ở xa xôi,  
Kẻ định lừa trời, chưa chắc nỏi đâu!

-----

2A.

\* Nguyên văn:-

童蒙訓曰：當官之法，唯有三事：曰清，曰慎，曰勤。知此三者則知所以持身矣。當官者必以暴怒為戒。事有不可當詳處之必無不當。若先暴怒只能自害，豈能害人。事君如事親，事官長如事兄。與同僚如家人，待群吏如奴僕。愛百姓如妻子，處官事如家事，然後能盡吾之心，如有毫末未至，皆吾心有所不盡也。

\*Âm:-

Đông Mông Huân viết : Đương quan chi pháp , duy hữu tam sự : Viết thanh , viết thận , viết cần . Tri thử tam giả tắc tri sở dĩ trì thân hĩ . Đương quan giả tất dĩ bạo nộ vi giới . Sự hữu bất khả đương tường xử chi tất vô bất đương . Nhược tiên bạo nộ

chỉ năng tự hại , khởi năng hại nhân . Sự quân như sự thân , sự quan trường như sự huynh . Dữ đồng liêu như gia nhân , đãi quân lại như nô bộc . Ái bách tính như thê tử , xử quan sự như gia sự , nhiên hậu năng tận ngộ chi tâm , như hữu hào mạt vị chí , giai ngộ tâm hữu sở bất tận dã .

\* Dịch nghĩa:-

Sách dạy trẻ nói: Phép tắc kẻ làm quan chỉ có ba việc: thanh liêm, cẩn thận, siêng năng. Kẻ giữ được ba phép tắc ấy là giữ nổi thân vậy. Kẻ làm quan tất phải dè dặt sự giận dữ. Việc có vẻ không thể đảm đương nhưng xử rõ ra tất không có gì là không thể đảm đương. Nếu ngay từ trước đã giận dữ thì chỉ tự gây hại cho mình, há thể hại người? Thờ vua như thờ cha mẹ, phụng sự quan trên như phụng sự anh, đối với đồng liêu như người nhà, đãi ngộ đám lại dịch như nô bộc, yêu trăm họ như vợ con, xử lý việc quan như việc nhà mới tỏ hết lòng ta. Nếu có may mắn chưa đạt được điều là lòng ta còn chỗ chưa dốc hết.

\*Diễn ca :-

Làm quan có ba điều răn:  
Thanh liêm, cẩn thận, siêng năng nằm lòng.  
Giữ ba điều ấy cho xong,  
Tức là ta thoát được vòng hiểm nguy.  
Không nên giận dữ điều gì,  
Đã giận dữ thì nhất định mất khôn.  
Gặp việc khó, tưởng vô phương,  
Cân nhắc tỏ tường, Dịch quyết dễ trôi.  
Nếu ta đã trót giận rồi,  
Hại mình quá rõ, hại người dễ đâu!  
Làm quan muốn được bền lâu,  
Thờ vua như đáp ơn sâu sinh thành.  
Vớ quan trên, kính như anh,  
Vớ đồng liêu, tựa gia đình của ta.  
Vớ bao lại dịch, sai nha,  
Coi như tôi tớ giúp ta bao điều.  
Coi dân con quý, vợ yêu,  
Việc quan coi tựa bao nhiêu việc nhà.  
Hết lòng hết dạ của ta,  
Một mảy sơ suất cũng là chưa xong.

3A.

\* Nguyên văn:-

居官者凡異色人不宜與之相接。巫祝尼媪之類尤宜罷絕，要以清心省事為本。

\* Âm:-

Cư quan giả phạm dị sắc nhân bất nghi dữ chi tương tiếp . Vu chúc ni ầu chi loại vuu nghi bãi tuyệt , yếu dĩ thanh tâm tỉnh sự vi bản .

\* Dịch nghĩa:-

Ở địa vị làm quan thì không nên tiếp xúc với những người khác màu sắc Với loại đồng bóng, ni cô càng nên bãi bỏ cắt đứt, cốt lấy sự trong sáng cho tâm hồn và bớt việc làm gổ

\*Diễn ca :-

Làm quan, dành sức lo dân,  
Những việc không cần, chớ có tự chuyên.  
Chuyện đồng bóng, chuyện hóa duyên,  
Đừng để gây phiền trách nhiệm chuyên môn,  
Giữ cho trong sáng tâm hồn,  
Chớ nên mua việc, làm mòn sức dân.

-----

4A.

\* Nguyên văn:-

劉安禮問臨民。明道先生曰：使民各得輸其情。問御史？曰：正己以格物。

\* Âm:-

Lưu An Lễ vấn Lâm Dân . Minh Đạo Tiên Sinh viết : Sử dân các đắc thâu kỳ tình .

Vấn ngữ sử ? Viết : Chính kỹ dĩ cách vật .

\* Dịch nghĩa:-

Lưu An Lễ hỏi cách trị dân Thầy Minh Đạo (\*) nói: Khiến cho dân ai nấy bày tỏ hết tình của họ. Hỏi đến việc quản lý cấp thừa hành. Ngài đáp: Giữ cho mình ngay thẳng để thấu hiểu họ.

\*Diễn ca :-

Lưu An Lễ hỏi ngài Minh Đạo:  
Đối với dân, dạy bảo ra sao?  
Đáp rằng: Lòng họ thế nào,  
Tỏ ra thế ấy, xiết bao an toàn.  
Lại hỏi việc điều hành cấp dưới,  
Phải thế nào thì mới yên dân?  
Đáp rằng: Giữ tốt bản thân,  
Làm gương cho họ thì dân thỏa tình.

-----

\*Chú thích:-

Minh Đạo: tên tự của Trình Hạo (cũng đọc là Hiệu, 1032 - 1185). Ông cùng em ruột là Y Xuyên tiên sinh Trình Di (1033 - 1107) và Chu Tử (tức Chu Hi, 1130 - 1200) là 3 cột trụ của trường phái Tính Lý học của nho gia, có công phục hồi Nho Giáo (vốn bị lép vế trước Phật và Lão dưới thời Đường). Cụm từ Khổng Mạnh Trình Chu dùng chỉ Nho học là gồm các vị ấy và họ cũng được gọi là Tống nho (nhà nho đời Tống).

5A.

\* Nguyên văn:-

子曰：不教而殺謂之虐。不戒視成謂之暴。慢令致期謂之賊。猶之與人也，出納之吝謂之有司。

\*Âm:-

Tử viết : Bất giáo nhi sát vị chi虐 . Bất giới thị thành vị chi bạo . Mạn lệnh chí

kỳ vị chi tặc . Do chi dữ nhân dã , xuất nạp chi lậ vị chi hữu ty .

\* Dịch nghĩa:-

Khổng Tử nói: (Quan trên) không dạy mà giết (dân) thì gọi là ngang ngược. Không răn bảo chỉ chờ làm cho xong là tàn bạo. (Không thúc giục) để nhìn lệnh đến kỳ gọi là giặc. Nghi ngại cho người, chi nhập nhâm lẫn keo kiệt gọi là (thói) quan liêu.

\*Diễn ca :-

Không dạy dân biết đúng sai,  
Cứ quấy thì giết là loài sài lang.  
Không răn đe thật đàng hoàng,  
Cứ đòi được việc là tàn bạo thôi.  
Hạn kỳ kết thúc đến rồi,  
Làm ngơ không giục, chờ hồi thẳng tay.  
Thế là kẻ địch chẳng sai,  
Chăm chăm mong được hại ai đến cùng.  
Còn như nghi ngại lung tung,  
Thu chi riết róng là phường quan liêu.

-----

6A.

\* Nguyên văn:-

子張問仁於孔子。孔子曰：恭，寬，信，敏，惠。恭則不侮，寬則得眾，信則人任焉，敏則有功，惠則足以使人。

\*Âm:-

Tử Trương vấn nhân ư Khổng Tử . Khổng Tử viết : cung , khoan , tín , mẫn , huệ .  
Cung tắc bất vụ , khoan tắc đắc chúng , tín tắc nhân nhậm yên , mẫn tắc hữu công ,  
huệ tắc túc dĩ sử nhân .

\* Dịch nghĩa:-

Tử Trương hỏi Khổng Tử về đạo Nhân, Khổng Tử nói: Cung, Khoan, Tín, Mẫn,

Huệ. Cung kính thì không bị dân nhờn, khoan hồng thì được lòng dân, tỏ lòng tin thì dân tín nhiệm, nhanh nhẹn thì có công, ban ơn huệ thì đủ để sai khiến người ta.

\*Diễn ca :-

Tử Trương vấn nạn (\*) tôn sư:  
Muốn có Nhân phải làm như thế nào?  
Rằng: theo năm chữ như sau:  
Cung, Khoan, Tín, Mẫn là đầu đức Nhân.  
Rồi thêm chữ Huệ cho dân,  
Vận dụng dần dần, đức độ sẽ thông.  
Giữ cung kính cho bản thân,  
Trịnh trọng mọi việc thì dân chẳng nhờn.  
Giữ cho lòng dạ khoan hồng,  
Thì dân cũng được thỏa lòng ước ao.  
Vớ dân, tỏ ý tin nhau,  
Thì dân tín nhiệm, chẳng câu nghi ngờ.  
Giữ cho nhanh nhẹn, tùy cơ,  
Đã làm, phải thấy sờ sờ công lao.  
Tận vùng sâu, tận rẻo cao,  
Đều hưởng ơn huệ, bảo sao chẳng thuận?

\*Chú thích:-

Vấn nạn: hỏi "chất lượng cao", gây khó khăn cho người đáp, đòi họ phải động não, phải lập luận lôgic (không ngụ ý là "vấn đề nguy hiểm có khả năng gây tai nạn" như cách hiểu ngày nay).

7A.

\* Nguyên văn:-

子曰：君子惠而不費，勞而不怨，欲而不貪，泰而不驕，威而不猛。

\*Âm:-

Tử viết : Quân tử huệ nhi bất phí , lao nhi bất oán , dục nhi bất tham , thái nhi bất kiêu , uy nhi bất mãnh .

\* Dịch nghĩa:-

Không Tử nói: Người quân tử làm ơn nhưng không tổn kém, làm nhọc người ta nhưng không gây oán, ham muốn nhưng không tham lam, thư thái nhưng không kiêu căng, oai vệ nhưng không hung dữ.

\*Diễn ca :-

Làm ơn, mình chẳng tổn nhiều,  
Gây nhọc, thiên hạ vẫn yêu mến mình.  
Không tham nên chẳng ai khinh,  
Thế nhưng quyết tình ham muốn gặt gao.  
Thư thái mà chẳng làm cao,  
Oai vệ nhưng chẳng khi nào hung hăng.  
Thâm nhuần như thế thành quen,  
Mới là quân tử, khó khăn chẳng sờn.

-----  
8A.

\* Nguyên văn:-

孟子曰：責難於君謂之恭，陳善閉邪謂之敬。吾君不能謂之賊。

\*Âm:-

Manchester viết : Trách nan ư quân vị chi cung , trần thiện bế tà vị chi kính . Ngô quân bất năng vị chi tặc .

\* Dịch nghĩa:-

Manchester nói: Đòi vua làm được việc khó gọi là kính trọng vua, trình bày điều thiện, chặn đứng điều trái (của vua) gọi là tôn kính vua. (Để mặc cho) Vua không hoàn thành chức năng là làm hại vua.

\*Diễn ca :-



Đòi hỏi vua phải anh minh,  
Ấy mới thực tình kính trọng nhà vua.  
Vua nhàm, quyết chẳng a dua,  
Gọi vua làm thiện mới thừa nê nang.  
Còn như vua thiếu khả năng,  
Dừng đừng mặc kệ, cầm bằng hại vua.

#### **XIV - Tuyển dịch thiên thứ mười bốn: TRỊ GIA**

1A.

\* Nguyên văn:-

勤儉常豐至老不窮。待客不得不豐。治家不得不儉。有錢常備無錢日。安樂須防病患時。健奴無禮，嬌兒不孝。教婦初來，教子嬰孩。

\* Âm:-

Cần kiệm thường phong chí lão bất cùng . Đãi khách bất đắc bất phong . Trị gia bất đắc bất kiệm . Hữu tiền thường bị vô tiền nhật . An lạc tu phòng bệnh hoạn thời .Kiện nô vô lễ , kiêu nhi bất hiếu . Giáo phụ sơ lai , giáo tử anh hài .

\* Dịch nghĩa:-

Cần kiệm thường được dồi dào đến già không túng (nhưng) đãi khách thì không được không dồi dào. Quản trị việc nhà không được không kiệm. Có tiền phòng bị ngày không tiền. Yên vui phải phòng lúc hoạn nạn. Đây tớ khỏe (thường) vô lễ, con cung (thường) bất hiếu. Dạy vợ lúc mới về nhà chồng, dạy con lúc còn trẻ thơ.

\*Diễn ca :-

Kẻ cần kiệm chẳng hề rộng túi,  
Đỡ lo toan tận buổi về già.  
Nhưng đãi khách, chớ xuề xòa,  
Của ngon vật lạ mới ra nhiệt tình.

Việc gia đình chẳng nên không kiệm,

Phòng khi cần, đỡ kiếm ngược xuôi.  
Hôm nay đang sống yên vui,  
Mai kia hoạn nạn, ngậm ngùi hầu bao!

Nuôi đầy tớ, đũa nào quá khỏe,  
Phải đề phòng vô lễ khó sai.  
Nuôi con nhớ kỹ một hai,  
Chiều chuộng càng dài, bất hiếu càng sâu.

Rước vợ về, từ đầu phải hiểu,  
Thấy làm sai, nên liệu bảo ban.  
Chẳng nên dễ dãi khen tràn,  
Mai kia trở giọng, mắng quàng mắng xiên.

Dạy trẻ con, chớ nên lần lữa,  
Uôn nắn ngay từ thuở còn thơ.  
Thấy sai nếu cứ làm ngơ,  
Trễ nãi ngày giờ, sai ấy lớn thêm.

-----

2A.

\* Nguyên văn:-

太公曰：痴人畏婦，賢婦敬夫。凡使奴僕，先問飢寒。時時防火發，夜夜防賊來。子孝雙親樂，家和萬事成。

\* Âm:-

Thái Công viết : Si nhân úy phụ , hiền phụ kính phu . Phàm sử nô bộc , tiên vấn cơ hàn . Thời thời phòng hoả phát , dạ dạ phòng tặc lai . Tử hiếu song thân lạc , gia hoà vạn sự thành .

\* Dịch nghĩa:-

Thái Công nói: Người khờ sợ vợ, gái ngoan kính chồng. Hễ sai khiến tôi tớ, trước hết phải hỏi chuyện đói rét. Lúc nào cũng phải phòng lửa cháy. Đêm nào cũng phải ngừa trộm viếng. Con hiếu thảo cha mẹ vui, nhà hòa thuận muôn việc đều nên.

\*Diễn ca :-

Sợ vợ là kẻ ngu si,  
Kính chồng là những nữ nhi biết điều.  
Muốn cho đầy tớ siêng nhiều,  
Hỏi han đói rét là điều trước tiên.  
Hỏa hoạn phải sợ thường xuyên,  
Ăn trộm là họa mỗi đêm mỗi ngày.  
Con hiếu cha mẹ đều ưa,  
Việc nhà trôi chảy là nhờ thuận nhau.

3A.

\* Nguyên văn:-

司馬溫公曰：凡議婚姻，當先須察其婿與婦之性行及家法何如？勿苟慕其富貴婿苟賢矣，今雖貧賤，安知異時不富貴乎？苟為不肖，今雖富盛，安知異時不貧賤乎？婦者家之所由盛衰也。苟慕一時之富貴而娶之，彼挾其富貴鮮有不輕其夫而傲其舅姑，養成驕妬之性，異日為患庸有極乎？假使因婦財以致富，依婦勢以取貴，苟有丈夫之志氣者，能無愧乎？

\*Âm:-

Tư Mã Ôn Công viết : Phàm nghị hôn nhân , đương tiên tu sát kỳ tế dữ phụ chi tính hành cập gia pháp hà như ? Vật cầu mộ kỳ phú quý tế cầu hiền hĩ , kim tuy bản tiện , an tri dị thời bất phú quý hồ ? Cầu vi bất tiểu , kim tuy phú thịnh , an tri dị thời bất bản tiện hồ ? Phụ giả gia chi sở do thịnh suy dã . Cầu mộ nhất thời chi phú quý nhi thú chi , bỉ hiệp kỳ phú quý tiên hữu bất khinh kỳ phu nhi ngạo kỳ cũu cô , dưỡng thành kiêu đố chi tính , dị nhật vi hoạn dung hữu cực hồ ? Giả sử nhân phụ tài dĩ trí phú , y phụ thế dĩ thủ quý , cầu hữu trọng phu chi chí khí giả , năng vô quý hồ ?

\* Dịch nghĩa:-

Tư Mã Ôn Công nói: Phàm bàn việc hôn nhân, trước tiên phải xét tính nết chàng rể nàng dâu cùng nề nếp gia đình ra sao? Chớ vội mến sự giàu sang của họ, rể dâu giới giang, ngày nay tuy nghèo hèn, biết đâu lúc khác không giàu sang sao? Dâu là không ra gì, nay tuy giàu to, biết đâu lúc khác lại không nghèo hèn? Sự thịnh suy của gia đình do ở vợ mà ra. Nếu hâm mộ sự giàu sang nhất thời mà cưới người ta, người ta dựa vào sự giàu sang của họ, rất ít khi không khinh chồng mình mà còn ngạo mạn với

bố mẹ chồng, nuôi thành thói ghen ghét kiêu ngạo làm mối lo cho ngày sau, có ngu nào tội độ đến vậy? Giả sử nhờ của cải nhà vợ mà làm giàu, dựa thế vợ để chuốc sang, dù kẻ có chí khí trượng phu, há không hổ thẹn hay sao?

\*Diễn ca :-

Khi đề cập chuyện hôn nhân,  
Tính nét phải cần bàn đến trước tiên.  
Xét nền gia giáo đôi bên,  
Đừng vì tài sản mà quên nhân tình.  
Nếu rẻ quả thật người hiền,  
Nay nghèo rồi cũng đến phiên sang giàu.  
Nếu rẻ là hạng cứng đầu,  
Nay giàu ai biết ngày sau nghèo nản?  
Cảnh nhà phát đạt, vẻ vang,  
Toàn do phẩm chất của nàng dâu thôi.  
Nếu ham giàu có nhất thời,  
Nàng dâu cậy của dễ coi thường chồng.  
Vô lễ, kiêu ngạo khó trông,  
Có ngày đổ đốn, chuyện không ra gì!  
Dù ai giàu có ê chê,  
Nếu nhờ đào mỏ, đáng chê nhất đời!

-----

4A.

\* Nguyên văn:-

安定胡先生曰：嫁女必須勝吾家者，勝吾家則女之事人必欽必戒。娶婦必須不若吾家者，不若吾家則婦之事舅姑必執婦道。

\*Âm:-

An Định Hồ tiên sinh viết : Giá nữ tất tu thắng ngô gia giả , thắng ngô gia tắc nữ chi sự nhân tất khâm tất giới . Thụ phụ tất tu bất nhược ngô gia giả , bất nhược ngô gia tắc phụ chi sự cũu cô tất chấp phụ đạo .

\* Dịch nghĩa:-

Hồ An Định nói: gả con gái tất phải hơn nhà mình. Có hơn nhà mình thì con gái mới phụng sự người ta một cách kính nể e dè. Cưới vợ tất phải chọn chốn không bằng nhà mình. Không bằng nhà mình tất con gái phụng sự bố mẹ chồng vững đạo làm vợ.

\*Diễn ca :-

Gả con gái, lựa nơi khá giả,  
Con sẽ không đánh đá, lẳng loàn.  
Dễ thành dâu thảo, dâu ngoan,  
Nhà chồng quý trọng, xóm làng ngợi khen.  
Cưới nàng dâu, nghèo hèn mới quý,  
Mới siêng năng, chiều ý nhà chồng.  
Thuận lòng tát nước biên Đông,  
Mới nêu gương tốt cháu con sau này.

5A.

\* Nguyên văn:-

司馬溫公曰：

凡為家長必謹守禮法以御群子弟及家眾，分之以職，授之以事，而責其成功。

制財用之節，量入以為出稱家之有無以給上下之衣食及吉凶之費皆有品節，莫不均一，裁省冗費，禁止奢華，常須稍存贏餘以備不虞。

\*Âm:-

Tư Mã Ôn Công viết：

Phàm vi gia trường tất cẩn thủ lễ pháp dĩ ngự quần tử đệ cập gia chúng，phân chi dĩ chức，thụ chi dĩ sự，nhi trách kỳ thành công。

Chế tài dụng chi tiết，lượng nhập dĩ vi xuất xứng gia chi hữu vô dĩ cấp thượng hạ chi ý thực cập cát hung chi phí giai hữu phẩm tiết，mạc bất quân nhất，tài tỉnh những phí，cấm chỉ xa hoa，thường tu sáo tồn doanh dư dĩ bị bất ngu。

\* Dịch nghĩa:-

Tư Mã Ôn công nói: Hễ làm gia trưởng tất phải giữ lễ và phép cẩn thận để điều khiển đám con em cùng bọn người nhà, chia nhiệm vụ cho họ, trao công việc cho họ mà đòi hỏi sự thành công của họ, định đoạt sự chùng mực trong việc sử dụng của cải, lường đầu vào để làm đầu ra cho xứng với tình hình có hay không có của gia đình để cấp ăn mặc cho kẻ trên người dưới cùng các phí tổn về việc lành việc dữ đều phải có chừng mực theo hạng bậc, không khoản nào là không đồng đều như một. Giảm bớt những tiêu pha quá lạm, chặn đứng sự xa hoa. Thường phải giữ cho dư ra chút ít để ngừa lúc bất ngờ.

\*Diễn ca :-

Làm gia trưởng phải theo nề nếp,  
Lễ giữ uy và phép tuân hành.  
Mỗi người đảm nhiệm một phần,  
Ai lo việc nấy, hoàn thành hay ho.

Vớ của cải, tính cho hợp lý,  
Thu nhập sao? Chi phí ra sao?  
Cái ăn, cái mặc tốn hao,  
Liệu tính đồng vào, dè xẻn đồng ra.

Người cùng nhà, chi tiêu đúng bậc,  
Mỗi bậc đều thống nhất phân minh.  
Chẳng nên lễ cưới gia đình,  
Đám này linh đình, đám khác đơn sơ.

Chớ bao giờ vung tay quá trán,  
Đừng cho mình xứng đáng xa hoa.  
Dè chừng các khoản tiêu pha,  
Phải dư chút đỉnh phòng xa bất ngờ.

## **XV - Tuyển dịch thiên thứ mười lăm: An Nghĩa**

1A.

\* Nguyên văn:-

曹大家曰：夫婦以義為親，以恩為合。若行楚撻，義欲何為？詈罵叱咤，恩欲

何施？恩義既絕，鮮不離矣。

\*Âm:-

Tào Đại Gia viết : Phu phụ dĩ nghĩa vi thân , dĩ ân vi hạp . Nhược hành sở thất , nghĩa dục hà vi ? Ly mạ sát sá , ân dục hà thi ? Ân nghĩa ký tuyệt , tiền bất ly hĩ.

\* Dịch nghĩa:-

Tào đại gia (\*) nói: Vợ chồng lấy nghĩa làm tình thân, lấy ân ái làm sự hòa hạp. Nếu làm chuyện quát bằng roi thì nghĩa để làm gì? Chửi mắng quát tháo thì ân tỏ ra ở đâu? Ân nghĩa đã hết, ít khi không xa lìa nhau vậy.

\*Diễn ca :-

Vợ chồng lấy nghĩa làm thân,  
Quát roi tới tấp, "nghĩa" cần làm chi?  
Hòa hạp đâu có dễ gì!  
Cái "ân" gấp vạn, cái uy đừng nhâm!  
Vũ phu bất chấp nghĩa, ân,  
Con đường ly dị mới gần làm sao!

\*Chú thích:-

Tào đại gia: cách gọi suy tôn Ban Chiêu đời Hán, đồng tác giả bộ sách Hán thư xuất sắc viết từ thế kỷ 1. Hai tác giả kia là Ban Bưu và Ban Cố, cha và anh bà. Bà là vợ Tào Thế Thúc (nhưng cách gọi ấy lại không dùng cho họ Tào mà chỉ thấy dùng cho Ban Chiêu!)

-----

2A.

\* Nguyên văn:-

蘇東坡曰：富不親兮貧不疏，此是人間大丈夫。富則進兮貧則退，此是人間真小輩。

\*Âm:-

Tô Đông Pha viết : Phú bất thân hề bản bất sơ , Thử thị nhân gian đại trọng phu .  
Phú tắc tiến hề bản tắc thoái , Thử thị nhân gian chân tiểu bối .

\* Dịch nghĩa:-

Tô Đông Pha (\*) nói: Với giàu không kết thân, với nghèo không ruồng rẫy, đây là hạng đại trọng phu của nhân gian. Với giàu thì đến, với khó thì lui, đây là loại người tiểu nhân trong nhân gian.

\*Diễn ca :-

Thấy giàu, chẳng thiết lân la,  
Gặp nghèo, chẳng chịu coi là không quen.  
Tính tình ấy mới đáng khen,  
Thật đáng coi bằng bậc đại trọng phu!  
Thấy giàu, chỉ muốn... làm sui(!)  
Thấy nghèo len lén rút lui, sợ phiền!  
Kết giao chỉ nhắm bạc tiền,  
Tiểu nhân chính hiệu, vô duyên nhất đời.

\*Chú thích:-

Tô Đông Pha: tên thật là Tô Thức (1036 - 1101) là một trong số những người có nhiều giai thoại nhất của mọi thời. Ông cùng cha (Tô Tuân) và em (Tô Triệt) đều đỗ tiến sĩ, nức tiếng tài danh, đều được xếp vào hàng 8 tác giả lớn nhất của thời Đường Tống (618 - 1279)

-----  
3A.

\* Nguyên văn:-

太公曰：知恩報恩，風光如雅。有恩不報，非為人也。

\*Âm:-



Thái Công viết : Tri ân báo ân , phong quang như nhĩ . Hữu ân bất báo , phi vi nhân dã .

\* Dịch nghĩa:-

Thái Công nói: Lòng biết ơn và sự đền ơn là điều tao nhã vinh diệu. Có ơn mà không báo đáp thì không phải là người vậy.

\*Diễn ca :-

Biết ơn cùng biết đền ơn,  
Chính là vẻ đẹp quý hơn mọi điều.  
Thế nhưng những kẻ hợm, kiêu,  
Tự ái quá nhiều, cố ý quên ơn.  
Tưởng thế mới trọn danh thơm,  
Thật ra chẳng xứng áo cơm làm người.

## **XVI - Tuyển dịch thiên thứ mười sáu: TUÂN LỄ**

1A.

\* Nguyên văn:-

子曰：居家有禮故長幼辨。閨門有禮故三族和。朝廷有禮故官爵序。田獵有禮故戎事和。軍旅有禮故武功成。

\*Âm:-

Tử viết : Cư gia hữu lễ cố trưởng ấu biện . Khuê môn hữu lễ cố tam tộc hoà . Triều đình hữu lễ cố quan tước tự . Điền liệp hữu lễ cố nhung sự hoà . Quân lữ hữu lễ cố vũ công thành.

\* Dịch nghĩa:

Khổng Tử nói: Ở nhà có giữ Lễ thì lớn bé mới phân biệt. Các nữ thành viên trong nhà có giữ Lễ cho nên ba họ hòa thuận. Triều đình có giữ Lễ thì quan tước mới có

trật tự. Sẵn sẵn có giữ Lễ nên việc chinh chiến mới hòa (\*). Trong quân đội có giữ Lễ nên võ công mới thành.

\*Diễn ca :-

Lễ là xương sống cuộc đời,  
Thiếu Lễ con người thô lỗ khó coi.  
Trong nhà phân biệt hẵn hoi,  
Kính trên nhường dưới, người ngoài nể nang.  
Nữ giới cư xử đàng hoàng,  
Đỡ rỗi họ hàng điều nọ tiếng kia.  
Triều đình giữ phép tôn ti,  
Thì việc trị vì, cai quản mới êm.  
Sẵn sẵn giữ Lễ cho nghiêm,  
Tạo nên hòa khí, láng giềng trọng nhau.  
Ba quân lấy Lễ làm đầu,  
Mới mong chiến thắng, mới mau thanh bình.

\*Chú thích:-

(\*) : Câu trên hơi tối nghĩa, xin diễn dịch như sau:

Vào thời Khổng Tử, Trung Quốc có hàng nghìn chư hầu luôn tìm cơ hội thôn tính lẫn nhau một kế hoạch thường dùng là... vua đi sẵn! Với lý do ấy, nước này có thể xua quân vào nước kia để dò xét thực lực, nếu dụng độ càng thuận lợi. (tất nhiên vua nước kia cũng xài kế đi sẵn để ngăn địch vào cõi)

-----  
2A.

\* Nguyên văn:-

孟子曰：朝廷莫如爵，鄉黨莫如齒，輔世長民莫如德。

\*Âm:-

Mạnh Tử viết : Triều đình mạc như tước , hương đảng mạc như xỉ , phụ thể trường dân mạc như đức .

\* Dịch nghĩa:-

Mạnh Tử nói: Chốn triều đình không gì bằng được tước vị, nơi làng xóm không gì bằng tuổi tác, trong việc giúp đời giúp dân không gì bằng đức độ.

\*Diễn ca :-

Việc giữ Lễ, đời từng qui ước,  
Chốn triều đình, chức tước làm nền.  
Thầy chức dưới, trò chức trên,  
Phải trình phải bảm theo nề nếp chung.

Trong cuộc sống xóm thôn thì khác,  
Chỉ trọng nhau tuổi tác mà thôi.  
Quan to nhưng trí sĩ rồi,  
Về quê cũng phải nhường người tuổi cao.

Thối cường hào thường xao nhãng Lễ,  
Nây nòi ra ông trẻ, trưởng ngành.  
Sinh sau để muộn rành rành,  
Mượn hơi đời trước tranh giành khơi khơi.

Cư xử với người đời không dễ,  
Mặc chức quyền, chẳng kể tuổi cao.  
Đức độ mới đáng dựa vào,  
Cả ngài, cả cụ, phải chào, phải kiêng...

-----

3A.

\* Nguyên văn:-

樂供子曰：民生於三，事之如一。父生之，師教之，君食之。非父不生，非食不長，非教不知，生之族也。。

\*Âm:-

Loan Cung Tử viết : Dân sinh ư tam , sự chi như nhất . Phụ sinh chi , sự giáo chi , quân thực chi . Phi phụ bất sinh , phi thực bất trường , phi giáo bất tri , sinh chi tộc dã .

\* Dịch nghĩa:-

Loan Cung Tử nói: Dân sống từ ba nguồn gốc, phải phụng sự như một: cha sinh ra, thầy dạy cho, vua nuôi cho. Không phải cha thì không sinh, không ai nuôi thì không lớn, không ai dạy thì không biết, đây là loài nuôi cuộc sống (của dân) vậy.

\*Diễn ca :-

Đã sinh ra ở trên đời,  
Phải trọng ba người tác động nên ta.  
Người thứ nhất, ấy là cha,  
Thứ nhì thầy dạy, thứ ba vua hiền.  
Không cha thì lấy ai sinh?  
Không thầy ta dốt, kẻ khinh người cười.  
Không vua hiền, khó sống vui,  
Tuân lễ phải quý ba người như nhau.

## **XVII - Tuyển dịch thiên thứ mười bảy: TỒN TÍN**

1A.

\* Nguyên văn:-

子曰：人而無信，不知其可也。大車無輓，小車無軌，其何以行之哉！

\*Âm:-

Tử viết : Nhân nhi vô tín , bất tri kỳ khả dã . Đại xa vô nghê , tiểu xa vô ngột , kỳ hà dĩ hành chi tại !

\* Dịch nghĩa:-

Không Tử nói: Người mà không có lòng tin (như) xe lớn không cày, xe nhỏ không gong thì lấy gì để đi cho được!

\*Diễn ca :-

Lòng tin nếu chẳng sẵn sàng,  
Như xe không cày, biết kéo đi đâu?  
Lẽ nào lừa gạt mãi nhau,  
Trẻ thơ đến tận bạc đầu chưa thôi?

-----

2A.

\* Nguyên văn:-

老子曰：人之有信如車有輪。君子一言，快馬一鞭。一言既出，駟馬難追。

\*Âm:-

Lão Tử viết : Nhân chi hữu tín như xa hữu luân . Quân tử nhất ngôn , khoái mã nhất tiên . Nhất ngôn ký xuất , tứ mã nan truy .

\* Dịch nghĩa:-

Lão Tử nói: Người có lòng tin như xe có bánh xe. Quân tử nói một lời (như) ngựa hay bị một roi. Một lời đã nói ra, cò xe ngựa tứ mã cũng khó đuổi nổi.

\*Diễn ca :-

Không bánh, xe chẳng chuyển dời,  
Không lòng tin, sống ở đời vô phương.  
Biết bao lòng dạ thuận lương,  
Đều phải tìm đường gửi gắm lòng tin.  
Muôn nghìn cơ sở tâm linh,  
Mở ra phục vụ lòng tin con người!

Quân tử khi đã cất lời,  
Khác chi tuấn mã nhận roi phóng liền.  
Nếu lòng quân tử không yên,  
Muốn níu lại liền cũng phải bó tay!

-----

3A.

\* Nguyên văn:-

益智書云：君臣不信國不安，父子不信家不睦。兄弟不信情不親，朋友不信交易疏。

\* Âm:-

Ích Trí Thư vân : Quân thần bất tín quốc bất an , Phụ tử bất tín gia bất mục . Huynh đệ bất tín tình bất thân , Bằng hữu bất tín giao dịch sơ .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Ích Trí nói: Vua tôi không còn tin nhau, nước không yên. Cha con không còn tin nhau, nhà không hòa thuận. Anh em không còn tin nhau, tình không thân thiết. Bạn bè không còn tin nhau, giao tình dễ lỏng lẻo.

\*Diễn ca :-

Vua tôi khi hết tin nhau,  
Rối rên việc nước, khổ đau dân lành.  
Cha con đánh mất chân thành,  
Gia đình khó sống yên lành bên nhau.  
Anh em nghi kỵ càng đau,  
Biết bao kỷ niệm bền lâu đều tàn.  
Bạn bè chí cốt cũng tan,  
Nếu cả đôi đàng đã hết tin nhau.

**XVIII - Tuyển dịch thiên thứ mười tám: NGÔN NGỮ**

1A.

\* Nguyên văn:-

[可與言而不與之言，失人。不可與言而與之言，失言。知者不失人，亦不失言。  
。]

\* Âm:-

Khả dữ ngôn nhi bất dữ chi ngôn , thất nhân . Bất khả dữ ngôn nhi dữ chi ngôn , thất ngôn . Tri giả bất thất nhân , diệc bất thất ngôn .

\* Dịch nghĩa:-

Có thể nói với mà không nói với họ thì mất người. Không thể nói với mà nói với là mất lời. Kẻ biết rõ đối tượng thì không mất người, cũng không mất lời.

\*Diễn ca :-

Với người phục thiện, mong khuyên,  
Ta không góp ý; tất nhiên mất người.  
Với người ương bướng dễ người,  
Có khuyên cũng chỉ uổng lời, mất công.  
Những người hiểu biết tinh thông,  
Người không để mất, cũng không mất lời.

-----

2A.

\* Nguyên văn:-

劉會曰：言不中理，不如不言。一言不中，千言無用。

\* Âm:-

Lưu Hội viết : Ngôn bất trúng lý , bất như bất ngôn . Nhất ngôn bất trúng , thiên ngôn vô dụng .

\* Dịch nghĩa:-

Lưu Hội nói: Nói không đúng lẽ thì không bằng không nói. Một lời nói không đúng, có nói nghìn lời nữa cũng vô dụng.

\*Diễn ca :-

Nói trái lẽ, thà làm thình,  
Đỡ gây bất bình, đỡ bị rác tai.  
Một lời đã lỡ nói sai,  
Nói nghìn lời nữa, chẳng ai nghe giùm!

3A.

\* Nguyễn văn:-

景行錄云：稠人廣坐之中，一言有失，顏色之羞便有悔容。言不可不慎也。

\*Âm:-

Cảnh Hạnh Lục vân : Trù nhân quảng tọa chi trung , nhất ngôn hữu thất , nhan sắc chi tu tiện hữu hối dung . Ngôn bất khả bất thận dã .

\* Dịch nghĩa:-

Sách Cảnh Hạnh chép: Giữa đám người dày đặc ngồi khắp chung quanh, nói ra một lời bị hổ, vẻ mặt hổ thẹn liền có dáng ăn năn ngay. Lời nói không thể không thận trọng vậy.

\*Diễn ca :-

Chung quanh dày đặc những người,  
Đăm đăm nhìn, uổng từng lời của ta.  
Vô tình buột miệng thốt ra,  
Một lời khiếm nhã, mặt ta đỏ bừng.  
Tiếng cười chế nhạo không ngừng:  
Lời chưa nghĩ kỹ thì đừng nói ra!



-----  
4A.

\* Nguyên văn:-

四皞 謂子房曰：向獸彈琴，徒盡其聲。

\* Âm:-

Tứ Hạo vị Tử Phòng viết : Hướng thú đàn cầm , đồ tận kỳ thanh .

\* Dịch nghĩa:-

Bốn ông già (\*) bảo Tử Phòng (\*) rằng: Đánh đàn cho thú nghe chỉ mất suông âm thanh của đàn.

\*Diễn ca :-

Một cụ dạy đã thấy hay,  
Đến bốn cụ dạy, đổ ai chê cười?  
Dạy rằng: "Đàn gảy cho người,  
Đừng gảy cho thú, mất tươi tiếng đàn"  
Tử Phòng vận dụng khôn ngoan,  
Họ Lưu (\*) chẳng thể giết càn họ Trương.

\*Chú thích:-

-Bốn ông già: nguyên văn "Tứ hạo 四皞", gọi tắt cụm từ "Thương Sơn tứ hạo" (bốn ông già ở núi Thương Sơn) chỉ bốn ẩn sĩ đầu đời Hán (Đông Viên Công, Ý Lý Quý, Hạ Hoàng Công, Dữu Lý tiên sinh).

-Tử Phòng: tức Trương Lương, một trong số "Hán gia tam kiệt" (cùng Hàn Tín, Tiêu Hà) tạo nên nhà Hán.

-Họ Lưu: ở đây chỉ Lưu Bang, tức Hán Cao Tổ.

5A.

\* Nguyên văn:-

荀子曰：與善人言，暖如布帛。傷人之言，痛如刀刺。人不以多言為益，人不以善笑為良。刀瘡易好，惡語難消。口殺傷人斧，言是割舌刀，閉口深藏舌，安身處處牢。

\* Âm:-

Tuân Tử viết : Dữ thiện nhân ngôn , noãn như bố bạch . Thương nhân chi ngôn , thông như đao thích . Nhân bất dĩ đa ngôn vi ích , nhân bất dĩ thiện tiếu vi lương . Đao sang dị hảo , ác ngữ nan tiêu . Khẩu sát thương nhân phủ , ngôn thị cát thiệt đao , bế khẩu thâm tàng thiệt , an thân xứ xứ lao .

\* Dịch nghĩa:-

Tuân Tử nói: Nói với người thiện, ấm như mặc vải lụa. Lời nói gây tổn thương người ta, đau như dao đâm. Người ta không lấy việc nhiều lời làm lợi ích. Người ta không lấy việc khéo cười làm dấu ấn lương thiện. Vết dao đâm dễ lành, lời nói độc ác khó tiêu tan. Miệng là búa giết người, lời nói là dao cắt lưỡi người. Ngậm miệng giấu lưỡi cho sâu là cách bảo vệ yên thân bất cứ nơi đâu.

\* Dẫn ca :-

Chuyện cùng người thiện ấm sao!  
Lời như lụa, vải, nghe vào khỏe ra.  
Những câu xúc phạm người ta,  
Như dao đâm thấu ruột già, ruột non.  
Ích gì cái thói đa ngôn?  
Cái trò cười nịnh đâu còn giấu ai?  
Vết dao đau chẳng kéo dài,  
Cho bằng lời dữ vào tai người lành.  
Lời dao, miệng búa rành rành,  
Ngậm miệng cho kỹ, yên lành cái thân.

-----

6A.

\* Nguyên văn:-

逢人且說三分話，未可全拋一片心。不怕虎生三個口，只恐人懷兩樣心。

\* Âm:-

Phùng nhân thả thuyết tam phân thoại ,  
Vị khả toàn phao nhất phiến tâm .  
Bất phạ hồ sinh tam cá khẩu ,  
Chỉ khủng nhân hoài lưỡng dạng tâm .

\* Dịch nghĩa:-

Mới gặp người hãy nên nói ba phần chuyện đã, chưa thể ném cả lòng mình ra. Không sợ hồ sinh ba cái miệng, chỉ kinh khủng người ăn ở hai lòng.

\* Diển ca :-

Làm quen, chỉ nói vài câu,  
Phơi lòng trái dạ còn đâu e dè?  
Cọp ba mồm cũng ít ghê,  
Vớ người hai dạ, khó bề kết giao.

7A.

\* Nguyên văn:-

子曰：巧言令色鮮矣仁。

\* Âm:-

Tử viết : Xảo ngôn lệnh sắc tiển hĩ nhân .

\* Dịch nghĩa:-

Không Tử nói: (Kẻ) khéo nói, giỏi ra lệnh cho sắc mặt thì ít có lòng nhân.

\*Diễn ca :-

Dùng lời khéo léo dễ tin,  
Sắc mặt diễn cảm, kẻ nhìn phải mê.  
Đều là thủ đoạn đáng ghê,  
Một mảy nhân ái khó bề tìm ra.

-----

8A.

\* Nguyên văn:-

子曰：道聽而塗說，德之棄也。

\*Âm:-

Tử viết : Đạo thính nhi đồ thuyết , đức chi khí dã .

\* Dịch nghĩa:-

Không Tử nói: Nghe lời ngoài đường mà đem nói lại là vứt bỏ cái đức vậy.

\*Diễn ca :-

Nghe lời vớ vẩn ngoài đường,  
Chưa hề kiểm chứng, chưa tường đúng sai.  
Đem về kháo chuyện, rở tai,  
Ấy là cái đức bị mai táng rồi.

## **XIX - Tuyển dịch thiên thứ mười chín: Giao Hữu**

1A.

\* Nguyên văn:-

與好人交如蘭蕙之香，一人種之，眾人皆香。與惡人交如抱子上牆，一人失腳

，兩人遭殃。

\*Âm:-

Dữ hảo nhân giao như lan huệ chi hương , nhất nhân chủng chi , chúng nhân giai hương . Dữ ác nhân giao như bảo tử thượng tường , nhất nhân thất giác , lưỡng nhân tao ương .

\* Dịch nghĩa:-

Giao du với người tốt như hương thơm lan huệ, một người trông nó, nhiều người đều thấy thơm. Giao du với người ác như bảo tử leo tường, một người sảy gót, cả hai người gặp họa.

\*Diễn ca :-

Sống cùng người tốt tựa trồng hoa,  
Chỉ một người trông, thơm cả nhà.  
Sống cạnh kẻ xấu, như ảm trẻ,  
Sảy chân một kẻ, cả hai la...

-----

2A.

\* Nguyên văn:-

太公曰：近朱者赤，近墨者黑。近賢者明，近才者智，近痴者愚，近良者德，近佞者諂，近偷者賊。

\*Âm:-

Thái Công viết : Cận chu giả xích , Cận mặc giả hắc . Cận hiền giả minh , Cận tài giả trí , Cận si giả ngu , Cận lương giả đức , Cận nịnh giả siểm , Cận thâu giả tặc .

\* Dịch nghĩa:-

Thái Công nói: Gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen, gần người giỏi thì sáng suốt, gần

người tài thì khôn ngoan, gần người đại thì ngu đần, gần người lương thiện thì có đức, gần kẻ nịnh thì a dua, gần kẻ cấp thì thành kẻ trộm.

\*Diễn ca :-

Gần son dính đỏ ngay thôi,  
Gần mực nhất định có hôi thắm đen.  
Gần người giỏi, sẽ đáng khen,  
Gần người tài, chắc kẻ hèn hóa hay.  
Gần người đại, sẽ hóa ngây,  
Gần người lương thiện, đức dày hơn xưa.  
Gần kẻ nịnh, hóa a dua,  
Gần kẻ cấp, sẽ thành... vua khoét tường.

3A.

\* Nguyên văn:-

嵇康曰：凶險之人，敬而遠之。賢德之人，親而近之。彼以惡來，我以善應。彼以曲來，我以直應。豈有怨之哉！

\*Âm:-

Kê Khang viết : Hung hiểm chi nhân , kính nhi viễn chi . Hiền đức chi nhân , thân nhi cận chi . Bĩ dĩ ác lai , ngã dĩ thiện ứng . Bĩ dĩ khúc lai , ngã dĩ trực ứng . Khởi hữu oán chi tai !

\* Dịch nghĩa:-

Kê Khang (\*) nói: Với kẻ hung ác nham hiểm, hãy kính trọng nhưng phải xa lánh. Với người hiền đức, hãy thân thiết mà gần gũi. Họ cư xử ác, ta dùng thiện đáp ứng, họ cư xử thủ đoạn, ta lấy ngay thẳng đáp ứng, há có thể oán ta được ư!

\*Diễn ca :-

Với kẻ nham hiểm, hung tàn,  
Ta càng kính trọng phải càng lánh xa.  
Với người đức hạnh hiền hòa,

Hết lòng thân thiện mới là kết giao.  
Kẻ kia tàn ác bậc nào,  
Ta giữ lòng thiện, làm sao oán hờn?  
Lòng ta cứ thẳng dây đàn,  
Kẻ kia xiên xẹo, không hơn đâu mà!

\*Chú thích:-

Kê Khang 嵇康 : nhân vật đời Tấn, tương đối đặc biệt:

1. Là tác giả khúc nhạc Quảng Lăng Tán (Truyện Kiều: Kê Khang này khúc Quảng Lăng, Một rằng lưu thủy hai rằng hành vân...)

2. Có chân trong nhóm "Trúc lâm thất hiền" khá nổi tiếng, sau mười bảy thế kỷ, người đời còn nhắc Lưu Linh, Cát Hồng, Nguyễn Tịch, v.v... Ông bị giết vì trái ý Tư Mã Sư.

3. Có con trai là Thị Trung Kê Thiệu được coi là trung nghĩa điển hình, liều thân che cho Tấn Huệ đế, máu đầm áo vua (Chính Khí Ca: Vì Kê Thị Trung huyết - Làm máu quan Thị Trung họ Kê).

-----  
4A.

\* Nguyên văn:-

太公曰：女無明鏡，不知面上精粗；士無良友，不知行步虧踰。

\*Âm:-

Thái Công viết : Nữ vô minh kính , bất tri diện thượng tinh thô ; Sĩ vô lương hữu , bất tri hành bộ khuỵu thâm .

\* Dịch nghĩa:-

Thái Công nói: Nữ giới không có gương soi thì không biết vẻ mịn thô trên mặt. Kẻ sĩ không có bạn hiền thì không hay biết việc sa đà lạc bước.

\*Diễn ca :-

Nữ giới nếu thiếu gương soi,  
Bản khoản mặt mũi khó coi ? ưà nhìn ?  
Kẻ sĩ thiếu bạn đáng tin,  
Đường đời sây, trượt, biết vin nơi nào?

5A.

\* Nguyên văn:-

- 宋弘曰：糟糠之妻不可下堂，貧賤之交不可忘。
- 施恩於未遇之先，結交於貧寒之際。人情常似初相識，到底終無怨恨心。
- 酒食弟兄千個有，急難之時一個無。不結子花休要種，無義之朋切莫交。君子之交淡如水，小人之交甜似蜜。人用錢交，金用火試。水將杖探知深淺，人用財交便見心。仁義莫交財，交財仁義絕。路遙知馬力，事久見人心。

\*Âm:-

- Tống Hoàng viết : Tao khàng chi thê bất khả hạ đường , bản tiện chi giao bất khả vong .
- Thi ân ư vị ngộ chi tiên , kết giao ư bản hàn chi tế . Nhân tình thường tự sơ tương thức , đáo đề chung vô oán hận tâm .
- Tửu thực đệ huynh thiên cá hữu , cấp nạn chi thời nhất cá vô . Bất kết tửu hoa hưu yếu chủng , vô nghĩa chi bằng thiết mạc giao . Quân tử chi giao đạm như thủy , tiểu nhân chi giao điềm tự mật . Nhân dụng tiền giao , kim dụng hoả thí . Thủy tương trượng thám tri thâm thiện , nhân dụng tài giao tiện kiến tâm . Nhân nghĩa mạc giao tài , giao tài nhân nghĩa tuyệt . Lộ dao tri mã lực , sự cửu kiến nhân tâm .

\* Dịch nghĩa:-

-Tống Hoàng nói: Vợ tấm mản không thể ruồng bỏ, giao tình buổi nghèo không thể quên.

-Làm ơn trước khi người ta chưa gặp thời, kết giao vào lúc người ta đang nghèo



hèn. Tình người thường tựa lúc mới quen thì cuối cùng mới không có lòng oán hận.

-Lúc rượu thịt thì có cả nghìn anh em, lúc gặp nạn gấp thì không có nổi một kẻ. Hoa không kết hạt thì đừng trông, thứ bạn bất nghĩa nhất thiết chớ giao du. Giao tình của quân tử nhạt như nước, giao tình của tiểu nhân ngọt như mật. Người thì dùng tiền để kết giao, vàng thì dùng lửa để thử. Đem gậy dò nước biết sâu cạn, đem của cải giao thiệp với người liền rõ lòng. Kẻ nhân nghĩa không giao thiệp qua tiền của, giao thiệp qua tiền của thì mất nhân nghĩa. Đường xa biết sức ngựa, việc xảy ra lâu mới thấy rõ lòng người.

\*Diễn ca :-

Chớ ruồng rẫy vợ hàn vi,  
Chớ quên bè bạn thời kỳ tả tơi.  
Làm ơn, chọn kẻ chờ thời,  
Kết bạn chọn kẻ giữa đời khó khăn.  
Giữ lòng như buổi mới quen,  
Về sau mới đỡ thù hằn lẫn nhau.  
Rượu thịt ngàn kẻ bâu vào,  
Đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai?  
Đã toan tính chuyện trồng cây,  
Phải cầm chắc ngày hái đặng quả ngon.  
Muốn cho tình bạn vuông tròn,  
Tránh xa những kẻ tâm hôn sai ngoa.  
Kẻ lời mật ngọt thiết tha,  
Tiểu nhân đích thị, đáng ta đề phòng.  
Lời lãnh đạm mới thật lòng,  
Đấy là quân tử, vàng ròng khó so.  
Dùng tiền, lòng bạn dễ dò,  
Cũng như dùng lửa để đo tuổi vàng.  
Có gậy lội nước dễ dàng,  
Có của dễ biết bạn vàng hay thau.  
Muốn cho tình nghĩa bền lâu,  
Chớ đem của cải làm rầu bạn ta.  
Sức ngựa rõ lúc đường xa,  
Lòng người rõ lúc trải qua lâu ngày.

## **XX - Tuyển dịch thiên thứ hai mươi: Phụ Hạnh**

1A.

\* Nguyên văn:-

太公曰：婦人之禮，語必細，行必緩步，止則斂容，動則（足羊）（足且）（通徃徂，款款緩步行走。），耳無餘聽，目無餘視，出無諂容，不窺牆壁，不觀戶牖。早起夜眠，莫憚勞苦。戰戰兢兢，常憂玷辱。賢婦令夫貴，惡婦令夫敗。家有賢妻，夫不遭橫禍。賢婦和六親，佞婦破六親。

\*Âm:-

Thái Công viết : Phụ nhân chi lễ , ngữ tất tế , hành tất hoãn bộ , chỉ tắc liễm dung , động tắc ( túc dương ) ( túc thả ) ( thông dương tồ , khoan khoan hoãn bộ hành tâu . ) . Nhĩ vô dư thính , mục vô dư thị , xuất vô siểm dung , bất khuy tường bích , bất quán hộ dũ . Tảo khởi dạ miên , mạc đạn lao khổ . Chiến chiến căng căng , thường ưu điểm nhục . Hiền phụ lệnh phu quý , ác phụ lệnh phu bại . Gia hữu hiền thê , phu bất tạo hoành hoạ . Hiền phụ hoà lục thân , nịnh phụ phá lục thân .

\* Dịch nghĩa:-

Thái Công nói: Cách giữ Lễ của đàn bà là nói năng phải nhỏ nhẹ, đi phải khoan thai, dừng phải điềm đạm, cử động phải dè dặt, tai không nghe thừa, mắt không trông thừa, đi ra ngoài không có dáng chiều ý ai, không dòm qua tường vách, không ngó vào cửa lớn nhỏ. Dậy sớm ngủ khuya không sợ lao khổ. Nơm nớp thấp thỏm thường lo lắng bị nhục nhã tì vết. Vợ hiền làm chồng sang ra, vợ xấu làm chồng thất bại. Nhà có vợ hiền chồng đỡ gặp tai họa bất ngờ. Vợ hiền tạo hòa thuận cho lục thân (\*). Vợ xấu xa gây tan rã lục thân.

\*Diễn ca :-

Đàn bà giữ Lễ ra sao?  
- Nói năng nhỏ nhẹ, ra vào khoan thai.  
Đoan trang, kính cẩn chớ sai,  
Chuyện nhảm xua khỏi mắt tai, chớ màng.  
Ra khỏi cửa, phải đàng hoàng,  
Mắt đừng liếc dọc, nhìn ngang nhà người.  
E dè lời nói, tiếng cười,  
Chớ chiều ý người, gièm siểm, a dua.  
Vui cùng cực nhọc sớm khuya.  
Nơm nớp tiết hạnh, sợ mua chê cười.  
Vợ hiền chồng được hơn người,

Vợ mang tai tiếng, chồng thời xót xa.  
Vợ hiền thân thuộc thuận hòa,  
Vợ hư lục đục cả nhà nhuốc nhơ.

\*Chú thích:-

Lục thân: sáu thành phần trong đại gia đình: cha, mẹ, vợ, con, anh, em.

2A.

\* Nguyên văn:-

列女傳曰：古者婦人妊子，寢不側，坐不偏，立不躍，不食邪味，割不正不食，席不正不坐。目不視邪色，耳不聽淫聲，夜則令瞽誦詩，道正事。如此則生子形容端正，才智過人矣。

\*Âm:-

Liệt Nữ Truyện viết : Cổ giả phụ nhân nhẩm tử , tâm bất trắc , toạ bất thiên , lập bất dục , bất thực tà vị . Cát bất chính bất thực , tịch bất chính bất toạ . Mục bất thị tà sắc , nhĩ bất thính âm thanh , dạ tắc lệnh cổ tụng thi , đạo chính sự . Như thử tắc sinh tử hình dung đoan chính , tài trí quá nhân hĩ .

\* Dịch nghĩa:-

Truyện Liệt Nữ nói: Đờn xưa đàn bà có thai thì nằm không nghiêng, ngồi không lệch, đứng không nhón chân. Không ăn vị lạ, cắt không ngay ngắn không ăn, chiếu trải chưa ngay ngắn không ngồi, mắt không nhìn sắc bất chính, tai chẳng nghe âm thanh âm đặng. Ban đêm thì sai người mù đọc Kinh Thi (theo trí nhớ) nói chuyện chân chính. Như thế tất sinh con hình dung đoan chính, tài trí hơn người vậy.

\*Diễn ca :-

Đàn bà khi đã mang thai,  
Nằm ngồi, đi, đứng, chớ sai đạo thường.  
Nằm nghiêng dễ xảy tổn thương,  
Ngồi lệch gây hại, đứng đừng kiễng chân.

Cẩn thận cái uống, miếng ăn,  
Đừng ham vật lạ, chẳng cần của ngon.  
Cắt miếng ăn, phải ra hồn,  
Chiều trái ngay ngắn, nếu không đừng ngội  
Mắt đừng nhìn cánh lá rơi,  
Tai đừng nghe nhạc, nghe lời lẳng lơ.  
Thuê người mù (\*) đến đọc thơ,  
Kể chuyện đạo lý, bỏ khờ, học khôn.  
Giữ gìn như thế cho tròn,  
Ắt là sẽ được sinh con anh tài.

**\* Chú thích:-**

**Người mù:** người mù vốn có ưu thế về trí nhớ và xúc giác bén nhạy nên ngày xưa họ thường hành nghề mát- xa kèm đọc thơ, kể chuyện. Ba thứ dịch vụ ấy bổ sung nhau tạo hiệu quả cao (thuê người mù thai phụ cùng chồng họ cảm thấy thoải mái hơn).

**HẾT**

**GS Ngô Văn Lại – Nhược Thủy**

---

(Cảm tác theo Minh Tâm Bảo Giám )

**Giữ Lòng Thanh Thản**

惡人罵善人 Ác nhân mạ thiện nhân  
善人總不對 Thiện nhân tổng bất đối  
善人若還對 Thiện nhân nhược hoàn đối  
彼此無智慧 Bì thử vô trí tuệ.

不對心清涼 Bất đối tâm thanh lương  
罵者口熱沸 Mạ giả khẩu nhiệt phí  
正如人唾天 Chính như nhân thóa thiên  
還從己身墜 Hoàn tùng kỷ thân trụ.

我若被人罵 Ngã nhược bị nhân mạ

佯聾不分說 Dương lung bất phân thuyết  
譬如火當空 Thí như hỏa đương không  
不救自然滅 Bất cứu tự nhiên diệt.

嗔人亦如是 Sân nhân diệc như thị  
有物遭他熱 Hữu vật tao tha nhiệt  
我心等虛空 Ngã tâm đẳng hư không  
聽彼翻唇舌 Thính bỉ phiên thân thiệt.

\*Dịch :-

Kẻ dữ mắng người hiền  
Người hiền không đáp trả  
Nêu cãi vã lại liền  
Cả hai cùng đại cả.

Ai nhện thì thanh thân  
Ai chửi chỉ hoài hơi  
Khác nào phun lên trời  
Nước bọt rơi xuống mặt.

Khi bị người ta chửi  
Cứ giả điếc làm thính  
Lửa cháy không thêm củ  
Sẽ tắt bất thành lành.

Người giận cũng như vậy  
Gặp bồi là lửa lan  
Hãy giữ lòng trống rỗng  
Để mặc ai nói càn.

**Châu Sa dịch**

(từ Minh Tâm Bảo Giám)

**TOÁT YẾU**

**MINH TÂM BẢO GIÁM**

\*\*\*

## \* Phạm Bản

Ngày xưa, tổ tiên ta học chữ Hán không phải chỉ để thông văn tự, tường huân hũ, minh cú đậu mà trước hết là để học cái đạo làm người, học luân thường đạo nghĩa, nghĩa là chú trọng học thế nào là nhân, lễ, nghĩa, trí và tín. Trước học lễ, sau mới học văn chương (Tiên học lễ, hậu học văn). Thiên V, Minh Tâm Bảo Giám, "Chính Ký" (Tu Thân), Khổng Tử nói:

Quân tử bất trọng tắc bất uy, học tắc bất cố. Chủ trung tín.

(Người quân tử không thận trọng (coi trọng, không dám khinh thường, nặng, tự trọng) thì không có uy, học thì không vững vàng. Phải chuyên giữ lòng thật thà và không gian dối.)

Muốn học văn (tức học các sách thuộc hàng kinh điển như: Tứ Thư, Ngũ Kinh, Cổ Văn, Truyện, Chí, v.v...) thì người Việt Nam phải học qua một số sách căn bản và phổ thông; trong đó gồm có sách của người Việt Nam viết như: Nhất Thiên Tự, Tam Thiên Tự, Ngũ Thiên Tự, Sơ Học Vấn Tân, Ấu Học Ngũ Ngôn Thi và của người Trung quốc viết như: Tam Tự Kinh, Thiên Tự Văn, Hiếu Kinh, Minh Tâm Bảo Giám, Minh Đạo Gia Huấn, v.v... Bởi vì chỉ chú trọng đến luân thường đạo nghĩa nên nội dung của các sách vừa nêu không theo phương pháp dạy từ dễ đến khó, từ thấp lên cao, cũng không phân biệt tuổi tác, trình độ suy tư mà cứ mỗi chữ, mỗi bài đều là một bài học luân lý cho tất cả mọi người.

Minh Tâm Bảo Giám là cuốn sách tập hợp các tư tưởng độc đáo của thánh hiền. Có rất nhiều câu được người Việt Nam trích dẫn và sử dụng trong đời sống hàng ngày, phổ biến rất rộng rãi. Như nghĩa của tựa sách đã nói rõ, sách này là tấm gương quý để soi và giữ lòng mình trong sáng. Sách chính là công cụ để mọi người noi theo, tự mình đối chiếu vào đó mà tu tâm, dưỡng tính. Minh Tâm Bảo Giám đã được một số học giả Việt Nam dịch ra tiếng Việt, đặc biệt có học giả Trương Vĩnh Ký đã dịch và chú giải rất chu đáo. (Minh Tâm Bảo Giám. Le précieux miroir du coeur, texte en caractères traduit et annoté en Annamite par P. J. B. Trương Vĩnh Ký, Saigon, Imprimerie de l' Union Nguyễn Văn Cua, 1924).

Minh Tâm Bảo Giám phản ánh cách nhìn sự vật và con người của hệ thống Triết lý phương Đông. Một số bạn sẽ nhận thấy cách nhìn của phương Đông rất khác phương Tây, có khi trái ngược lại. Thí dụ: phương Tây lấy chủ nghĩa cá nhân (individualism),

duy vật chất (materialism) và sự thắng thế, tham lam, đê bẹp người khác làm mục tiêu cho sự thành công ở đời (Họ hay nói: You must try to get the most out of someone (or something) You must be a winner.); trong khi phương Đông lại dạy khiêm nhường, nhân nhĩn, lợi ỉch cá nhĩn phải nhượng bộ cho lợi ỉch tập thể, xã hội . Thiĩn VII, MTBG, Tĩn Tâm (giữ lòng mình), Khĩng Tử nĩi:

Thĩng minh duĩ, trĩ thủ chi dĩ ngu Cĩng bị thiĩn hạ thủ chi dĩ nhượng. Dũng lực chĩn thể thủ chi dĩ khiĩp. Phĩ hữu tứ hải thủ chi dĩ khiĩm.

Nghĩa:

Thĩng minh sĩu sắc nhĩng giữ trĩ mình nhĩ ngu. Cĩng trũm thiĩn hạ nhĩng cứ giữ lòng nhượng nhĩn. Sĩc mạnh tuyĩt luĩn nhĩng cứ giữ mình nhĩ nhĩt. Tiĩn rĩng bạc biĩn nhĩng cứ giữ nĩt khiĩm cung.

Tĩt nhiĩn, hai hệ thĩng khĩc nhĩu nĩn khĩng thể so sĩnh đĩc bĩn nĩo hợp lý hơn, bĩn nĩo trũng, bĩn nĩo sai, mĩ trũng thĩ trũng tĩi đĩu vĩ sai thĩ sai cĩ nĩo; cũng giĩng nhĩ người ta khĩng bao giờ so sĩnh tĩc đĩng chĩĩ bĩn của muối trong Đĩng Y vĩi đĩng trong Tĩy Y vĩy.

Thiĩn XI, MTBG, Tĩn Tâm, Vĩng Tham Chĩn nĩi:

Lũu hĩu dư bĩt tĩn chi cĩng dĩ hoĩn tĩo hĩo

Lũu hĩu dư bĩt tĩn chi lĩc dĩ hoĩn triĩn đĩn

Lũu hĩu dư bĩt tĩn chi tĩi dĩ hoĩn bĩch tĩn

Lũu hĩu dư bĩt tĩn chi phĩc dĩ hoĩn tử tĩn

Nghĩa:

Giữ lại cĩng lao cĩ dư để trĩ lại cho Trĩi Đĩt

Giữ lại lĩc cĩ dư để trĩ lại cho triĩn đĩn (quĩc gia)

Giữ lại của cĩi cĩ dư để trĩ lại cho trĩm họ (xĩ hội)

Giữ lại phĩc đĩc cĩ dư để dành cho con chĩu

Thiên VIII, MTBG, Giới Tính, sách Cảnh Hạnh Lục viết:

Nhân tính như thủy. Thủy nhất khuynh tắc bất khả phục. Tính nhất túng tắc bất khả phản. Chế thủy giả tất dĩ đê phòng. Chế tính giả tất dĩ lễ pháp. Nhẫn nhất thời chi khí, miễn bách nhật chi ưu. Đắc nhẫn thả nhẫn, đắc giới thả giới. Bất giới tiểu sự thành đại. Nhất thiết chư phiền não giai tòng bất nhẫn sinh. Phật ngữ tại vô tranh. Nho thư quý vô tranh. Hảo điều khoái hoạt lộ, thế thượng thiếu nhân hành.

Nghĩa:

Tính người như nước. Nước một khi đổ thì không hốt lại được Tính người một khi phóng túng rồi thì không thể phản hồi lại. Muốn ngăn nước thì phải đắp đê để phòng. Muốn chế ngự tính thì phải sử dụng phép tắc. Nhịn khí giận nhất thời thì cả trăm ngày khỏi lo lắng. Nhịn được cứ nhịn. Kiêng được cứ kiêng. Không kiêng thì chuyện nhỏ hóa to. Tất cả phiền não đều do không nhịn mà ra. Lời Phật cốt yếu là không cãi cộ. Sách Nho quý ở chỗ không tranh giành. Tuy nhiên, con đường sung sướng ấy lại ít người đi.

Minh Tâm Bảo Giám gồm có 20 thiên, trong đó có một số thiên đã trở nên lỗi thời do nếp sống, hoàn cảnh sinh hoạt ngày nay không giống như xưa. Một số thiên có tính cách triết lý rất sâu sắc về vũ trụ, con người mà ngày nay vẫn còn là đề tài bàn luận nóng bỏng cho ngành Triết. Cho dù tán thành hay phản đối, suy rộng hay tán hẹp các câu dạy bảo của thánh hiền, người thẩm nhuần đạo Nho vẫn luôn luôn khắc ghi rằng:

Quân tử hữu tam úy: úy thiên mệnh, úy đại nhân, úy thánh nhân chi ngôn. Tiểu nhân bất tri thiên mệnh nhi bất úy dã, hiệp đại nhân, vũ thánh nhân chi ngôn. (Khổng Tử, MTBG, Thiên VII: Tồn Tâm)

Nghĩa:

Người quân tử có ba điều kiêng sợ: kiêng mệnh Trời, kiêng người trên, kiêng lời của thánh nhân. Kẻ tiểu nhân không biết mệnh Trời cho nên không biết sợ, lòn mặt người trên, khinh thường lời nói của thánh nhân.

Điều cần lưu ý khi đọc Minh Tâm Bảo Giám là thể văn biên ngẫu và quan niệm về người quân tử và kẻ tiểu nhân. Biên nghĩa gốc là hai con ngựa đóng kèm với nhau, chạy song song với nhau; ngẫu là một cặp. Văn biên ngẫu là một thể văn xuôi, không có vần nhưng luôn luôn có hai vế đối nhau. Còn quan niệm quân tử và tiểu nhân là hai quan niệm độc đáo, có tính chất nền tảng cho văn hóa phương Đông. Xã hội chia ra hai hạng người: hạng quân tử là hạng người đứng đắn, gương mẫu để học hỏi, noi



theo; còn hạng tiểu nhân là hạng người ti tiện, đáng khinh.

Đọc kỹ Minh Tâm Bảo Giám thì tự khắc biết được một số nét căn bản trong cái ruột và cái đầu của người theo đạo Nho.

### **Thiên XVI, MTBG, Tuân Lễ, Mạnh Tử nói:**

Quân tử chi sở dĩ dị ư nhân giả dĩ kỳ tôn tâm dã. Quân tử dĩ nhân tôn tâm, dĩ lễ tôn tâm. Nhân giả ái nhân, hữu lễ giả kính nhân. Ái nhân giả nhân hằng ái chi Kính nhân giả nhân hằng kính chi.

Nghĩa:

Người quân tử khác người ở chỗ giữ tâm. Người quân tử lấy lòng thương người để giữ tâm, lấy lễ để giữ tâm. Người có Nhân tức người có lòng yêu người, người có Lễ tức người biết kính người. Yêu người thì được người yêu, kính người thì được người kính lại.

Thiên VII, MTBG, Tôn Tâm (giữ lòng mình), Phạm Trung Tuyên viết:

Nhân tuy chí ngu, trách nhân tắc minh. Tuy hữu thông minh thứ kỷ tắc hôn. Dẫn thường dĩ trách nhân chi tâm trách kỷ. Thứ kỷ chi tâm thứ nhân, bất hoạn bất đáo thánh hiền địa vị dã.

Nghĩa:

Kẻ nào dù vô cùng dốt nát nhưng khi trách người thì lại rất sáng suốt. Kẻ nào dù thông minh nhưng dung thứ lỗi của chính mình thì lại trở nên u tối. Nên luôn luôn luôn dùng cái tâm trách người để trách mình và tâm dung thứ lỗi của chính mình để dung thứ người. Vậy thì không lo gì để đạt đến bậc thánh.

Dựa vào suy nghĩ và phán xét riêng, tôi chọn lọc và trích ra dưới đây một ít thiên và câu mà tôi thiết nghĩ rằng vẫn còn đáng suy gẫm. Nếu thấy cần, tôi sẽ viết thêm phần chú giải. Lễ tất nhiên, tôi chỉ cố gắng giới thiệu Minh Tâm Bảo Giám trong chừng mực hiểu biết nông cạn của mình mà thôi, còn việc hiểu, học và áp dụng như thế nào thì bá nhân, bá tính, cứ tùy theo khả năng gạn đục, khơi trong của từng người mà cảm nhận; tôi chẳng dám lạm bàn.

Sau đây, chúng ta thử xét vài thiên quan trọng trong Minh Tâm Bảo Giám.

## **THIÊN I : KẾ THIỆN (noi theo việc thiện)**

Đạo Nho chủ trương con người sinh ra ban đầu vốn thiện (nhân chi sơ tính bản thiện), nhưng sau đó vì va chạm với đời sống vật dục nên thay đổi mà làm điều ác. Thuyết tính thiện của Thầy Mạnh được xem là thuyết chính thống của đạo Nho:

"Cáo Tử viết: Tính du thoan thủy dã. Quyết chư Đông phương, tắc Đông lưu; quyết chư Tây phương, tắc Tây lưu Nhân tính chi vô phân ư thiện, bất thiện dã, du thủy chi vô phân ư Đông, Tây dã.

Mạnh Tử viết: Thủy tính vô phân ư Đông, Tây, vô phân ư thượng, hạ hồ? Nhân tính chi thiện dã, du thủy chi tựu hạ dã; nhân vô hữu bất thiện, thủy vô hữu bất hạ. Kim phù thủy, bác nhi dục chi khả sử quá táng; kích nhi hành chi khả sử tại sơn; thị khởi thủy chi tính tại Kỳ thế, tắc nhiên dã. Nhân chi khả sử vi bất thiện, kỳ tính diệc du thị dã".

Nghĩa:

"Thầy Cáo nói: Tính người ta cũng như nước chảy quanh vậy. Khơi sang phương Đông thì chảy phương Đông; khơi sang phương Tây thì chảy phương Tây. Tính người không phân biệt thiện với bất thiện, cũng như nước không phân biệt phương Đông với phương Tây vậy.

Thầy Mạnh nói: Nước đành là không phân biệt phương Đông phương Tây, nhưng lại không phân biệt chỗ cao chỗ thấp đấy ử Tính người ta vốn thiện, cũng như nước vốn chảy chỗ thấp; tính người ta không có người nào là chẳng thiện, nước không có nước nào là chẳng chảy chỗ thấp. Nay nước kia đập mà cho bắn lên, có thể khiến vọt qua trán; ngăn mà cho đi ngược, có thể khiến tràn đến núi; ấy há phải cái nguyên tính của nước thế đâu, vì cái thế nó bị đập, bị ngăn thì nó mới thế vậy; người ta mà bị khiến làm điều bất thiện là vì cái tính nó bị vật dục che lấp cũng như nước bị người đập hay ngăn cản đi vậy."

(Mạnh Tử, Thiên Cáo Tử thượng, Chương 11 do Nguyễn Hữu Tiên và Nguyễn Đôn Phục dịch trong "Mạnh Tử quốc văn giải thích", Editions du Trung Bắc Tân Văn, Hanoi, 1932.)

Phần trích thiên Kế Thiện :

### **Khổng Tử nói:**

Vi thiện giả thiên báo chi dĩ phúc.

Vi bất thiện giả thiên báo chi dĩ họa.

(Làm điều thiện thì Trời ban cho phúc.

Làm điều ác thì Trời giáng họa cho.)

### **Từ Thần Ông nói:**

Tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác.

Tử tế tư lương thiên địa bất thác.

(Chứa lành gặp lành, chứa ác gặp ác.

Đẩn đo suy nghĩ kỹ lưỡng thì Trời Đất không lầm lẫn đâu.)

(Chú thích: tích: chứa, gom góp lại

tư 思: 4 nét, bộ Tâm: suy nghĩ, tương tư

thác 錯: lầm lẫn, bộ Kim, 8 nét)

### **Trang Tử nói:**

Nhất nhật bất niệm thiện, chư ác giai tự khởi

(Một ngày không nghĩ đến điều lành thì các điều ác đều tự nổi dậy.)

### **Lão Tử nói:**

Thiện nhân, bất thiện nhân chi sư . Bất thiện nhân, thiện nhân chi tư. Nhu thắng cương, nhược thắng cường, cố thiết nhu thường tồn, xỉ cương tắc chiết.

(Người lành là thầy của kẻ dữ. Người dữ là nguồn chỗ nhờ cậy của người thiện. Mềm thắng cứng, yếu thắng mạnh, do đó lười còn hoài còn răng cứng thì gãy.)

(Chú thích: tư: 6 nét, bộ Bôi (con sò: ngày xưa dùng vỏ sò làm tiền nên cái gì liên quan đến tiền , của cải thì hay dùng bộ này): của cải, vốn liếng (tư bản), tư chất, chỗ nhờ cậy (tư cách cao quý)

**Lão Tử nói:**

Quân tử vi thiện nhược thủy, ủng chi khả dĩ tại sơn, kích chi khả dĩ quá tảng, năng phương năng viên ủy khúc tùy hình. Cô quân tử năng nhu nhi bất nhược, năng cường nhi bất cương, như thủy chi tính dã. Thiên hạ nhu nhược mạc quá ư thủy Thị dĩ nhu nhược thắng cương cường."

(Người quân tử làm điều lành giống như nước vậy, ngăn lại thì có thể giữ nước ở trong núi, khuấy động nước lên thì có thể văng quá trán, tùy theo hình dáng mà nước có thể thành hình vuông hay hình tròn. Vì vậy, người quân tử có thể mềm mà không yếu, mạnh mà không cứng, giống như bản chất của nước vậy. Trong cõi trời đất không có gì vượt trội hơn nước được. Bởi vậy cho nên mềm yếu thắng cứng mạnh.)

**Vô danh:**

Bình sinh hành thiện thiên gia phúc,

Nhược thị ngu ngoan thụ họa ương.

Thiện ác đáo đầu chung hữu báo,

Cao phi viễn tẩu dã nan tàng.

(Một đời làm lành thì Trời ban phúc,

Nếu như ngu ngốc, ngang bướng thì chịu tai vạ.

Thiện ác cuối cùng đều có báo ứng,

Bay cao chạy xa rồi cũng khó trốn thoát được.)

Khi nhân thị họa, nhiều nhân thị phúc.

Thiên võng khôi khôi, báo ứng thậm tốc.

(Khinh miệt người là họa, bao dung người là phúc.

Lưới Trời lồng lộng nhưng báo ứng rất nhanh.)

**Thiệu Khang Tiết nói:**

Thượng phẩm chi nhân, bất giáo nhi thiện. Trung phẩm chi nhân, giáo nhi hậu thiện. Hạ phẩm chi nhân, giáo diệc bất thiện. Bất giáo nhi thiện, phi thánh nhi hà? Giáo nhi hậu thiện, phi hiền nhi hà? Giáo diệc bất thiện, phi ngu nhi hà?

Thị tri: Thiện dã giả, cát chi vị dã. Bất thiện dã giả, hung chi vị dã. Cát dã giả mục bất quan phi lễ chi sắc, nhĩ bất thính phi lễ chi thanh, khẩu bất đạo phi lễ chi ngôn, túc bất tiền phi lễ chi địa, nhân phi nghĩa bất giao, vật phi nghĩa bất thủ. Thân hiền như tựu chi lan, tị ác như úy xà hạt. Hung dã giả ngữ ngôn quỷ quyết, động chi âm hiểm, háo lợi tập phi, tham dâm lạc họa, tật lương thiện như thù khích, phạm hình hiền như ẩm thực. Tiểu tác vẫn thân diệt tính, đại tác phúc tông tuyệt tự.

Truyện hữu chi viết: Cát nhân vi thiện, duy nhật bất túc. Hung nhân vi bất thiện diệc duy nhật bất túc. Nhữ đẳng dục vi cát nhân hồ? Dục vi hung nhân hồ?

Nghĩa:

Người bậc trên, không dạy vẫn thiện. Người bậc giữa, dạy rồi mới thiện. Người bậc dưới, có dạy cũng không thiện. Không dạy vẫn thiện, chẳng phải bậc thánh sao? Dạy rồi mới thiện, chẳng phải người hiền sao? Dạy rồi cũng không thiện, chẳng phải là người ngu sao?

Ấy mới biết: Thiện chính là điều lành. Không thiện chính là điều dữ. Lành có nghĩa là mắt không nhìn màu sắc hoặc hình ảnh không đúng lẽ, tai không nghe những tiếng không đúng lẽ, miệng không nói những lời không đúng lẽ, chân không đi trên đất không đúng lẽ, người phi nghĩa thì không kết làm bạn, vật phi nghĩa thì không giữ. Kết thân với người hiền như được mang hoa lan và cỏ thơm, tránh kẻ ác như sợ rắn và bò cạp. Dữ có nghĩa là lời nói dối trá và gian xảo, việc làm thì đen tối và sâu độc, ham lợi thành thói bậy bạ, tham dâm gây họa, ganh ghét người lành như hận thù, phạm pháp như com bữa. Nhỏ thì mạng vong, mất tính, lớn thì mất dòng, tuyệt giống.

Sách Truyện nói: người tốt suốt ngày làm điều lành chưa thấy đủ. Người dữ suốt ngày làm điều hung ác cũng chưa thấy đủ. Các anh muốn làm người tốt chăng? Hay muốn làm người dữ?

## **THIÊN II : THIÊN LÝ (Lê Trời)**

Theo đạo Nho, nguồn gốc của vũ trụ là một cái lý độc nhất, tuyệt đối, bao trùm, rộng lớn vô cùng, gọi là lý thái cực. Lý này sinh ra hai khí âm và dương, rồi hai khí âm dương biến hóa sinh ra muôn loài, muôn vật. Trong ý nghĩa bao trùm khắp thế gian thì lý ấy gọi là Thiên, trong ý nghĩa chủ thể muôn loài, muôn vật thì lý ấy gọi là Đế hoặc Thiên Đế. Lý thái cực siêu việt vô cùng, không sao biết được cái tinh thể mà chỉ biết

được cái động thể do lý thể hiện ra ngoài mà thôi. Đạo Nho xét cái động thể của lý để xây dựng tông chỉ, lấy thiên lý làm cơ bản, nhận có Trời làm chủ tể, chủ trương con người phải sống theo mệnh Trời.

Tuy không tán thành cách viết lịch sử Việt Nam của học giả Trần Trọng Kim (1882 - 1953), nhưng tôi nể trọng các khảo cứu của ông về đạo Nho. Trong cuốn Nho Giáo, Lời phát đoạn, học giả Trần Trọng Kim viết:

"Không Tử ngắm cảnh tượng của tạo hóa mà xét việc cô kim, đạt được lẽ biến hóa của trời đất. Ngài muốn người ta theo cái lẽ ấy mà hành động, khiến cho nhân sự và thiên lý cùng thích hợp với nhau theo đạo thái hòa trong vũ trụ. Ngài tin rằng người ta sinh ra đã bám thụ cái lý khí của trời đất, tất là cùng với trời đất có thể tương cảm tương ứng với nhau được. Sự tương cảm tương ứng ấy lúc nào cũng có, nhưng khi ta để lòng tư dục mạnh lên, rồi chỉ dùng lý trí mà tính toán những điều hơn thiệt của mình thì cái tinh thần rối loạn đi, cái trực giác thành ra ám muội, đâu có cảm có ứng, ta cũng không biết được. Nhưng nếu ta biết nén tư dục xuống, giữ cho lúc nào cũng có thái độ điều hòa, cái bình hành hoàn toàn, thì cái trực giác thành ra mẫn nhuệ, trông cái gì thấy ngay được đến phần rất sâu xa, u uẩn.

Giữ được thái độ điều hòa và cái bình hành hoàn toàn, tức là giữ được cái trung. Cứ ở trong cái trung ấy mà hoạt động mà lưu hành theo thiên lý, rồi cứ đôn đốc tinh cảm cho thật hậu thì tất là đến bậc nhân. Người nào tu dưỡng đến bậc nhân thì tinh thần rất hoạt động, xem xét điều gì cũng biết rõ thật hư, và sự hành vi bao giờ cũng hợp với đạo thái hòa của trời đất. Đã nhân mà lại thành là bậc thánh. Thành là chân thực, đúng như cái lý tự nhiên của trời đất. Người chí thành tức là người đã khiến mình trở nên thuần túy như nguyên tính của Trời phú cho, thì tự khắc biết được hết cái tính của muôn vật, và có thể giúp sự hóa dục của trời đất mà sánh ngang với trời đất. Bởi thế cho nên mới gọi là thánh. Tông chỉ đạo Khổng rút lại chỉ có thể mà thôi. Còn những điều hiểu nghĩa lễ trí trung tín đều bởi đó mà ra cả.

Cứ như ý kiến của Không Tử thì vạn vật ở trong vũ trụ cứ biến hóa theo lẽ điều hòa và lẽ tương đối mà lưu hành mãi mãi thì ở đời có việc gì là việc nhất định được. Vậy ta cứ nên tùy thời mà hành động, miễn là lúc nào cũng giữ lấy thái độ điều hòa, cái bình hành hoàn toàn thì sự hành vi của ta bao giờ cũng được trung chính. Làm việc gì cũng giữ cho trung bình, vừa phải, không thái quá, không bất cập, ấy là theo cái đạo trung dung rất phải rất hay Khổng Tử đem cái tông chỉ ấy mà lập thành một cái đạo nhân sinh triết học tức là cái đạo luân lý rất êm ái, rất hòa nhã, đủ làm cho người ta có cái vẻ thư thái vui thú, không có những điều lo sợ buồn bã."

Phân trích thiên Thiên Lý :

**Mạnh Tử nói:**

Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong.

(Thuận theo Trời thì còn, nghịch Trời thì mất.)

**Gia Cát Khổng Minh nói:**

Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên. Nhân nguyện như thử, thiên lý vị nhiên, vị nhiên.

(Mưu việc ở người nhưng thành hay không là ở Trời . Người muốn như thế, lẽ Trời chưa thế thì là chưa thế.)

**Sách Tích Hiền:**

Nhược nhân tác bất thiện đắc hiển danh giả,

Nhân bất hại thiên tất tru chi.

Chủng qua đắc qua, chủng đậu đắc đậu.

Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu.

Thâm canh thiên chủng, thượng hữu thiên tai.

Lợi kỹ tổn nhân, khởi vô quả báo.

Nghĩa:

Nếu như người làm ác mà được rạng danh,

Người không hại họ thì Trời tất phải diệt họ.

Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu.

Lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà khó lọt,

Cày sâu cuốc bẫm, trồng cây (cạn), vẫn còn bị thiên tai.

Lợi cho mình mà hại cho người, há không bị quả báo chăng?

Phàm sống ở đời thì ai cũng có bạn: có người có nhiều bạn, có người có ít bạn; rồi trong nhóm bạn lại có nhiều loại: bạn nổi khó, bạn đời, bạn trăm năm, bạn vàng, bạn thân, bạn học, bạn ... xã giao, bạn "bốn phương", bạn đái bôi, bạn nhậu, bạn "bèo giạt, mây trôi", bạn "đá cá, lặn dưa" nhưng nói chung, không thể gọi là sống nếu không có bạn.

Trong kỳ cắm trại vừa qua, do anh Tô Minh Toàn tổ chức, có một anh CTKD4 nói với tôi một ý thật chí lý, càng nghĩ càng ngẫm. Ý đó lấy trong Minh Tâm Bảo Giám, Thiên XVIII, "Ngôn ngữ":

Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiêu

Thoại bất cơ đầu bán cú đa!

(Uống rượu mà gặp người hiểu mình thì một ngàn chén vẫn là ít

Nói chuyện mà không ăn ý với nhau thì nửa câu cũng là nhiều!)

Ca ngợi tình bạn thì xưa nay chưa có câu chuyện nào hay cho bằng tiếng đàn tri âm của Bá Nha và Tử Kỳ: khi Tử Kỳ mất, Bá Nha đập vỡ đàn, thề không bao giờ đàn nữa vì thiếu bạn tri âm. (xin hẹn lúc khác sẽ viết chu đáo hơn về hai người này)

Có bạn là điều đương nhiên trong đời sống của mọi người. Ảnh hưởng khá quan trọng của bạn đối với mỗi người chúng ta là điều không nên coi thường vì vậy, "chọn bạn mà chơi" hoặc "gần mực thì đen, gần đèn thì sáng" là điều cần lưu ý.

**Thiên XI: Tĩnh Tâm (xét lòng mình - tĩnh: bộ Mực: con mắt), Minh Tâm Bảo Giám, Thư Kinh viết:**

Thùy để ngư, thiên biên nhận. Cao khả xạ hề, đê khả điếu.

Duy hữu nhân tâm chỉ xích gian. Chỉ xích nhân tâm bất khả liệu. Thiên khả đặc, địa khả lượng. Duy hữu nhân tâm bất khả phòng.

Họa hổ họa bì nan họa cốt  
Tri nhân tri diện bất tri tâm  
Đối mặt dữ ngữ, tâm cách thiên san!

Nghĩa:

Cá ở đáy nước, chim nhận ở ven trời. Bay cao có thể bắn, lặn sâu có thể câu.



Lòng người chỉ có gang tấc ngắn ngủi thôi. Lòng người ngắn như gang tấc nhưng không thể liệu chừng được. Trời có thể đo, đất có thể lường. Chỉ có lòng người là không thể đề phòng được.

Vẽ cộp, vẽ da nhưng khó vẽ xương được  
Biết người, biết mặt nhưng không thể biết lòng người đó được.  
Gặp nhau, nói chuyện mà lòng thì xa cách ngàn trùng!

Nếu ai muốn biết quan điểm của người xưa về bạn thì xin mời đọc các câu trích từ Thiên XIX: Giao Hữu (Kết Bạn), Minh Tâm Bảo Giám như dưới đây.

### **1. Khổng Tử nói:**

Dữ thiện nhân cư như nhập chi lan chi thất, cửu nhi bất văn kỳ hương, tức dữ chi hóa hĩ. Dữ bất thiện nhân cư như nhập bào ngư chi tứ, cửu nhi bất văn kỳ xú, diệc dữ chi hóa hĩ.

Dan chi sở tàng giả xích. Tất chi sở tàng giả hắc. Thị dĩ quân tử tất thận kỳ sở dữ xử.

Nghĩa:

Gần gũi người thiện thì như vào nhà có cỏ thơm và hoa lan, ở lâu trong nhà nên không thấy thơm bởi vì mình cũng đã hóa thơm rồi. Gần gũi người ác thì như vào cửa hàng cá ươn, ở lâu trong đó nên không thấy hôi thối bởi vì mình cũng đã hóa tanh rồi.

Son vốn đã có sẵn màu đỏ. Sơn vốn đã có sẵn màu đen. Vì vậy người quân tử phải thận trọng trong giao du, thân cận.

### **2. Gia ngữ viết :**

Dữ hảo nhân xử như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y thời thời tư nhuận.  
Dữ vô thức giả xử như xí trung tọa, tuy bất ô y thời thời văn xú.  
Dữ ác nhân xử như đao kiếm trung lập, tuy bất thương nhân thời thời kinh khủng

Nghĩa:

Chơi với người tốt như đi trong sương mù, tuy áo không ướt nhưng lúc nào cũng tươi mát.

Chơi với người không biết phải quấy như ngồi trong cầu tiêu, tuy áo không dơ nhưng

lúc nào cũng nghe thấy hôi thối.

Chơi với người ác như đứng trong rừng đao kiếm, tuy thân người chưa bị thương nhưng lúc nào cũng sợ hãi.

### **3. Thái Công nói :**

Cận châu giả xích, cận mặc giả hắc  
Cận hiền giả minh, cận tài giả trí  
Cận trí giả minh, cận ngu giả ám  
Cận nịnh giả siểm, cận thâm giả tặc

Nghĩa:

Gần son thì đỏ, gần mực thì đen  
Gần người hiền thì sáng, gần người giỏi thì khôn ngoan  
Gần người hiểu biết thì sáng, gần người ngu thì tối tăm  
Gần người nịnh thì bợ đỡ, gần người ăn cắp thì thành kẻ trộm cướp

### **4. Kê Khang nói :**

Hung hiểm chi nhân, kính nhi viễn chi  
Hiền đức chi nhân, thân nhi cận chi  
Bĩ dĩ ác lai, ngã dĩ thiện ứng  
Bĩ dĩ khước lai, ngã dĩ trực ứng  
Khởi hữu oán chi tai ?

Nghĩa:

Đối với người hung ác và hiểm độc thì biết sợ mà tránh xa người đó.  
Đối với người hiền đức thì thân mật mà gần gũi  
Kẻ nào dữ với mình thì mình lấy thiện đáp lại  
Kẻ nào lươn lẹo với mình thì mình lấy ngay thẳng đáp lại  
Như vậy làm sao có oán thù được?

### **5. Mạnh Tử nói :**

Trách thiện, bằng hữu chi đạo dã  
(Đòi hỏi bạn phải tốt chính là cái đạo bạn bè vậy)

### **6. Tống Hoảng nói :**

Tử thực huynh đệ thiên cá hữu  
Cấp nạn chi thời nhất cá vô  
Bất kết tử hoa hư yếu chủng  
Vô nghĩa chi bằng thiết mạc giao  
Quân tử chi giao đạm nhược thủy  
Tiểu nhân chi giao điềm như mật

Nghĩa:

Bani bè lúc ăn nhậu thì nhiều vô số  
Khi bị nạn cần gấp thì không có ma nào  
Cây mà không kết hoa thì đừng nên trồng  
Bạn bè mà không biết phải quấy thì không nhất thiết phải giao du  
Người quân tử giao tình nhạt như nước lạnh (vì thành thực)  
Kẻ tiểu nhân giao tình ngọt như mật. (đề dụ dỗ, lừa gạt)

**\* Phần chú thích nhân vật:**

**1) Khổng Tử:** tên Khâu, hiệu Trọng Ni, người nước Lỗ, chủ trương dùng lòng nhân để cai trị xã hội. Ngài có công lớn trong việc san định các tư tưởng của thánh hiền và lập thành hệ thống để truyền bá nên được tôn xưng là ông tổ của đạo Nho và ông thầy của muôn đời (vạn thế sư biểu)

**2) Cảnh Hạnh Lục:** sách viết về những tính nét (hạnh) rất tốt đẹp (cảnh); lấy ý từ Kinh Thi: Thái sơn ngưỡng chỉ. Cảnh hạnh hành chỉ (Ngửa trông núi Thái Làm theo hạnh đẹp)- Kinh Thi là một trong Ngũ Kinh của đạo Nho, chép các câu ca dao của Trung quốc thời thượng cổ, phản ảnh tính tình, phong tục và chính trị thời đó.

**3) Mạnh Tử:** tên Kha, người nước Trâu, học trò của cháu Khổng Tử (Tử Tư). Thầy Mạnh có tài hùng biện, chủ trương Vương đạo, tính con người sinh ra vốn thiện. Thầy là nhân vật cự phách của đạo Nho, được tôn xưng là Á Thánh.

**4) Gia Cát Vũ Hầu:** tức Khổng Minh Gia Cát Lượng, quân sư cho nước Thục thời Tam quốc.

**5) Thiệu Khang Tiết (1011 - 1017 ?)** tức Thiệu Ung, người đời Tống, tự là Nghiêu Phu, hiệu Khang Tiết và An Lạc tiên sinh. Ông là người đức học rộng, không ưa danh lợi, thuộc trường phái Trần Đoàn, rất giỏi về kinh Dịch, viết các sách Hoàng Cực Kinh Thế, Tiên Thiên Đồ.

**6) Tử Hạ:** họ Bốc, tên Thương, người thời Xuân Thu, học trò của Khổng Tử, có tài ăn nói và được liệt vào số 72 người hiền.

**7) Liệt Tử:** tức Liệt Ngự Khâu, người nước Trịnh, triết gia thời Chiến quốc (khoảng thế kỷ IV trước Tây lịch), thuộc Đạo gia Sách Liệt Tử là do các học trò chép lại, có 8 thiên.

**8) Tăng Tử:** tức Tăng Sâm, học trò của Khổng Tử. Tăng Sâm rất có hiếu, lấy hiếu làm gốc cho mọi đức tính khác. Ông là một trong 72 người hiền, cùng các học trò khác soạn bộ Luận Ngữ và Hiếu Kinh.

**9) Thái Công:** tức Lữ Thương, phò vua Chu Vũ Khương diệt Ân Trụ, được phong làm Tề Hầu, đời sau tôn xưng làm Thái Công Vọng.

**10) Tính Lý Thư:** sách triết học nổi tiếng của đạo Nho thời Tống, ghi lại học vấn của Trình Tử, Chu Tử, phổ biến rộng rãi trong giới Nho học. Ngoài ra còn có bộ Tính Lý đại toàn gồm 70 quyển do nhóm Hồ Quảng đời Minh vâng theo sắc chỉ của nhà vua soạn ra, sưu tầm lời của 120 nhà Tống Nho phân chia làm 13 loại: Lý khí, Quỷ thần, Tính lý, Đạo thống, Thánh hiền, Chư Nho, Học, Chư Tử, Lịch đại, Quân đạo, Trí đạo, Thi, Văn.

**11) Tổ Thư:** bộ sách một quyển đề là Hoàng Thạch Công soạn. Trương Thương Anh, tể tướng đời Tống chú thích. Trương truyền Trương Tử Phòng đời Hán được Hoàng Thạch Công trao cho sách này bên cầu Dĩ. Đại ý của sách là lấy Đạo, Đức, Nhân, Nghĩa, Lễ tóm thâu làm một thể. Họ Trương chú thích đều dùng học thuyết của Lão Tử để làm lời huấn thích. Bút pháp từ đầu đến cuối sách một khuôn như nhau nên người ta ngỡ là ngụy tác của Trương Thương Anh.

**12) Đại Học:** là một trong các sách kinh điển của đạo Nho, dạy đạo người quân tử, gồm hai phần: Kinh là lời dạy của Khổng Tử và Truyện là lời giảng giải của Tăng Tử.

**13) Tuân Tử:** tên Huống, tự là Khanh, người nước Triệu thời Chiến quốc, sinh sau Mạnh Tử khoảng 50 năm, là triết gia cự phách của đạo Nho; lập ra phái hình pháp mà học trò sau này là Hàn Phi Tử và Lý Tư Sách của ông để lại là bộ Tuân Tử gồm có 32 thiên.

**14) Trung Dung:** là một thiên trong Lễ Ký, ghi lại những lời tâm pháp của Khổng Tử, được cháu Ngài là Tử Tư chép thành sách.

**15) Trần Hi Di,** tức Trần Đoàn, người thời Tống (thế kỷ X), rất tinh thâm Dịch Lý, nổi tiếng khoa thuật số học, thuộc phái Đạo gia

**16) Kê Khang (223-263)** là triết gia, văn sĩ đời nhà Tấn, một trong Trúc lâm thất hiền (bảy người hiền trong rừng trúc), thuộc phái Thanh Đàm, sống theo đạo của Lão Tử và Trang Tử. Theo sách Thế thuyết tân ngữ : Kê Khang nổi tiếng, được sánh với núi ngọc, với cây tùng.

-----  
[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)

